

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**  
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của  
Bộ Giáo dục và Đào tạo

*Hà Nội, tháng 05/2020*

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**  
*(Ban hành kèm theo quyết định số 10877/QĐ-ĐHSPHN ngày 29/10/2019*  
*của Hiệu trưởng Trường Đại học sư phạm Hà Nội)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Chữ ký</b>
1.	Nguyễn Văn Minh	GS.TS Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2.	Nguyễn Văn Trào	PGS.TS P. Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3.	Nguyễn Vũ Bích Hiền	PGS.TS P. Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
4.	Nguyễn Hiệp Thương	TS Trưởng khoa	Phó Chủ tịch HĐ thường trực	
5.	Nguyễn Vinh Quang	ThS.CVC, P Giám đốc TT ĐBCL	Thư ký HĐ	
6.	Trịnh Tuấn Anh	TS, TP Đào tạo	Ủy viên HĐ	
7.	Bùi Đức Nam	ThS, TP. KHTC	Ủy viên HĐ	
8.	Nguyễn Nhật Tân	ThS, TP. HCDN	Ủy viên HĐ	
9.	Nguyễn Thanh Bình	Phó Trưởng Khoa	Ủy viên HĐ	
10.	Nguyễn Duy Nhiên	Phó Trưởng Khoa	Ủy viên HĐ	
11.	Phạm Văn Tư	Trưởng Bộ môn	Ủy viên HĐ	
12.	Đỗ Nghiêm Thanh Phương	Trưởng Bộ môn	Ủy viên HĐ	
13.	Nguyễn Thị Mai Hương 2	P.Trưởng BM	Ủy viên HĐ	
14.	Nguyễn Lê Hoài Anh	P. Trưởng BM	Ủy viên HĐ	
15.	Nguyễn Thu Hà	Giảng viên	Ủy viên HĐ	

Danh sách gồm: 15 người./.

**DANH SÁCH BAN THƯ KÝ TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**  
*(Ban hành kèm theo quyết định 10877/QĐ-ĐHSPHN ngày 29/10/2019*  
*của Hiệu trưởng Trường Đại học sư phạm Hà Nội)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Chữ ký</b>
1.	Nguyễn Vinh Quang	ThS.CVC, P.Giám đốc TT ĐBCL	Trưởng Ban thư ký	
2.	Trần Thị Minh Hào	ThS.CVC TT ĐBCL	Thành viên	
3.	Nguyễn Nam Hưng	CN.CV TT ĐBCL	Thành viên	
4.	Ngô Thị Thanh Mai	GVTH	Thành viên	
5.	Nguyễn Văn Hiếu	Giảng viên	Thành viên	
6.	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Giảng viên	Thành viên	
7.	Tô Phương Oanh	GVTH	Thành viên	
8.	Đỗ Thị Bích Thảo	GVTH	Thành viên	

Danh sách gồm: 08 người./.

**DANH SÁCH NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

*(Ban hành kèm theo quyết định 10877/QĐ-ĐHSPHN ngày 29/10/2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học sư phạm Hà Nội)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Chữ ký</b>
Nhóm 1 Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Nguyễn Lê Hoài Anh	Phó trưởng bộ môn	Trưởng nhóm	
	Ngô Thị Thanh Mai	GVTH	Thư ký 1	
	Nguyễn Thu Trang	Giảng viên	Ủy viên	
	Trịnh Phương Thảo	Giảng viên	Ủy viên	
	Nguyễn Vinh Quang	ThS.CVC, PGĐ TT ĐBCL	Thư ký 2	
Nhóm 2 Tiêu chuẩn 4, 5	Phạm Văn Tư	Trưởng Bộ môn	Trưởng nhóm	
	Nguyễn Văn Hiếu	Giảng viên	Thư ký 1	
	Nguyễn Thu Hà	Giảng viên	Ủy viên	
	Trần Anh Thư	Giáo vụ	Ủy viên	
	Nguyễn Nam Hưng	CN.CV TT ĐBCL	Thư ký 2	
Nhóm 3 Tiêu chuẩn 6, 7; Phần chung và Kết luận	Nguyễn Duy Nhiên	Phó Trưởng Khoa	Trưởng nhóm	
	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Giảng viên	Thư ký 1	
	Đặng Thị Huyền Oanh	GVTH	Ủy viên	
	Nguyễn Thị Mai Hồng	Giảng viên	Ủy viên	
	Trần Thị Minh Hào	ThS.CVC TT ĐBCL	Thư ký 2	
Nhóm 4 Tiêu chuẩn 8, 9	Đỗ Nghiêm Thanh Phương	Trưởng Bộ môn	Trưởng nhóm	
	Tô Phương Oanh	GVTH	Thư ký 1	
	Nguyễn Thị Mai Hương 1	Giảng viên	Ủy viên	
	Phạm Thị Thanh Thuý	Giảng viên	Ủy viên	
	Nguyễn Nam Hưng	CN.CV TT ĐBCL	Thư ký 2	
Nhóm 5 Tiêu chuẩn 10,11	Nguyễn Thị Mai Hương 2	Phó Trưởng Bộ môn	Trưởng nhóm	
	Đỗ Thị Bích Thảo	GVTH	Thư ký 1	
	Lê Thị Hoàng Lan	Giáo vụ	Ủy viên	
	Nguyễn Duy Cường	GVTH	Ủy viên	
	Trần Thị Minh Hào	ThS.CVC TT ĐBCL	Thư ký 2	

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I. KHÁI QUÁT .....</b>	<b>7</b>
1.1. Đặt vấn đề .....	7
1.2. Tổng quan chung.....	10
<b>PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....</b>	<b>13</b>
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	13
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....	23
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	33
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học .....	50
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học .....	61
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên .....	76
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên.....	97
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị .....	125
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng .....	139
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra .....	162
<b>PHẦN III. KẾT LUẬN.....</b>	<b>183</b>
1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của chương trình đào tạo Cử nhân Công tác xã hội của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội .....	183
2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo Cử nhân Công tác xã hội của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội .....	189
3. Kế hoạch cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo Cử nhân Công tác xã hội của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.....	192
4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo.....	213
<b>PHẦN IV. PHỤ LỤC.....</b>	<b>215</b>
4.1. Các Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá .....	215
4.2. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT (Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/10/2020).....	215

## DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>Từ viết tắt</b>	<b>Đọc thành</b>
BGH	Ban Giám hiệu
CBQL	Cán bộ quản lý
CNTT	Công nghệ thông tin
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTXH	Công tác xã hội
CSVC	Cơ sở vật chất
ĐHSPHN	Đại học Sư Phạm Hà Nội
GDDH	Giáo dục đại học
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GS	Giáo sư
PGS	Phó Giáo sư
GV	Giảng viên
HSSV	Học sinh sinh viên
HTQT	Hợp tác quốc tế
KHGD	Khoa học giáo dục
KHCN	Khoa học công nghệ
KTX	Ký túc xá
NCKH	Nghiên cứu khoa học
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
TS	Tiến sĩ
TSKH	Tiến sĩ khoa học
SV	Sinh viên
HS	Học sinh

## PHẦN I. KHÁI QUÁT

### 1.1. Đặt vấn đề

#### 1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành CTXH theo hệ thống tín chỉ được Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (Trường ĐHSHPN) phê duyệt theo quyết định số 3122/QĐ-ĐHSHPN ngày 21 tháng 9 năm 2019 với mục tiêu là đào tạo và cung cấp cho xã hội các cử nhân CTXH có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành CTXH cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng theo “*Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*” ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Báo cáo tự đánh giá gồm có 4 phần là Phần I: Khái quát; Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí, Phần III: Kết luận và Phần IV: Phụ lục.

Cụ thể như sau:

#### - Phần 1. Khái quát.

Phần *Khái quát* giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành CTXH theo các tiêu chuẩn; giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo tự đánh giá. Phần Khái quát cũng mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá, sự tham gia của các bên liên quan. Phần này cũng nêu mục đích, quy trình, phạm vi, sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của khoa CTXH, Trường ĐHSHPN.

#### - Phần 2. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Phần *Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí* trình bày báo cáo tự đánh giá CTĐT cử nhân CTXH theo 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí ban hành kèm thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016. Cụ thể, đó là nội dung tự đánh giá về: (TC1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT; (TC2) Bản mô tả CTĐT; (TC3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; (TC4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; (TC5) Đánh giá kết quả học tập của người học; (TC6) Đội ngũ giảng viên (GV), nghiên cứu viên (NCV); (TC7) Đội ngũ nhân viên (NV); (TC8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học; (TC9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị; (TC10) Nâng cao chất lượng; (TC11) Kết quả đầu ra.

#### - Phần 3. Kết luận:

Phần *Kết luận* của báo cáo mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT; đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng.

#### - Phần 4. Phụ lục: Bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo công

văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Bộ GD&ĐT, cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

**\* Giải thích cách mã hóa minh chứng trong báo cáo.**

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết  
(trường hợp  $n \geq 10$  thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1 (xem phụ lục).

Tự đánh giá CTĐT là một khâu quan trọng trong toàn bộ quá trình phát triển CTĐT nhằm đảm bảo chất lượng CTĐT theo mục tiêu và CĐR của ngành đào tạo.

**1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá:**

+ Nâng cao chất lượng của CTĐT cử nhân CTXH bằng việc tự rà soát và đánh giá thực trạng của chương trình tại thời điểm tự đánh giá, từ đó có kế hoạch hành động cải tiến và hoàn thiện hơn chất lượng chương trình; đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch.

+ Tự đánh giá CTĐT là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài, là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội. Xác định rõ ràng mục tiêu về tự đánh giá CTĐT cử nhân CTXH.

- Nhà trường, Khoa và các cán bộ viên chức biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT; từ đó có hướng giải quyết nhằm cải tiến và nâng cao chất



lượng chương trình, để đào tạo ra các cử nhân CTXH có năng lực, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

**- Quy trình tự đánh giá:**

- + Thành lập hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác
- + Lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm chuyên trách.
- + Thu thập thông tin và minh chứng để viết các tiêu chuẩn.
- + Xử lý thông tin và minh chứng thu được.
- + Viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn.
- + Hội đồng khoa CTXH họp, đánh giá tiến độ công tác tự đánh giá CTĐT cử nhân CTXH của khoa. Các nhóm chuyên trách báo cáo các kết quả viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn.
- + Họp với nhóm chuyên gia của TT Đảm bảo chất lượng giáo dục và Khảo thí của Trường để hoàn thiện các báo cáo tiêu chí tiêu chuẩn.
- + Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá CTĐT cử nhân CTXH.
- + Công bố báo cáo cho các bên liên quan trong trường đọc và góp ý kiến.
- + Hoàn thiện lần cuối báo cáo tự đánh giá CTĐT cử nhân CTXH và đăng ký đánh giá ngoài.

**- Phạm vi tự đánh giá:**

Trường ĐHSPhN thực hiện tự đánh giá CTĐT cử nhân CTXH dưới sự chỉ đạo của Ban giám hiệu Nhà trường và sự cung cấp thông tin của các phòng, ban chức năng trong trường qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây từ 2015 - 2019.

**- Phương pháp và công cụ tự đánh giá:**

Hoạt động tự đánh giá CTĐT cử nhân CTXH được dựa theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học do Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí và Công văn hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá CTĐT số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016.

Mỗi tiêu chí được viết theo trình tự: Mô tả thực trạng của CTĐT; Phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật và những tồn tại; Lên kế hoạch hành động để phát huy điểm mạnh và khắc phục tồn tại trong thời gian tới.

**- Sự tham gia của các bên liên quan:**

Tự đánh giá là quá trình phức tạp, liên quan đến nhiều bên. Vì vậy, Hội đồng tự đánh giá CTĐT cử nhân CTXH được thành lập theo quyết định số 1087/QĐ-ĐHSPHN ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN gồm có đầy đủ các bên liên quan: Ban Giám hiệu Nhà trường, GV, NV của khoa CTXH, cán bộ các phòng, ban, trung tâm trong trường.

Sự phản hồi của sinh viên (SV), các cựu SV, các cơ sở tuyển dụng, tiếp nhận sinh viên thực hành, thực tập cũng là các thông tin rất quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá. Cụ thể Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, phòng Khoa học và Công nghệ cung cấp thông tin về đề tài khoa học các cấp, các công trình như bài báo, sách...; phòng Hành chính Tổng hợp cung cấp minh chứng về các quyết định của Trường, các công văn...; Phòng Kế hoạch Tài chính lo kinh phí cho các hoạt động liên quan đến tự đánh giá; Phòng Tổ chức Cán bộ cung cấp minh chứng các quyết định về cán bộ,... Trên cơ sở dữ liệu đó, khoa CTXH tiến hành viết báo cáo tự đánh giá và tìm các minh chứng liên quan đến khoa.

## **1.2. Tổng quan chung**

### **1.2.1. Thông tin chung về Trường ĐHSPHN:**

Trường ĐHSPHN chính thức được thành lập ngày 11/10/1951 theo Nghị định của Bộ Quốc gia Giáo dục. Trong quá trình phát triển, Trường mang nhiều tên khác nhau như Trường Sư phạm Cao cấp, Trường ĐHSPHN 1, Trường ĐHSP-ĐHQG Hà Nội và Trường ĐHSPHN như ngày nay. Đến nay, Trường đã có 70 GV được phong học hàm GS, hơn 350 PGS, 37 Nhà giáo Nhân dân và 137 Nhà giáo Ưu tú. Tính đến nay, Trường có 23 khoa đào tạo và 2 bộ môn trực thuộc. Trường có 2 trường THPT trực thuộc: Trường THPT Chuyên và Trường THPT Nguyễn Tất Thành, trường tiểu học Nguyễn Tất Thành, trường Mầm non Búp sen xanh; có 2 viện nghiên cứu là Viện Nghiên cứu Sư phạm và Viện Khoa học Xã hội; hơn 20 trung tâm nghiên cứu và chuyển giao KHCN và khoa học giáo dục trực thuộc. Ở bậc đào tạo đại học, cao đẳng, Trường có 39 CTĐT hệ chính quy, trong đó có 8 CTĐT CLC và liên kết nước ngoài; 22 CTĐT không chính quy. Ở bậc sau đại học có 57 CTĐT thạc sĩ, 43 CTĐT tiến sĩ và một số CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ liên kết với nước ngoài. Trường là cơ sở đào tạo sau đại học đầu tiên ở Việt Nam.

Hiện nay, Trường có hơn 1.200 cán bộ, công chức, viên chức, trong đó có gần 800 GV. Hơn 1/3 số GV có học vị Tiến sĩ và Tiến sĩ khoa học, số còn lại đều đã có bằng Thạc sĩ chuyên ngành.

Đến nay, Trường đã đào tạo được hơn 91.000 cử nhân khoa học, hơn 15.000 thạc sĩ và trên 1200 tiến sĩ. Trường ĐHSPHN còn là một trung tâm NCKH lớn. Chỉ tính từ năm

2000 đến nay, Trường đã có hơn 100 đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước; gần 600 đề tài và nhiệm vụ cấp Bộ, trong đó có hơn 50 đề tài trọng điểm, gần 850 đề tài cấp Trường.

Nhiều GV đã vinh dự được nhận những giải thưởng khoa học cao quý như: Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng khoa học Nhà nước, Giải thưởng quốc tế Cosmos, Giải thưởng Nhân tài đất Việt. Việc công bố các kết quả nghiên cứu KH-CN trên các tạp chí khoa học quốc tế ngày càng nhiều. Chỉ riêng năm học 2015-2016 có 126 công trình được công bố trên các tạp chí uy tín của nước ngoài. Trường ĐHSPHN đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng, danh hiệu cao quý: Huân chương Lao động hạng Ba năm 1961, Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1962, Huân chương Lao động hạng Nhất năm 1981, Huân chương Độc lập hạng Nhì năm 1986, Huân chương Độc lập hạng Nhất năm 1996, Huân chương Hồ Chí Minh năm 2001 và danh hiệu Đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới năm 2004.

### ***1.2.2. Thông tin về khoa CTXH***

Khoa CTXH, Trường ĐHSPHN, tiền thân là Bộ môn CTXH trực thuộc khoa Giáo dục chính trị và Bộ môn Công tác xã hội với trẻ em trực thuộc Khoa Giáo dục đặc biệt. Bộ môn CTXH của Trường ĐHSPHN là một trong những cơ sở đào tạo chuyên ngành CTXH sớm nhất trong cả nước ngay sau khi Bộ GD&ĐT ban hành mã ngành đào tạo CTXH theo Quyết định số 35/2004/QĐ-BGDĐT ngày 11/10/2004.

Trước yêu cầu thực tế về phát triển nguồn nhân lực CTXH ở Việt Nam, đặc biệt sau Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ ngày 25 tháng 3 năm 2010 về việc phê duyệt Đề án phát triển nghề CTXH giai đoạn 2010-2020, đặt ra trọng trách đối với các trường có đào tạo ngành CTXH phải tích cực xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên, mở rộng quy mô, nâng cao năng lực chuyên môn và chất lượng đào tạo để có thể đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Với chức năng, nhiệm vụ đào tạo của mình và xuất phát từ việc đáp ứng nhu cầu xã hội, Trường ĐHSPHN đã chính thức thành lập Khoa CTXH trên cơ sở sát nhập hai bộ môn: Bộ môn CTXH của khoa GDCT và Bộ môn CTXH với trẻ em của khoa GDDB, theo Quyết định số 2104/QĐ-ĐHSPHN, ngày 25 tháng 04 năm 2011 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN. Khoa CTXH được thành lập với mục đích nâng cao chất lượng và phát triển quy mô đào tạo trình độ đại học và sau đại học ngành CTXH tại Trường ĐHSPHN, đáp ứng nhu cầu xã hội về đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên CTXH cho các cấp, ngành, các địa phương trong cả nước vì mục tiêu an sinh xã hội và phát triển cộng đồng.

Từ năm 2011 đến nay, khoa CTXH, Trường ĐHSPTN đã và đang đào tạo 13 khoá sinh viên chính quy, đồng thời là cơ sở đào tạo có uy tín trong đào tạo hệ vừa làm vừa học, hệ đào tạo từ xa và đào tạo liên thông đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho ngành CTXH ở các cấp, các ngành, các địa phương ở nhiều tỉnh thành trong cả nước. Khoa đặc biệt quan tâm việc xây dựng và nâng cao năng lực đội ngũ GV, tận tâm với nghề tham gia giảng dạy và hướng dẫn SV NCKH. Ngoài ra, khoa luôn tạo môi trường học thuật, cảnh quan và các hoạt động hỗ trợ nhằm giúp nâng cao chất lượng đào tạo.

- Về giảng dạy: Nâng cao chất lượng giảng dạy cả về kiến thức, kỹ năng. Hoàn chỉnh và bổ sung các giáo trình theo hướng tăng cường thực hành, tài liệu tham khảo, sử dụng có hiệu quả các thiết bị dạy học hiện đại để SV có tài liệu học tập và nghiên cứu đáp ứng kịp thời yêu cầu đào tạo tín chỉ.

- Về công tác thực hành, thực tập CTXH: Đảm bảo tổ chức có chất lượng các đợt thực hành, thực tập chuyên môn của sinh viên; gắn kết chặt chẽ với các cơ sở thực hành trong công tác quản lý, giám sát, kiểm huấn cho sinh viên.

- Công tác NCKH: Tăng cường NCKH, động viên cán bộ và SV tham gia các đề tài nghiên cứu, tạo môi trường NCKH sôi động, hiệu quả. Các nhóm nghiên cứu mạnh được thành lập, quản lý và tổ chức nghiên cứu bởi các GV có khả năng NCKH cũng như kinh nghiệm và đạt kết quả cao trong NCKH.

- Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ: Có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ giảng viên. Tạo điều kiện để các GV được tham gia các lớp đào tạo, tham gia nghiên cứu và nâng cao năng lực. Phối kết hợp với các cơ sở đối tác nước ngoài để bồi dưỡng năng lực cho GV.

- Hợp tác quốc tế: Với mục tiêu đào tạo Công tác xã hội chất lượng cao theo hướng chuẩn hóa quốc tế thì hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo CTXH là một hoạt động tất yếu của khoa. Tháng 11/2012, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là một trong bốn trường đại học ở Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội các trường đào tạo Công tác xã hội quốc tế (ISSAW). Sự kiện đặc biệt này đã nâng cao uy tín, vị thế của khoa CTXH, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội trong lĩnh vực đào tạo công tác xã hội tại Việt Nam. Khoa cũng rất tích cực để mở rộng các mối quan hệ quốc tế với các trường đào tạo CTXH trên thế giới trên các lĩnh vực trao đổi GV, SV, nghiên cứu khoa học.

## **PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ**

### **Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

#### **Mở đầu**

CTĐT trình độ đại học ngành CTXH được xây dựng hướng đến trang bị các năng lực cần thiết cho các sinh viên sau khi ra trường để đáp ứng nhu cầu xã hội. CTĐT đã xác định được mục tiêu đào tạo và đảm bảo được quy định về chuẩn đầu ra (CĐR) bao gồm kiến thức và kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của sinh viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. Để đảm bảo tính thực tiễn, CĐR của chương trình đã được xây dựng dựa trên việc lấy ý kiến của các bên liên quan và được rà soát, điều chỉnh thường xuyên cũng như công bố công khai.

***Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.***

#### **1. Mô tả**

Mục tiêu của CTĐT cử nhân CTXH xác định rõ ràng trong CTĐT đại học ngành CTXH năm 2015, được chỉnh sửa, cập nhật trong CTĐT đại học ngành CTXH ban hành theo quyết định số 304/QĐ-ĐHSPHN ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN và trong bản mô tả CTĐT [H1.01.01.01, H1.01.01.02].

Mục tiêu chung của CTĐT năm 2019 là *đào tạo sinh viên tốt nghiệp ngành Công tác xã hội có phẩm chất chính trị và đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, có tinh thần say mê yêu nghề; nắm vững hệ thống kiến thức chuyên môn, thành thạo các kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có khả năng trợ giúp các cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng giải quyết những vấn đề xã hội nhằm nâng cao năng lực con người cũng như năng lực cộng đồng và thực hiện tốt các chức năng xã hội...* [H1.01.01.02].

Mục tiêu cụ thể hướng tới 3 khía cạnh năng lực của sinh viên sau khi tốt nghiệp bao gồm:

#### ***Kiến thức***

- Người học nắm vững hệ thống tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về tâm lý học, xã hội học, luật pháp, chính sách...

- Người học nắm vững các lý thuyết và mô hình công tác xã hội; các phương pháp công tác xã hội chuyên nghiệp.

- Người học nắm vững kiến thức về các lĩnh vực CTXH khác nhau.

### **Kỹ năng**

- Vận dụng kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên ngành CTXH vào trợ giúp cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng

- Đánh giá vấn đề của cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng; lập kế hoạch, thực hiện hoạt động can thiệp và lượng giá kết quả.

- Nghiên cứu khoa học trong CTXH

- Sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn công tác xã hội

- Sử dụng một ngoại ngữ trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn

### **Thái độ**

- Có thái độ tích cực, tinh thần trách nhiệm cao, có phẩm chất đạo đức nghề CTXH và tuân thủ kỷ luật nghề công tác xã hội

- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu, trau dồi phát triển bản thân và chuyên môn.

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD.

Sứ mạng của Trường ĐHSPHN là “*đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội thông qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học có chất lượng cao*” [H1.01.01.03, H1.01.01.04].

Như vậy, có thể thấy mục tiêu của CTĐT cử nhân CTXH phù hợp với sứ mạng của nhà trường khi đào tạo những chuyên gia về CTXH có phẩm chất chính trị và đạo đức với kiến thức chuyên môn sâu rộng, thành thạo các kỹ năng thực hành nghề nghiệp để có thể cống hiến và đóng góp cho xã hội.

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục

Luật Giáo dục năm 2019 [H1.01.01.05] đã xác định mục tiêu giáo dục đại học là *nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.*

Như vậy, có thể thấy mục tiêu giáo dục của CTĐT CTXH của khoa đã đáp ứng được các mục tiêu đào tạo trình độ đại học qua bảng so sánh sau:

<b>Mục tiêu đào tạo trình độ đại học trong Luật giáo dục</b>	<b>Mục tiêu giáo dục của CTĐT CTXH</b>
<p>- Phát triển con người có tri thức, nghề nghiệp</p>	<p><b>Kiến thức</b></p> <p>Người học nắm vững hệ thống tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về tâm lý học, xã hội học, luật pháp, chính sách...</p> <p>- Người học nắm vững các lý thuyết và mô hình công tác xã hội; các phương pháp công tác xã hội chuyên nghiệp.</p> <p>- Người học nắm vững kiến thức về các lĩnh vực CTXH khác nhau.</p>
<p>- Phát triển con người</p> <p>+ Có đạo đức, văn hoá</p> <p>+ Có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân</p> <p>+ có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội;</p>	<p><b>Thái độ</b></p> <p>- Có thái độ tích cực, tinh thần trách nhiệm cao, có phẩm chất đạo đức nghề CTXH và tuân thủ kỷ luật nghề công tác xã hội</p> <p>- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu, trau dồi phát triển bản thân và chuyên môn</p>
<p>- Phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.</p>	<p><b>Kĩ năng</b></p> <p>- Vận dụng kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên ngành CTXH vào trợ giúp cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng</p> <p>- Đánh giá vấn đề của cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng; lập kế hoạch, thực hiện hoạt động can thiệp và lượng giá kết quả.</p> <p>- Nghiên cứu khoa học trong CTXH</p> <p>- Sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn công tác xã hội</p> <p>- Sử dụng một ngoại ngữ trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.</p>

*Mục tiêu của CTĐT đã phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động.*

CTĐT ngành CTXH của khoa đã được xây dựng trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan, trong đó cụ thể là ý kiến của các đơn vị tuyển dụng liên quan đến nhu cầu của thị trường lao động [H1.01.01.06]. Dựa trên những ý kiến này, mục tiêu đào tạo nhấn mạnh tới những năng lực mà sinh viên CTXH cần có để đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của xã hội, đó là:

- Sinh viên cần có hệ thống tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về chuyên ngành Công tác xã hội

- Sinh viên có trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ thành thạo để thực hành, tác nghiệp công tác xã hội.

## **2. Điểm mạnh**

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành CTXH được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường ĐHSPHN, đã đáp ứng với mục tiêu giáo dục đại học trong Luật Giáo dục. Mục tiêu được cụ thể hóa trên các khía cạnh kiến thức, thái độ và kỹ năng của sinh viên, hướng tới việc phát triển toàn diện sinh viên

## **3. Điểm tồn tại**

Mục tiêu giáo dục chưa cụ thể để sát với tầm nhìn của nhà trường.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	<b>Khắc phục tồn tại</b>	Rà soát để điều chỉnh mục tiêu đào tạo cho phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của nhà trường trong lần điều chỉnh tiếp theo	Khoa CTXH	năm học 2022	
2	<b>Phát huy điểm mạnh</b>	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung	Khoa CTXH	Từ năm học 2020-2021	



		Mục tiêu đào tạo và CĐR đáp ứng hơn nữa nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.			
--	--	--	--	--	--

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7.

***Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.***

### 1. Mô tả

CĐR của CTĐT năm 2019 đã bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT cử nhân CTXH được trình bày rõ ràng, dễ hiểu; đã bao quát được các yêu cầu về CĐR của bậc giáo dục đại học [H1.01.02.01, H1.01.02.02] mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp và phản ánh được mục tiêu của CTĐT.

Cụ thể: CTĐT CTXH gồm 20 chuẩn với cấu trúc gồm:

- 10 chuẩn hướng tới yêu cầu chung, trong đó:
  - + 4 chuẩn hướng tới phẩm chất chung của sinh viên (CĐR1, 2, 3, 4) gồm các phẩm chất Trung thực, Trách nhiệm, Đáng tin cậy và có ý thức thực hiện công bằng xã hội, Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.
  - + 6 chuẩn hướng tới năng lực chung (CĐR 8, 9, 10, 11, 12, 13) xác định những năng lực chung, tập trung vào những sự tự chủ, và trách nhiệm đối với sinh viên tốt nghiệp. Những năng lực này bao gồm Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực lãnh đạo; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội và Năng lực phản biện
- 10 chuẩn hướng tới yêu cầu chuyên biệt, trong đó:
  - + 3 chuẩn hướng tới phẩm chất đặc thù của sinh viên (CĐR 5, 6, 7), trong đó nêu rõ những phẩm chất cần có đối với một nhân viên CTXH trong tương lai khi thực hành nghề gồm Tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của CTXH, Tuân thủ các yêu cầu về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và Tuân thủ kỷ luật nghề công tác xã hội

+ 7 chuẩn hướng tới năng lực đặc thù ngành (CĐR 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20) xác định rõ những năng lực mà một sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành CTXH cần có để có thể tham gia vào thị trường lao động trong lĩnh vực CTXH. Các năng lực này gồm: Năng lực đặc thù của khoa học ngành CTXH; Kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên ngành CTXH; Năng lực hiểu về đối tượng tác nghiệp CTXH; Năng lực nghiên cứu khoa học CTXH; Năng lực thực hành, ứng dụng CTXH; Sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn; Sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn công tác xã hội.

Có thể thấy rằng, CĐR của CTĐT đã đáp ứng được yêu cầu về khung trình độ quốc gia ứng với bậc đào tạo đại học [H1.01.02.02], trong đó, nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với sinh viên tốt nghiệp. Theo đó, những kiến thức mà sinh viên tốt nghiệp cần có là kiến thức về văn hoá - xã hội (TC 12), những kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên ngành CTXH (CĐR 15) để từ đó có thể thể hiện được các kỹ năng nghề nghiệp trong thực hành CTXH, nghiên cứu khoa học, sử dụng ngoại ngữ và công nghệ trong hoạt động chuyên môn CTXH (CĐR 16, 17, 18, 19, 20) cùng những kỹ năng bổ trợ như kỹ năng giao tiếp và hợp tác, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng phản biện (CĐR 9, 10, 11, 13). Sự tự chủ của sinh viên cũng được thể hiện trong CĐR 4, 8 cùng trách nhiệm được nêu rõ trong CĐR 1, 2, 3. Với những năng lực này của sinh viên, CĐR cũng nêu được triển vọng việc làm của sinh viên trong tương lai khi những kiến thức, kỹ năng và thái độ này đã đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động.

## **2. Điểm mạnh:**

CĐR CTĐT trình độ cử nhân CTXH đã được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR đã nêu cụ thể được kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với sinh viên tốt nghiệp. CĐR của CTĐT có thể đo lường và đánh giá được

## **3. Điểm tồn tại**

Số lượng CĐR là 20 chuẩn là khá dài, chưa được thể hiện một cách ngắn gọn và súc tích

## **4. Kế hoạch hành động**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	<b>Khắc phục tồn tại</b>	Rà soát để trình bày CDR ngắn gọn hơn	Khoa CTXH	Năm học 2022	
2	<b>Phát huy điểm mạnh</b>	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CDR của CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.	Khoa CTXH	Hàng năm và theo quy định của nhà trường	

### **5. Tự đánh giá: Đạt 5/7**

*Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.*

#### **1. Mô tả**

CDR của CTĐT năm 2019 [H1.01.03.01] được xây dựng với sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan bao gồm các giảng viên [H1.01.03.02], chuyên gia [H1.01.03.03], sinh viên [H1.01.03.04], [H1.01.03.05], [H1.01.03.06], đặc biệt là ý kiến của nhà sử dụng lao động [H1.01.01.06]. Để lấy được ý kiến của các bên liên quan, khoa CTXH đã thực hiện các buổi thảo luận nhóm tập trung đối với các nhóm đối tượng trên tại văn phòng khoa, đồng thời thực hiện phỏng vấn online thông qua bảng hỏi đối với sinh viên [H1.01.01.06], [H1.01.03.03], [H1.01.03.06].

Cụ thể, những ý kiến của nhà tuyển dụng đã được ghi nhận trong CDR như sinh viên tốt nghiệp cần có những kiến thức cơ bản về chuyên môn và kiến thức từng chuyên ngành riêng biệt (CDR 15) để từ đó thực hiện được các kỹ năng nghề nghiệp (CDR 16, 18) và kỹ năng mềm bổ trợ (CDR 8, 9, 10, 11, 13), có kiến thức chung về văn hoá, lịch sử (CDR 12), sinh viên cần có ý thức tự củng cố, học tập những kiến thức, kỹ năng liên quan đến nội dung cụ thể công việc sau này (CDR 4) [H1.01.01.06]. Bên cạnh đó, CDR cũng thể hiện rõ mong đợi của nhà tuyển dụng trong việc sinh viên cần có phẩm chất, thái độ tích cực và đạo đức nghề nghiệp (CDR 5, 6, 7).

CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của nhà trường

Từ năm 2015 đến nay, CĐR của CTĐT cử nhân CTXH đã được rà soát vào năm 2017 theo kế hoạch và yêu cầu của nhà trường [H1.01.03.07] và tiếp tục được điều chỉnh năm 2019.

**Bảng so sánh CĐR năm 2015, 2017, 2019 và CĐR năm 2019 [H1.01.03.01]**

<b>Tiêu chí so sánh</b>	<b>CĐR năm 2015</b>	<b>CĐR năm 2017</b>	<b>CĐR năm 2019</b>
Cấu trúc	Gồm 3 chuẩn chia thành Kiến thức, Kỹ năng, Thái độ	Gồm 10 chuẩn chia thành nhóm Kiến thức, Kỹ năng, Thái độ	Gồm 20 chuẩn chia thành 4 nhóm: - Phẩm chất chung - Năng lực chung - Phẩm chất đặc thù ngành - Năng lực đặc thù ngành
Phát biểu cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu	Chưa được phát biểu rõ ràng, không cụ thể, còn chung chung	Được phát biểu rõ ràng, song chưa cụ thể, đặc biệt với phần kỹ năng CTXH vẫn còn đề cập chung chung	Đã được phát biểu rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu
Chỉ rõ những gì sinh viên có thể đạt được sau đào tạo	Chưa chỉ rõ năng lực của sinh viên sau khi ra trường	Đã xác định rõ hơn năng lực của sinh viên sau khi ra trường	Đã chỉ rõ năng lực cụ thể của sinh viên sau khi ra trường
Mức độ đáp ứng Khung giáo dục quốc gia tương ứng với bậc giáo dục đại học	Chưa đề cập cụ thể đến mức tự chủ và chịu trách nhiệm của sinh viên sau khi ra trường	Chưa đề cập cụ thể đến mức tự chủ và chịu trách nhiệm của sinh viên sau khi ra trường	Đã đề cập cụ thể đến mức tự chủ và chịu trách nhiệm của sinh viên sau khi ra trường
Khả năng đo lường	Chưa thể hiện được khả năng đo lường và đánh giá	Chưa thể hiện được khả năng đo lường và đánh giá	Có thể đo lường và đánh giá được thông qua các chỉ báo cụ thể.

CĐR của CTĐT được công bố công khai tới các cán bộ GV và người học, nhà sử dụng lao động trên website của Nhà trường [H1.01.03.09], trang website của Khoa [H1.01.03.10], thông qua tài liệu tư vấn tuyển sinh [H1.01.03.11].

## **2. Điểm mạnh**

CĐR của CTĐT cử nhân CTXH đã phản ánh được yêu cầu các bên liên quan trong quá trình đào tạo và đáp ứng của thị trường lao động.

CĐR được công bố công khai trên các kênh thông tin, giúp sinh viên và các bên liên quan có thể tiếp cận và tìm hiểu về ngành đào tạo.

### 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng về CĐR chưa thường xuyên.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	<b>Khắc phục tồn tại</b>	Tiến hành lấy ý kiến đóng góp của tuyển dụng, về CĐR của CTĐT thường xuyên, đầy đủ hơn	Khoa CTXH TTĐBCL	Từ năm học 2020-2021	
2	<b>Phát huy điểm mạnh</b>	Lấy ý kiến của các bên liên quan để cập nhật CĐR, đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động và của xã hội	Khoa CTXH	Theo quy định điều chỉnh CĐR của nhà trường	

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

#### Kết luận về tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành CTXH đã xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học của Luật giáo dục đại học. Mục tiêu cũng đã phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động. Tuy nhiên, mục tiêu chưa thực sự sát với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHSPHN. CĐR của CTĐT CTXH xác định rõ ràng, dễ hiểu, phản ánh được mục tiêu của CTĐT; trong đó nêu cụ thể được những năng lực cần có của sinh viên tốt nghiệp bao gồm kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm và có thể đo lường, đánh giá được. Với những năng lực này, CĐR cũng cho thấy triển vọng việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong tương lai. Bên cạnh những điểm mạnh trên, CĐR chưa được trình bày súc tích. CĐR của CTĐT CTXH được xây dựng với sự tham gia và đóng góp của các bên liên

quan bao gồm các giảng viên của khoa, các chuyên gia, nhà tuyển dụng, sinh viên đã tốt nghiệp và sinh viên đang học. CDR đã được thể hiện công khai để sinh viên và những đối tượng quan tâm được thông tin.

**Đánh giá tiêu chuẩn 1:**

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 1.1					5		
Tiêu chí 1.2					5		
Tiêu chí 1.3					5		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5.00</b>						

## **Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

### **Mở đầu**

Bản mô tả CTĐT cử nhân CTXH là văn bản chính thức để nhà trường cung cấp đầy đủ thông tin của CTĐT đến người dạy, người học, nhà tuyển dụng, nhà quản lý, học sinh trong hoạt động tuyển sinh và các bên liên quan khác giúp hiểu được rõ ràng về CTĐT cử nhân CTXH. Trong các năm 2015, 2017, 2019, bản mô tả CTĐT được rà soát, bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở tham khảo các CTĐT tiên tiến trên thế giới và trong nước, phù hợp với xu hướng phát triển của ngành CTXH. Đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và hướng dẫn của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Bản đề cương chi tiết được định kỳ 2 năm/lần để chỉnh sửa, rà soát, bổ sung theo hướng dẫn của Nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xã hội. Khoa và nhà trường đã sử dụng nhiều hình thức khác nhau để công bố một cách công khai các thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết của các học phần trong CTĐT đến các bên liên quan, nhằm giúp họ có thể tiếp cận một cách dễ dàng, hiệu quả.

### ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật***

#### **1. Mô tả**

Bản mô tả CTĐT năm 2019 có đầy đủ các nội dung, thông tin như sau: [H2.02.01.03]

*Phần 1: Thông tin chung về CTĐT. Phần này đã có các thông tin bao gồm:*

- Đơn vị cấp bằng
- Đơn vị đào tạo
- Tên văn bằng được cấp sau khi tốt nghiệp
- Tên CTĐT
- Tên ngành đào tạo
- Mã số đào tạo
- Loại hình đào tạo
- Ngôn ngữ đào tạo
- Mục tiêu đào tạo
- Chuẩn đầu ra
- Vị trí công tác, làm việc sau khi ra trường
- Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp
- Tiêu chí tuyển sinh, các yêu cầu đầu vào của CTĐT

- Các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thêm thông tin về CDR của CTĐT: Chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo của Khoa CTXH đã có sự tham chiếu và đối sánh với CDR CTXH của Úc, Mỹ cũng như Khung Chương trình đào tạo ngành CTXH các cơ sở giáo dục khác trong cả nước như Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia Hà Nội và ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, ĐH Công đoàn, ĐH Lao động Xã hội cho thấy một số điểm tương đồng trong mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra... [H2.02.01.08]

- Thời điểm thiết kế, điều chỉnh CTĐT

*Phần 2: Nội dung của CTĐT. Trong phần này, bản mô tả đã chỉ ra:*

- Cấu trúc của chương trình đào tạo: khối lượng kiến thức toàn khóa: 125 tín chỉ

- Khung chương trình đào tạo chi tiết toàn bộ các học phần trong CTĐT theo từng học kỳ, từng năm học thể hiện sự liên tục, kết nối từ khối kiến thức chung đến khối kiến thức chung của nhóm ngành và cuối cùng là khối kiến thức chuyên ngành.

*Phần 3: Tiến trình đào tạo. Trong phần này bản mô tả đã chỉ ra:*

Tiến trình đào tạo theo 8 kỳ học với các học phần đi từ khối kiến thức đại cương đến khối kiến thức của nhóm ngành đến khối kiến thức ngành và cuối cùng là khối kiến thức chuyên ngành và rèn luyện năng lực nghề.

*Phần 4: Ma trận tích hợp học phần, phương pháp giảng dạy và đánh giá của học phần với chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo*

Như vậy, dựa vào bản mô tả CTĐT và CTĐT ngành CTXH, SV biết được lộ trình các môn học, những kỹ năng thích ứng với các môn học, từ đó các em có sự chủ động trong việc chuẩn bị, lên kế hoạch cho việc học tập. Mặt khác, GV cũng cho rằng Bản mô tả CTĐT giúp họ có một cái nhìn xuyên suốt CTĐT và biết được vị trí của môn học mà mình đảm nhiệm trong toàn bộ tiến trình đào tạo, từ đó có kế hoạch giảng dạy phù hợp để phát huy những kiến thức cũ mà SV đã được học và giúp SV hình thành kiến thức mới. Theo đánh giá của các nhà tuyển dụng, bản mô tả CTĐT cung cấp các thông tin cơ bản về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học; giúp họ biết được đối tượng tuyển dụng của họ đã có kiến thức, kỹ năng gì và cần bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng gì khác [H2.02.01.07].

Bản mô tả CTĐT năm 2019 đã được rà soát và điều chỉnh, cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan so với phiên bản năm 2017 và 2015 nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và chỉ đạo chung của Nhà trường. Năm 2019, Nhà trường rà soát và điều chỉnh CDR của



CTĐT trong toàn trường theo phẩm chất, năng lực [H2.02.01.14], thay đổi cấu trúc sắp xếp các học phần trong CTĐT, thay đổi số lượng tín chỉ của toàn thể chương trình cũng như ở các học phần, do đó bản mô tả CTĐT năm 2019 có sự thay đổi, hoàn thiện và đầy đủ hơn theo ý kiến góp ý của các bên liên quan (chuyên gia, cựu sinh viên, sinh viên, nhà tuyển dụng) [H2.02.01.07] đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, nhu cầu của sinh viên và hội nhập quốc tế.

So với phiên bản 2015 và 2017, bản mô tả CTĐT năm 2019 vẫn bao gồm 04 phần với đầy đủ nội dung, thông tin về CTĐT và đã có một số thay đổi, điều chỉnh, bổ sung như sau: (chi tiết xem Phụ lục, bảng 2.1)

- Mục tiêu CTĐT được phát triển, làm rõ, thể hiện qua các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể.

- CĐR bao gồm 20 chuẩn được chia theo: CĐR về phẩm chất (phẩm chất chung, phẩm chất ngành) và CĐR về năng lực (năng lực chung, năng lực chuyên ngành) với các chỉ báo rất cụ thể, chi tiết, có thể đo lường được.

- Ma trận phát kỹ năng được điều chỉnh, bổ sung và làm rõ hơn, chi tiết, thể hiện rõ sự phát triển về kiến thức, kỹ năng của sinh viên trong lộ trình của chương trình đào tạo nhằm đạt được CĐR của ngành đào tạo [H1.01.01.06]. Để phân nhiệm các học phần, chương trình sử dụng ma trận CĐR tham chiếu các CĐR của chương trình với các học phần kèm theo mức độ đóng góp của từng nội dung trong học phần để đạt được các chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực. Mỗi học phần có đề cương chi tiết được mô tả cụ thể các thông tin, là bản thiết kế hoạt động dạy học chi tiết, bao gồm cả quy định cụ thể về cách thức đánh giá, giảng dạy, học tập nhằm giúp người dạy và người học thuận lợi trong việc thực hiện và đạt CĐR chương trình đào tạo [H2.02.01.05]

Năm 2019, theo sự điều chỉnh, thống nhất chuẩn đầu ra CTĐT của Trường ĐHSPhN, số lượng học phần và số tín chỉ đều giảm để tăng thời lượng tự học của SV và tăng số lượng tín chỉ của các học phần từ 02 tín chỉ thành 03 tín chỉ (chỉ 05 học phần có 2 tín chỉ). Tất cả các học phần đã được chia thành 04 khối kiến thức là khối học vấn chung (học vấn chung của trường: 25 tín chỉ, học vấn chung của nhóm ngành: 10 tín chỉ); khối học vấn ngành (66 tín chỉ); khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực nghề (24 tín chỉ) [H2.02.01.03, H2.02.01.04, H2.02.01.05 ].

Tất cả những sự điều chỉnh và cập nhật này đều dựa trên thống nhất chung của trường, hợp tổ bộ môn, hợp Hội đồng Khoa học, ý kiến khảo sát từ GV, SV, cựu SV, các nhà quản lý và các nhà tuyển dụng lao động nhằm hướng tới mục tiêu giáo dục bám sát nhất với nhu cầu xã hội và đáp ứng được nhu cầu xã hội [H2.02.01.07, H2.02.01.08, H2.02.01.16]. Từ đó, Khoa gửi công văn báo cáo về việc điều chỉnh, rà soát CTĐT lên trường để phê duyệt [H2.02.01.17].

Bản mô tả CTĐT được rà soát và điều chỉnh năm 2017 và 2019 nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT năm 2017 vẫn bao gồm đầy đủ mọi nội dung, thông tin về CTĐT của năm 2015 và không có thay đổi, cập nhật gì nhiều so với bản mô tả CTĐT năm 2015, chỉ bổ sung thêm phần phương pháp giảng dạy và học tập trong phần cấu trúc CTDH. Năm 2019, Nhà trường rà soát và điều chỉnh CDR của CTĐT trong toàn trường theo phẩm chất, năng lực và bản mô tả CTĐT có sự thay đổi, hoàn thiện và đầy đủ hơn, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, nhu cầu của sinh viên và hội nhập quốc tế [H1.01.02.01].

## **2. Điểm mạnh**

Bản mô tả CTĐT ngành Công tác xã hội cung cấp các thông tin một cách đầy đủ và tường minh. Từ năm 2015 đến 2019, bản mô tả CTĐT ngành CTXH đã được điều chỉnh 02 lần. Từ năm 2019, bản mô tả CTĐT đã được điều chỉnh, cập nhật theo các quy định về đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành CTXH. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh tính ứng dụng, thực hành của các kiến thức được đào tạo, đặc biệt nhấn mạnh đến thế mạnh đào tạo CTXH trường học.

Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Trường ĐHSPT Hà Nội; cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần của CTĐT.

## **3. Điểm tồn tại**

Hình thức trình bày bản mô tả CTĐT chưa thu hút người đọc. Khoa chưa có phiên bản tiếng Anh của Bản mô tả CTĐT để phục vụ cho hoạt động giao lưu, trao đổi, hợp tác quốc tế.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>

				<b>hoặc hoàn thành</b>	
1	<b>Phát huy điểm mạnh</b>	- Triển khai CTĐT năm 2019 trên thực tế. - Phát triển hướng chuyên sâu phát triển CTXH trong trường học vốn là thế mạnh, đặc thù của trường ĐHSP Hà Nội.	Bộ môn, Khoa, Hội đồng Khoa học, Phòng Đào tạo,	9/2020	
2	<b>Khắc phục tồn tại</b>	Khoa sẽ chỉnh sửa bản mô tả CTĐT cho khoa học và hấp dẫn hơn  Khoa sẽ thực hiện bản mô tả CTĐT bằng tiếng Anh để phục vụ cho các hoạt động giao lưu, trao đổi, hợp tác quốc tế	Khoa CTXH	1/2021	

## **5. Tự đánh giá: Đạt 5/7**

### ***Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật***

#### **1. Mô tả**

100% đề cương học phần trong CTĐT năm 2019 cung cấp đầy đủ những nội dung thông tin về tên giảng viên/tên đơn vị đảm nhiệm giảng dạy, tên gọi học phần, mã học phần, số tín chỉ, các điều kiện tiên quyết khi đăng ký học phần, mục tiêu học phần, các chuẩn đầu ra về kiến thức, thái độ, kỹ năng; ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR, các yêu cầu của môn học, học phần, cấu trúc môn học/học phần, mô tả đầy đủ về nội dung chi tiết của học phần và hướng dẫn thực hiện nội dung, kiểm tra đánh giá, nguồn học liệu (gồm các giáo trình và tài liệu tham khảo), nhiệm vụ của sinh viên [H2.02.02.03]. Đề cương học phần được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT [H2.02.02.04, H2.02.02.05]. Các đề cương học phần được so sánh, đối chiếu tiếp thu và cập nhật từ những đề cương học phần trong các CTĐT CTXH của các cơ sở đào tạo khác. [H2.02.02.10].

Từ năm 2015 đến 2019, tất cả đề cương các học phần trong CTĐT cử nhân ngành CTXH được rà soát, cập nhật 02 lần vào năm 2017 và 2019 [H2.02.02.03]. 100% các đề

cương chi tiết được định kỳ rà soát, cập nhật về nội dung theo kế hoạch của Nhà trường, cho phù hợp với thực tế xã hội, chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo, phương pháp giảng dạy và đánh giá, học liệu/tài liệu tham khảo nhằm đạt được CDR của CTĐT.

Đề cương chi tiết năm 2019 đã được cập nhật, điều chỉnh về thông tin môn học, khung chương trình, số lượng tín chỉ, số lượng học phần, học liệu tham khảo. Đặc biệt, điểm nhấn của phiên bản năm 2019 là sự thay đổi trong việc xây dựng đề cương theo CDR, và các phương pháp giảng dạy, đánh giá, học tập rất chi tiết để đạt được các CDR của học phần cũng như của chương trình đào tạo (thông tin chi tiết xem phục lục bảng 2.2). [H2.02.02.03, H2.02.02.04].

Tất cả những sự điều chỉnh và cập nhật này đều dựa trên thống nhất chung của trường, của tổ bộ môn, Hội đồng Khoa học, ý kiến khảo sát từ GV, SV, cựu SV nhằm hướng tới mục tiêu giáo dục bám sát nhất với nhu cầu xã hội và đáp ứng được nhu cầu xã hội [H2.02.02.07, H2.02.02.08, H2.02.02.09, H2.02.02.15, H2.02.02.19 ].

## **2. Điểm mạnh**

Đề cương của các học phần cung cấp thông tin đầy đủ và tường minh, được chuẩn hóa theo quy định của Đại học Sư phạm Hà Nội.

Các đề cương học phần đã được điều chỉnh, cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về đào tạo CTXH. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa. Đề cương chi tiết được thường xuyên rà soát, cập nhật bổ sung về nội dung, học liệu, phương pháp kiểm tra, đánh giá.

## **3. Điểm tồn tại**

Số lượng các đề cương chi tiết được tham khảo từ các chương trình đào tạo trong và ngoài nước còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>	<b>Ghi chú</b>

1	<b>Phát huy điểm mạnh</b>	- Triển khai giảng dạy theo đề cương chi tiết đã được phê duyệt năm 2019	Giảng viên, tổ bộ môn, Hội đồng Khoa học	Hàng năm	
2	<b>Khắc phục hạn chế</b>	Tham khảo nhiều hơn các đề cương chi tiết học phần có liên quan đến CTĐT của các trường đào tạo CTXH trong nước và trên thế giới	Khoa CTXH	1/2021	

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

*Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.*

#### 1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ngành CTXH sau khi được phê duyệt, đã được công bố công khai cho người học, giảng viên và mọi người quan tâm bằng nhiều hình thức khác nhau như công bố công khai rộng rãi trên website của Trường ĐHSPTN [H2.02.03.08], website Khoa CTXH [H2.02.03.09]; trên các tờ rơi quảng bá tuyển sinh [H2.02.03.05, H2.02.03.06] trong sổ tay sinh viên [H2.02.03.04], trên fanpage của Khoa CTXH [H2.02.03.06], fanpage Tuyển sinh của Trường ĐHSPTN [H2.02.03.05]; trong các buổi sinh hoạt công dân đầu năm học... để tất cả mọi người có thể tiếp cận một cách dễ dàng, nhanh chóng.

100% đề cương chi tiết các học phần ngành CTXH năm 2019 sau khi được phê duyệt, đã được công bố công khai cho người học, giảng viên và mọi người quan tâm bằng nhiều hình thức khác nhau như công bố công khai rộng rãi trên website của khoa CTXH để tất cả mọi người có thể dễ dàng tiếp cận [H2.02.03.07]; trong các buổi học đầu tiên của mỗi học phần để sinh viên nắm được toàn bộ nội dung học phần, phương pháp học tập, thi cử để có sự chuẩn bị cho việc học tập chủ động; trên hệ thống học trực tuyến của Trường ĐHSPTN [H2.02.03.10]

Các bên liên quan đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất thông qua nhiều hình thức khác nhau. Chính vì thế

SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học, giúp và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận khi cần tìm hiểu [H2.02.03.11, H2.02.03.12]

## 2. Điểm mạnh

Bản mô tả và đề cương học phần trong CTĐT cử nhân ngành Công tác xã hội được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho tất cả các bên liên quan có thể dễ dàng tiếp cận.

## 3. Điểm tồn tại

Khung chương trình đào tạo CTXH đăng tải trên website của Trường thuộc khối ngoài sư phạm nhưng lại đang xếp trong khối ngành sư phạm nên gây khó khăn trong việc tìm kiếm thông tin về ngành CTXH và các đối tượng liên quan có thể hiểu lầm về CTĐT của ngành CTXH là đào tạo ra người giảng dạy về CTXH.

Website Khoa CTXH đã bị sập 03 lần từ khi thiết lập năm 2012 đến 2019 nên không còn thống kê được số lượng lượt truy cập vào các bài viết về đề cương chi tiết, bản mô tả CTĐT trên website của Khoa từ 2015 đến 2019.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy mọi kênh thông tin để công bố công khai về CTĐT và đề cương chi tiết năm 2019, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận hơn nữa (trên trang fanpage của Khoa CTXH)	Khoa CTXH	Từ 2020	
2	Khắc phục hạn chế	Website của Khoa CTXH sử dụng trên server của Trung tâm CNTT Trường ĐHSPHN và hỗ trợ kỹ thuật của Trung tâm để	Khoa CTXH	8/2020	

		<p>thường xuyên cập nhật, thống kê được lượt tiếp cận với các thông tin giới thiệu về CTĐT, đề cương chi tiết học phần trên website.</p> <p>Đề nghị TTCNTT chuyên lại mục giới thiệu về khung CTĐT Khoa CTXH về khối ngành ngoài sư phạm</p>	Trung tâm CNTT		
--	--	--	----------------	--	--

### **5. Tự đánh giá: Đạt 4/7**

#### **Kết luận tiêu chuẩn 2:**

Bản mô tả CTĐT ngành Công tác xã hội năm 2019 cung cấp các thông tin một cách đầy đủ và tường minh. Từ năm 2015 đến 2019, bản mô tả CTĐT ngành CTXH đã được điều chỉnh 02 lần. Năm 2019, bản mô tả CTĐT đã được điều chỉnh, cập nhật theo các quy định về đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành CTXH. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh tính ứng dụng, thực hành của các kiến thức được đào tạo, đặc biệt nhấn mạnh đến thể mạnh đào tạo CTXH trường học. Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Trường ĐHSP Hà Nội; cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần của CTĐT. Đề cương của các học phần cung cấp thông tin đầy đủ và tường minh, được chuẩn hóa theo quy định của Đại học Sư phạm Hà Nội. Các đề cương học phần đã được điều chỉnh, cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về đào tạo CTXH. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa. Đề cương chi tiết được định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu, phương pháp kiểm tra, đánh giá.

Bản mô tả và đề cương học phần trong CTĐT cử nhân ngành Công tác xã hội được công bố công khai và dễ tiếp cận.

Tuy nhiên, hình thức trình bày bản mô tả CTĐT chưa thu hút người đọc. Khoa chưa có phiên bản tiếng Anh của Bản mô tả CTĐT để phục vụ cho hoạt động giao lưu, trao đổi, hợp tác quốc tế. Số lượng các đề cương chi tiết được tham khảo từ các chương trình đào tạo trong và ngoài nước còn hạn chế. Khung chương trình đào tạo CTXH đăng tải trên website của Trường thuộc khối ngoài sư phạm nhưng lại đang xếp trong khối ngành sư phạm nên gây khó khăn trong việc tìm kiếm thông tin về ngành CTXH và các đối tượng liên quan có thể hiểu lầm về CTĐT của ngành CTXH là đào tạo ra người giảng dạy về CTXH. Website của Khoa CTXH mới được chỉnh sửa lại năm 2019 nên chưa thống kê được tổng thể số lượt tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết trên website của Khoa CTXH từ năm 2015 đến 2019.

**Tự đánh giá tiêu chuẩn 2:**

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 2.1					5		
Tiêu chí 2.2					5		
Tiêu chí 2.3				4			
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>4.67</b>						



### **Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### **Mở đầu**

CTDH ngành CTXH được thiết kế dựa trên mục tiêu và CĐR của CTĐT theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới CTĐT của Nhà trường và thích ứng với nhu cầu xã hội. CTDH ngành CTXH được xây dựng theo tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra bao gồm tổng hợp các tiêu chí về phẩm chất và năng lực ngành nghề chuyên môn. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập được sử dụng phù hợp nhằm đảm bảo người học đạt được CĐR của từng học phần và CĐR của CTĐT. Quy trình xây dựng CTDH ngành CTXH được thực hiện một cách khoa học, trình tự logic, hợp lý và tổng thể nhằm hướng đến chất lượng đầu ra của người học. CTĐT - CTDH ngành CTXH được rà soát định kỳ để đảm bảo tính cập nhật

#### ***Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra***

##### **1. Mô tả**

*Chương trình dạy học ngành CTXH được thiết kế dựa trên yêu cầu CĐR về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm cụ thể:*

CTDH hiện tại được điều chỉnh năm 2019 với việc xây dựng CTĐT dựa trên CĐR của trường Đại học Sư Phạm Hà Nội và khoa CTXH. Hiện nay, CTĐT ngành CTXH gồm có 20 CĐR, bao gồm các cụm chuẩn về phẩm chất (phẩm chất chung, phẩm chất đặc thù ngành) với 7 CĐR và cụm chuẩn về năng lực (năng lực chung, năng lực ngành) với 13 CĐR. Bộ 20 CĐR này đều nhằm hướng đến mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, sự tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo [H3.03.01.06]

Các CĐR 14 – 15 – 16 – 17 – 18 – 19 – 20 tập trung vào khối kiến thức chuyên ngành CTXH và các kỹ năng thực hành nghề CTXH mà người học cần đạt được thể hiện qua các năng lực như: năng lực hiểu và sử dụng các kiến thức nền tảng, kiến thức chuyên ngành CTXH, năng lực đánh giá cá nhân, gia đình, nhóm, các tổ chức, cộng đồng và lập kế hoạch can thiệp; năng lực can thiệp với các nhóm thân chủ; năng lực lượng giá quá trình can thiệp; năng lực nghiên cứu; năng lực sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, truyền thông.[H3.03.01.06]

Các CĐR 8 – 9 – 10 - 11 – 12 -13 tập trung vào khối các kiến thức tổng hợp, kỹ năng chung mà người học cần đạt được, thể hiện qua các năng lực như: năng lực tự chủ và thích ứng với sự thay đổi; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực lãnh đạo; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực nhận thức về văn hóa – xã hội; năng lực phản biện. [H3.03.01.06]

Các CĐR 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 7 – 8 tập trung vào việc xây dựng, hình thành phẩm chất, thái độ, tính tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt được, thể hiện qua các tiêu chí cụ thể như: trung thực, trách nhiệm; đáng tin cậy và có ý thức thực hiện công bằng xã hội; ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời; tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của ngành CTXH; tuân thủ các yêu cầu về phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; tuân thủ các kỉ luật nghề; khả năng tự chủ và thích ứng với những thay đổi; khả năng lãnh đạo, giải quyết vấn đề, sáng tạo và năng lực phản biện. [H3.03.01.06]

Với yêu cầu về CĐR như vậy, cấu trúc CTĐT – CTDH năm 2019 được thiết kế gồm 60 học phần, có tổng số 125 tín chỉ, được chia thành 4 khối: khối học vấn chung (8 học phần: 25 tín chỉ); khối học vấn chung của nhóm ngành (5 học phần: 10 tín chỉ), khối học vấn chung của ngành (35 học phần, bao gồm học phần tự chọn: 66 tín chỉ); khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực nghề (11 học phần, bao gồm học phần tự chọn: 24 tín chỉ). Sinh viên có 7 tuần thực tập chuyên ngành và làm khoá luận tốt nghiệp hoặc học thi 3 học phần thay thế tốt nghiệp [H3.03.01.01][H3.03.01.02]. Có thể thấy, CTĐT – CTDH năm 2019 đã được sửa đổi so với phiên bản chương trình 2017 và 2015 về trước. Đó là, số lượng học phần giảm từ 72 học phần (năm 2015; 2017) xuống còn 60 học phần, tổng số tín chỉ giảm từ 130 tín chỉ (2017) xuống còn 125 tín chỉ. Mục đích của việc điều chỉnh này là nhằm tăng thời lượng tự học của sinh viên, bên cạnh đó tăng số lượng tín chỉ của một số học phần từ 2 tín chỉ lên 3 tín chỉ để tập trung chuyên sâu vào khối kiến thức nhóm ngành và khối kiến thức ngành, nhằm đáp ứng được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đối với người học [H3.03.02.02]

CTDH được thiết kế dựa trên các cụm CĐR về phẩm chất và năng lực, trong đó tập trung vào **phẩm chất đặc thù ngành** (CĐR 5 – 6 – 7) và **năng lực đặc thù ngành** (CĐR 14 – 15 – 16 – 17 – 18 - 19 - 20). Bảng ma trận chuẩn đầu ra CTĐT cho thấy sự đáp ứng phổ quát của toàn bộ các học phần được giảng dạy trong chương trình với 20 CĐR của chương trình đào tạo. Các học phần đều có mối liên hệ, đóng góp tương hỗ với nhau để đảm bảo được đầy đủ CĐR tổng thể. Trong đó, tỷ lệ các môn thuộc khối học vấn nhóm ngành, ngành nhiều hơn và tỷ lệ đáp ứng các CĐR về phẩm chất đặc thù ngành và năng lực ngành được trọng tâm hơn cả [H3.03.01.02], [H3.03.01.03], [H3.03.01.05], [H3.03.01.06].

Việc tổ chức CTDH được thiết kế đảm bảo theo đúng quy trình, tính logic và điều kiện tiên quyết giữa các học phần. Tiến trình dạy học cung cấp các khối kiến thức cho sinh viên từ năm thứ 1 đến năm thứ 4. Theo đó, 2 năm đầu sinh viên được học và tiếp thu các kiến thức học vấn chung, học vấn chung của nhóm ngành bao gồm các môn khoa học cơ bản, lí luận chính trị, tin học, ngoại ngữ, các môn cơ sở và tiếp cận với kiến thức cơ sở ngành. Từ năm thứ 3, sinh viên được học các môn học ngành chuyên sâu, các môn tự chọn

theo các chuyên ngành hẹp và thực hành, thực tập, làm khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp [H3.03.01.02], [ H3.03.01.04]

*Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của các học phần trong chương trình phù hợp và góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CDR.*

CTDH được triển khai với các loại hình phương pháp đa dạng, bao gồm 10 phương pháp chính như: thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy học tình huống, động não, đóng vai, dạy học qua dự án, trò chơi, sơ đồ tư duy, dạy học giải quyết vấn đề và hướng dẫn học trực tiếp. Trong đó, các phương pháp được sử dụng phổ biến và nhiều nhất là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy học qua tình huống. Các phương pháp học tập được hướng dẫn cho người học bao gồm: thuyết trình, thảo luận, giải quyết vấn đề, thực hành trực tiếp và tự học, trong đó, sử dụng nhiều nhất là: tự học, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề. Các phương pháp kiểm tra đánh giá được thiết kế bao gồm: đánh giá thường xuyên qua theo dõi sự chuyên cần, thảo luận và bài tập trên lớp; các hình thức kiểm tra chủ yếu thực hiện dưới các bài thi tự luận, làm tiểu luận, thi trắc nghiệm, vấn đáp và báo cáo, ngoài ra có 1 số hình thức kiểm tra khác như thi truyền thông, tranh biện [H3.03.01.05] [H3.03.01.06]

Các phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và hình thức kiểm tra đánh giá của môn học đều được xác định dựa trên mục tiêu cụ thể của môn học và chuẩn đầu ra của môn học, tương ứng với các nội dung học tập, đảm bảo tính hệ thống chặt chẽ và đáp ứng CDR của CTĐT [H3.03.01.02]

Tổ hợp những phương pháp giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá cho thấy các học phần đã được xây dựng phong phú, đa dạng về phương pháp nhằm truyền tải kiến thức, việc trình bày phương pháp giảng dạy/học tập được cụ thể, chi tiết theo nội dung học tập đến từng mục trong các chương. Những phương pháp này đã góp phần làm rõ tính đạt được CDR của CTDH. Ví dụ, phương pháp giảng dạy: thảo luận nhóm, đóng vai, dự án, trò chơi... giúp tăng cường CDR 4, 8, 9, 11, 12, 13, 14 – 18; phương pháp: hướng dẫn trực tiếp định hướng sinh viên hoàn thiện những CDR 1 - 7 dưới sự hỗ trợ của giảng viên; phương pháp thảo luận nhóm, dự án, sơ đồ tư duy... giúp đạt được CDR 4, 18. Các phương pháp kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ cũng góp phần đạt chuẩn đầu ra về phẩm chất, năng lực chung và của ngành cho người học. [H3.03.01.02] [H3.03.01.03].

Ví dụ cụ thể, ở môn CTXH Cá nhân là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, có thời lượng là 3 tín chỉ. Môn học này xác định các mục tiêu học tập và chuẩn đầu ra của môn học như sau:

- *Mục tiêu:*

**MT1 (CO1):** Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phương pháp công tác xã hội cá nhân: bản chất, các yếu tố cấu thành, tiến trình CTXH cá nhân; Các lý thuyết cơ

bản và vận dụng trong CTXH cá nhân; Sinh viên nắm được các kỹ năng cơ bản của nhân viên CTXH khi làm việc với thân chủ

**MT 2 (CO2):** Sinh viên có khả năng vận dụng và thực hành theo các bước trong tiến trình CTXH cá nhân; Hình thành nguyên tắc đạo đức cơ bản của nhân viên CTXH khi làm việc với thân chủ; Giúp SV hình thành ý thức đạo đức nghề nghiệp chuyên nghiệp trong thực hành CTXH

- Chuẩn đầu ra môn học:

**CĐR 1 (CLO1):** Tuân thủ các yêu cầu về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và kỷ luật nghề CTXH và các nguyên tắc cơ bản của CTXH cá nhân và tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong thực hành với cá nhân và gia đình thân chủ.

**CĐR 2 (CLO2):** Ghi nhớ và trình bày được lịch sử hình thành và phát triển của phương pháp làm việc với cá nhân, các lý thuyết, mô hình và cách tiếp cận trong thực hành với thân chủ.

**CĐR 3 (CLO3).** Hiểu và có kỹ năng thu thập thông tin, đánh giá vấn đề của cá nhân và gia đình thân chủ trong hỗ trợ giải quyết vấn đề cho cá nhân thân chủ.

**CĐR 4 (CLO4).** Hiểu và sử dụng kỹ năng trong xây dựng kế hoạch can thiệp giải quyết vấn đề cho thân chủ và lượng giá quá trình trợ giúp.

**CĐR 5 (CLO5).** Sử dụng hiệu quả các tài liệu bằng Tiếng Anh và công nghệ thông tin trong việc nghiên cứu các mô hình, lý thuyết, cách tiếp cận trong CTXH trên thế giới

Với mục tiêu học tập và chuẩn đầu ra môn học như vậy, môn CTXH cá nhân đáp ứng tương thích với 9 chuẩn đầu ra của CTĐT như bảng ma trận dưới đây:

**Ma trận tích hợp giữa CĐR học phần (CLOs) với CĐR CTĐT (PLOs)**

CĐR CTĐT	CĐR học phần				
	1	2	3	4	5
CĐR6 (PLO6). Tuân thủ các yêu cầu về phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp	x				
CĐR7 (PLO7). Tuân thủ kỉ luật nghề CTXH	x				
CĐR14 (PLO14). Năng lực sử dụng kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên ngành CTXH		x			

CĐR15 (PLO15). Năng lực đánh giá cá nhân, gia đình, nhóm, tổ chức, cộng đồng và lập kế hoạch can thiệp		x	x		
CĐR16 (PLO16). Năng lực can thiệp với các cá nhân, gia đình, các nhóm, tổ chức và cộng đồng			x	x	
CĐR17 (PLO17). Năng lực lượng giá quá trình can thiệp cá nhân, gia đình, các nhóm, tổ chức và cộng đồng				x	
CĐR18 (PLO18). Năng lực nghiên cứu CTXH	x		x		
CĐR19 (PLO19). Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn					x
CĐR20 (PLO20). Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn CTXH					x

Các chuẩn đầu ra của CTĐT mà môn học đáp ứng tập trung chủ yếu vào phẩm chất đặc thù ngành gồm CĐR 6 - CĐR7 và 7 chuẩn năng lực đặc thù là CĐR 14 - 15 -16 - 17 - 18 - 19 - 20. Dựa trên yêu cầu về đầu ra như vậy, môn học đã thiết kế tổ hợp các phương pháp giảng dạy đa dạng bao gồm: thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích ca, đóng vai tình huống, báo cáo nhóm sử dụng powerpoint; các phương pháp học tập bao gồm: giải quyết vấn đề, động não, trả lời câu hỏi, phân tích dữ liệu, nghiên cứu cá nhân; các phương pháp kiểm tra đánh giá tương ứng với các CĐR môn học và CTĐT như: đánh giá thường xuyên, trả lời câu hỏi, bài tập, kiểm tra giữa kỳ theo hình thức báo cáo cá nhân, cuối kỳ thi tự luận kiểm tra kiến thức. Tổ hợp các phương pháp này đều hỗ trợ góp phần xây dựng và giúp người học đạt được các CĐR cần có của môn học và CTĐT

Nhìn chung, toàn bộ CTĐT – CTDH ngành CTXH đều đã được xây dựng, thiết kế theo CĐR với mục tiêu cụ thể, rõ ràng. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm

tra đánh giá phù hợp. Đồng thời, chương trình cũng được điều chỉnh, cập nhật định kỳ, tham khảo ý kiến của các bên liên quan để đảm bảo sự cập nhật.

## 2. Điểm mạnh

CTDH theo CĐR mới năm 2019 được thiết kế có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống, nhằm đào tạo và trang bị cho người học hình thành được đầy đủ năng lực cần đạt của ngành CTXH. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của các học phần trong chương trình phù hợp và góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. CTDH được rà soát, cải tiến định kỳ.

## 3. Điểm tồn tại

Một số nội dung tham khảo từ các chương trình, các bên liên quan còn đang trong quá trình điều chỉnh nghiên cứu để tích hợp phù hợp với bối cảnh đào tạo

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục mở rộng lấy ý kiến chuyên gia và các bên liên quan về CTĐT	Ban Chủ nhiệm khoa CTXH, các tổ bộ môn và tập thể các giảng viên, cán bộ	2020 – 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thường xuyên rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTDH định kỳ nhằm đảm bảo CĐR phù hợp với bối cảnh và yêu cầu giáo dục và xã hội	Phối kết hợp giữa nhà trường, Hội đồng khoa học khoa CTXH, các tổ bộ môn và giảng viên khoa CTXH	Hàng năm hoặc định kỳ 2 năm	

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

*Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.*

## 1. Mô tả

100% các môn học/học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR.

Năm 2019, theo sự điều chỉnh, thống nhất chuẩn đầu ra của CTĐT của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số lượng học phần theo CTĐT năm 2015, 2017 giảm từ 72 học phần với 130 tín chỉ xuống còn 60 học phần với tổng số 125 tín chỉ nhằm tăng thời lượng tự học của sinh viên và tăng số lượng tín chỉ của các học phần từ 02 tín chỉ thành 03 tín chỉ (chỉ có 10 học phần có 2 tín chỉ). Tất cả 60 học phần này vẫn tiếp tục tập trung vào các khối học vấn chung (8 học phần: 25 tín chỉ) và học vấn chung của nhóm ngành (5 học phần: 10 tín chỉ), khối học vấn chung của ngành (35 học phần (bao gồm học phần tự chọn): 66 tín chỉ), khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực nghề (11 học phần (bao gồm học phần tự chọn): 24 tín chỉ) [H3.03.02.01]. Sinh viên có 7 tuần thực tập chuyên ngành và làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học thi 3 học phần thay thế tốt nghiệp [H3.03.02.01]. Việc tổ chức dạy học được thiết kế đảm bảo theo đúng quy trình cung cấp các khối kiến thức cho sinh viên từ năm thứ 1 đến năm thứ 4. Theo đó, 2 năm đầu sinh viên được học và tiếp thu các kiến thức về khoa học cơ bản, lí luận chính trị, tin học, ngoại ngữ và tiếp cận với kiến thức cơ sở ngành. Từ năm thứ 3, sinh viên được học các môn học ngành chuyên sâu, các môn tự chọn theo các chuyên ngành hẹp và thực hành, thực tập, làm khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp [H3.03.02.02], [H3.03.02.03].

Trong số 60 học phần, ngoài các học phần thuộc khối học vấn chung nhằm giúp sinh viên đạt được những CĐR chung của toàn trường, các học phần thuộc khối học vấn chung của nhóm ngành và ngành (40 học phần (bao gồm học phần tự chọn): 76 tín chỉ), khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực nghề (11 học phần (bao gồm học phần tự chọn): 24 tín chỉ) đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể, tương hỗ lẫn nhau của các môn học/ học phần nhằm đảm bảo đạt được đầy đủ 20 CĐR. Cụ thể, mỗi học phần được phân nhiệm theo ma trận CĐR của CTĐT, ma trận CĐR của học phần, theo ma trận thang đo năng lực và phẩm chất, trên cơ sở đó cụ thể hóa các mục tiêu và và CĐR chi tiết của từng học phần nhằm đáp ứng CĐR được phân nhiệm. Các học phần xác định rõ nội dung, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy được chi tiết hóa và ứng với từng chủ đề CĐR của học phần. Các học phần theo các khối kiến thức (kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành kiến thức chuyên ngành) được

phân chia theo nội dung giảng dạy, thời lượng, thời gian giảng dạy phù hợp theo khung của CTĐT và dựa trên cơ sở của độ khó học phần để phân nhiệm mục tiêu học phần cần đạt theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp cụ thể đã xác định trong CTĐT [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03], [H3.03.02.05], [H3.03.02.06].

Mỗi học phần đều đóng góp vào việc đạt một số CĐR cho CĐR chung của CTDH. Trong số đó, những học phần đóng góp được nhiều nhất số CĐR là 18-19 CĐR bao gồm các môn: Thực hành CTXH 1, Thực hành CTXH 2, Thực hành CTXH 3 và Kiến tập CTXH. Các học phần đóng góp số lượng CĐR ít hơn đều là những học phần chuyên ngành như CTXH trường học, CTXH bệnh viện, CTXH với người khuyết tật và nạn nhân chiến tranh, Công tác dân số và sức khoẻ sinh sản, Giới và phát triển, Tôn giáo học và CTXH tôn giáo... với số lượng đáp ứng từ 5-7 CĐR. Điều này là phù hợp với tính chất của những môn thực hành cần sự tổng hợp nhiều kiến thức, phẩm chất, năng lực của người học khi đáp ứng số lượng CĐR nhiều, trong khi những môn mang tính chuyên ngành, chuyên sâu về một lĩnh vực góp phần đáp ứng một số CĐR trong toàn bộ CTDH cho người học [H3.03.02.05], [H3.03.02.03].

Trong số 20 CĐR, các học phần được xây dựng đóng góp nhiều nhất vào những CĐR về phẩm chất đặc thù của ngành và năng lực ngành CTXH. Tỷ lệ đóng góp vào các CĐR về phẩm chất đặc thù của ngành khoảng 67-82%, đóng góp khoảng 58-84% năng lực ngành CTXH. Bên cạnh đó, những CĐR về phẩm chất chung và năng lực chung cũng được CTDH đóng góp vào tuy với tỷ lệ % thấp hơn: từ 20-58%. [H3.03.02.02], [H3.03.02.03], [H3.03.02.05], [H3.03.02.06].

Ngoài việc nội dung học phần nhằm hướng tới việc đạt CĐR, 100% các môn học/học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá (đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ được giảng viên điều chỉnh và được thống nhất thông qua việc họp tổ chuyên môn và ý kiến của Hội đồng khoa học Khoa.

Nhằm đảm bảo tính cập nhật và đáp ứng tối đa nhu cầu của xã hội và sự thay đổi của nội dung kiến thức, phương pháp giảng dạy/ học tập phù hợp với thực tế, năm 2017, các tổ bộ môn đã tiến hành họp và thống nhất chỉnh sửa đề cương các môn học. Trong đó, tổ Cơ sở CTXH chỉnh sửa 11 học phần, tổ An sinh xã hội và phát triển cộng đồng chỉnh sửa 16 học phần, tổ CTXH với trẻ em và gia đình chỉnh sửa 15 học phần. Ngoài những sửa chữa làm rõ nội dung mục tiêu môn học, bổ sung sách, tài liệu tham khảo (bổ sung, thay đổi tập



bài giảng); phương pháp giảng dạy và học tập cũng như phương pháp đánh giá sinh viên đều được đưa ra điều chỉnh ở: 3/11 học phần do tổ Cơ sở CTXH giảng dạy, 7/16 học phần do tổ An sinh xã hội và phát triển cộng đồng đảm nhiệm, 9/15 học phần do tổ CTXH với trẻ em và gia đình phụ trách. Cụ thể, các hình thức kiểm tra đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ từ thi tự luận/ thi viết được chuyển sang cách thi trắc nghiệm, tiểu luận, truyền thông, làm bài tập nhóm, và có bổ sung mô tả cách thức đánh giá cụ thể hơn [H3.03.02.02], [H3.03.02.08].

100% các môn học/học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR

Sau khi thay đổi và được duyệt qua tổ chuyên môn và Hội đồng khoa học Khoa [H3.03.02.08], tổng hợp qua bản ma trận CTDH của các học phần, 10 phương pháp giảng dạy đã được sử dụng trong các học phần bao gồm: Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Dạy học tình huống, Đóng vai, Động não, Dự án, Trò chơi, Sơ đồ tư duy, Hướng dẫn trực tiếp (trải nghiệm thực tế), Dạy học giải quyết vấn đề. Trong đó, phương pháp Thuyết trình và thảo luận nhóm được sử dụng làm phương pháp dạy học chủ đạo [H3.03.02.05]. Song song với các phương pháp dạy học, phương pháp học tập cũng được đa dạng hoá qua 5 nhóm phương pháp bao gồm: Giải quyết vấn đề, Thảo luận nhóm, thuyết trình, thực hành trực tiếp, tự học. Trong số các phương pháp học tập trên, phương pháp tự học và học tập giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm được giáo viên tập trung nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho người học. Trong số 60 học phần, giảng viên thể hiện rõ các cách thức đánh giá thường xuyên (đánh giá chuyên cần, thảo luận, bài tập) trong quá trình học tập, đánh giá giữa kỳ (tự luận, đánh giá của cơ sở, truyền thông, tiểu luận, trắc nghiệm, tranh biện, vấn đáp) và đánh giá cuối kỳ (tự luận, tiểu luận, trắc nghiệm, vấn đáp, báo cáo). [H3.03.02.02], [H3.03.02.03], [H3.03.02.05]. Trong việc đánh giá thường xuyên, hình thức đánh giá qua bài tập được sử dụng nhiều nhất (80%); đối với giữa kỳ, tiểu luận được sử dụng nhiều nhất (42%), và tự luận (31%) nhằm đánh giá người học; trong khi đó tự luận là cách thức phổ biến nhất (67%) để đánh giá cuối kỳ. Một số môn sử dụng các hình thức khác để đánh giá như vấn đáp (Kiến tập CTXH, Thực hành CTXH 1, Thực hành CTXH 2, Thực hành 3), trắc nghiệm (CTXH cá nhân, CTXH trường học, CTXH với người đồng tính, song tính, chuyển giới). báo cáo (Thực hành CTXH 1,2,3), còn lại là thi theo hình thức Tiểu luận [H3.03.02.05].

Tổ hợp những phương pháp giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá cho thấy các học phần đã được xây dựng phong phú, đa dạng về phương pháp nhằm truyền tải kiến thức, việc trình bày phương pháp giảng dạy/học tập được cụ thể, chi tiết theo nội dung học tập đến từng mục trong các chương. Những phương pháp này đã góp phần làm rõ tính đạt được CDR của CTDH. Cụ thể: phương pháp giảng dạy: thảo luận nhóm, đóng vai, dự án, trò chơi... giúp tăng cường CDR 4, 8, 9, 11, 12, 13, 14 – 18; phương pháp: hướng dẫn trực tiếp định hướng sinh viên hoàn thiện những CDR 1- 7 dưới sự hỗ trợ của giảng viên; phương pháp thảo luận nhóm, dự án, sơ đồ tư duy... giúp đạt được CDR 4, 18. Các phương pháp kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ cũng góp phần đạt chuẩn đầu ra về phẩm chất, năng lực chung và của ngành cho người học, nhấn mạnh đến mức tự chủ, trách nhiệm trong việc học tập. [H3.03.02.02], [H3.03.02.03], [H3.03.02.05]

Nội dung các môn học/học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CDR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Năm 2019, nội dung các môn học/ học phần trong CTDH được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan bao gồm: chuyên gia (3 chuyên gia), tổ chức tuyển dụng (5 đơn vị), cựu sinh viên (5 cựu sinh viên) và sinh viên (4 sinh viên) đang theo học. Việc lấy ý kiến được thực hiện thông qua hình thức thảo luận nhóm tập trung. Trên cơ sở những biên bản họp, nhìn chung CTDH đã được đánh giá có sự cập nhật, thay đổi từ CTDH cho khoá sinh viên chính quy đầu tiên là K57 đến hiện tại, cấu trúc CTDH có lý thuyết đan xen thực hành, chương trình được xây dựng nhờ đội ngũ giảng viên đến từ nhiều ngành khác nhau nên có những cách tiếp cận đa chiều, các phương pháp giảng dạy có sự bổ sung thêm những phương pháp mới như trải nghiệm thực tế, trải nghiệm nhân vật (người trong cuộc), phương pháp giảng dạy của giảng viên hầu hết được đánh giá cuốn hút, truyền tải thông tin rõ ràng. [H3.03.02.07]. Bởi vậy, trong quá trình điều chỉnh đề cương và giáo án từ năm 2017 – 2019 (hai năm một lần), giảng viên đã bổ sung thêm các phương pháp giảng dạy tích cực khác và bổ sung việc mô tả chi tiết các tiêu chí đánh giá và tỷ lệ đánh giá đối với các hình thức đánh giá khác nhau nhằm tăng cường tính minh bạch và công bằng cho người học [H3.03.02.02], [H3.03.02.03], [H3.03.02.05].

## **2. Điểm mạnh**

Các học phần trong chương trình đào tạo (học phần bắt buộc và tự chọn) được phân bố hợp lý, khoa học và gắn kết hỗ trợ lẫn nhau và đáp ứng CDR của CTĐT phân nhiệm cho các học phần. Các học phần thuộc khối văn chung (8 học phần: 25 tín chỉ), học văn

chung của nhóm ngành (5 học phần: 10 tín chỉ), khối học vấn chung của ngành (35 học phần (bao gồm học phần tự chọn): 66 tín chỉ), khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực nghề được sắp xếp để thực hiện theo hệ thống từ cơ bản đến nâng cao, từ nền tảng đến chuyên sâu. CTĐT đã ghi rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Mọi liên hệ giữa CDR của các học phần với CDR của CTĐT được thể hiện rõ ràng; nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của từng học phần bám sát với CDR của học phần và CDR của CTĐT phân nhiệm cho học phần.

### 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của nhà tuyển dụng và sinh viên về sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt CDR cần được thực hiện thường xuyên 2 năm một lần với số lượng tham khảo ý kiến lớn hơn.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phối hợp với Phòng Đào tạo và Trung tâm ĐBCLGD của nhà trường lấy ý kiến góp ý, phản hồi của nhà tuyển dụng và sinh viên về sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR một cách bài bản và thường xuyên hơn.	Khoa CTXH	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục điều chỉnh CTĐT theo CDR mới định kỳ 2 năm một lần nhằm đảm bảo tính cập nhật, logic, phù hợp.	Khoa CTXH	2 năm/ lần	

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp**

## 1. Mô tả

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Các học phần được thiết kế trong CTDH theo trình tự hợp lý và logic với sự liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu. CTĐT năm 2015, rà soát chỉnh sửa 2017 có 130 tín chỉ. Tuy nhiên, số 72 học phần năm 2015, 2017 được điều chỉnh thành 60 học phần (thêm các học phần tự chọn) và vẫn được phân chia theo khối kiến thức chung (không tính các môn học GDTC và GDQP), khối kiến thức chung của nhóm ngành, khối kiến thức ngành (bắt buộc và tự chọn), khối kiến thức rèn luyện năng lực nghề (bắt buộc và tự chọn) [H3.03.03.01]. Các học phần trong CTĐT nêu rõ mục tiêu học phần về kiến thức, kỹ năng và thái độ SV cần đạt được; nội dung giảng dạy, kế hoạch giảng dạy. Riêng phương pháp kiểm tra đánh giá được thể hiện rõ ràng và bám sát với mục tiêu và 10 CDR của học phần trong bản CTĐT 2017. [H3.03.03.01], [H3.03.03.02]

Cấu trúc chương trình được sắp xếp theo trình tự học phần thể hiện năng lực cần đạt được từ thấp lên cao đối với người học; đi theo từng khối kiến thức chung, kiến thức chung của nhóm ngành đến ngành, rèn luyện năng lực nghề. Các học phần thể hiện rõ học phần tiên quyết và hỗ trợ học phần tiếp theo hoặc học phần được tiến hành song song cùng phân kỳ [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03], [H3.03.03.04].

Cụ thể, khối kiến học vấn chung gồm 8 học phần tương đương 25 tín chỉ; khối học vấn chung của nhóm ngành gồm 5 học phần tương đương 10 tín chỉ; khối học vấn chuyên ngành gồm 16 học phần bắt buộc, tương đương 46 tín chỉ và lựa chọn 20 tín chỉ trên tổng số 56 tín chỉ của 20 học phần tự chọn; khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực nghề gồm 18 tín chỉ bắt buộc và 6 tín chỉ trên tổng số 12 tín chỉ của 4 học phần tự chọn. Toàn bộ khối học phần thuộc khối học vấn chung được tiến hành từ học kỳ 1 đến học kỳ 2 (trừ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh kỳ 3, Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam kỳ 4 nhằm đảm bảo tính tiên quyết của mỗi học phần); khối học vấn chung bắt buộc của nhóm ngành được tiến hành từ học kỳ 3 đến học kỳ 5 (trừ môn Nhập môn Công tác xã hội được giới thiệu từ học kỳ 2 nhằm giới thiệu cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ngành, tăng niềm hứng thú, yêu thích của sinh viên, đồng thời đây cũng là môn học tiên quyết nền tảng của nhiều môn học khác). Các học phần thực tập, kiến tập được thiết kế giảng dạy theo hình thức gộp đầu: Kiến tập CTXH sau Nhập môn CTXH, Thực hành 1,2,3 sau khi sinh

viên học xong các môn lý thuyết nền tảng để thực tập bao gồm: Công tác xã hội cá nhân, Công tác xã hội nhóm, Tổ chức và phát triển cộng đồng... Các môn học đều đảm bảo tính tiên quyết và tính logic trong việc sắp xếp các môn học, giúp cung cấp kiến thức chung cho người học theo tình tự từ thấp đến cao, từ lý thuyết đến thực hành. Bên cạnh các học phần bắt buộc, CTĐT có các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp giúp sinh viên có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động CTDH có 20 học phần tự chọn của nhóm ngành cũng được đưa vào chương trình giảng dạy theo hướng tiếp cận: những môn tự chọn mang tính tổng quan, cơ sở học trước; môn học mang tính chuyên môn tác động tới nhóm đối tượng cụ thể giới thiệu sau. Cụ thể: Các môn Giới và phát triển, Chính sách xã hội, Lý thuyết CTXH, Dân tộc học và CTXH dân tộc, Tôn giáo học và CTXH tôn giáo, Tâm lý học xã hội, Ngoại ngữ chuyên ngành... được đưa vào chương trình giảng dạy từ kỳ 2-4. Những môn tự chọn khác như CTXH trong chăm sóc sức khoẻ tâm thần, CTXH với vấn đề bạo lực học đường, CTXH dân số và Sức khoẻ sinh sản, CTXH với người cao tuổi, CTXH với người sử dụng chất gây nghiện... được đưa vào chương trình đào tạo học kỳ 5,6. Có thể thấy, toàn bộ khối kiến thức bắt buộc và tự chọn của nhóm ngành được đưa vào chương trình theo một trật tự logic. Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực nghề bắt buộc và tự chọn được giảng dạy vào kỳ 7, sau đó học kỳ 8 cuối cùng là học kỳ để sinh viên thực tập và thực hiện Khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần tương đương. Toàn bộ chương trình xây dựng đảm bảo mỗi học kỳ, sinh viên được học từ 15 – 18 tín chỉ, riêng học kỳ 8 học 10 tín chỉ nhằm đảm bảo tổng số 125 tín chỉ khi kết thúc trình độ cử nhân. [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03], [H3.03.03.04].

CTDH cũng thể hiện tính cập nhật và bám sát yêu cầu của CĐR CTĐT khi bổ sung các học phần mới như bổ sung 7 học phần vào khối học vấn ngành tự chọn là CTXH với các vấn đề toàn cầu, Truyền thông trong CTXH, CTXH với người cao tuổi, CTXH với học sinh nghiện Internet, CTXH với vấn đề bạo lực học đường, bổ sung học phần CTXH trong bệnh viện vào khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực nghề bắt buộc, thay thế môn CTXH trong doanh nghiệp vào khối kiến thức Khóa luận hoặc tương đương; bổ sung một số đầu môn mới để đảm bảo tính cập nhật của CTĐT và tạo điều kiện cho SV lựa chọn học phần phù hợp với định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp [H3.03.03.01], [H3.03.03.04], [H3.03.03.06], H3.03.03.09]

CTDH 2017 thể hiện chi tiết năng lực cần đạt được theo 10 tiêu chuẩn trên hai trụ cột là phẩm chất và năng lực. Trình tự khu năng lực cần đạt được thiết kế theo CĐR của CTĐT và theo trình tự từ cơ bản đến nâng cao, gắn liền với các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và năng lực thực hành nghề nghiệp (thực tập chuyên ngành) [H3.03.03.01], [H3.03.03.04]. Đến năm 2019, tăng số CĐR thành 20 chuẩn, nhằm cụ thể hoá hơn các CĐR cần đạt được của môn học.

Sự thay đổi, cập nhật còn được thể hiện ở việc Giáo án và đề cương các môn học được yêu cầu bổ sung thêm CĐR, Phương pháp giảng dạy (từ bản 2015-2017) và có sự thay đổi toàn diện ở bản 2019 khi bổ sung thêm Mục tiêu học phần, CĐR, Ma trận tích hợp giữa CĐR học phần với CĐR CTĐT, Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần với CĐR học phần, Phương pháp học tập, Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CĐR học phần, Ma trận tích hợp CĐR với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập, Tiêu chí đánh giá. [H3.03.03.02], [H3.03.03.09].

Nội dung kiến thức ngôn ngữ được trình bày một cách logic và được thể hiện thông qua các bài học theo từng chương mục rõ ràng. Các đề cương chi tiết học phần thể hiện rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Số tiết dành cho phần tự học & tự nghiên cứu gấp 3 lần số tiết quy định dành cho học phần. [H3.03.03.02]

Giáo trình và các tài liệu hỗ trợ dạy và học được nghiên cứu và chọn lựa cẩn thận từ các nhà xuất bản uy tín trên thế giới và tài liệu tham khảo được yêu cầu giới thiệu tài liệu mang tính cập nhật 5 năm gần nhất, trừ giáo trình hoặc tài liệu nền tảng của ngành [H3.01.01.03]. Học liệu được phân chia phân cấp cụ thể theo nhóm Giáo trình, Tài liệu tham khảo bắt buộc, Tài liệu tham khảo tự chọn, websites thể hiện một cách cụ thể học liệu cho người học. Trong khi bản 2015, 2017 chỉ tập trung vào Giáo trình và Tài liệu tham khảo. [H3.03.03.02]

CTDH các học phần có nội dung cập nhật và có tính tích hợp. CTDH dạy học thể hiện tính tích hợp khi xây dựng các môn học mang tính định hướng nền tảng. Ngoài ra, các học phần cũng xây dựng thêm các môn học tự chọn mang tính chuyên sâu, nhằm tạo điều kiện cho người học được tự đăng kí môn học để phát triển hướng nghiên cứu của bản thân. Ví dụ, Môn Tham vấn trong CTXH là môn học bắt buộc, ngoài ra, người học có thể lựa chọn học thêm môn Tham vấn trường học, Tham vấn trẻ em và gia đình (tự chọn) để nâng cao kỹ năng tham vấn với các đối tượng cụ thể. Hoặc sinh viên có thể tập trung vào các

vấn đề CTXH với trường học như Bạo lực học đường, Công tác dân số và sức khoẻ sinh sản, Học sinh nghiện internet. Điều này là phù hợp với định hướng Công tác xã hội của trường Đại học Sư phạm Hà Nội với thế mạnh là hệ thống mạng lưới trường học. Nhưng CTDH cũng tập trung vào những kiến thức nền tảng của CTXH cho các nhóm đối tượng khác như người cao tuổi, người sử dụng chất gây nghiện, sức khoẻ tâm thần, người khuyết tật, người có HIV/AIDS... [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03].

Ngoài ra 2 năm một lần, giảng viên đảm nhiệm các học phần có trách nhiệm thì rà soát và cập nhật nội dung giảng dạy phù hợp, đáp ứng nhu cầu thực tiễn và có tham khảo các CTĐT trong nước và quốc tế [H3.03.03.06]. Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung giảng dạy có sự chỉ đạo, giám sát chặt chẽ của Trường và Khoa, Bộ môn [H3.03.03.06]. Do việc thay đổi về các CDR 2 năm một lần, việc tăng số lượng tín chỉ từ 2-3 tín chỉ/ môn ở các môn thuộc khối Kiến thức chuyên ngành nên nội dung dạy học, phương pháp dạy học cũng được thay đổi để phù hợp với yêu cầu CDR hiện hành. [H03.03.03.02], [H03.03.03.03].

CTDH được điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo CTDH của một số trường Đại học ở Việt Nam bao gồm: Trường ĐH Đà Lạt, ĐH Khoa học xã hội và nhân văn Hồ Chí Minh, ĐH Khoa học xã hội và nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Đà Nẵng, Học viện báo chí và tuyên truyền; tham khảo các trường Đại học trên thế giới bao gồm: Đại học New England, Úc, Đại học James Cook, Đại học Alcon State, Đại học Wayne. [H3.03.03.07]. Mỗi một trường đại học tham khảo trên đều có những định hướng đào tạo đặc trưng, ví dụ ĐH Khoa học xã hội và nhân văn HCM chương trình đào tạo tập trung vào hoạt động phát triển cộng đồng, tham vấn và CTXH nói chung. Các trường ĐH khác như Đà Lạt, Công Đoàn... có tập trung vào các môn học liên quan đến CTXH với các nhóm đối tượng cụ thể... Hay trường ĐH Alcon, James Cook xây dựng các môn học với các nhóm đối tượng cụ thể cho sinh viên năm 3,4.... trên cơ sở đào tạo các môn học nền tảng cho sinh viên ở năm thứ hai. Trên cơ sở tham khảo các CTDH, việc điều chỉnh các môn học (như tập trung vào mảng CTXH trường học), bổ sung thêm CTXH trong bệnh viện, CTXH trong doanh nghiệp (môn thay thế tốt nghiệp) CTXH với người cao tuổi, Truyền thông trong CTXH được thực hiện vừa dựa trên sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường Đại học trong nước, đồng thời dựa trên xu hướng phát triển nghề nghiệp trong tương lai. Tuy nhiên, chương trình hiện tại vẫn chưa quá chú trọng vào tính chuyên sâu (chỉ mang tính cung cấp lý thuyết nền tảng) dựa trên quan điểm xây dựng khung chương trình đáp ứng năng lực cơ

bản cho sinh viên, từ đó bằng ý thức tự học, tự nghiên cứu, sinh viên có thể đưa ra định hướng nghề nghiệp chuyên sâu hơn (Như các CTĐT của các trường quốc tế). Ngoài ra, do có sự thay đổi về số môn học, CTDH của trường Sư phạm cần xác định lại rõ các môn học bắt buộc của khối kiến thức nhóm ngành. Việc xác định này tương đối phù hợp với quan điểm xây dựng CTDH của các trường có truyền thống đào tạo CTXH lâu năm tại Việt Nam: như giữ các môn: Nhập môn CTXH (CTXH đại cương), CTXH cá nhân, CTXH nhóm, Đạo đức nghề CTXH, An sinh xã hội, Tham vấn, Hành vi con người trong môi trường xã hội... là các môn xương sống xây dựng chương trình. Điều này thể hiện quan điểm cập nhật những CTDH của các trường cùng nhóm ngành đào tạo, nhưng vẫn giữ được định hướng riêng của một khoa đào tạo trong trường Đại học Sư phạm Hà Nội. [H3.03.03.01]. [H3.03.03.07].

Năm 2019, cuộc thảo luận nhóm tập trung do khoa CTXH tổ chức để đưa CTDH ra lấy ý kiến chuyên gia, sinh viên, đều được đánh giá tốt về cấu trúc, tính logic và tích hợp của chương trình về tính đáp ứng với nhu cầu phát triển của ngành nghề trong thực tế. Cụ thể, chuyên gia đánh giá chương trình dạy học có sự thống nhất chung với các chương trình dạy học của các cơ sở khác đào tạo về CTXH ở Việt Nam, có sự thống nhất và logic về thứ tự giảng dạy các môn học lý thuyết và thực hành. Sinh viên đánh giá các môn học CTXH đối với các nhóm đối tượng yếu thế đều phù hợp với những vấn đề xã hội hiện tại cần quan tâm. [H3.03.03.05].

## **2. Điểm mạnh**

CTDH của các học phần trong CTĐT ngành Công tác xã hội có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Đồng thời, CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật hai năm một lần. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn năng lực, phẩm chất của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các qui định trong CDR của CTĐT ngành Công tác xã hội.

## **3. Điểm tồn tại**

Số lượng CTDH được tham khảo từ các trường đại học tiên tiến ở trong nước và quốc tế còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**



<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Tích cực cập nhật và tích hợp các CTĐT tiên tiến trong nước và các nước ở khu vực và thế giới để hoàn thiện CTDH của khoa.	Khoa CTXH	2 năm/ lần	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CTDH của các học phần trong chương trình đào tạo để đáp ứng hơn nữa nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới 2 năm một lần.  Tăng cường tham khảo và đối sánh với CTĐT đại học ngành Công tác xã hội của các trường quốc tế.	Khoa CTXH	2 năm/ lần	

### **5. Tự đánh giá: Đạt 5/7**

#### **Kết luận về tiêu chuẩn 3**

CTDH của ngành Công tác xã hội được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT. Hội đồng KH&ĐT của Khoa Công tác xã hội chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức chung đến kiến thức ngành hẹp. Bên cạnh đó chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các năng lực và phẩm chất phát triển nghề nghiệp cho SV. Các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, thuận lợi cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành Công tác xã hội trong khu vực và

trên thế giới. CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. Cán bộ GV khi thực hiện CTĐT luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV học tập, NCKH. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

Việc lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của nhà tuyển dụng và sinh viên về sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt CDR cần được thực hiện thường xuyên 2 năm một lần với số lượng tham khảo ý kiến lớn hơn. Số lượng CTDH được tham khảo từ các trường đại học tiên tiến ở trong nước và quốc tế còn hạn chế.

### **Đánh giá tiêu chuẩn 3:**

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
<b>Tiêu chí 3.1</b>					5		
<b>Tiêu chí 3.2</b>					5		
<b>Tiêu chí 3.3</b>					5		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>5</b>						

### **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

#### **Mở đầu**

Khoa CTXH luôn chú trọng phương pháp tiếp cận hiệu quả trong dạy và học nhằm đạt được chuẩn đầu ra được mô tả trong chương trình đào tạo. Phương pháp tiếp cận dạy và học được căn cứ trên triết lý và mục tiêu giáo dục được Nhà trường tuyên bố rõ ràng. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra và thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên. Các giảng viên của Khoa đã vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực như: dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, dạy học tích hợp, dạy học dựa trên truy vấn, dạy học dựa trên dự án. Các đề tài trong các khóa luận tốt nghiệp đã thể hiện sự nghiên cứu, vận dụng và thực nghiệm thành công các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, hiện đại phát huy được tính chủ động, tích cực và khả năng tự học của người học.

***Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan***

#### **1. Mô tả**

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHSPHN được tuyên bố trong Đề án trường ĐHSPHN trọng điểm và Kế hoạch chiến lược của Trường giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn 2030. Mục tiêu chung là “*Xây dựng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội trở thành trường đại học sư phạm “chuẩn mực, sáng tạo và tiên phong” trong đào tạo giáo viên, chuyên gia và lãnh đạo giáo dục, các nhà nghiên cứu chất lượng cao ở cấp quốc gia và khu vực, năng lực nghiên cứu khoa học công nghệ (đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học cơ bản) đạt tầm khu vực và quốc tế*” [H4.04.01.01].

Ngày 06/12/2019, Trường ĐHSPHN thành lập ban xây dựng “mục tiêu giáo dục, triết lý giáo dục trình độ đại học” theo quyết định số 11868/ĐHSPHN nhằm thống nhất mục tiêu giáo dục, triết lý giáo dục trình độ đại học chung cho toàn trường [H4.04.01.02]. Mục tiêu giáo dục, triết lý giáo dục trình độ đại học đã được gửi lấy ý kiến góp ý của các đơn vị trong trường [H4.04.01.03]. Triết lý giáo dục của Trường ĐHSPHN được ban hành theo quyết định số ngày 06/05/2020 với nội dung là *đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng* hướng tới mục tiêu đào tạo những nhà giáo có lòng nhân ái, tình yêu con người, có ý thức bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc; có tư duy độc lập, có khả năng cập nhật, sáng tạo cái mới, có năng lực phản biện khoa học; sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng; hành động tích cực vì sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc và nhân loại.

Triết lý giáo dục của nhà trường không chỉ phù hợp với bối cảnh đổi mới giáo dục và phát triển của đất nước, đáp ứng nhu cầu của người học, của xã hội mà còn dự báo tính thích ứng trong tương lai và là kim chỉ nam cho mọi hoạt động giáo dục, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường [H04.04.01.03].

Mục tiêu giáo dục của Trường được cụ thể hóa trong mục tiêu đào tạo của Trường, Khoa và được thể hiện trong các mục tiêu của CTĐT và đề cương các học phần [H4.04.01.04].

Ngay sau khi Nhà trường ban hành quyết định, Triết lý giáo dục của Nhà trường đã được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên của khoa cũng như tới các bên liên quan (các cấp quản lí, các cơ sở đào tạo khác, các nhà tuyển dụng) bằng nhiều hình thức khác nhau như: thông qua trang web của trường, trong buổi tổng kết năm học 2019 – 2020 [H04.04.01.05].

Mục tiêu của CTĐT cũng được phổ biến tới sinh viên vào tuần công tác học sinh-sinh viên ngay từ năm thứ nhất khi mới nhập học và trong Sổ tay sinh viên [H4.04.01.06],

[H4.04.01.7]. Đoàn thanh niên, Hội sinh viên cấp trường, Phòng Công tác chính trị - Học sinh Sinh viên cũng như các đơn vị khác trong trường đã phổ biến mục tiêu giáo dục của nhà trường thông qua các buổi tọa đàm và sự kiện giới thiệu về trường như sự kiện Open Tour tổ chức vào đầu năm học dành cho sinh viên năm thứ nhất, sự kiện chào tân sinh viên, [H4.04.01.06], [H04.04.01.08]. Tuy nhiên, mục tiêu giáo dục của trường chỉ mới phổ biến đến các cơ sở thực tập, thực hành, chưa được phổ biến rộng rãi tới các cơ sở tuyển dụng trên khắp cả nước.

## 2. Điểm mạnh

Trường ĐHSPHN đã có triết lý giáo dục và được tuyên bố rõ ràng trên trang thông tin điện tử. Mục tiêu giáo dục được cụ thể hoá trong mục tiêu của CTĐT và phổ biến tới cán bộ giảng viên, sinh viên thông qua nhiều kênh thông tin để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

## 3. Điểm tồn tại

Chưa đa dạng hóa cách thức phổ biến triết lý giáo dục tới các bên liên quan

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phổ biến rộng rãi triết lý giáo dục đến các bên liên quan thông qua nhiều hình thức đa dạng và các kênh thông tin đại chúng như: báo chí, tọa đàm để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Đưa triết lý giáo dục vào sổ tay sinh viên, vào tuần sinh hoạt công dân	BGH nhà trường.  Phòng Công tác Chính trị và học sinh sinh viên	Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021  Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục các hoạt động phổ biến mục tiêu giáo dục, triết lý giáo dục của trường thông qua các hoạt động cũng như các văn bản đã thực hiện.	Trường	Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021	

	Tiếp tục sử dụng đa dạng các hình thức để tuyên truyền về mục tiêu đào tạo của khoa tới các bên liên quan.	Khoa CTXH	Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021	
--	--	-----------	--------------------------------	--

## 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

### *Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra*

#### 1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học trong chương trình đào tạo ngành CTXH được thiết kế đa dạng, phù hợp để có thể đạt được chuẩn đầu ra. Trong 60 học phần trong CTĐT có thiết kế hoạt động học lý thuyết, bài tập, thảo luận, tự học tương ứng với nội dung kiến thức giúp người học đạt được chuẩn đầu ra [H4.04.02.01]. Hoạt động dạy học luôn kết hợp đa dạng các phương pháp truyền thống cũng như phương pháp mới: gồm thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận, cặp đôi, đóng vai theo chủ đề; dự án vì vậy hình thức thi hết môn cũng phù hợp và đa dạng để đánh giá được CDR của sinh viên, thường là thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp, làm bài tập lớn.

Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học. GV các Bộ môn giảng dạy đã xây dựng và triển khai các phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt và hiệu quả theo đề cương chi tiết và quy định hội đồng khoa học. [H4.04.02.02], [H4.04.02.03]

Ngoài ra, Khoa đã mời một số chuyên gia nước ngoài về lĩnh vực CTXH đến làm tình nguyện chuyên môn từ 3-6 tháng, các chuyên gia hỗ trợ khá tốt cho GV của khoa về chuyên môn và ngoại ngữ, nguồn tài liệu chuyên ngành và phương pháp dạy học tích cực. [H4.04.02.04]. Bên cạnh đó, Khoa tổ chức các cuộc trao đổi theo chủ đề như "người trong cuộc" để chia sẻ các kinh nghiệm cá nhân (về cả khó khăn và thuận lợi) với SV như người có HIV/AIDS, người thuộc cộng đồng LGBT, người là nạn nhân của buôn bán người, bạo lực gia đình... giúp SV có cái nhìn thực tế hơn về môn học và nhóm thân chủ họ tiếp cận [H4.04.02.05].

Hoạt động thực hành, thực tập là một phần bắt buộc của CTĐT, gồm 12 tín chỉ [H04.04.02.08]. SV được cử đến hoặc tự liên hệ với các cơ sở thực tập để thực hành nghiên cứu, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp. Các cơ sở thực tập đa dạng, đáp ứng yêu cầu thực tập để định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp của SV như bệnh viện, trường học, trung tâm chăm sóc người cao tuổi,

trung tâm bảo trợ, trung tâm cai nghiện,... [H4.04.02.09]. Việc thực tập thực tế của SV tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về nội dung, phương pháp, và kỹ năng) được nêu rõ trong đề cương môn học và được các GV lập kế hoạch, liên hệ và giám sát. SV được GV phụ trách thực tập thực tế và cán bộ ở cơ sở thực tập cùng hướng dẫn. Bên cạnh đó, Khoa có hoạt động trao đổi về cách thức triển khai thực hành hiệu quả trong tổ thực hành, cũng như với sinh viên [H4.04.02.10].

Khoa đã thường xuyên tổ chức buổi tọa đàm về "Phương pháp học tập và nghiên cứu ở đại học" cho sinh viên toàn Khoa. Đây là những buổi tọa đàm mở để GV và SV cùng trao đổi về cách thức truyền đạt kiến thức mà sinh viên mong muốn cũng như những gì giảng viên kỳ vọng ở người học. Câu lạc bộ tiếng Anh cũng như các câu lạc bộ khác giúp SV được tham gia hỗ trợ SV quốc tế khi các bạn ấy đến Việt Nam, hỗ trợ nhau tham gia các hoạt động giáo dục kỹ năng bằng tiếng Anh, tổ chức chia sẻ kinh nghiệm học tiếng Anh cùng nhau [H4.04.02.07].

Người học được tiếp cận chương trình học tập linh hoạt để có thể chủ động lựa chọn thời gian, GV, lộ trình học tập theo nhu cầu và khả năng của bản thân. SV có thể đăng ký theo học chuyên ngành 2 theo nhu cầu của cá nhân. Bên cạnh tính linh hoạt trong lựa chọn chương trình và lộ trình học tập, SV còn được tham gia các hình thức học tập đa dạng kết hợp giữa trên lớp và học online, giúp SV đạt được CDR về kỹ năng và thái độ như chủ trì, tham gia Câu lạc bộ tiếng Anh định kỳ hàng tuần của Khoa, tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn tại Bỉ, Thủy Điện [H4.04.02.06].

#### **Đánh giá của giảng viên về hiệu quả phương pháp giảng dạy**

<b>Phương pháp giảng dạy</b>	<b>Mức độ hành vi (%)</b>				
	0	1	2	3	4
Phương pháp giảng dạy đang áp dụng phù hợp với chuẩn đầu ra CTĐT	0	5.00	10.00	45.00	40.00
Phương pháp giảng dạy của GV đã tích cực hóa hoạt động của người học	0	0	8,4	55,2	36,4
GV đã thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực	0	0	10.00	30.00	60.00

Người học được khuyến khích thảo luận, tự học, học bằng trải nghiệm	0	0	25.00	40.00	35.00
Người học được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học	0	0	20	45.00	35.00

**Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp từ 2015 – 2019  
về hiệu quả phương pháp giảng dạy**

Phương pháp giảng dạy	Mức độ hành vi (%)				
	0	1	2	3	4
Phương pháp giảng dạy đang áp dụng phù hợp với chuẩn đầu ra CTĐT	0	4.80	18.00	42,4	49,6
Phương pháp giảng dạy của GV đã tích cực hóa hoạt động của người học	0	5.60	15.20	26.80	52.40
GV đã thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực	0	4.00	10.80	31.20	54.00
Người học được khuyến khích thảo luận, tự học, học bằng trải nghiệm	0	4.80	12.80	29.60	52.80
Người học được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học	0	4.40	14.00	30.40	51.20

*Ghi chú:*(0) - Hoàn toàn không đồng ý; (1)- Không đồng ý về cơ bản; (2) - Đồng ý một phần; (3) - Đồng ý về cơ bản; (4) - Hoàn toàn đồng ý

Qua khảo sát lấy kiến kiến năm 2019 của SV và cựu SV từ K62 - K69 về hoạt động giảng dạy của GV của Khoa cho thấy, người học hài lòng từ 74,1% trở lên về phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu của GV, phương pháp giảng dạy luôn cập nhật phương pháp giảng dạy mới và sử dụng linh hoạt các công cụ giảng dạy [H04.04.02.11].

## **2. Điểm mạnh**

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. GV và SV tham gia đều đặn các hoạt động NCKH. CTĐT có nhiều hoạt động thực tập, thực hành cũng như các hoạt

động thực tế, các hoạt động cộng đồng. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm đạt CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV.

### 3. Điểm tồn tại

Chưa đa dạng hóa các hình thức hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp học tập.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đa dạng hóa các hình thức hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra.	Khoa CTXH	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy hiệu quả của các phương pháp dạy và học hiện đại nhằm đạt CDR	- Giáo viên bộ môn - Trợ lý đào tạo - Trợ lý nghiên cứu khoa học	Từ năm học 2020-2021	

### 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

**Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học**

#### 1. Mô tả

Đề cương chi tiết 60 học phần đều mô tả rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho sinh viên [H4.04.02.01]. Cụ thể: Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động tự học và nghiên cứu khoa học của SV, các bài tập nhóm, các bài thực



hành, các bài thảo luận, thực tập, thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cho SV, được thể hiện thông qua nội dung dạy học chi tiết của từng học phần cụ thể và kế hoạch giảng dạy của giảng viên. Những kỹ năng này của sinh viên được thể hiện rõ trong các sản phẩm học tập như: Báo cáo thu hoạch, Bài tập nhóm, Báo cáo nghiên cứu khoa học, khóa luận tốt nghiệp... [H4.04.03.01], [H4.04.03.02]

Trong CTĐT cũng hướng tới việc nâng cao tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của người học trong quá trình học lý thuyết và thực hành, tự thực hành, thực tập, thực tập tốt nghiệp. Các học phần trong CTĐT đã quy định rõ số giờ tự học và chỉ ra những tài liệu tham khảo giúp sinh viên có thể tìm, tra cứu phục vụ cho việc tự học [H4.04.03.01]. CTĐT cử nhân CTXH đã thiết kế một số học phần nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học như học phần “kỹ năng giao tiếp”, “định hướng giá trị và giáo dục giá trị sống”, “kỹ năng truyền thông”... [H4.04.03.01]. Hằng năm, Nhà trường, Khoa tiến hành rà soát nguồn học liệu, tài liệu giáo trình và cập nhật trên website thư viện trường nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu [H4.04.03.03].

Trong vòng 4 năm đào tạo tại trường, GV không thể cung cấp tất cả tri thức của nhân loại bởi lẽ, kiến thức là vô hạn, kiến thức tăng lên trong từng giây từng phút. Do đó, trong quá trình giảng dạy, GV không chỉ cung cấp thông tin mà quan trọng hơn là GV còn hướng dẫn SV tìm tòi, khám phá tri thức, tự học, tự nghiên cứu. Điều này được thể hiện rất rõ trong chính sự phân bố tỉ lệ giữa các giờ học. Ở bất cứ học phần nào, bên cạnh những giờ học lý thuyết, giờ học thực hành, bài tập thì GV luôn luôn dành cho SV những giờ tự học [H4.04.02.01]. Nhờ đó mà giúp cho sinh viên có khả năng học tập và nghiên cứu suốt đời. Đồng thời, trong kiểm tra đánh giá, GV sử dụng nhiều hình thức khác nhau nhằm khuyến khích SV không chỉ có khả năng làm việc nhóm mà còn có khả năng làm việc độc lập, có tư duy sáng tạo, có những kỹ năng mềm như ngoại ngữ, tin học là cơ sở để SV có thể tiến hành học tập suốt đời. SV trình bày báo cáo, kết quả thu hoạch dưới nhiều hình thức khác nhau, không bắt buộc SV phải trả bài theo đúng đáp án mà ngược lại còn khuyến khích tư duy sáng tạo... [H4.04.02.01], [H4.04.03.02].

CTĐT cử nhân CTXH đã thiết kế một số học phần nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học như học phần “kỹ năng giao

tiếp”, “định hướng giá trị và giáo dục giá trị sống”, “kỹ năng truyền thông”... [H4.04.03.01]. Hằng năm, Nhà trường, Khoa tiến hành rà soát nguồn học liệu, tài liệu giáo trình và cập nhật trên website thư viện trường nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu [H4.04.03.03].

Để thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, Khoa cũng rất chú trọng xây dựng và đổi mới chương trình rèn luyện nghiệp vụ CTXH hằng năm, trong đó không chỉ dành cho SV trong nước mà dành cho cả SV nước ngoài đến trao đổi SV từ các trường đại học của Thụy Điển, Bỉ, Mỹ, Úc qua đó giúp cho SV nâng cao khả năng tự học, nhất là học tiếng Anh [H4.04.03.04]. Khoa cũng đã thiết kế 01 học phần là tiếng Anh chuyên ngành CTXH giúp cho SV có thể phát triển kỹ năng tự học tiếng Anh [H4.04.03.05].

Hằng năm, Khoa tiến hành khảo sát đối với SV vừa tốt nghiệp, SV đã tốt nghiệp sau 1 năm, GV đang giảng dạy và các nhà tuyển dụng để làm cơ sở *điều chỉnh, bổ sung chương trình chi tiết, cải tiến các hoạt động dạy và học để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao năng lực học tập suốt đời của người học*. Còn các nhà tuyển dụng thể hiện sự hài lòng và rất hài lòng với chất lượng sinh viên tốt nghiệp (96,4%), trong đó họ đánh giá cao các kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp như: kỹ năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm [H4.04.02.06].

## **2. Điểm mạnh**

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT cử nhân CTXH được thiết kế đảm bảo thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Tất cả các đề cương chi tiết các học phần đều mô tả rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho sinh viên. Đề cương chi tiết học phần đều mô tả được yêu cầu của hoạt động tự nghiên cứu/ tự học, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV.

## **3. Điểm tồn tại**

Các hoạt động dạy và học đã hướng đến rèn luyện các kỹ năng cho sinh viên nhưng mức độ sinh viên đạt được còn chưa đồng đều do sinh viên vẫn còn hạn chế ở kỹ năng ngoại ngữ.

## **4. Kế hoạch hành động**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Các hoạt động dạy và học hướng đến rèn luyện đều tất cả các kỹ năng cho sinh viên	- Giáo viên bộ môn - Cố vấn học tập	Bắt đầu từ năm 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần, điều chỉnh định kỳ phù hợp với nhu cầu việc làm và xu thế hội nhập khu vực và thế giới.	Toàn thể giảng viên	Bắt đầu từ năm 2021	

#### **5. Tự đánh giá: Đạt 4/7**

#### **Kết luận tiêu chuẩn 4:**

Trường ĐHSPTN đã có triết lý giáo dục và được tuyên bố rõ ràng trên website. Mục tiêu giáo dục của trường trong những năm học vừa qua đều được phổ biến cho các cán bộ, giảng viên, người học trong Khoa hiểu rõ và thực hiện bằng cách chuyển vào nội dung và phương pháp giảng dạy của từng học phần. Phương pháp giảng dạy được thiết kế hiện đại, đa dạng và sử dụng linh hoạt phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và đặc thù của từng học phần. Sinh viên được hướng dẫn phương pháp học phù hợp với từng học phần để chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức đạt chuẩn đầu ra. Các hoạt động dạy và học được tổ chức tốt, đa dạng thúc đẩy tích cực việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Tuy nhiên, Nhà trường/Khoa chưa đa dạng hóa cách thức phổ biến triết lý giáo dục cho các bên liên quan; Chưa đa dạng hóa các hình thức hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp học tập; Các hoạt động dạy và học hướng đến rèn luyện các kỹ năng cho sinh viên còn chưa đồng đều nên sinh viên còn hạn chế ở kỹ năng ngoại ngữ.

#### **Đánh giá tiêu chuẩn 4: Đạt, mức điểm 4/7**

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
<b>Tiêu chí 4.1</b>				4			
<b>Tiêu chí 4.2</b>				4			
<b>Tiêu chí 4.3</b>				4			
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>4.00</b>						

## **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

### **Mở đầu**

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng trong giáo dục đại học. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cung cấp cho Nhà trường, Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học.

Việc đánh giá kết quả học tập được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR của sinh viên tốt nghiệp. Các quy định về đánh giá kết quả học tập đã được trình bày cụ thể, rõ ràng trong văn bản của Nhà trường, của Khoa và được thông báo công khai tới từng SV. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Thông tin về kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp người học cải thiện quá trình học tập của bản thân, đáp ứng với mục tiêu đào tạo. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

***Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của chuẩn đầu ra***

### **1. Mô tả**

Đối với tuyển sinh đầu vào, quy trình kiểm tra đánh giá được thể hiện tại Đề án tuyển sinh của Nhà trường [H5.05.01.01], theo đó, quy trình tuyển sinh được thực hiện minh bạch, công bằng và đúng quy định từ khâu công bố chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức xét tuyển và công nhận kết quả tuyển sinh.

Đối với đánh giá học phần, Khoa CTXH dựa theo Quy chế đào tạo đại học và hệ cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSPHN [H5.05.01.02] và được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của các học phần [H5.05.01.03]. Quy trình đánh giá đảm bảo nguyên tắc chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Các thông tin về đánh giá có sự cung cấp kịp thời và chia sẻ giữa các cán bộ quản lý khoa, giảng viên và sinh viên. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được thông báo công khai đến các bên liên quan, đặc biệt là SV thông qua Sổ tay SV được phát cho NH vào đầu mỗi khóa học [H5.05.01.04]; Ban chủ nhiệm Khoa yêu cầu GV công khai hình thức kiểm tra, đánh giá cho SV trong quá trình giảng dạy các học phần cụ thể và đã được các GV của Khoa thực hiện tốt [H5.05.01.05].

Để hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra/ đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CĐR, Khoa đã ban hành tài liệu hướng dẫn các nhóm phương pháp

kiểm tra đánh giá phù hợp với chương trình dạy học [H5.05.01.06]. Theo đó, các nhóm phương pháp như: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ từng chương nhằm mục đích phản hồi điều chỉnh quá trình dạy học (đánh giá quá trình) và đánh giá được khuyến khích. Kết hợp giữa hình thức đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan và tự luận nhằm phát huy những ưu điểm của mỗi hình thức đánh giá này. Các phương pháp kiểm tra đánh giá gắn với CDR của học phần về kiến thức, kỹ năng tương ứng, trong đó có kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phản biện, v.v... Tất cả đều có trong Đề cương chi tiết và được GV chủ động thông báo ngay khi bắt đầu môn học để người học nắm được [H5.05.01.01]. Việc lựa chọn các hình thức kiểm tra đánh giá và trọng số các điểm kiểm tra đánh giá tiêu chí cụ thể cho việc đánh giá chuyên cần, giữa kỳ, cuối kỳ, do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt trong đề cương chi tiết học phần trong Bản mô tả chương trình đào tạo [H5.05.01.07].

Đối với và đánh giá tốt nghiệp, Khoa CTXH dựa theo Quy chế đào tạo đại học và hệ cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSPHN [H5.05.01.02], Khoa cũng thiết kế được quy trình chấm khoá luận tốt nghiệp được quy định cụ thể với các tiêu chí đánh giá chi tiết, có thang điểm rõ ràng và quy định thời hạn sửa chữa, hoàn thiện khoá luận tốt nghiệp theo quy định [H5.05.01.08]. Những học viên không đủ điều kiện làm khoá luận tốt nghiệp hoặc không có nhu cầu làm khoá luận tốt nghiệp cũng được Khoa thiết kế các học phần thay thế tốt nghiệp được quy định gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn đảm bảo việc đánh giá khách quan, công bằng [H5.05.01.09].

Cuối mỗi học kỳ, các tổ chuyên môn tổ chức họp để rà soát, điều chỉnh các hoạt động, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH phù hợp hơn và đáp ứng đạt CDR [H5.05.01.10].

Đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của chuẩn đầu ra nhưng hình thức đánh giá điểm giữa kỳ của các học phần chưa đa dạng thể hiện ở Đề cương chi tiết các học phần.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường và Khoa đã có các quy định rõ ràng, minh bạch trong quy trình kiểm tra đánh giá NH. Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH không ngừng được đổi mới và cải tiến theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra từng học phần và CTĐT.

Các quy định về kiểm tra đánh giá được công bố công khai, minh bạch đến người học thông qua nhiều hình thức khác nhau.

### 3. Điểm tồn tại

Đánh giá chuyên cần đối với sinh viên chưa hiệu quả và sát sao.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất với Trường sửa cách thức đánh giá về điểm chuyên cần theo dải điểm từ 0-10	Trường ĐHSP Hà Nội	Bắt đầu từ năm 2020	
2		Khoa cần xây dựng hình thức đánh giá chuyên cần đa dạng và hiệu quả hơn	Hội đồng khoa học khoa	Bắt đầu từ năm 2020	
5	Phát huy điểm mạnh	Đổi mới công tác tuyển sinh đầu vào theo năm học nhằm thu hút những học sinh khá, giỏi vào ngành Công tác xã hội	Trường ĐHSP Hà Nội Khoa Công tác xã hội	Bắt đầu từ năm 2020	
		Nâng cấp trang Thông tin điện tử (Website) của Khoa để việc công bố các quy định về kiểm tra đánh giá kịp thời, công khai, minh bạch đến người học	Khoa Công tác xã hội	Bắt đầu từ năm 2019	
		Giáo vụ Khoa, Cố vấn học tập lập các group trên zalo, facebook, có sổ tay theo dõi học tập để kịp thời cập nhật các thông tin liên quan đến kiểm tra	Khoa Công tác xã hội	Bắt đầu từ năm 2019	

		đánh giá kết quả học tập của người học			
--	--	--	--	--	--

## 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

**Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng được thông báo công khai tới người học**

### 1. Mô tả

Dựa trên quy định của Trường, các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học tại Khoa được xây dựng và xác định rõ ràng [H5.05.02.01].

*Về thời gian:* Việc kiểm tra đánh giá theo các hình thức như: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm và cá nhân,... được thực hiện thường xuyên, suốt thời gian môn học. Kiểm tra giữa kỳ được thực hiện vào thời gian tuần thứ 7 hoặc 8 của học kỳ, bài kiểm tra cuối kì được thực hiện sau khi kết thúc môn học (sau tuần thứ 15). Thời gian thi kết thúc học phần được thực hiện theo quy định. Theo đó, học phần 2 tín chỉ thời gian thi kết thúc học phần là 60-90 phút. Học phần 3 tín chỉ: thời gian thi là 90 phút, học phần 4 tín chỉ: thời gian thi là 90-120 phút [H5.05.02.02].

*Về nội dung:* Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện thông qua việc xây dựng ngân hàng câu hỏi thi (Với hình thức thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm) [H5.05.02.03]. Ngân hàng các chủ đề (đối với hình thức thi tiểu luận] đảm bảo bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình [H5.05.02.04]

*Về trọng số:* Trọng số các điểm đánh giá bộ phận được quy định: điểm chuyên cần: 0,1; điểm kiểm tra bộ phận 0,3 và điểm kết thúc học phần 0,6. Đối với các học phần có lí thuyết hoặc có cả lí thuyết và thực hành, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận gồm: điểm chuyên cần (>5): điểm chuyên cần có 3 mức: 0, 5 hoặc 10, điểm kiểm tra bộ phận (>3): trọng số của các điểm kiểm tra bộ phận do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và quy định trong đề cương chi tiết học phần, điểm kết thúc học phần [H5.05.02.01] và quy định trong sổ tay SV [H5.05.02.05].

*Về tiêu chí đánh giá:* Để đảm bảo tối đa sự minh bạch, công bằng, việc chấm thi kết thúc học phần do 2 giảng viên đảm nhiệm. Việc tổ chức làm phách bài thi trước khi chấm đảm bảo tuyệt đối tính bảo mật. Thời gian hoàn thành chấm thi học phần và công bố kết



quả không quá 7 ngày kể từ ngày thi. Thời gian lưu giữ các bài thi tại Khoa ít nhất 2 năm kể từ ngày thi [H5.05.02.06].

Đối với sinh viên có đủ điều kiện làm khoá luận tốt nghiệp, trong Quy chế đào tạo của Nhà trường cũng có quy định rõ ràng về việc chấm khoá luận tốt nghiệp cho sinh viên. Theo đó, sinh viên phải bảo vệ khoá luận tốt nghiệp trước Hội đồng chấm khoá luận tốt nghiệp. Mỗi hội đồng có ít nhất 3 thành viên do Hiệu trưởng quyết định. Mỗi khoá luận tốt nghiệp có 1 người là phản biện và là thành viên trong hội đồng. Căn cứ vào CDR của chương trình đào tạo, tiêu chí đánh giá khoá luận tốt nghiệp được Trường Khoa phê duyệt [H5.05.02.07], [H5.05.02.08].

Sinh viên được thông tin cụ thể về thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số và cơ chế phản hồi công khai thông qua website <https://hnue.edu.vn/> tại cổng thông tin đào tạo <http://daotao.hnue.edu.vn/>, và sổ tay sinh viên gửi tới người học trước mỗi khóa học [Sổ tay SV]. Bên cạnh đó, những thông tin này cũng được thể hiện trong bản mô tả chương trình đào tạo gửi tới NH trước mỗi khóa học/kỳ học/ học phần [H5.05.02.09].

Các quy định về kiểm tra đánh giá được công bố liên tục và công khai tới người học, đảm bảo sự rõ ràng, minh bạch đồng thời giúp người học theo dõi được kết quả học tập của mình một cách thường xuyên, tạo cơ hội để người học hiểu về những điểm mạnh, điểm chưa đạt của bản thân nhằm có hướng phấn đấu học tập và làm việc trong những năm tiếp theo. Trường cũng phối hợp với Khoa lấy ý kiến phản hồi của người học về công tác kiểm tra đánh giá và nhận được phản hồi tích cực. Năm học 2018-2019 mức độ đánh giá “tốt” của sinh viên về phương pháp kiểm tra đánh giá của giảng viên đạt 75,%, tăng 20% so với năm học 2017-2018. [H5.05.02.10].

## **2. Điểm mạnh**

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành CTXH được thể hiện rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.

NH dễ dàng nắm bắt cơ chế phản hồi từ đó khi cần có thể dễ dàng phản hồi về kết quả kiểm tra đánh giá.

## **3. Điểm tồn tại**

Các hình thức công bố công khai các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học chưa đa dạng.

## **4. Kế hoạch hành động**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cấp trang Thông tin điện tử (Website) của Khoa để việc công bố các quy định về kiểm tra đánh giá kịp thời, công khai, minh bạch đến người học	Ban chủ nhiệm Khoa	Bắt đầu từ năm 2020	
2		Khoa yêu cầu các Tổ bộ môn cần công bố các quy định về kiểm tra đánh giá kịp thời, công khai, minh bạch đến người học bằng các hình thức khác nhau đảm bảo 100% người học nắm rõ	Toàn thể giảng viên	Bắt đầu từ năm 2019	
3	Phát huy điểm mạnh	Kế hoạch và các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành CTXH tiếp tục được thông báo công khai tới người học.	Văn phòng	Bắt đầu từ năm 2019	

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng**

#### 1. Mô tả

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy chế đào tạo quy định thi, kiểm tra, đánh giá và các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường. Từ việc ra đề thi phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình cho đến việc chấm thi phải do 2 giảng viên đảm nhiệm. Việc tổ chức làm phách bài thi trước khi chấm thi phải đảm bảo tuyệt đối tính bảo mật. [H5.05.03.01].

Nhằm đảm bảo các phương pháp đánh giá kết quả học tập có độ tin cậy cao, Trường đã áp dụng quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo đó, các yêu cầu về ra đề thi kết thúc học phần và quy trình soạn đề thi, coi thi, chấm thi, lưu trữ bài thi, điểm thi, làm khóa luận tốt nghiệp, điều kiện để học tiếp, học bằng thứ 2, điều kiện tốt nghiệp được công bố rõ ràng. Ngoài ra còn áp dụng các quy chế về bảo lưu kết quả học tập, học vượt, kéo dài tiến độ học tập (trong sổ tay sinh viên hàng năm đều có chỉnh sửa bổ sung).

+ Đầu học kỳ, các Khoa rà soát nội dung bộ đề thi, hình thức thi cuối học kỳ do đơn vị quản lý, khi có yêu cầu thay đổi bộ đề thi (thay đổi nội dung, hình thức thi...) Khoa lập kế hoạch xây dựng/ điều chỉnh bộ đề thi chậm nhất là 4 tuần kể từ đầu học kỳ.

+ Căn cứ tính chất và yêu cầu chuyên môn của học phần, Trường Khoa lựa chọn cán bộ giảng viên có kinh nghiệm, uy tín, trình độ chuyên môn tốt, chỉ đạo cán bộ giảng viên biên soạn đề thi và đáp án theo đúng cấu trúc đề thi đã được duyệt.

+ Cán bộ giảng viên được phân công biên soạn và phản biện đề thi gửi bộ đề thi, đáp án cho Trường Khoa ký duyệt đề thi, đáp án.

Công tác in sao đề thi cũng được thực hiện nghiêm ngặt, tuân thủ quy tắc: Thu hồi và niêm phong đề thi gốc để lưu trữ, xử lý huỷ đề thi in thừa hoặc hỏng; tuyệt đối không rời bỏ vị trí trong lúc đang in sao đề thi; Đề thi được bảo mật và được phụ trách bởi Phó chủ nhiệm khoa chuyên trách đào tạo đại học chính quy.

Căn cứ vào văn bản, Khoa đã đưa ra các quy định cụ thể về kiểm tra đánh giá và quy trình xây dựng đề thi tại Khoa với các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học được xây dựng đa dạng về hình thức, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng [H5.05.03.02]. Đối với việc đánh giá giữa kỳ của tất cả các học phần trong CTĐT, GV có sử dụng nhiều loại phương pháp kiểm tra đánh giá khác nhau như bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm, bài tập theo dự án, viết báo cáo, truyền thông và có các tiêu chí đánh giá cụ thể, logic và bám sát chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT; thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận, trắc nghiệm học phần, vấn đáp, tiểu luận được thể hiện cụ thể ở Đề cương chi tiết các học phần [H5.05.03.02]. Tất cả các hình thức thi đều đảm bảo nguyên tắc 2 giảng viên thực hiện đánh giá và được Ban khoa chủ nhiệm Khoa duyệt kết quả cuối cùng. Kết quả đánh giá sẽ được công bố theo đúng theo gian quy định trên hệ thống quản lý điểm để tất cả sinh viên có thể xem và phản hồi ý kiến nếu có. [H5.05.03.03] [H5.05.03.04].

## 2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng, bảo mật và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Việc xây dựng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học ở từng học phần mang tính khoa học, được kiểm chứng rõ ràng nhằm hướng tới tính khách quan, công bằng.

## 3. Điểm tồn tại

Đôi khi với một số học phần, giảng viên chưa đảm bảo quy định về tiến độ chấm thi.

## 4. Kế hoạch hành động

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chuyên môn giám sát chặt chẽ việc đảm bảo thời gian đánh giá kết quả học tập theo đúng tiến độ của Trường	Hội đồng khoa học	Bắt đầu từ năm 2020	
2		Khoa tiến hành mời chuyên gia về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên để tập huấn cho GV về phương pháp kiểm tra đánh giá	Toàn thể giảng viên	Bắt đầu từ năm 2019	
3	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục cập nhật ngân hàng đề thi hằng năm để cập nhật kiến thức mới, đảm bảo tính đa dạng, khách quan trong kiểm tra đánh giá.	Ban chủ nhiệm	Bắt đầu từ năm 2019	
		Khoa tiếp tục thực hiện tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học ở từng học	Ban chủ nhiệm	Bắt đầu từ năm 2019	

		phần mang tính khoa học, được kiểm chứng rõ ràng nhằm hướng tới tính khách quan, công bằng.			
--	--	---	--	--	--

## 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

### ***Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập***

#### **1. Mô tả**

Theo các quy định về phản hồi kết quả học tập của người học của Trường, Khoa luôn tiến hành phản hồi kịp thời cho sinh viên về kết quả học tập sau mỗi học kỳ [chị THU]. Cụ thể, điểm chuyên cần và điểm giữa kỳ được công bố trước lớp, trước khi kết thúc học phần, kết quả thi cuối kỳ được phản hồi sau khi thi 1 tuần. Trong *Sổ tay sinh viên* cũng ghi rõ các quy định về việc tích lũy số tín chỉ hàng năm và cách xếp hạng học lực căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy [H5.05.04.01]. Theo đó, hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên, gồm:

- Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00
- Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59
- Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,50 đến 3,19
- Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49
- Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

Người học đã nắm rõ quy trình kiểm tra đánh giá, quy định về phản hồi kết quả học tập và phúc khảo, khiếu nại/kiểm tra kết quả học tập thông qua *Sổ tay sinh viên* được phát từ ngay kì học đầu tiên của năm thứ nhất. Cùng với đó là thông qua tài khoản cá nhân của chính NH trên trang thông tin điện tử của Nhà trường để nắm được kết quả học tập của mình [H5.05.04.02]

NH đã được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời và thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập. Theo quy định của Nhà trường, thời hạn hoàn thành chấm thi học phần và công bố kết quả không quá 7 ngày kể từ ngày thi [H5.05.04.03]. Sau khi công bố kết quả học tập, căn cứ vào điểm số và xếp loại của sinh viên được ghi nhận trên hệ thống quản lý đào tạo <http://daotao.hnue.edu.vn/>, mà mỗi SV đều có tài khoản

và thông tin về quá trình học tập của mình, Nhà trường sẽ có các cảnh báo học tập với sinh viên trong trường hợp sinh viên có điểm trung bình chung học tập không đạt yêu cầu [H5.05.04.02]. Từ thông tin được phản hồi đó, SV có kế hoạch cho việc cải thiện việc học tập của mình. Kết quả học tập của sinh viên các khoá đều được thông báo tới giảng viên toàn khoa trong các cuộc họp Khoa sơ kết học kỳ hay năm học. Những SV có đủ điều kiện theo điều 27 trong Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSPHN sẽ được công nhận tốt nghiệp [H5.05.04.03]. Sau mỗi học kì, Hội đồng xét tốt nghiệp sẽ căn cứ vào các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Quy chế đào tạo đại học của trường để lập danh sách sinh viên tốt nghiệp. Việc xét tốt nghiệp của sinh viên được ghi chú rõ ràng trong Biên bản xét tốt nghiệp và được lưu ở Khoa [H5.05.04.04]. Đối với sinh viên bảo vệ Khoá luận tốt nghiệp thì điểm được công bố công khai sau buổi thi, buổi bảo vệ. Giáo vụ Khoa nhập điểm thi kết thúc học phần vào phần mềm quản lý đào tạo và nộp bảng điểm về phòng Đào tạo và Khoa chậm nhất là 10 ngày sau khi kết thúc buổi bảo vệ.

Nhà trường, Khoa tổ chức lấy ý kiến về mức độ hài lòng người học đối với cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập bằng bảng hỏi sinh viên đánh giá giảng viên từng học kỳ. Kết quả việc làm này được tổng hợp trong Báo cáo tổng hợp kết quả SV đánh giá giảng viên, Báo cáo tổng hợp kết quả phản hồi của SV và các bên liên quan [H5.05.04.05].

Ý kiến thông tin phản hồi từ người học đối với kết quả học tập thường xuyên được Khoa đưa vào báo cáo sơ kết, tổng kết của đơn vị nhằm rút kinh nghiệm và có biện pháp cải thiện việc học tập của SV [H5.05.04.06].

Điểm hạn chế ở phần này là Khoa chưa sử dụng phần mềm để dễ dàng khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên liên quan đến cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập của người học.

## **2. Điểm mạnh**

Kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy trình, quy định, công tác quản lý kết quả học tập của người học được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.

Trường, Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, thông báo kết quả thi và quản lý kết quả học tập, quy định kiểm tra, điều chỉnh kết quả thi học phần của SV và được thông báo công khai đến từng sinh viên và giảng viên.

## **3. Điểm tồn tại**

Khoa chưa sử dụng phần mềm để khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên liên quan đến cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập của người học.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa sẽ hướng dẫn cho cán bộ, GV toàn Khoa về cách thức sử dụng phần mềm Google Drive và một số phần mềm khác để điều tra mức độ hài lòng của sinh viên liên quan đến cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập của người học	Văn phòng	Bắt đầu từ năm 2020	
2		Định kỳ sau mỗi kỳ thi, Khoa sẽ tổ chức sơ, tổng kết nhằm đánh giá mặt được, mặt còn tồn tại, nguyên nhân trong quá trình kiểm tra đánh giá, cơ chế phản hồi kết quả của người học... từ đó giúp cho GV điều chỉnh phương pháp dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá, sinh viên cũng được công khai đóng góp ý kiến nhằm giúp họ có thể cải thiện việc học tập.	Toàn thể giảng viên	Bắt đầu từ năm 2020	
3	Phát huy điểm mạnh	Kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy trình, quy định, công tác quản lý kết quả học tập của người học được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.	Khoa CTXH		

## **5. Tự đánh giá: Đạt 4/7**

### ***Tiêu chí 5.5. Người học tiếp nhận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập***

#### **1. Mô tả**

Theo Điều 16 trong Quy chế về kiểm tra đánh giá của Trường đã quy định: Sau khi công bố điểm thi các học phần, đơn vị tổ chức thi công bố công khai thời gian nhận đơn phúc khảo điểm bài thi của sinh viên trên cổng thông tin điện tử và Hệ thống quản lí kết quả học tập của Nhà Trường [H5.05.05.01], nếu có khiếu nại hoặc xin phúc khảo điểm bài thi thì sinh viên thực hiện như sau:

1. Làm đơn theo mẫu trên cổng thông tin điện tử
2. Đơn khiếu nại, xin phúc khảo điểm SV nộp tại Trung tâm ĐBCL đối với học phần chung; các học phần chuyên ngành nộp tại Văn phòng Khoa.
3. Trung tâm ĐBCL (đối với môn chung) và khoa đào tạo (đối với môn chuyên ngành) tổ chức chấm phúc khảo theo quy chế

Điểm chấm phúc khảo của bài thi được đơn vị tổ chức thi tổng hợp và kí duyệt. Chậm nhất 07 ngày từ ngày kết thúc nhận đơn phúc khảo tâm ĐBCL và khoa đào tạo phản hồi thông tin cho sinh viên biết kết quả giải quyết rõ ràng và cụ thể.

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập cũng được Khoa cụ thể hóa bằng văn bản [H5.05.05.02]. Theo quy định, người học được quyền phúc tra khiếu nại kết quả học tập theo quy trình: Sau khi SV được thông báo điểm, nếu có nhu cầu phúc khảo phải nộp đơn xin phúc khảo cho giáo vụ khoa ghi rõ tên bài thi cần phúc khảo. Giáo vụ tổng hợp, BCN Khoa phân công 2 giảng viên chấm phúc khảo (không phải giảng viên chấm thi lần 1). Tổ chức đối thoại giữa giảng viên chấm lần 1 và giảng viên chấm phúc khảo nếu cần thiết, đưa ra kết luận điểm bài thi. Sau đó, công bố kết quả phúc khảo cho người học. Giáo vụ Khoa hướng dẫn phổ biến quy định về quy trình khiếu nại cho người học khi người học có nhu cầu phúc khảo về kết quả học tập.

Điểm trung bình chung học tập năm học, sau mỗi học kỳ, SV đều được thông báo điểm trên tài khoản cá nhân trong cổng thông tin đào tạo của trường và có quyền khiếu nại khi có sai sót, bảng điểm tổng hợp toàn khoá cũng được giáo vụ in ra, Ban chủ nhiệm duyệt và lưu tại văn phòng Khoa [H5.05.05.03].



Ở Khoa, trong 5 năm trở lại đây, từ 2015 đến 2019, đã có rất nhiều đổi mới về phương thức kiểm tra, đánh giá và việc công bố kết quả học tập cho người học luôn kịp thời, minh bạch nên sinh viên khá hài lòng về kết quả kiểm tra đánh giá. Mọi ý kiến phản ánh về kết quả thi đều được xử lý kịp thời để đảm bảo công bằng, chính xác. Điều này thể hiện ở việc không có đơn từ khiếu nại về quy trình cũng như kết quả kiểm tra đánh giá.

Điểm hạn chế là hình thức tiếp cận quy trình khiếu nại về kết quả học tập cho SV chưa đa dạng.

## 2. Điểm mạnh

Người học được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ trợ lý đào tạo, cán bộ văn phòng. SV được thông báo và nắm rõ quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

## 3. Điểm tồn tại

Điểm hạn chế là hình thức tiếp cận quy trình khiếu nại về kết quả học tập cho SV chưa đa dạng.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa sẽ kiến nghị Nhà trường, cụ thể là phòng Đào tạo có nhiều hình thức tiếp cận hơn quy trình khiếu nại về kết quả học tập cho SV	Ban chủ nhiệm	Bắt đầu từ năm 2020	
2		Khoa sẽ công bố quy trình tiếp cận với các đơn vị có liên quan về thắc mắc, khiếu nại về kết quả học tập qua nhiều phương thức khác nhau như thông qua trang website của Khoa, qua Tổ văn phòng, qua group của từng lớp.	Văn phòng	Bắt đầu từ năm 2020	

5	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện cho người học được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ trợ lý đào tạo, cán bộ văn phòng. SV nắm rõ quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.	Văn phòng	Bắt đầu từ năm 2019	
---	--------------------	---	-----------	---------------------	--

**5. Tự đánh giá: đạt 4/7**

**Kết luận tiêu chuẩn 5:**

*- Điểm mạnh*

Nhà trường và Khoa đã có các quy định rõ ràng, minh bạch trong quy trình kiểm tra đánh giá người học. Công tác kiểm tra đánh giá thể hiện sự đa dạng, liên tục và đổi mới theo hướng đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công bằng, chính xác, phù hợp với mục tiêu của CDR của từng học phần và chương trình đào tạo.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành CTXH rõ ràng và được thông báo công khai tới NH. Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn để NH cải thiện việc học tập của mình. Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ phụ trách cấp khoa đến Trung tâm ĐBCL của Nhà trường. SV được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

*- Điểm tồn tại*

Đánh giá chuyên cần đối với sinh viên chưa hiệu quả và sát sao. Đôi khi với một số học phần, giảng viên chưa đảm bảo quy định về tiến độ chấm thi.

Khoa chưa sử dụng phần mềm để khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên liên quan đến cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập của người học. Hình thức tiếp cận quy trình khiếu nại về kết quả học tập cho SV chưa đảm bảo độ phong phú. Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đôi lúc còn bị nghẽn. Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, từ cấp khoa đến các đơn vị liên quan cấp trường nên mất thời gian và công sức của người học khi thực hiện công việc này.

**Đánh giá tiêu chuẩn 5:**

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 5.1				4			
Tiêu chí 5.2					5		
Tiêu chí 5.3				4			
Tiêu chí 5.4				4			
Tiêu chí 5.5				4			
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>4.20</b>						

## **Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

### **Mở đầu**

Trường ĐHSPTHN luôn chú trọng, đặt nhiệm vụ xây dựng và phát triển đội ngũ lên hàng đầu. Với khoa CTXH, lực lượng tham gia vào công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và các hoạt động phục vụ cộng đồng là đội ngũ giảng viên (GV) và giáo viên thực hành (GVTH). Đây là lực lượng có trình độ, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, tin học, các kỹ năng mềm và luôn có ý thức phấn đấu, bồi dưỡng, đáp ứng tốt các yêu cầu xây dựng và phát triển chương trình đào tạo cử nhân CTXH. Việc quy hoạch đội ngũ, tuyển dụng, kế hoạch phát triển, năng lực của đội ngũ GV, GVTH luôn được xác định, đánh giá, thực hiện công khai, minh bạch theo đúng quy định. Nhà trường luôn chú trọng đến việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GV, GVTH tại các cơ sở trong và ngoài nước, đồng thời động viên GV, GVTH bằng nhiều hình thức khen thưởng đã giúp cho đội ngũ của Khoa CTXH nói riêng và các khoa trong trường nói chung ngày càng vững mạnh.

***Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

### **1. Mô tả**

Dựa trên chiến lược phát triển Nhà trường, yêu cầu thực tiễn của xã hội, nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu, phục vụ cộng đồng trong hiện tại và tương lai, Khoa Công tác xã hội đã có chiến lược quy hoạch đội ngũ GV, GVTH phục vụ cho chương trình đào tạo công tác xã hội. Trong Nghị quyết Hội nghị cán bộ viên chức và người lao động của Khoa hàng năm đã luôn đánh giá và định hướng cho công tác quy hoạch cán bộ đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, phù hợp với nhiệm vụ phát triển của Khoa và Nhà trường [H6.06.01.01; H6.06.01.02; H6.06.01.03].

Đội ngũ GV, GVTH được yêu cầu không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng các yêu cầu công việc được giao ở từng vị trí việc làm. Nhằm khảo sát và nâng cao năng lực của đội ngũ GV, Nhà trường có hoạt động khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giai đoạn 2017-2022 theo công văn số 174/ĐHSPTHN ngày 18/4/2017 về việc lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị. Mỗi GV, GVTH đã điền Phiếu thông tin về quá trình đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân (tính đến 04/2017) và đăng ký đi đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2017 - 2022. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi

dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV, GVTH thông qua các bản đăng ký nhu cầu bồi dưỡng cá nhân, Khoa và Nhà trường xét duyệt, lập kế hoạch và kinh phí bồi dưỡng đào tạo phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV, GVTH dựa trên yêu cầu của CTĐT. Giai đoạn 2015 - 2019, Khoa CTXH có 10 GV, GVTH tham gia học Tiến sỹ, 01 GVTH tham gia học Thạc sỹ, 7 GV đã tham gia khóa đào tạo văn bằng 2 Tiếng Anh, 30 lượt cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học, năng lực quản lí, nghiệp vụ sư phạm và năng lực chuyên môn khác trong trường và ngoài trường [H6.06.01.06, H6.06.01.07]

Năm 2019, đội ngũ GV, GVTH trong Khoa có 21 cán bộ được quy hoạch theo 3 bộ môn: Bộ môn Cơ sở CTXH (7 cán bộ), Bộ môn An sinh Xã hội - Phát triển Cộng đồng (8 cán bộ) và Bộ môn CTXH Gia đình - Trẻ em (6 cán bộ). Đội ngũ GV, GVTH hầu hết là những cán bộ trẻ, có năng lực và nhiệt huyết với nghề, đảm bảo chuyên môn, được đào tạo đúng chuyên ngành Công tác xã hội (8 người), chuyên ngành gần như Tâm lý học, Xã hội học và bồi dưỡng chứng chỉ về CTXH (13 người). Số lượng GV, GVTH trong khoa có trình độ TS vẫn đang tiếp tục được đào tạo, phát triển. Khoa cũng đã có Bản Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV, GVTH hàng năm theo nguồn kinh phí phân bổ thường xuyên của Nhà trường; một số GV, GVTH của Khoa tham gia học tập, nâng cao trình độ bậc TS được Nhà trường tạo điều kiện và có Quyết định về việc cử viên chức đi học chương trình đào tạo Tiến sĩ của Hiệu trưởng trường ĐHSPTH từ năm 2016 – 2019 [H6.06.01.19; H6.06.01.20]. Tuy nhiên khoa CTXH là một khoa mới với sự thu hút đội ngũ GV, GVTH từ các chuyên ngành khác nhau nên một số GV, GVTH vẫn phải tự chủ học tập nâng cao trình độ, hoàn thiện thêm bằng cấp về CTXH nhưng nhà trường chưa có cơ chế cho đội ngũ đi học thêm nhiều bằng và không có kinh phí hỗ trợ cho GVTH đi học nâng cao trình độ TS, phần nào gây khó khăn cho đội ngũ của khoa CTXH.

Nhà trường có những quyết định, quy định, thông báo, hướng dẫn quy hoạch đội ngũ GV, GVTH rõ ràng, cập nhật đáp ứng nhu cầu, định hướng chiến lược giúp Khoa CTXH có thể thực hiện tốt như: Quyết định ban hành quy chế tuyển dụng viên chức; Báo cáo cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của giảng viên của Trường; Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV, GVTH; Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường ĐHSPTH [H6.06.01.09; H6.06.01.10; H6.06.11.11; H6.06.01.12; H6.06.01.13].

Nhà trường và Khoa có kế hoạch cho việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm và bố trí cán bộ được thực hiện theo đúng quy trình, với các tiêu chí rõ ràng, công khai và minh bạch. Theo đó, thời gian kéo dài làm việc đối với GV có trình độ TS không quá 03 năm, đối với GV có chức danh PGS không quá 07 năm và đối với GV có chức danh GS không quá 10 năm. Hàng năm, Trường xem xét đánh giá nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học, sức khỏe và sự tự nguyện của GV cũng như kết quả thực hiện nhiệm vụ để quyết định việc tiếp tục hoặc không tiếp tục kéo dài thời gian làm việc của GV. Việc nghỉ hưu của GV cũng được thông báo 06 tháng trước thời điểm GV đủ tuổi nghỉ hưu và hoàn thành các bước thủ tục theo đúng quy định. Năm 2015 và 2018 Khoa đã đề xuất lên Nhà trường kéo dài thời gian làm việc 02 GV là TS Vũ Thị Kim Dung – nguyên là trưởng khoa CTXH, và TS Nguyễn Thị Mai Hồng - nguyên là tổ trưởng bộ môn An sinh xã hội và phát triển Cộng đồng được tiếp tục thời gian công tác để tham gia vào phát triển chương trình đào tạo công tác xã hội. Năm 2018, Khoa đã làm thủ tục nghỉ hưu cho TS Vũ Thị Kim Dung sau 3 năm kéo dài theo đúng những quy định của nhà trường [H6.06.01.14].

Việc bổ nhiệm cán bộ vào các ngạch giảng viên chính, giảng viên cao cấp được thực hiện theo đúng quy trình. Các giảng viên đảm bảo các yêu cầu, sau khi có kết quả thi đạt kì thi thăng hạng sẽ được bổ nhiệm vào ngạch Giảng viên chính và Giảng viên cao cấp. Từ năm 2018 đến năm 2020 Khoa CTXH có 8 GV được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên chính và 01 GV chính được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp. Việc bổ nhiệm vào các chức danh nghề nghiệp cao hơn khẳng định sự phát triển của đội ngũ GV của khoa CTXH [H6.06.01.20].

Năm 2018, Trường dừng ký hợp đồng lao động đối với GV Trịnh Thị Hương Giang do không hoàn thành được chương trình đào tạo TS tại nước ngoài theo thời gian quy định. Khoa đã thực hiện các thủ tục, giấy tờ theo hướng dẫn của nhà trường, dừng tiếp nhận GV Trịnh Thị Hương Giang về đơn vị công tác [H6.06.01.21].

Việc quy hoạch đội ngũ GV, GVTH của Khoa CTXH được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, đảm bảo có hồ sơ lưu giữ, cập nhật thể hiện trong Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm viên chức; hợp đồng lao động của Trường ĐHSPTHN đối với từng GV, GVTH [H6.06.01.16]; Kế hoạch học tập, đào tạo, bồi dưỡng nâng trình độ, năng lực của GV, GVTH của khoa CTXH [H6.06.01.17; H6.06.01.18].

## **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ GV, GVTH khoa CTXH đáp ứng tốt yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, tham gia tích cực để thực hiện CTĐT Cử nhân CTXH. Đây là lực lượng có năng lực, trình độ, kinh nghiệm tốt, được quy hoạch theo kế hoạch và chiến lược phát triển của Trường và Khoa. Quy trình, tiêu chí để thu hút tuyển dụng, bổ nhiệm cũng như bố trí công việc cho đội ngũ GV, GVTH được thực hiện rõ ràng, minh bạch, được công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức.

### 3. Điểm tồn tại:

Nhà trường chưa có cơ chế cho đội ngũ GV, GVTH đi học thêm nhiều bằng và không có kinh phí hỗ trợ cho GVTH đi học nâng cao trình độ TS.

Đội ngũ GV của Khoa giảm do có 01 GV nghỉ hưu, 01 GV bị chấm dứt hợp đồng lao động, đây là 2 GV có kinh nghiệm, năng lực, cống hiến cho chương trình đào tạo cử nhân CTXH từ những ngày đầu xây dựng chương trình.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường nghiên cứu với khoa đặc thù như CTXH để có cơ chế hỗ trợ kinh phí cho ngũ GV, GVTH học tập nâng cao trình độ, tăng số lượng đội ngũ có trình độ tiến sĩ, đáp ứng nhu cầu đào tạo.</li> <li>- Tuyển chọn, bổ nhiệm thêm vị trí việc làm (1- 2 GV) có kinh nghiệm, trình độ để phát triển chương trình đào tạo cử nhân CTXH.</li> </ul>	Trường ĐHSPHN  Trường ĐHSPHN và Khoa CTXH	2020  2020 – 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục phát huy thực hiện kế hoạch/quy hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, cho nghỉ hưu dựa trên chiến lược phát triển đội ngũ	Chi ủy, BCN Khoa, Cốt cán Khoa	2020	

		nhằm đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.			
--	--	--	--	--	--

### 5. Tự đánh giá: đạt 4/7

**Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng**

#### 1. Mô tả

Hiện nay, đội ngũ giảng viên, giáo viên thực hành của Khoa về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu giảng dạy và tương đối ổn định. Tính đến tháng 3/2020, tổng số cán bộ tham gia công tác đào tạo ngành Công tác xã hội có 20 giảng viên và giáo viên thực hành. Hiện độ tuổi bình quân của cán bộ cơ hữu của Khoa là 38 tuổi; Số cán bộ đạt trình độ Tiến sĩ là 8 (chiếm 40%); số cán bộ đang làm nghiên cứu sinh là 10 (50%) [H6.06.01.07].

**Bảng 6.1. Số lượng GV, GVTH và Cử nhân Công tác xã hội giai đoạn 2015 –2020**

Năm học	Cử nhân	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Phó GS	Tổng số GV
2015 – 2016	01	18	03	0	23
2016 – 2017	01	16	06	0	23
2017 – 2018	01	14	06	01	23
2018 – 2019	0	13	07	01	21
2019 – 2020	0	13	06	01	20

Tỉ lệ người học/giảng viên của Khoa Công tác xã hội sau khi quy đổi dao động trong khoảng từ 11.2 đến 14.7 sinh viên/giảng viên, tỷ lệ thấp hơn nhiều so với chuẩn chung của Bộ GD&ĐT Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học [H6.06.02.01] [H6.06.02.02] [H6.06.02.03]

**Bảng 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học của Khoa Công tác xã hội giai đoạn 2015 - 2020**

Năm học	Tổng số sinh viên chính quy	Tổng số GV	Tổng số GV quy đổi	Tỷ lệ giảng viên/người học
2015 – 2016	314	23	23	13.6
2016 – 2017	340	23	23	14.7
2017 – 2018	309	23	23	13.4
2018 – 2019	309	21	21	14.7
2019 – 2020	224	20	20	11.2



Khối lượng công việc của đội ngũ GV, GVTH thực hiện CTĐT Cử nhân Công tác xã hội được xác định, được quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường được. Nội dung công việc cụ thể của mỗi GV, GVTH được thể hiện rõ trong Đề án vị trí việc làm của Trường và Bản mô tả vị trí việc làm của Khoa [H6.06.02.04, H6.06.02.05]. Nhà trường cũng ban hành Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV và GVTH của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và sửa đổi bổ sung cho phù hợp sau quá trình thực hiện [H6.06.01.12]. Theo đó, việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, GVTH theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Theo cách tính của nhà trường thì định mức giờ chuẩn giảng dạy cho GV trong 1 năm học là 270 giờ, giờ nghiên cứu khoa học là 150 giờ và giờ khác là 20 giờ. Định mức giờ chuẩn giảng dạy cho GVTH trong 1 năm học là 270 giờ, giờ khác bao gồm cả NCKH là 170 giờ. Khoa CTXH đã triển khai thực hiện cách tính giờ chuẩn cho GV và GVTH, đảm bảo năm 2017 - 2018 và 2018 - 2019, GV và GVTH đáp ứng yêu cầu của nhà trường, nhiều GV và GVTH thừa giờ. Tuy nhiên trong năm 2019 - 2020 nhiều GV, GVTH khó thừa giờ, thậm chí không đủ giờ theo yêu cầu đặt ra vì số lượng các lớp đào tạo ngoài trường giảm, số lượng sinh viên chính quy trong Khoa chưa nhiều và GV, GVTH không dạy các môn khác cho SV toàn trường. Chính vì vậy, đang bất cập trong việc quy hoạch theo vị trí việc làm dựa trên đầu sinh viên và môn học.

Nhà trường thực hiện giám sát khối lượng công việc của đội ngũ GV, GVTH để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Mỗi cán bộ được cung cấp một tài khoản cá nhân trên hệ thống quản lý giờ giảng tại website của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội để chủ động kê khai, minh chứng các công việc đã làm và xác định được tổng khối lượng đã đạt, chưa đạt, hay vượt giờ theo quy định. Hệ thống tự động tính toán quy đổi số giờ theo quy định của trường trên cơ sở khai báo của giảng viên và xác định giảng viên đã hoàn thành hay chưa hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.02.07, H6.06.02.08].

Nhà trường có các quy định cụ thể về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV, GVTH làm căn cứ cải thiện chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trên thực tiễn, hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng của GV, GVTH trong Khoa đã thể hiện rõ năng lực làm việc và chất lượng công việc của GV, GVTH [H6.06.04.09]. Trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu khoa học, Khoa CTXH tích cực đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế để giảng viên có cơ hội tham gia học hỏi, nâng cao trình độ, có nhiều chương trình trao đổi với các nước như Thụy Điển, Mỹ, Bỉ... và có 10 thầy cô đã được tham gia

các chương trình trao đổi này [H6.06.02.10]. Hầu hết đội ngũ GV, GVTH của Khoa đều cảm thấy hài lòng với môi trường làm việc, chế độ đãi ngộ của Nhà trường, của Khoa CTXH.

## 2. Điểm mạnh

Tỷ lệ giảng viên/người học của CTĐT đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành. Nhà trường có tài liệu/hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên theo chuẩn. Khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường được.

## 3. Điểm tồn tại

Số lượng sinh viên vào học chuyên ngành CTXH chưa cao vì chuyên ngành đào tạo CTXH của Trường ĐHSPHN chưa được truyền thông rộng rãi.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Việc quy đổi tính giờ giảng dạy, giờ nghiên cứu và các công việc khác phục vụ cộng đồng cần tiếp tục được cải tiến phù hợp với đặc thù các đơn vị hệ ngoài sư phạm như khoa CTXH để nâng cao khả năng sáng tạo và tính chủ động của các đơn vị, phát huy được năng lực đội ngũ, đặc thù của chuyên ngành.	Trường ĐHSPHN	Bắt đầu từ năm 2020
		Thực hiện đa dạng các phương thức tuyển sinh để thu hút sinh viên vào học chuyên ngành cử nhân CTXH	Khoa CTXH	2020
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện đảm bảo tỷ lệ giảng viên/người học của CTĐT Cử nhân Công tác xã hội đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.	Khoa CTXH	2020
		Tiếp tục bám sát tài liệu/hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của	Trường ĐHSPHN	2020

		đội ngũ giảng viên theo chuẩn, đảm bảo khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường cụ thể, chính xác.		
--	--	---	--	--

### **5. Tự đánh giá: đạt 4/7**

***Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai***

#### **1. Mô tả**

Nhà trường ban hành văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng. Theo đó, ngoài các điều kiện chung về đạo đức, năng lực chuyên môn, sức khỏe... các ứng viên dự thi ngạch GV, GVTH cần đảm bảo: có trình độ từ thạc sĩ trở lên; đối với ứng viên tạo nguồn: tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên (có thể tốt nghiệp loại khá đối với những chuyên ngành đặc thù, hoặc người có năng lực đặc biệt trong một lĩnh vực cụ thể), thời gian làm việc tại đơn vị tạo nguồn được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ; Tuổi đời dự tuyển không quá 35 đối với người có học vị Thạc sĩ, không quá 45 đối với người có học vị tiến sĩ và không quá 50 đối với người có chức danh Phó Giáo sư [H6.06.01.09]. Để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, Nhà trường còn thực hiện Quy định xét tuyển đặc cách vào ngạch giảng viên, nghiên cứu viên của Trường ĐHSPHN [H6.06.01.13].

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu của Bộ môn, Khoa CTXH đề xuất số lượng nhân sự cần tuyển dụng trình Hiệu trưởng phê duyệt. Trường có kế hoạch phân bổ chỉ tiêu biên chế cho Khoa trên cơ sở số lượng biên chế của trường đã được phê duyệt và ra thông báo tuyển dụng viên chức được đăng công khai trên website của Trường và dán niêm yết tại Bảng tin Phòng Tổ chức Cán bộ [H6.06.01.11], tuy nhiên trang website của Khoa chưa được nâng cấp nên chưa cập nhật được các thông tin.

Từ năm 2016 đến nay Khoa CTXH chưa có thêm nhân sự mới, số lượng đội ngũ là 20 GV và GVTH đã được tuyển dụng từ những năm trước đó đảm bảo các yêu cầu tuyển dụng của nhà trường và lưu giữ đầy đủ các Quyết định bổ nhiệm ngạch viên chức của đội ngũ GV, GVTH [H6.06.03.01] và Bản mô tả vị trí công việc của từng giảng viên, GVTH trong Khoa theo các năm [H6.06.03.02].

Căn cứ theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý một cách công khai, minh bạch của nhà trường; Khoa CTXH luôn tuân thủ chặt

chế công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý về tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng, phó Khoa và Trưởng/Phó Bộ môn cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của giảng viên (Giảng viên chính, Phó giáo sư) trong đó nhấn mạnh đến các tiêu chuẩn, tiêu chí về công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu của Bộ môn, Khoa đề xuất số lượng nhân sự cần tuyển dụng trình Hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt. Trường có kế hoạch phân bổ chỉ tiêu biên chế cho Khoa trên cơ sở số lượng biên chế của trường đã được phê duyệt. Tiêu chí, yêu cầu về đạo đức và năng lực học thuật của GV được xác định và phổ biến công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên báo, trên trang web của trường. Trong giai đoạn 2015 - 2020, Khoa CTXH có 8 cán bộ quản lý được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại [H6.06.03.04] (Xem thêm Bảng 6.3.1).

**Bảng 6.3.1. Danh sách giảng viên được bổ nhiệm giai đoạn 2015 -2020**

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ được bổ nhiệm	Trình độ đào tạo	Ngoại ngữ
Nguyễn Hiệp Thương	1976	Trưởng khoa	ThS	Tiếng Anh
Nguyễn Duy Nhiên	1972	Phó Khoa	ThS	Tiếng Anh
Nguyễn Thanh Bình	1980	Phó Khoa	TS	Tiếng Anh
Phạm Văn Tư	1978	Trưởng BM Cơ sở CTXH	TS	Tiếng Anh
Đỗ Nghiê m Thanh Phương	1979	Trưởng BM CTXH với Trẻ em và GD	ThS	Tiếng Anh
Nguyễn Thị Mai Hương	1983	Phó trưởng BM ASXH - PTCĐ	ThS	Tiếng Anh
Nguyễn Lê Hoài Anh	1984	Phó trưởng BM Cơ sở CTXH	ThS	Tiếng Anh

Việc bổ nhiệm GV của Khoa vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Quy trình lựa chọn ứng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) cho các chức vụ lãnh đạo, quản

lí thực hiện CTĐT Cử nhân CTXH được thực hiện công khai, thông báo đến toàn Khoa; xét và bầu trực tiếp ở Tổ bộ môn và trong tập thể lãnh đạo Khoa, trước khi trình lên Lãnh đạo Trường.

Căn cứ vào Quyết định về tiêu chuẩn nâng bậc lương trước thời hạn cho công chức, viên chức Trường ĐHSPHN, Khoa CTXH đã triển khai hồ sơ theo quy định của Nhà trường cho các GV trong Khoa, từ năm 2016 - 2019 có 01 GVTH được nâng lương trước thời hạn [H6.06.03.05]. Dựa theo Công văn bổ nhiệm CDNN giảng viên cao cấp của Bộ nội vụ và Công văn và kết quả thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên (Hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) của Bộ GD&ĐT [H6.06.03.08; H6.06.03.09], trong giai đoạn 2015-2020, Khoa CTXH có 1 GV được bổ nhiệm PGS, 01 GV được bổ nhiệm GVCC và 8 GV được bổ nhiệm GVC [H6.06.03.10].

## **2. Điểm mạnh:**

Nhà trường có các văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển công tác. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến công khai.

## **3. Điểm tồn tại**

Trang website của khoa chưa được nâng cấp, gặp trục trặc nên các thông tin chưa được cập nhật thường xuyên.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất với nhà trường để khôi phục trang website của Khoa	Trường ĐHSPHN	Bắt đầu từ năm 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoàn thiện các tài liệu/văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển công tác.	Trường ĐHSPHN	2020	

		- Tiếp tục tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển đảm bảo công khai, minh bạch.			
--	--	--	--	--	--

**5. Tự đánh giá: đạt 5/7**

***Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá***

**1. Mô tả**

Chất lượng của đội ngũ GV, GVTH quyết định chất lượng đầu ra của chương trình đào tạo. Nhà trường có các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV, GVTH bao gồm: năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực NCKH, năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, GVTH dựa vào năng lực đã được quy định trong Quy chế tuyển dụng viên chức của trường [H6.06.01.08]. Các tiêu chí xác định năng lực của GV, GVTH được thể hiện rõ ràng trong Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với đội ngũ của Trường [H6.06.01.11]. Năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học của GV và chế độ ưu đãi về việc nâng cao năng lực được thể hiện trong Công văn Quy định về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đối với cán bộ, GV [H6.06.04.01]. Các quy định nêu rõ tiêu chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng có trình độ từ đại học trở lên; có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm; có năng lực ngoại ngữ, tin học; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực NCKH của GV. Bên cạnh đó, vị trí công việc của GV, GVTH cũng được mô tả trong Đề án vị trí việc làm của trường [H6.06.02.04].

Từ tháng 7/2017, Nhà trường có văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV, GVTH thể hiện trong Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Hàng năm, Nhà trường có công văn về việc đánh giá, phân loại đơn vị, công chức, viên chức, người lao động [H6.06.04.02]. Cuối mỗi năm học, dựa trên kết quả thực hiện các nhiệm vụ của GV, GVTH sẽ tiến hành đánh giá năng lực, xếp hạng. Việc đánh giá năng lực GV, GVTH thực hiện theo đúng quy trình từ cá nhân tự đánh giá đến đơn vị đánh giá. Ngoài ra, mỗi GV, GVTH tự viết phiếu đánh giá để Bộ môn đánh giá theo bốn mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Các kết quả đánh giá năng lực hằng năm của GV, GVTH được Khoa tổng hợp, đánh giá và gửi lên Trường để tiếp tục thực hiện đánh giá, phân loại [H6.06.04.03], [H6.06.04.04].

Nhà trường cũng ban hành Quy định Công tác thi đua, khen thưởng và công văn về

việc bình xét danh hiệu thi đua và công tác khen thưởng cuối năm học [H6.06.04.05]. Căn cứ vào kết quả thực hiện các nhiệm vụ của GV, GVTH hàng năm có đánh giá thông qua các tiêu chí xếp loại thi đua. Các tiêu chí trong phiếu đánh giá năng lực của GV được tính theo thang điểm 100 gồm các phần chính: Tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống (20 điểm); Ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc (20 điểm); Nhiệm vụ chuyên môn (60 điểm) bao gồm Đảm bảo khối lượng, chất lượng giảng dạy và thực hiện các công việc liên quan tới giảng dạy theo quy định, quy chế (30 điểm), Kết quả thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (20 điểm), Kết quả thực hiện nhiệm vụ khác được giao như: công tác tuyển sinh, cố vấn học tập... (10 điểm)

Kết quả đánh giá được công bố trong các văn bản của Nhà trường hàng năm, kết quả bình xét các danh hiệu thi đua các năm học, kết quả bình xét đề nghị danh hiệu thi đua. Trong giai đoạn 2015 - 2019, ngành Cử nhân Công tác xã hội có 04 GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ. Hàng năm, Khoa CTXH có biên bản gửi lên trường theo đúng quy định về bình xét danh hiệu thi đua. Khoa CTXH luôn là Khoa hoàn thành tốt các nhiệm vụ; GV, GVTH luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H6.06.04.06].

Với Khoa CTXH việc đánh giá đội ngũ GV, GVTH dựa trên cả Quy chế làm việc của Khoa [H6.06.04.06], các bản LLKH, các văn bằng, chứng chỉ, bằng khen, giấy khen của mỗi GV, GVTH hàng năm để có thể đánh giá, bình xét một cách toàn diện [H6.06.04.07]

Bên cạnh đó, chức danh nghề nghiệp và học hàm cũng là tiêu chí quan trọng thể hiện năng lực của đội ngũ. Quy trình đánh giá, xét công nhận đạt chuẩn và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, học hàm GS, PGS của các GV được thực hiện theo quy định. Trong 5 năm, danh sách các GV cơ hữu đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS của Trường ĐHSPHN tăng lên, trong đó đội ngũ GV tham gia đào tạo ngành Cử nhân Công tác xã hội có 01 GV được bổ nhiệm PGS, 01 GV được bổ nhiệm Giảng viên cao cấp và 8 GV được bổ nhiệm Giảng viên chính. Khoa CTXH có đóng góp vào Danh sách các giảng viên cơ hữu đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS từ 2015 – 2019 để nâng cao chất lượng giảng dạy, NCKH của Trường ĐHSPHN [H6.06.04.09]

Việc đánh giá năng lực đội ngũ GV, GVTH còn được đánh giá thông qua hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học đối với công tác giảng dạy của GV được thực hiện bởi Trung tâm đảm bảo chất lượng, định kỳ một học kỳ/ một lần. Kết quả khảo sát cho thấy giảng viên ngành Cử nhân Công tác xã hội được phản hồi tương đối tốt. Đa số người học thỏa

mãn với hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên, GVTH Khoa [H6.06.04.10]. Tuy nhiên việc đánh giá từng GV, GVTH chưa được triển khai cụ thể và sâu sắc khiến cho GV, GVTH chưa biết để so sánh và khẳng định bản thân nhiều hơn.

## 2. Điểm mạnh:

Nhà trường có các văn bản quy định và hướng dẫn khá cụ thể về tiêu chí, phương thức, quy trình đánh giá năng lực của đội ngũ GV, GVTH. Dựa theo đó đội ngũ GV, GVTH của Khoa CTXH được đánh giá một cách rõ ràng, minh bạch.

## 3. Điểm tồn tại:

Xác định năng lực của đội ngũ GV, GVTH cần thêm đánh giá phản hồi đa dạng hơn, thường xuyên hơn từ các bên liên quan (người học, đồng nghiệp, đối tác...)

## 4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường lấy ý kiến đánh giá các bên liên quan và có nhiều cách thức đánh giá đa dạng và phù hợp hơn nữa	Trường ĐHSPHN Khoa CTXH	Bắt đầu từ năm 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV, GVTH cập nhật hơn. - Rà soát, chỉnh sửa các văn bản hướng dẫn cụ thể hơn nữa về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV, GVTH	Trường ĐHSPHN; P.TCCB; Các phòng chức năng; Khoa CTXH và các Khoa đào tạo khác	2020	

## 5. Tự đánh giá: đạt 5/7

*Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.*

### 1. Mô tả



Xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GV, GVTH là rất cần thiết, Nhà trường thực hiện khảo sát và đánh giá nhu cầu của đối tượng này. GV, GVTH tự viết Phiếu thông tin về quá trình đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân (tính đến 04/2017) và đăng ký đi đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2017-2022. Đồng thời vào đầu mỗi năm học, các bộ môn tiến hành khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV, GVTH. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV, GVTH và yêu cầu của CTĐT, Khoa tổng hợp lại và gửi Phòng Tổ chức cán bộ tập hợp, trình Ban Giám hiệu xét duyệt kế hoạch và kinh phí bồi dưỡng đào tạo [H6.06.05.01; H6.06.05.02].

Nhà trường và Khoa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV, GVTH và kế hoạch được xây dựng dựa trên yêu cầu của đào tạo, phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của trường. Việc bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ là nhiệm vụ của GV, GVTH được quy định trong Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV, GVTH của Trường [H6.06.01.11]. Kế hoạch phát triển, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV, GVTH được chú trọng trong Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2011-2020, 2017-2020 và tầm nhìn đến 2030 và còn được thể hiện trong báo cáo tổng kết hàng năm của Trường và của Khoa [H6.06.01.02, H6.06.01.03, H6.06.01.04]. Nhà trường chú trọng nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, ngoại ngữ và tin học của GV, GVTH và có chế độ ưu đãi về kinh phí đào tạo thể hiện trong Quy định về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đối với GV và Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.05.03].

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, nhà trường đã quy định các GV phải bảo vệ luận án TS (ít nhất là cấp bộ môn) trước 35 tuổi. Chính vì vậy, Trường và Khoa đã tạo điều kiện và động viên các GV đi học TS, sau TS trong nước, ngoài nước, nâng cao trình độ chuyên môn và khuyến khích nhiều cán bộ làm học hàm để được bổ nhiệm chức danh PGS, GS [H6.06.05.01]. Tuy nhiên với Khoa CTXH, có 5 GV trong Khoa thuộc nhiều chuyên ngành khác nên quá trình học thêm bằng chuyên ngành gần và học lên trình độ TS không thể đảm bảo trước 35 tuổi nên điều kiện này đã ảnh hưởng nhiều đến cá nhân và Khoa.

Song song với đào tạo và phát triển chuyên môn, Khoa còn chú trọng đến công tác bồi dưỡng về khoa học giáo dục, nghiệp vụ sư phạm (NVSP). Một số GV được bồi dưỡng về đánh giá giáo dục theo tiếp cận năng lực và được cung cấp kinh phí [H6.06.05.02]. Nhằm mục đích nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích

các GV, GVTH có tham gia các chương trình trao đổi chuyên môn, các khóa tập huấn, liên kết hợp tác với nước ngoài. Nâng cao trình độ ngoại ngữ và tin học cũng được chú trọng nhằm đảm bảo các GV sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong chuyên môn, giao tiếp và ứng dụng hiệu quả CNTT trong hoạt động giảng dạy và NCKH [H6.06.05.06, H6.06.05.07, H6.06.05.08, H6.06.05.09].

Khoa CTXH, 100% GV, GVTH được bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm và Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo kế hoạch của Trường, Khoa. Giai đoạn 2015 - 2020, Khoa cũng đã có 6 GV, GVTH được cấp bằng TS, 08 GV đang làm NCS. Cũng trong giai đoạn 2015 - 2020, ngành Cử nhân Công tác xã hội đã có: 01 GV của khoa được Nhà trường bổ nhiệm học hàm PGS; 01 GV được bổ nhiệm Giảng viên cao cấp và 08 GV được bổ nhiệm Giảng viên chính [H6.06.05.12] [H6.06.05.13]. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát, đánh giá thông qua các kết quả thực hiện.

100% cán bộ giảng dạy tham gia tổ chức seminar bộ môn [H6.06.02.06]. Đội ngũ GV, GVTH tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có nhiều công trình chất lượng; trình độ chuyên môn của giảng viên luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc, có danh sách và thống kê đội ngũ GV, GVTH được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ các năm từ 2017 - 2019; QĐ cử viên chức đi học chương trình đào tạo TS của nhà trường cho cán bộ của Khoa; Các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên, GV thực hành khoa CTXH và Báo cáo thống kê các đề tài/công trình/sản phẩm NCKH hằng năm của giảng viên, khoa CTXH từ 2016 - 2020 [H6.06.01.17; H6.06.01.19; H6.06.04.06]

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường và Khoa đảm bảo cho đội ngũ GV, GVTH được đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn. Các GV, GVTH khoa có kế hoạch tự xác định nhu cầu và phát triển chuyên môn của bản thân và không ngừng nỗ lực, phấn đấu.

## **3. Điểm tồn tại**

Còn 5 GV chưa hoàn thiện bằng TS trước 35 tuổi do phải chuyển đổi theo chuyên ngành CTXH, gần CTXH đã ảnh hưởng đến cá nhân và Khoa .

## **4. Kế hoạch hành động**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Khoa tạo điều kiện về thời gian và công việc để GV tập trung hoàn thiện chương trình đào tạo TS	Khoa CTXH	Bắt đầu từ năm 2020	
		- Nhà trường chú ý tới đặc thù GV của khoa CTXH và có chính sách hỗ trợ và để tạo động lực giúp đội ngũ hoàn thành chương trình đào tạo TS	Nhà trường	2020	
2	Phát huy điểm mạnh	- Mỗi GV, GVTH của Khoa cần làm sâu sắc bản kế hoạch tự xác định cá nhân - Đảm bảo 100% GV được đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn theo lĩnh vực nghiên cứu	Tất cả GV Khoa CTXH	2020	

### 5. Tự đánh giá: đạt 5/7

**Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

Nhà trường có quy định rất cụ thể về trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học của các GV, GVTH theo chức danh. Cụ thể là, trong 1 năm học, ngoài việc phải giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, GV, GVTH còn phải có các công trình nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác như soạn bài giảng, đề cương bài giảng, viết bài báo, giáo trình, hướng dẫn SV NCKH, tham gia hội thảo, seminar... căn cứ theo bản mô tả công việc của Nhà trường [H6.06.01.12].

Đầu năm học, dựa trên kế hoạch đào tạo, kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ của GV, GVTH bộ môn phân công khối lượng giảng dạy cho GV, GVTH đảm bảo cân đối giữa các GV, GVTH. Các GV, GVTH ngành Cử nhân Công tác xã hội có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành các công việc được giao và đảm bảo tiến độ công việc và định mức lao động [H6.06.01.16]. Để đánh giá chất lượng giảng

dạy của các GV, GVTH các bộ môn tổ chức đi dự giờ, sau đó nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm đối với người giảng theo qui trình: GV được dự giờ trình bày mục đích và nội dung của giờ giảng..., sau đó các thành viên dự giờ đóng góp ý kiến theo những tiêu chí cụ thể [H6.06.06.03]. Từ năm học 2017-2018, các cấp quản lý và GV, GVTH có thể theo dõi kết quả thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, và các nhiệm vụ khác như hướng dẫn SV NCKH, đào tạo sau đại học... trên hệ thống quản lý giờ giảng [H6.06.02.07, H6.06.02.08]. Bên cạnh đó, cứ 6 tháng một lần, các GV, GVTH cập nhật các kết quả công việc từ giảng dạy, NCKH, thành tích khen thưởng... đồng thời, các kết quả NCKH như sách, bài báo, đề tài NCKH cũng được cập nhật theo kỳ 6 tháng, 1 năm [H6.06.02.09].

Việc triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc được tiến hành công khai, minh bạch, định kỳ hàng tháng, hàng năm. Nhà trường ban hành văn bản quy định quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá, phân loại đơn vị, công chức, viên chức, người lao động và văn bản công nhận hiệu quả công việc của GV, GVTH trong công tác giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.04.02, H6.06.04.04].

Hàng năm, Khoa Công tác xã hội tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng giảng viên theo Hướng dẫn của Nhà trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. Các hình thức thi đua khen thưởng được công bố công khai trong quy chế hoạt động của Khoa và của quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà Trường. Quyết định của Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường được đưa về Khoa và công khai cho toàn cán bộ trong toàn Khoa.

## **2. Điểm mạnh**

Việc quản trị kết quả công việc trên trang <https://qlnt.hnue.edu.vn/Account/Login> của nhà trường dành cho đội ngũ GV, GVTH khá thuận tiện và chính xác. Chế độ thi đua khen thưởng công khai, minh bạch.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc quản trị kết quả công việc của đội ngũ GV, GVTH về hoạt động cộng đồng chưa được số hóa trên hệ thống quản lý nhà trường.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>

1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung khai báo kết quả hoạt động cộng đồng đối với GV, GVTH trên trang qlnt.hnue.edu.vn của nhà trường	Khoa CTXH	Năm 2020
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện công tác bình xét, đánh giá, thi đua một cách công bằng, minh bạch. Hoàn thiện và phát triển phần mềm quản lý giờ giảng để ngày càng cập nhật và đầy đủ hơn.	Khoa CTXH Trường ĐHSPHN	2020

### 5. Tự đánh giá: đạt 5/7

**Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

#### 1. Mô tả

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV đã được trường Đại học Sư phạm Hà Nội quy định cụ thể trong các văn bản: Quy định về hoạt động NCKH của Trường ĐHSPHN, Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV, GVTH của Trường ĐHSP Hà Nội [H6.06.07.01; H6.06.01.12]. Ngoài ra, phòng Khoa học công nghệ cũng soạn các tài liệu hướng dẫn nghiên cứu khoa học gồm các mẫu giấy tờ, văn bản, hợp đồng, đề tài nhằm hỗ trợ GV thực hiện công tác nghiên cứu khoa học một cách thuận lợi nhất [H6.06.07.02]. Từ 01/07/2017, Nhà trường và Khoa đã thực hiện quy đổi giờ NCKH từ các bài báo khoa học, đề tài và các hoạt động khác cho GV để xác định đúng khối lượng công việc mà mỗi GV đảm nhận, tạo sự công bằng, tạo động lực thúc đẩy làm việc [H6.06.07.03]. Nhà trường đã quy định số giờ chuẩn hoạt động khoa học công nghệ hằng năm đối với mỗi chức danh, học vị của GV trong Trường và số lượng giờ quy đổi ứng với từng loại hình. Cụ thể, đối với GV cao cấp, Giáo sư/Phó giáo sư, GV chính, GV có thời gian công tác trên 5 năm là 150 giờ; GV có thời gian công tác dưới 5 năm là 90 giờ, giảng viên tập sự là 75 giờ; giảng viên đang trong thời gian học Cao học, Nghiên cứu sinh trong nước là 75 giờ.

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được giám sát. Đầu mỗi năm học, các GV tham gia họp Bộ môn, họp Khoa để triển khai các công tác trong năm học. Do quy định của trường về số giờ chuẩn hoạt động NCKH với mỗi chức danh, học vị của GV, Khoa đề xuất phân công nhiệm vụ cho các GV trong đơn vị, từ đó bộ môn họp bàn và thống nhất phân công [[H6.06.07.03]. Theo phân công của Khoa và Bộ môn, nhiệm

vụ NCKH của mỗi GV là hoàn thành ít nhất 1 bài báo và đó là cơ sở để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ cuối năm học. Đối với các GV làm đề tài, bộ môn, Khoa chủ động đôn đốc và kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài của các GV. Để theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH, hàng năm Nhà trường và khoa định kỳ thành lập các Hội đồng kiểm tra tiến độ thực hiện và hội đồng nghiệm thu đề tài các cấp [H6.06.07.04]

Các loại hình, số lượng các hoạt động NCKH của GV được đối sánh để cải tiến chất lượng. Hàng năm, Khoa đều tiến hành tổng kết công tác NCKH của Khoa theo công văn tổng kết công tác NCKH của trường [H6.06.07.05, H6.06.07.06]. Số đề tài KHCN mà GV, GVTH khoa CTXH tham gia giảng dạy ngành đào tạo cử nhân CTXH qua các năm được thống kê cụ thể [H6.06.07.07].

Cùng với việc triển khai đề tài NCKH các cấp, số lượng các bài báo của giảng viên Khoa CTXH tham gia đào tạo ngành Cử nhân CTXH trong 5 năm qua tăng lên đáng kể. Song song với việc triển khai các đề tài khoa học, một số GV còn tích cực viết sách, tài liệu tham khảo và giáo trình đại học phục vụ cho giảng dạy, tuân theo các thủ tục qui định về xuất bản giáo trình. Trong đó, số lượng sách GV viết tăng dần theo các năm, đặc biệt là các sách tham khảo, tổng số sách viết năm 2019 - 2020 là 10 cuốn [H6.06.07.08].

Nhìn chung trong 5 năm qua số lượng các đề tài NCKH, số lượng các công trình khoa học và các hoạt động hợp tác với các đơn vị trong ngoài, nước ngoài tăng hơn hẳn so với những năm trước. Điều đó chứng tỏ sự nỗ lực phấn đấu của các GV, sự quan tâm động viên kịp thời và sự tạo điều kiện thuận lợi của Nhà trường và của Khoa. Những thành tích NCKH của các bộ môn, thành tích về NCKH của cán bộ được Khoa, Nhà Trường ghi nhận, kịp thời động viên khuyến khích các cán bộ trong Khoa không ngừng phấn đấu, say mê trong công tác NCKH, góp phần đẩy mạnh công tác NCKH của Trường [H6.06.07.09].

Việc đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV cũng là cơ sở cho việc đánh giá phân loại GV hàng năm. Các GV, GVTH ngành Cử nhân Công tác xã hội có năng lực tốt, đáp ứng các yêu cầu về NCKH và phục vụ cộng đồng. Hàng năm, đội ngũ này luôn được bình xét đánh giá, phân loại danh hiệu thi đua Lao động tiên tiến, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở [H6.06.04.06, H6.06.04.02]

## **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ GV, GVTH tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp bộ, cấp ngành. Bên cạnh đó, các GV, GVTH còn xuất bản sách chuyên

khảo và sách phục vụ đào tạo. Các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí quốc tế cũng ngày một nhiều hơn trong hồ sơ nghiên cứu khoa học của GV, GVTH.

### 3. Điểm tồn tại

Số lượng GV, GVTH tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường và ngoài trường còn chưa phong phú. Các sản phẩm khoa học còn chưa phân bổ đồng đều.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Hình thành các nhóm nghiên cứu trong Khoa, mở rộng nhóm nghiên cứu ra ngoài Trường và tổ chức hội thảo chuyên ngành, - Tổ chức rà soát, bổ sung kế hoạch nghiên cứu khoa học và xây dựng cơ chế khen thưởng các cá nhân nghiên cứu, ra ấn phẩm khoa học.	HĐKH Khoa CTXH	Bắt đầu từ năm 2020	
		- Nhà trường cần tăng số lượng các đề tài NCKH để nâng cao các hướng NCKH cho GV	Phòng KHCH	2020	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tham gia nhiều loại hình nghiên cứu hơn. Tăng cường xuất bản sách chuyên khảo và sách phục vụ đào tạo. Tăng cường các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí quốc tế	Tất cả GV Khoa CTXH	2020	

### 5. Tự đánh giá: đạt 5/7

### Kết luận về tiêu chuẩn 6:

Đội ngũ giảng viên, giáo viên thực hành của Khoa có sức trẻ, trình độ chuyên môn cao, năng động, nhiệt huyết do vậy công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ

công đồng của Khoa đã có những thành tích nhất định. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên thực hành của Nhà trường và khoa cụ thể, đáp ứng nhu cầu của giảng viên, giáo viên thực hành, phù hợp với chiến lược phát triển đại học của nhà trường. Nhà trường và Khoa cũng tích cực tiến hành các hoạt động hỗ trợ GV tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ kể cả ngoại ngữ, tin học, công tác NCKH cũng được đề cao.

Tuy nhiên, việc quy hoạch theo vị trí việc làm dựa trên đầu sinh viên và môn học đang còn nhiều bất cập, số lượng sinh viên được thu hút vào khoa CTXH còn hạn chế. Số lượng đề tài nghiên cứu chưa đồng đều, chưa có nhiều đối với cán bộ trong Khoa. Nhìn chung, đội ngũ GV, GVTH ngành Cử nhân CTXH đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, với tuổi đời khá trẻ nhưng nhiệt huyết trong giảng dạy, NCKH, phục vụ cộng đồng và có những đóng góp đáng kể cho việc thực hiện sứ mệnh và mục tiêu phát triển của Nhà trường.

**Tự đánh giá tiêu chuẩn 6: 5/7**

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
<b>Tiêu chí 6.1</b>				X			
<b>Tiêu chí 6.2</b>				X			
<b>Tiêu chí 6.3</b>					X		
<b>Tiêu chí 6.4</b>					X		
<b>Tiêu chí 6.5</b>					X		
<b>Tiêu chí 6.6</b>					X		
<b>Tiêu chí 6.7</b>					X		
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>4.7</b>						



## **Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên**

### **Mở đầu**

Đội ngũ nhân viên của trường Đại học Sư phạm Hà Nội làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đội ngũ NV làm việc tại khoa CTXH trực tiếp hỗ trợ CTĐT cử nhân CTXH đủ về số lượng và được đào tạo cơ bản về chuyên môn, kỹ thuật vững vàng, đủ khả năng để hỗ trợ giảng dạy cho GV, GVTH và tư vấn chuyên môn cho sinh viên. Nhà trường và Khoa CTXH đã có những chiến lược về quy hoạch đội ngũ nhân viên, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng để tuyển được đội ngũ NV giỏi nghề và có phẩm chất đạo đức tốt. Trong quá trình công tác, đội ngũ NV được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hỗ trợ đào tạo, có quá trình đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, khảo sát mức độ hài lòng của GV và người học để có hướng khắc phục và phát triển hiệu quả hơn đối với đội ngũ nhân viên.

***Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

### **1. Mô tả**

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, phù hợp với chiến lược phát triển Trường ĐHSPTN giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030 và giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn 2030 [H7.07.01.01]. Để làm tốt công tác này, Nhà trường đưa ra đề án vị trí việc làm để làm cơ sở tuyển dụng đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ của Nhà trường [H7.07.01.02]. Nhà trường cũng ban hành quyết định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc đối với viên chức hành chính, người lao động [H7.07.01.03]. Để đảm bảo số lượng người làm việc tại văn phòng các khoa đáp ứng yêu cầu đào tạo, trường đã ban hành Quy định số lượng người làm việc tại văn phòng các khoa [H7.07.01.04].

Chương trình đào tạo Cử nhân CTXH được hỗ trợ về tài liệu, thông tin thông qua đội ngũ nhân viên thư viện Trường; hỗ trợ Công nghệ thông tin và hệ thống mạng từ TTCNTT; hỗ trợ về cơ sở vật chất (các tòa nhà, giảng đường, thực hành,...) từ phòng Quản trị; cũng như được hỗ trợ về công tác tư vấn người học đăng ký tín chỉ, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa... từ Phòng Đào tạo, Phòng CTCT-HSSV,

Trung tâm ĐBCL, Đoàn thanh niên.... Đội ngũ nhân viên này của trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp đáp ứng tốt cho công việc. Tính đến năm 2019 về Trung tâm Thông tin - Thư viện trường ĐHSPHN có tổng số 30 người: trong đó có 12 ThS, 16 ĐH, 01 trình độ khác. Trung tâm thông tin - Thư viện trường có vai trò thực hiện chức năng phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và quản lý của Nhà trường thông qua việc sử dụng, khai thác các loại tài liệu có trong thư viện (tài liệu chép tay, in, sao chụp, khắc trên mọi chất liệu, tài liệu điện tử, mạng Internet...). Đội ngũ nhân viên phòng đào tạo gồm 15 người: 2 TS, 8 ThS, 5 CN tham mưu giúp Hiệu trưởng, quản lí, tổ chức, triển khai thực hiện công tác đào tạo, bao gồm kế hoạch, chương trình, học liệu, tổ chức giảng dạy và chất lượng giảng dạy theo quy chế đào tạo của Bộ và quy định của Trường đã ban hành. Phòng Hành chính - Đối ngoại gồm 12 người: 1 TS, 2 ThS, 8 ĐH và 1 trình độ khác có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng về công tác quản lý hành chính và hợp tác quốc tế của Trường. Phòng Công tác sinh viên gồm 7 người: 5 Ths, 2 ĐH, là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp việc Hiệu trưởng về công tác chính trị tư tưởng, công tác tuyên huấn và công tác quảng bá hình ảnh của trường, công tác học sinh, sinh viên. Trung tâm CNTT gồm 3 người: 2 Ths, 1 ĐH, đây là đơn vị tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong hoạch định chiến lược và quản lý các công tác liên quan đến công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông của Trường. Như vậy, đội ngũ nhân viên trong trường có trình độ chuyên môn tốt, đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ CTĐT cử nhân CTXH. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa đội ngũ chuyên viên của Khoa với các đơn vị trong trường còn hạn chế [H7.07.01.05].

Trong đội ngũ NV phục vụ CTĐT CTXH, có vai trò rất quan trọng của đội ngũ NV làm việc tại Khoa CTXH. Hiện nay đội ngũ NV của khoa gồm 02 NV (01 chuyên viên phụ trách công tác Giáo vụ; 01 chuyên viên phụ trách công tác cán bộ, quản lý công tác chính trị HSSV). Dựa trên bản mô tả công việc của nhà trường, các chuyên viên của Khoa có bản mô tả công việc cá nhân. Các chuyên viên đều có trình độ từ cử nhân trở lên, trong đó 01 cán bộ có trình độ thạc sĩ và 01 cán bộ đang học thạc sĩ [H7.07.01.02; H7.07.01.04; H7.07.01.06; H7.07.01.07]. Hồ sơ lí lịch của đội ngũ nhân viên được cập nhật hàng năm. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên Khoa CTXH, Trường ĐHSPHN được thực hiện đáp ứng các nhu cầu về đào tạo và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào công việc và con người cụ thể, khoa cũng phân công đội ngũ NV tham gia các hoạt động phục vụ cộng

đồng như công đoàn, đoàn thanh niên, các trợ lý [H7.07.01.13], do đó đã huy động được cán bộ toàn khoa cùng hỗ trợ nhau hoàn thành tốt mọi công việc.

Ở phạm vi cấp Trường, TT Đảm bảo chất lượng đã thực hiện khảo sát mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng và đã nhận được những phản hồi tích cực. Kết quả khảo sát cho thấy trên 95% ý kiến đánh giá chất lượng nhân viên hành chính ở mức Tốt, Xuất sắc và không có ý kiến đánh giá Đạt hay mức Cần cải thiện [H7.07.01.15]. Với 2 nhân viên của Khoa CTXH, việc triển khai lấy ý kiến thông qua phiếu khảo sát của các bên liên quan chưa được Khoa thiết kế điều tra thường xuyên, định kỳ.

## 2. Điểm mạnh

Việc qui hoạch đội ngũ NV của Nhà trường hợp lý, phù hợp và đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và tình hình thực tế của trường. Đội ngũ nhân viên khoa CTXH đáp ứng chương trình đào tạo cử nhân CTXH.

## 3. Điểm tồn tại

Khoa CTXH chưa thực hiện được thường xuyên khảo sát đánh giá phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên của khoa.

## 4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	<b>Khắc phục tồn tại</b>	Khảo sát phản hồi định kỳ các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Khoa CTXH	Bắt đầu từ năm 2020	
2	<b>Phát huy điểm mạnh</b>	- Tiếp tục hoàn thiện chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.	Tất cả GV Khoa CTXH	2020	

		- Nhân viên làm việc tại Khoa có đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng cần được tiếp tục tập trung bồi dưỡng.			
--	--	---	--	--	--

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

### *Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai*

#### 1. Mô tả

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được Trường ĐHSPHN xác định phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030, giai đoạn 2017-2020 và tầm nhìn 2030 [H7.07.01.01]. Nhà trường ban hành văn bản quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng minh bạch đối với đội ngũ NV trong đó có các tiêu chí về đạo đức, về năng lực chuyên môn, về độ tuổi, về chuyên ngành phù hợp với từng vị trí việc làm theo nhu cầu và chiến lược phát triển chung của Nhà trường, phù hợp với nhu cầu thực tế của các đơn vị trong trường [H7.07.02.01].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị trong toàn trường. Trước khi ban hành các văn bản để thực hiện, Nhà trường luôn có công văn để lấy ý kiến đóng góp của GV và được tổng hợp theo đơn vị để gửi các phòng chức năng tập hợp, sau đó Hội đồng Trường họp, thảo luận, thống nhất và ban hành sử dụng trong toàn trường, điển hình là Góp ý dự thảo Đề án vị trí việc làm của Trường [H7.07.02.02].

Các tiêu chí tuyển dụng, kế hoạch, thời gian thi tuyển và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm và điều chuyển được phổ biến công khai. Đối với ngạch cán sự và ngạch nhân viên ngoài điều kiện chung cần có: bằng tốt nghiệp phổ thông trở lên, văn bằng chứng chỉ phù hợp với công việc tuyển dụng đạt loại Khá trở lên, tuổi đời dự tuyển không quá 35, trình độ ngoại ngữ và tin học do Hội đồng tuyển dụng quyết định với từng vị trí việc làm [H7.07.02.03; H7.07.01.02]. Công tác tuyển dụng nhân sự được thực hiện đúng theo quy định và quy trình tuyển dụng viên chức. Các tiêu chí bổ nhiệm được quy định đầy đủ rõ ràng, minh bạch: các cán bộ được bổ nhiệm bảo đảm tiêu chuẩn chung về: chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, trình độ chuyên môn, năng lực và uy tín; và thỏa mãn những tiêu

chuẩn cụ thể đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý như trưởng phòng đào tạo, giám đốc trung tâm thông tin thư viện... [H7.07.02.04, H7.07.02.05]

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và công khai bằng nhiều hình thức. Đối với công tác tuyển dụng: Thông báo tuyển dụng được đăng trên trang thông tin điện tử của Trường, Trên Báo Hà Nội mới và dán tại Bảng tin Phòng Tổ chức cán bộ. Thông báo trúng tuyển cũng được đăng tải trên website Trường và niêm yết tại Bảng tin Phòng Tổ chức cán bộ [H6.06.01.11]. Đối với việc bổ nhiệm, điều chuyển, Nhà trường phổ biến tới cá nhân, đơn vị và công khai trên trang thông tin điện tử của Trường [<http://docs.hnue.edu.vn/Vanbanden.aspx>].

Khoa CTXH luôn tuân thủ mọi quy định của Nhà trường trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên của Nhà trường. Khoa đã ban hành quy chế làm việc mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế tổ chức và hoạt động Khoa CTXH. Đối với nhân viên Khoa CTXH có các quyết định tuyển dụng của nhân viên Khoa CTXH [H7.07.02.01]; Bản tự đánh giá năng lực hàng tháng và hàng năm [H7.07.03. 14]; Bản đăng ký của chuyên viên khoa CTXH về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.04.02]. Khoa CTXH cần chủ động hơn nữa trong việc thu thập thêm ý kiến đánh giá của các bên liên quan để đưa thêm những tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn chuyên viên/nhân viên bổ nhiệm, điều chuyển được sâu sát đồng thời công khai trên trang Web của Khoa và rõ ràng hơn trên trang Web nhà trường.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã có văn bản quy định đầy đủ các tiêu chí về tuyển dụng, lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển. Công tác tuyển dụng đều có quy trình rõ ràng, công khai, minh bạch và phù hợp.

## **3. Điểm tồn tại**

Thông tin về tuyển dụng và lựa chọn nhân viên trên hệ thống thông tin của trường chưa được sắp xếp một cách khoa học, khó cho người tìm kiếm.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
-----------	-----------------	-----------------	--------------------------------	----------------------------	----------------

1	Khắc phục tồn tại	Nâng cấp hệ thống thông tin, sắp xếp lại các mục để tiện theo dõi trên trang Web của trường	Nhà trường	Giai đoạn 2020-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục rà soát hoàn thiện văn bản quy định về việc tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên phù hợp tình hình thực tế. - Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và được công khai rõ ràng trang thông tin điện tử của CSGD.	Trường ĐHSPHN; P.TCCB; Khoa CTXH	Giai đoạn 2020-2025	

### **5. Tự đánh giá: Đạt 5/7**

#### ***Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá***

##### **1. Mô tả**

Năng lực của đội ngũ nhân viên Nhà trường được xác định thông qua hiệu quả thực hiện các công việc, nhiệm vụ cụ thể được quy định trong các văn bản: Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với viên chức hành chính, người lao động của Trường ĐHSPHN [H7.07.01.04], Đề án vị trí việc làm [H7.07.01.02].

Quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên đã được Nhà trường xây dựng và ban hành trong các văn bản: Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức của Trường ĐHSPHN [H7.07.03.01], Quy định Công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHSPHN [H7.07.03.02], Quy định nâng bậc lương trước thời hạn do có thành tích xuất sắc [H7.07.03.03].

Trong văn bản Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức, Nhà trường đã cụ thể hóa các yêu cầu, thời gian, nội dung, trình tự cũng như tiêu chuẩn đánh giá, phân loại viên chức và người lao động. Từ năm 2018, theo quy định mới, viên chức hành chính và người lao động được đánh giá phân loại theo tháng, trình tự đánh giá được thực hiện theo quy trình gồm bốn bước: Các cá nhân tự đánh giá, chấm điểm về hiệu quả công việc, kỹ năng, thái độ của bản thân theo mẫu nhà trường ban hành; Tập thể (Phòng, Tổ, Bộ môn) góp ý cho bản tự đánh giá của cá nhân; Trên cơ sở tham khảo ý kiến

của tập thể lãnh đạo đơn vị, Trưởng đơn vị trực tiếp đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên; Căn cứ vào đề nghị phân loại của các Trưởng đơn vị, Phòng TCCB rà soát, hoàn tất thủ tục trình Hội đồng đánh giá cấp Trường xét duyệt và Hiệu trưởng quyết định [H7.07.03.01]. Trình tự đánh giá cả năm cũng được quy định cụ thể trong văn bản này.

Các nhân viên sau khi được đánh giá sẽ được xếp loại theo thang gồm 5 loại A, B, C1, C2, D. Dựa trên kết quả đó, nhân viên sẽ được đánh giá, phân loại cho cả năm theo các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả này sẽ là cơ sở để đánh giá thi đua, khen thưởng theo năm học, đồng thời cũng là cơ sở để Nhà trường phân bổ thu nhập tăng thêm, cũng như xét nâng bậc lương trước thời hạn [H7.07.03.03].

Hàng năm, trước khi kết thúc năm học, Nhà trường đều có công văn hướng dẫn cụ thể về việc đánh giá phân loại cán bộ, viên chức và công văn hướng dẫn bình xét thi đua của năm học [H7.07.03.05; H7.07.03.06]. Nhà trường cũng có văn bản hướng dẫn về xét nâng lương trước thời hạn do có thành tích xuất sắc vào tháng 12 hằng năm [H7.07.03.03]. Khoa CTXH đã thực hiện theo đúng các văn bản hướng dẫn. Theo đó, kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo trình tự: tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, người học đánh giá. Dựa trên kế hoạch năm học và kết quả thực hiện các công việc được giao trên cơ sở phiếu đánh giá phân loại hàng tháng, nhân viên tự viết phiếu đánh giá kết quả thực hiện công việc của bản thân trong năm học, tiếp đó các Tổ, Bộ môn tổ chức đánh giá, bình xét năng lực của các nhân viên, rồi nộp biên bản cho Khoa [H7.07.03.07; H7.07.03.08]. Trưởng Khoa, Hội đồng thi đua của Khoa sẽ họp để quyết định danh sách đề xuất lên Trường [H7.07.03.09]. Kết quả về phân loại CCVC và Kết quả thi đua của mỗi năm học sau khi được Hội đồng Thi đua Khen thưởng của Trường họp và quyết định đều được công khai trên hệ thống văn bản của trường [H7.07.03.10]. Theo kết quả đánh giá phân loại hàng tháng đối với nhân viên hành chính, trong các năm 2018, 2019, các nhân viên hành chính khoa CTXH đều xếp loại A, cuối năm học đạt danh hiệu thi đua Lao động tiên tiến.

Bên cạnh đó, Trung tâm Đảm bảo chất lượng Trường ĐHSPHN cũng thực hiện đánh giá về việc thực hiện quy định về thời gian, tác phong làm việc, thái độ ứng xử, hiệu quả giải quyết công việc của các cán bộ hành chính các khoa thông qua phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên đối với cán bộ hành chính. Kết quả khảo sát năm 2019, tỉ lệ

cán bộ hành chính của Nhà trường được sinh viên phản hồi đánh giá tổng thể ở mức tốt và xuất sắc trên 95% [H7.07.03.14].

## 2. Điểm mạnh

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo quy trình dựa trên các tiêu chí cụ thể, rõ ràng, công khai, đảm bảo sự công bằng, theo đúng quy định.

Khoa CTXH có đội ngũ nhân viên có năng lực đáp ứng đa dạng các nhu cầu hỗ trợ đào tạo và NCKH và quản lý.

## 3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ đội ngũ nhân viên của Khoa đạt các danh hiệu thi đua cấp cao còn thấp.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Động viên đội ngũ nhân viên tích cực, chủ động tham gia các hoạt động khác như trợ lý, cố vấn học tập và các hoạt động phục vụ cộng đồng,... để nâng cao thành tích thi đua.	Khoa CTXH	Giai đoạn 2020-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện đội ngũ nhân viên phát huy năng lực phù hợp với vị trí việc làm	Khoa CTXH	Giai đoạn 2020-2025	

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

*Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó*

### 1. Mô tả

Chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo là một thành tố quan trọng góp phần làm nên chất lượng giáo dục và đào tạo của Trường ĐHSHPN. Vì vậy, Nhà trường luôn chú trọng đến việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Trong Đề án vị trí việc làm đã chỉ rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn nghiệp vụ đối với từng vị trí nhân sự [H7.07.01.02]. Về cơ bản, trong quá trình tuyển dụng, đội ngũ nhân viên của Nhà trường



đều đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định, tuy nhiên, trong thực tế, có phát sinh một số quy định, tiêu chuẩn mới yêu cầu về các chứng chỉ nghiệp vụ, ngoại ngữ tin học đối với đội ngũ giảng viên, nhân viên. Hơn nữa, trong bối cảnh hiện nay, do sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ, bản thân các cán bộ nhân viên cũng luôn có ý thức tự học, tự bồi dưỡng, trau dồi chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng ngoại ngữ, tin học để đáp ứng tốt yêu cầu của công việc trong thời đại hội nhập [H7.07.04.01].

Chiến lược và Kế hoạch hành động 2011-2020, Nhà trường đã xác định nhu cầu cần thiết phải bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho đội ngũ cán bộ bao gồm cả giảng viên và nhân viên [H7.07.01.01]. Nhà trường đã có công văn số 174/ĐHSPHN ngày 18/4/2017 về việc lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV thông qua các bản đăng ký nhu cầu bồi dưỡng cá nhân, Khoa và Nhà trường xét duyệt, lập kế hoạch và kinh phí bồi dưỡng đào tạo phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên dựa trên yêu cầu của CTĐT [H7.07.04.02; H7.07.04.03].

Giai đoạn 2015 - 2020, Nhà trường thường xuyên cử cán bộ tham dự các hội thảo, chương trình tập huấn, các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H7.07.04.03; H7.07.04.04]. Bên cạnh các chuyên viên của Khoa luôn nâng cao tinh thần tự học hỏi, tự nghiên cứu, Khoa Công tác xã hội cũng có các chuyên viên được Nhà trường cử đi học. Khoa đã thống kê Danh sách đội ngũ chuyên viên được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ các năm từ 2016 - 2019. Mặc dù Khoa và Nhà trường không có nhiều lớp tập huấn, kinh phí dành cho đội ngũ chuyên viên để nâng cao trình độ nhưng bản thân chuyên viên Khoa CTXH cũng đã tự ý thức bồi dưỡng trau dồi học tập, đào tạo nâng cao trình độ [H7.07.04.05].

Nhà trường thực hiện phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên [H7.07.04.06]. Bên cạnh đó, các nhân viên được cử đi học đào tạo, bồi dưỡng luôn được Nhà trường hỗ trợ về kinh phí học tập, đi lại và hỗ trợ về mặt thời gian tạo điều kiện tối đa cho họ hoàn thành nhiệm vụ học tập [H7.07.04.07]

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường và Khoa CTXH thực hiện việc xác định/đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên và có kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

Đội ngũ nhân viên được tạo điều kiện khuyến khích đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ cũng như phục vụ hiệu quả cho công tác hỗ trợ đào tạo và NCKH ở Khoa và ở Trường.

### 3. Điểm tồn tại

Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên còn hạn chế, việc bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ của cá nhân trong đội ngũ nhân viên, nếu không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc, các cá nhân sẽ phải tự túc kinh phí.

### 4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Dành thêm một phần kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên nếu nhân viên tự ý thức đi học dù không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc.	Khoa, Trường	Giai đoạn 2020 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện khuyến khích nhân viên tự học, tự bồi dưỡng trau dồi kĩ năng, chuyên môn, nghiệp vụ	Khoa, Trường	Giai đoạn 2020 - 2025	

### 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

**Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

#### 1. Mô tả

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên. Trong các Hợp đồng lao động kí giữa Nhà trường và đội ngũ nhân viên cũng ghi rõ công việc cụ thể và nhiệm vụ của Nhân viên là làm việc theo sự phân công của Hiệu trưởng, Trưởng khoa. Trưởng khoa căn cứ trên năng lực chung và năng lực chuyên môn của từng nhân viên để phân công công việc cụ thể cho mỗi nhân viên nhằm phát huy

tốt nhất thể mạnh, sở trường của từng người đồng thời phối hợp chặt chẽ với Nhà trường và các Phòng, Ban chức năng thực hiện việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định [H7.07.01.03; H7.07.01.04; H7.07.01.02; H7.07.05.01].

Nhà trường cũng có văn bản quy định chi tiết về thời gian làm việc của công chức, viên chức và người lao động. Theo đó, giờ làm việc nhân viên hành chính cụ thể là: buổi sáng từ 8h00 đến 12h00; buổi chiều từ 13h00 đến 17h00. Đa số các cán bộ đều tuân thủ nghiêm túc theo khung giờ đã quy định. Để đảm bảo công bằng cũng như giám sát việc tuân thủ giờ giấc làm việc của đội ngũ nhân viên, Nhà trường còn thành lập Tổ kiểm tra hành chính và Công vụ theo quyết định số 3148/QĐ-ĐHSPHN [H7.07.05.02; H7.07.05.03].

Việc đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc và phân loại cán bộ viên chức sẽ là cơ sở để đề xuất xét Thi đua, Khen thưởng theo quy định của Nhà trường cũng như phân bổ thu nhập tăng thêm. Các nhân viên có thành tích xuất sắc còn được xem xét đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn theo Quy định. Các chính sách trên đã có tác dụng động viên kịp thời, thúc đẩy các cán bộ nhân viên Nhà trường luôn hăng say làm việc và cống hiến hết mình để thực hiện sứ mệnh của Nhà trường [H7.07.03.01; H7.07.03.02; H7.07.03.03].

Trong giai đoạn 2015-2020, đội ngũ nhân viên hành chính tham gia thực hiện CTĐT Cử nhân CTXH luôn được xếp loại A và đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Đội ngũ nhân viên của Khoa luôn tích cực, hoàn thành tốt các công việc được giao. Tuy nhiên, số lượng nhân viên đạt thành tích thi đua khen thưởng cấp cao còn hạn chế.

Trước khi ra quyết định ban hành Quy định về đánh giá, Nhà trường luôn xây dựng bản dự thảo, sau đó có công văn yêu cầu các CCVC tại các đơn vị góp ý cho Dự thảo. Tất cả các cán bộ GV và nhân viên của Nhà trường được tham gia góp ý một cách dân chủ. Biên bản góp ý của Bộ môn được gửi lên Khoa, Khoa tập hợp gửi lên Trường. Nhà trường căn cứ vào các ý kiến đóng góp của toàn thể cán bộ, GV, nhân viên của Trường để điều chỉnh, sửa đổi trước khi ban hành các quyết định chính thức [H7.07.05.06, H7.07.05.07].

Đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa cơ bản là hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc. Trong giai đoạn 2015-2019, đội ngũ nhân viên của Khoa không có bất kỳ khiếu nại nào về công tác thi đua khen thưởng, đánh giá phân loại viên chức bởi vì các quy

định là rất rõ ràng và cụ thể, đánh giá đúng mức năng lực và hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.

Nhà trường cũng thường xuyên tiếp thu các ý kiến góp ý của toàn thể cán bộ, nhân viên để tiếp tục hoàn thiện các chính sách động viên, khuyến khích kịp thời thông qua việc tăng khoản hỗ trợ thu nhập tăng thêm hàng tháng, các khoản phúc lợi khác, cũng như kinh phí khen thưởng hàng năm, tạo động lực để đội ngũ nhân viên cố gắng phấn đấu, trau dồi kỹ năng nghiệp vụ, hỗ trợ và phục vụ ngày càng hiệu quả hơn cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.03.04].

## **2. Điểm mạnh**

Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên Nhà trường được quy định rõ ràng và được triển khai một cách dân chủ, hiệu quả, góp phần thúc đẩy, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên của Khoa, của Trường thực hiện tốt vai trò phục vụ, hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH. Đội ngũ nhân viên của Khoa luôn tích cực, nhiệt tình, hoàn thành tốt các công việc được giao.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số tiêu chí đánh giá kết quả chưa hoàn toàn phù hợp với đặc thù công việc của đội ngũ nhân viên của Khoa.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Ban chủ nhiệm Khoa đề xuất với Nhà trường về việc điều chỉnh một số tiêu chí phù hợp với đặc thù công việc của đội ngũ nhân viên trong khoa.	Khoa, Trường	Giai đoạn 2020 - 2025	

2	Phát huy điểm mạnh	<p>Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý công việc để đội ngũ nhân viên phát huy hiệu quả công việc.</p> <p>Tiếp tục thực hiện quản trị theo kết quả công việc của nhân viên để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</p>	Khoa, Trường	Giai đoạn 2020 - 2025	
---	--------------------	--	--------------	-----------------------	--

**5. Tự đánh giá: Đạt 4/7**

**Kết luận về tiêu chuẩn 7:**

Đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và của CTĐT hệ Cử nhân CTXH nói riêng đã đảm bảo về số lượng, chất lượng về năng lực chuyên môn đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển đã được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá thường xuyên để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của CTĐT. Thêm vào đó việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện đầy đủ, đúng kế hoạch và đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong tình hình mới. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên cũng được Nhà trường triển khai kịp thời để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tuy nhiên, kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên còn hạn chế; các tiêu chí Thi đua còn chưa xét đến đặc thù công việc đối với đội ngũ nhân viên nên số lượng nhân viên đạt thành tích thi đua khen thưởng cấp cao còn ít. Mặc dù vậy, chất lượng đội ngũ nhân viên hiện nay của Nhà trường nói chung và của khoa CTXH nói riêng nhìn chung đã đảm bảo công tác phục vụ giảng dạy, NCKH của Khoa và Nhà trường.

**Đánh giá tiêu chuẩn 7:**

Tiêu chí	Thang đánh giá	
	Chưa đạt	Đạt

	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
<b>Tiêu chí 7.1</b>					X		
<b>Tiêu chí 7.2</b>					X		
<b>Tiêu chí 7.3</b>					X		
<b>Tiêu chí 7.4</b>				X			
<b>Tiêu chí 7.5</b>				X			
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>4.6</b>						

## **Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

### **Mở đầu**

Người học làm một trong những yếu tố quan trọng của chương trình đào tạo, nếu có chất lượng đầu vào tốt, kết quả đào tạo sẽ có được kết quả tích cực, chính vì vậy, khoa CTXH đã thực hiện tốt công tác liên quan đến người học và các hoạt động hỗ trợ người học. Tuân thủ các chính sách của trường của trường Đại học Sư phạm, Khoa đã xây dựng được các chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển sinh công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được triển khai minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch, đẹp trang thiết bị dạy-học hiện đại, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

***Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật***

### **1. Mô tả**

Chương trình đào tạo ngành CTXH được tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT cũng như quy chế tuyển sinh của Nhà trường. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, minh bạch trong *Đề án tuyển sinh* hàng năm [H8.08.01.01]. Năm 2020, Khoa CTXH được tuyển sinh trong cả nước với hai phương thức tuyển sinh chính là dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia và xét học bạ, đây là hai phương thức tuyển sinh phổ biến trong năm nay và nằm trong quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc xét tuyển dựa trên kỳ thi tốt nghiệp THPT với hai tổ hợp là Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý và tổ hợp Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ. Xét tuyển học bạ dựa trên điểm trung bình chung của các môn Ngữ văn, Toán và Ngoại ngữ ở tất cả các kỳ trong ba năm học THPT của thí sinh. Theo như quy định của Trường, các thí sinh phải có hạnh kiểm khá trở lên ở tất cả các kỳ học. Chính sách tuyển sinh của Khoa cũng được cập nhật hàng năm, đặc biệt là cập nhật một số nội dung liên quan đến chỉ tiêu, đối tượng, quy trình xét tuyển, phương thức xét tuyển. Chẳng hạn như năm 2020, chính sách tuyển sinh được thay đổi hơn những năm trước ở việc bổ sung phương thức xét tuyển học bạ của thí sinh. [H8.08.01.01]

Hàng năm, chính sách tuyển sinh được cập nhật và thay đổi theo chỉ đạo chung của Bộ GD&ĐT và của trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Từ năm 2015, Khoa CTXH, Trường ĐHSPhN tuyển sinh theo hình thức xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi THPT Quốc gia theo

quy định của Bộ GD&ĐT với các tổ hợp điểm ngữ văn, lịch sử, ngoại ngữ, tổ hợp ngữ văn, lịch sử, địa lý và tổ hợp văn, toán, ngoại ngữ. Tổng số chỉ tiêu xét tuyển được điều chỉnh theo từng năm. Đối tượng tuyển sinh là học sinh đã tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm các kỳ đề được loại khá trở lên. Tiêu chí xét tuyển chính là xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu dựa trên kết quả thi của ba môn trong tổ hợp xét tuyển và điểm ưu tiên (nếu có). Xét tuyển thẳng Thí sinh thuộc đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 2, điều 7 của *Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy* của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Xét tuyển thẳng Thí sinh là học sinh tốt nghiệp THPT năm 2020 có thời gian học tập cả 3 năm tại các trường THPT chuyên của cả nước và các trường THPT trực thuộc trường ĐHSP Hà Nội, trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh. Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2019 và đạt học lực giỏi tất cả các năm học THPT, đồng thời được xếp loại hạnh kiểm tốt tất cả các học kỳ [H8.08.01.04].

Khoa CTXH cũng thường xuyên lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh và phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực. Hình thức lấy ý kiến là thông qua các phiếu khảo sát, các cuộc tọa đàm với đối tượng là sinh viên đang học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, các chuyên gia [H8.08.04.10]. Những đối tượng này đã đóng góp cho Khoa những ý kiến bổ ích về vấn đề tuyển sinh như về Phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh hay tổ hợp các môn xét tuyển.

Từ 2015- 2018, Khoa CTXH không làm chương trình tuyển sinh riêng mà thường ghép cùng với chương trình tuyển sinh của trường, bắt đầu từ năm học 2019-2020, Khoa CTXH đã chủ động thiết kế và thực hiện chương trình tuyển sinh riêng tới một số trường học và đã có hiệu quả cao, nhiều em học sinh đã biết tới và số lượng đăng ký xét tuyển năm học 2019-2020 đã tăng đột biến (Bảng 8.1). Chương trình tuyển sinh riêng thực chất là việc đưa thông tin về ngành công tác xã hội của Trường ĐHSPHN đến gần với các em học sinh trung học phổ thông hơn. Bắt đầu từ tháng 11 năm 2018, Khoa đã triển khai các nhóm tuyển sinh là các giảng viên và các em sinh viên trong Khoa, thiết kế tờ rơi, liên hệ với các trường THPT trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận để về giới thiệu, kết hợp với các buổi chào cờ ở trường THPT, hoặc chia từng nhóm vào các lớp 12 của trường để giới thiệu và tuyển sinh. Hàng năm, giảng viên trong Khoa thường được các trường THPT mời về để tập huấn chuyên đề nâng cao kỹ năng sống, kỹ năng lựa chọn nghề nghiệp cho học sinh THPT, Khoa cũng xác định đó là một kênh để kết hợp truyền thông, giải đáp thắc mắc



về chương trình đào tạo của khoa, của nhà. Trong năm 2018, 2019, 2020, với hình thức này, trung bình mỗi năm có khoảng 10 trường THPT được khoa về tuyển sinh như trường THPT Đông Quan, Phú Xuyên, THPT Thanh Trì, THPT Mỹ Đức A, Mỹ Đức B, và một số trường THPT tại tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Giang... Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 5 năm từ 2015-2019, khoa CTXH đã có số lượng thí sinh được tuyển, điểm tuyển và số lượng sinh viên nhập học được thể hiện ở bảng 8.1; số người học đang học CTXH được thể hiện ở bảng 8.2. Thống kê cho thấy số lượng người học đăng ký tăng thêm theo từng năm (trừ năm học 2018-2019) và số lượng nhập học cũng tăng, nhà trường và khoa cũng kịp điều chỉnh chỉ tiêu để đáp ứng được nhu cầu này của xã hội[H8.08.01.05].

**Bảng 8.1: Thống kê tình hình nhập học của người học năm thứ nhất (từ năm 2015 đến 2019)**

Năm học	Ứng viên		
	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số lượng đủ trúng tuyển	Số lượng nhập học
2015-2016	100	90	84
2016-2017	100	140	59
2017-2018	120	144	79
2018-2019	120	74	28
2019-2020	120	155	62

**Bảng 8.2. Thống kê số người học đang học chương trình (trong 5 năm học gần nhất)**

Năm học	Người học					Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm tiếp theo	
2015-2016	84	91	82	77		334
2016-2017	59	77	90	84		310
2017-2018	79	54	74	85		292
2018-2019	28	73	52	72		225
2019-2020	62	24	66	46		198

Chính sách tuyển sinh cũng được công bố công khai trên website của nhà trường [H8.08.01.01; H8.08.01.02] và website của Khoa cũng như trong các tờ rơi, standy [H8.08.01.03].

## 2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Nhà trường, khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chính sách tuyển sinh của khoa mang tính lượng hóa (quy định về số điểm

trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp cho khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển tốt và đánh giá được năng lực người học từ cao xuống thấp. Ngoài ra, chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật hàng năm từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất.

### 3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến các bên liên quan về chính sách tuyển sinh của CTĐT ngành CTXH chưa đa dạng, mới chỉ tập trung lấy ý kiến của người học, giảng viên, chưa thực hiện nhiều việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng. Quá trình phân tích, dự báo nguồn nhân lực đôi khi còn mang tính chất chủ quan, chưa cụ thể, khoa học.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung hoạt động lấy ý kiến của nhà tuyển dụng về chương trình tuyển sinh	Toàn giảng viên Khoa CTXH	Bắt đầu từ năm 2019	
2		Cập nhật việc phân tích nguồn nhân lực từ chính sách của nhà nước, từ các nhà tuyển dụng	Toàn khoa CTXH	Bắt đầu từ năm 2020	
4	Phát huy điểm mạnh	Lồng ghép giữa chương trình tuyển sinh và các chương trình hỗ trợ kỹ năng sống cho học sinh các trường THPT của cán bộ giảng viên khoa CTXH	Toàn thể giảng viên	Bắt đầu từ năm 2020	

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.**

#### 1. Mô tả

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Nhà trường và Khoa xác định rõ ràng trong Đề án tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.01; H8.08.01.02]. Theo đó,

Trường ĐHSPHN có bốn phương thức xét tuyển sinh, một là sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 để xét tuyển, hai là phương thức xét tuyển thẳng, ba là xét học bạ THPT và bốn là kết hợp sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 hoặc kết quả học bạ với kết quả thi năng khiếu tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội với một số ngành đặc thù.

Căn cứ trên đề án tuyển sinh của nhà trường, Khoa CTXH đã lựa chọn hai phương thức xét tuyển sinh là sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 để xét tuyển và xét học bạ.

Năm 2020, với phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, Khoa CTXH đã xác định xét tuyển hai tổ hợp và lấy các chỉ tiêu của từng tổ hợp, tổ hợp Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ chỉ tiêu là 20 sinh viên, tổ hợp Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý lấy 45 sinh viên. Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + Điểm ưu tiên khu vực + Điểm ưu tiên đối tượng song không được thấp dưới 15 điểm. Việc xét tuyển là lấy điểm tổng từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Theo tiêu chí của nhà trường, tất cả các sinh viên được tuyển phải có hạnh kiểm khá trở lên ở tất cả các kỳ học THPT.

Phương thức xét tuyển thứ hai của khoa CTXH năm 2020 là xét học bạ với chỉ tiêu tuyển 85 sinh viên, tiêu chí để xét học bạ là xét tổng điểm trung bình chung của ba môn Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ ở lớp 10, 11, 12 và có hạnh kiểm tất cả các học kỳ và học lực 3 năm ở bậc THPT đạt từ khá trở lên.

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/tuyển chọn người học của chương trình đào tạo khoa CTXH được rà soát, đánh giá hằng năm sau các kỳ tuyển sinh và chuẩn bị tuyển sinh. Sau mỗi đợt tuyển sinh, khoa triệu tập cuộc học để đánh giá kết quả tuyển sinh cũng như rà soát lại hoạt động tuyển sinh, trong đó có các nội dung rà soát về tiêu chí và Phương pháp tuyển sinh thông qua họp Hội đồng khoa học của Khoa. Theo đó, mỗi năm, khoa đều có sự điều chỉnh về tiêu chí và Phương pháp tuyển sinh. Từ năm 2015 đến trước năm 2020, phương thức xét tuyển của Khoa chủ yếu dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT với 2 tổ hợp Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý và Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ song dựa trên sự rà soát mỗi năm, Khoa luôn có sự điều chỉnh chỉ tiêu của mỗi tổ hợp xét tuyển. Năm 2020, sau khi rà soát, Khoa cũng đã bổ sung thêm hình thức xét tuyển học bạ. [H8.08.01.01].

## **2. Điểm mạnh**

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Trường, Khoa rõ ràng, theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và được đánh giá, rà soát thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào ngành CTXH.

### 3. Điểm tồn tại

Tiêu chí tuyển chọn người học vẫn còn trong khuôn khổ cứng nhắc là tuyển chọn trên cơ sở kỳ thi THPT mà chưa có những sự thay đổi như dựa vào bài luận hay xét tuyển thẳng những học sinh có hoạt động xã hội tốt và có những đóng góp về mặt xã hội, có liên quan đến ngành CTXH.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất việc tổ chức thi bài luận, xét tuyển thẳng những trường hợp có đóng góp về mặt xã hội đi kèm với những phương thức xét tuyển khác	BCN khoa CTXH	Năm 2021	
	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện công tác rà soát, đánh giá phương pháp, tiêu chí tuyển sinh trước và sau đợt tuyển sinh	BCN khoa CTXH	9/2020	

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.**

#### 1. Mô tả

Khoa CTXH luôn có một bộ phận/cán bộ chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ [H8.08.03.07]

Trường ĐHSP Hà Nội là một trong những trường đại học triển khai công tác học theo tín chỉ từ rất sớm, khoa CTXH cũng triển khai phương thức đào tạo này cùng với Trường. Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập được ghi cụ thể, chi tiết trong *Quy chế đào tạo đại học* của Trường ĐHSPHN và trong *Sổ tay sinh viên* [H8.08.03.01; H8.08.03.02; H8.08.03.03].

Phòng Đào tạo được Nhà trường phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập của NH, cảnh báo học vụ thông qua Trợ lý đào tạo, Quản lý sinh viên, Cố vấn học tập của các Khoa trong Trường và GV chủ nhiệm các lớp [H8.08.03.04, H8.08.03.05, H8.08.03.06].

Dựa trên các Quy định đó Khoa đã có Quyết định cử Trợ lý đào tạo, Quản lý sinh viên, Cố vấn học tập và GV chủ nhiệm các lớp, đồng thời quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận/cán bộ trên trong công tác giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học và cảnh báo học vụ. Theo đó công tác giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của SV và cảnh báo học vụ được thực hiện thường xuyên, liên tục bởi Cố vấn học tập, GV chủ nhiệm lớp và Quản lý sinh viên khoa. Trợ lý đào tạo và Cố vấn học tập đồng chịu trách nhiệm giám sát khối lượng học tập của SV [H8.08.03.06].

Quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH trong quyết định số 12020/QĐ-ĐHSPHN ngày 16/12/2019 của Trường ĐHSPHN [H8.08.03.05]. Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần thông qua các buổi họp liên tịch giữa Ban chủ nhiệm khoa, Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tạo, Quản lý sinh viên và Liên chi đoàn khoa, đồng thời khoa thường xuyên tổ chức chỉ đạo các lớp sinh hoạt theo định kỳ 1 tháng/lần với sự tham gia của GV chủ nhiệm nhằm tiếp nhận kịp thời ý kiến của người học [H8.08.03.07]. Ngoài ra, Nhà trường có quy định rõ ràng về sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập của người học trong Cẩm nang sinh viên nhằm đảm bảo người có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn, theo đó số lượng tín chỉ tối thiểu đối với các kỳ học chính là 15 tín chỉ và tối đa là 30 tín chỉ, đối với học kỳ phụ (học kỳ mùa hè) tối đa là 10 tín chỉ [H8.08.03.03]. Trong trường hợp SV học chậm tiến độ do kết quả thi không đạt ở môn học trước đó, Khoa cho phép SV đăng ký môn học thay thế để đảm bảo SV tốt nghiệp đúng hạn.

Cơ sở dữ liệu Khoa sử dụng để theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học; tỉ lệ tốt nghiệp là thông qua Sổ tay nghiệp vụ theo dõi thời gian tốt nghiệp và trên phần mềm quản lý điểm và quản lý người học UNISOFT [H8.08.03.08; H8.08.03.09].

## **2. Điểm mạnh**

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp Giảng viên, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, được thực hiện nhiều lần, giúp Giảng viên, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học.

### 3. Điểm tồn tại

Cố vấn học tập còn chưa chủ động việc giám sát và cảnh báo sớm những trường hợp nợ môn, thiếu tín chỉ. Công cụ theo dõi UNISOFT thỉnh thoảng còn có một số trục trặc trong vấn đề tổng hợp kết quả học tập của sinh viên.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường vai trò của cố vấn học tập trong việc cảnh báo sớm những trường hợp nợ, thiếu tín chỉ	Khoa CTXH	6/2020	
2		Đề xuất việc hoạt động ổn định của hệ thống UNISOFT	Khoa CTXH	6/2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy vai trò của ban cố vấn học tập	BCN khoa	Bắt đầu từ năm 2020	

### 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

*Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.*

#### 1. Mô tả

Hoạt động tư vấn học tập của sinh viên của khoa CTXH được các cố vấn học tập đảm nhiệm cùng với giáo viên chủ nhiệm và giáo vụ, quản lý sinh viên đảm nhiệm thường xuyên sâu sát và giải đáp thắc mắc, nhắc nhở các em được quy định rõ ràng trong quy chế hoạt động của cố vấn học tập [H8.08.04.01, H8.08.04.02, H8.08.04.03]. Cố vấn học tập có nhiệm vụ nắm vững quy chế đào tạo, kế hoạch đào tạo để giải đáp các thắc mắc của SV;

kịp thời theo dõi, đôn đốc tình hình học tập của SV; thông báo, triển khai và thực hiện các chủ trương của Khoa và Trường về vấn đề được giao phụ trách. Ngoài ra, CVHT nắm bắt những tâm tư, nguyện vọng của SV và đề xuất cho Ban chủ nhiệm các hướng xử lý, hỗ trợ; tổ chức tư vấn cho SV đăng ký các học phần phù hợp với khả năng sau mỗi học kỳ và hỗ trợ SV đăng ký học tập và xử lý các vấn đề liên quan.

Các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên của khoa công tác xã hội như tổ chức các cuộc thi, các câu lạc bộ, các hoạt động thi đua được khoa phân công cho BCH liên chi đoàn, Liên chi hội sinh viên phụ trách. Bộ phận Giáo viên thực hành của Khoa được giao nhiệm vụ tư vấn việc làm cho sinh viên.

Căn cứ trên những văn bản mà khoa giao, các đơn vị phụ trách đề ra những kế hoạch hoạt động hàng năm và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH theo đúng như kế hoạch đề ra.

Hoạt động ngoại khóa được thực hiện ngay với sinh viên học năm nhất, ngay sau khi các em nhập học, Khoa đã tổ chức chương trình *Chào tân sinh viên*, chương trình này giúp các em có được hình dung sơ lược về khoa, về chương trình đào tạo của khoa và giới thiệu các em với cán bộ giảng viên Khoa và các anh chị khóa trước [H8.08.04.04]

Hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong những hoạt động trọng tâm trong việc thúc đẩy hoạt động đào tạo sinh viên, hàng năm, hội nghị NCKH của sinh viên được tổ chức, thu hút sinh viên tham gia với số lượng lớn và tham gia tích cực cũng như đạt được nhiều phần thưởng của trường. Đây là hoạt động có ý nghĩa rất lớn đối với quá trình học tập của sinh viên, giúp các em trau dồi về kiến thức, kỹ năng cũng như thái độ say mê nghiên cứu, tìm tòi [H8.08.04.06].

BCN Khoa, liên chi đoàn, hội sinh viên, ngoài việc thúc đẩy các em tham gia các CLB trong trường, đã thành lập rất nhiều CLB của khoa để giúp các em được tham gia đúng với sở trường của mình, tạo chất xúc tác tích cực cho hoạt động học tập. Hiện tại trong có 7 CLB dành cho sinh viên thu hút được đến 70% sinh viên của khoa tham gia, gồm có, CLB Tiếng Anh, CLB sinh viên quốc tế, CLB truyền thông, CLB Sinh viên NCKH, CLB thể thao, CLB sự kiện và đội thanh niên xung kích. Các CLB hoạt động có nội quy, quy định và có các buổi sinh hoạt thường xuyên [H8.08.04.07].

Do có một bộ phận riêng về giáo viên thực hành, Khoa đã thường xuyên xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH như liên hệ thực tập, thực tế; trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động.

Trường, Khoa tích cực chủ động lên danh sách các đơn vị thực tập phù hợp với ngành đào tạo để SV lựa chọn hoặc khuyến khích SV chủ động lựa chọn, tìm kiếm đơn vị thực tập theo mong muốn và có sự hướng dẫn của GV trong quá trình SV thực tập nghề nghiệp [H8.08.03.08; H8.08.03.09]. Đồng thời, Khoa thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu người học để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV, khoa cũng thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm về việc làm mỗi năm, có mời các cơ quan tuyển dụng đến để nói chuyện với sinh viên về vấn đề chuẩn bị tuyển dụng từ đó hỗ trợ kỹ năng SV trong việc tìm kiếm việc làm, tăng cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.10]. Kết quả cho thấy, năm 2019, có 17 sinh viên sau khi thực tập tại cơ sở do Khoa kết nối đã được nhận làm, năm 2020 có 12 sinh viên đã được nhận làm tại cơ sở thực tập như phòng CTXH ở các bệnh viện như bệnh viện Nhi Trung Ương, Bệnh viện Châm cứu Trung Ương.

Ngoài ra, Khoa còn có các hoạt động ngoại khóa gắn với nghề nghiệp chuyên môn của các em sau này như các hoạt động tình nguyện tại các trung tâm bảo trợ xã hội, các mái ấm, nhà mở, trung tâm dưỡng lão và trung tâm dành cho người khuyết tật, các hoạt động này đã thực sự góp phần đào tạo các em ngoài việc hoàn thiện kỹ năng chuyên môn, còn giúp các em có được thái độ tích cực về nghề nghiệp [H8.08.04.11].

Ít nhất 75% số NH, NH tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

## **2. Điểm mạnh**

BCN khoa, Ban chấp hành Liên chi đoàn, Liên chi hội SV, giảng viên tổ chức nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ hoạt động học tập, giúp SV nâng cao thành tích học tập và tìm kiếm cơ hội việc làm khi ra trường; các hình thức hoạt động ngoại khóa đa dạng và được tổ chức thường xuyên, thiết thực như sinh viên tham gia rất nhiều CLB, tham gia tích cực trong hoạt động nghiên cứu khoa học, tham gia hỗ trợ sinh viên quốc tế, tham gia tình nguyện.

## **3. Điểm tồn tại**



Việc thực hiện tăng cường kỹ năng mềm cho sinh viên còn chưa đem lại chất lượng tốt như trau dồi các kỹ năng phỏng vấn, xin việc, kỹ năng viết sơ yếu lý lịch, kỹ năng viết thư ứng tuyển hay kỹ năng quan hệ giao tiếp tại công sở...

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Kết nối với trung tâm đào tạo kỹ năng mềm để đào tạo cho sinh của Khoa	Khoa CTXH	Bắt đầu từ năm 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng các chương trình tư vấn của các nhà tuyển dụng cho khóa sinh viên năm 3,4	Khoa CTXH	5/2020	
3		Tăng cường hoạt động của các CLB	Khoa CTXH	Bắt đầu từ năm 2020	
4		Đẩy mạnh Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên	Khoa CTXH	Bắt đầu từ năm 2020	

#### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.**

##### 1. Mô tả

Trường Đại học Sư phạm có khuôn viên thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều khu vực chức năng trên tổng diện tích lớn 263.346 m<sup>2</sup>. Có rất nhiều hệ thống cây xanh, ghé đá, hệ thống đường đi rộng, dễ dàng di chuyển và tiếp cận các toàn nhà, giảng đường và các khu vực chức năng khác đã tạo nên môi trường tâm lý thoải mái cho người học [H9.09.01.01]. Nhà trường và khoa thường xuyên tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, hoạt động học thuật, hướng nghiệp, v.v... để tạo môi trường tâm lý thoải mái, giúp SV yên tâm học tập và nghiên cứu. Nhà trường tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư xây dựng cơ bản theo qui hoạch tổng thể của Trường để hình thành hệ thống giảng đường, nhà làm việc, kí túc xá, các công trình phụ trợ đồng bộ, đáp ứng qui mô đào tạo và NCKH [H9.09.01.02].

Trường có hệ thống sân bóng đá, bóng rổ, bóng chuyền và nhà thi đấu đa năng tiêu chuẩn, có thể phục vụ hầu hết nhu cầu tập luyện và thi đấu của sinh viên nằm trên diện tích 3.868m<sup>2</sup> [H8.08.05.03]

Khu Ký túc xá với phòng ốc hiện đại, thoáng mát, với tổng diện tích sử dụng là 46.502 m<sup>2</sup>, với 237 phòng ở với sức chứa 1145 SV, bình quân diện tích 8,3 m<sup>2</sup> sử dụng/1 SV. Số liệu SV của khoa ở KTX: năm 2016 có 73 SV, năm 2017 có 71 SV và năm 2018 có 66 SV được sắp xếp học tập và sinh hoạt trong kí túc xá của trường. 100% SV phản ánh sự hài lòng khi được tạo điều kiện ở và sinh hoạt tại ký túc xá [H8.08.05.04]. Ý kiến của SV về: tiền trọ và các phí sinh hoạt khác rẻ hơn rất nhiều so với thuê nhà trọ ở ngoài; điều kiện học tập, đi lại thuận tiện và an toàn. Khu kí túc được trang bị điện sáng và nguồn nước sạch, an ninh đầy đủ. Ngoài ra, SV được dùng wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và giải trí [H8.08.05.05]

Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn CSGD

Công tác khám sức khỏe, quy định về quy tắc ứng xử và công tác đảm bảo an toàn cho người học được quy định rõ ràng và triển khai thường xuyên, hiệu quả. Hàng năm, SV được thăm khám sức khỏe cơ bản định kỳ và hướng dẫn tham gia các hoạt động tích cực của y tế [H8.08.05.06]. SV được cung cấp Cẩm nang sinh viên và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử của cán bộ cũng như học sinh, sinh viên trong Nhà trường [H8.08.05.07]. Công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm được trường, khoa quan tâm chỉ đạo và giám sát hiệu quả [H8.08.05.08].

Hàng năm, SV ngành CTXH được lấy ý kiến đánh giá về môi trường môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường, khoa theo phiếu khảo sát chung của Nhà trường đối với người học. Các khảo sát này được thực hiện vào mỗi cuối năm học do Phòng Khảo thí của nhà trường thực hiện thông qua các cố vấn học tập tại Khoa. Số liệu thống kê năm 2019, 2020 cho thấy 100% SV khoa CTXH hài lòng với môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường, và khoa [H8.08.05.04].

## **2. Điểm mạnh**

Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

## **3. Điểm tồn tại**

Dù có nhà thi đấu đa năng, sân bóng song sinh viên mới chỉ được sử dụng trong các giờ chính khóa, các giờ ngoại khóa và thứ 7 chủ nhật chưa được tiếp cận để rèn luyện và nâng cao sức khỏe

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất cho sinh viên được sử dụng sân bóng và nhà thi đấu đa năng vào thời gian ngoài giờ học và thứ 7, chủ nhật	Phòng Quản trị	9/2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Tư vấn việc ở tại khu KTX của nhà trường đối với SV	Cố vấn học tập- Liên chi đoàn	8/2020	

#### 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

##### Kết luận tiêu chuẩn 8

Công tác tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chính sách tuyển sinh của Khoa với những tiêu chí và Phương pháp tuyển sinh rõ ràng, được cập nhật và được công khai đã giúp cho khoa có thể tuyển được thí sinh có chất lượng và phù hợp Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp Giảng viên, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Trong quá trình hỗ trợ người học, việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được khoa CTXH thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, thực hiện nhiều lần, giúp giảng viên, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học..

BCN khoa, Ban chấp hành Liên chi đoàn, Liên chi hội SV, giảng viên tổ chức nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ hoạt động học tập, giúp SV nâng cao thành tích học tập và tìm kiếm cơ hội việc làm khi ra trường; các hình thức hoạt động ngoại khóa đa dạng và được tổ chức thường xuyên, thiết thực như sinh viên tham gia rất nhiều CLB, tham gia tích cực trong hoạt động nghiên cứu khoa học, tham gia hỗ trợ sinh viên quốc tế, tham gia tình

nguyện. Mặt khác, người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm tồn tại như thời gian sử dụng nhà thi đấu và sân bóng chưa linh hoạt, nhà trường chủ yếu cho sinh viên sử dụng trong các giờ học thể chất chứ chưa cho sinh viên sử dụng để rèn luyện và nâng cao sức khỏe ngoài giờ học.

**Tự đánh giá tiêu chuẩn 8:**

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
<b>Tiêu chí 8.1</b>					5		
<b>Tiêu chí 8.2</b>					5		
<b>Tiêu chí 8.3</b>				4			
<b>Tiêu chí 8.4</b>				4			
<b>Tiêu chí 8.5</b>				4			
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>4.40</b>						

## **Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

### **Mở đầu**

Trường ĐHSPHN luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, có phòng thí nghiệm thực hành với trang thiết bị hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật. Bên cạnh đó, nhà trường luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho SV trong toàn trường.

***Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

### **1. Mô tả**

Trường ĐHSPHN có đủ giảng đường được trang bị đầy đủ trang thiết bị phù hợp để phục vụ hoạt động học tập của sinh viên [H9.09.01.03]. Nhà trường cũng có trung tâm nghiên cứu và phát triển nghiệp vụ sư phạm để phục vụ nhu cầu thực hành của sinh viên với hệ thống phòng học tiêu chuẩn, phòng máy tính đầy đủ [H9.09.01.04]. Ngoài các phòng trên, trường ĐHSP Hà Nội có hệ thống các phòng họp/tổ chức sự kiện dành cho cán bộ, giảng viên và sinh viên, có một khu riêng với diện tích rộng làm hội trường lớn, hội trường 11/10 có sức chứa 2000 ngàn sinh viên, cùng với các phòng họp khác nhỏ hơn bố trí ở các tòa nhà trong khuôn viên của trường như hội trường nhà K, hội trường nhà B cũng có sức chứa khoảng 300 sinh viên và cán bộ giảng viên trong trường [H9.09.01.05]. Nhà trường có đầy đủ các phòng thực hành như phòng thực hành máy tính, phòng thí nghiệm với những thiết bị hiện đại, phù hợp và đáp ứng được nhu cầu của sinh viên. [H9.09.01.06]. Ngoài ra, để phục vụ các hoạt động của sinh viên trường có hệ thống nhà thi đấu, sân vận động cũng như hệ thống ký túc xá dành cho sinh viên, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của sinh viên và cán bộ nhà trường [H9.09.01.06].

Bên cạnh những hệ thống cơ sở vật chất trên, thư viện trường cũng được trường Đại học Sư phạm đầu tư và đặt tại một khuôn viên riêng với đầy đủ chức năng [H9.09.01.08]. Việc theo dõi, bổ sung và cập nhật, sửa chữa phần cơ sở vật chất và các trung tâm, phòng chức năng cũng được nhà trường luôn sát sao, theo dõi, đánh giá tình

trang và được mua mới, nâng cấp [H9.09.01.09; H9.09.01.10; H9.09.01.11, H9.09.01.12; H9.09.01.13; H9.09.01.14].

Khoa CTXH hiện tại đang được nhà trường bố trí ở một khu riêng dành cho cán bộ và giảng viên tại tầng 3, nhà D3 gồm có 5 phòng: phòng chủ nhiệm khoa, phòng phó chủ nhiệm khoa, phòng chung cho các tổ bộ môn/phòng giảng viên, phòng hành chính/giáo vụ và phòng đa năng/phòng họp. Các phòng đều được kết nối wifi/internet riêng của khoa. Phòng hành chính, phòng chủ nhiệm khoa và phó chủ nhiệm khoa được trang bị đầy đủ các phương tiện để ban chủ nhiệm khoa làm việc và điều hành như hệ thống máy tính, bàn ghế tiếp khách, hệ thống bàn làm việc tiêu chuẩn, tủ hồ sơ. Phòng chung cho các tổ bộ môn có diện tích 52m<sup>2</sup> với đầy đủ hệ thống bàn làm việc cho các giảng viên các tổ có thể cùng làm việc một thời điểm và sử dụng để họp chuyên môn. Phòng đa năng/phòng họp có diện tích 45 m<sup>2</sup>, trang bị hệ thống bàn ghế vừa để họp Khoa và sử dụng các hoạt động sinh hoạt chuyên môn cùng các hoạt động khác, phòng này cũng được trang bị hệ thống tủ sách để làm phòng thư viện của Khoa [H9.09.01.15; H9.09.01.16]. Hàng năm, Khoa đều có những đề xuất về việc bổ sung và thay mới các trang bị và cơ sở vật chất và được duyệt theo nhu cầu [H9.09.01.17].

Sinh viên và giảng viên khoa CTXH được sử dụng hệ thống các phòng học tại nhà D3, D2, nhà V, nhà K và một số giảng đường tại các khu nhà khác trong Trường, phòng học có diện tích vừa đủ và khá tiện lợi trong công tác học tập và giảng dạy. Hầu như tất cả các phòng đều thoáng, sách, có lắp đặt hệ thống điều hòa, quạt, hệ thống phục vụ việc học tập và giảng dạy như máy chiếu, bảng, hệ thống âm thanh, loa, micro, bàn ghế được sắp xếp thuận lợi cho việc học nhóm và các hình thức tổ chức học khác [H9.09.01.18]. Cụ thể các trang thiết bị tại giảng đường dành cho khoa CTXH bao gồm những trang thiết bị cơ bản. Trước hết là diện tích giảng đường dành cho sinh viên của Khoa là 60m<sup>2</sup> với hệ thống chiếu sáng là 12 đèn led, cửa sổ và hai cửa ra vào, hệ thống làm mát gồm có 6 quạt treo tường được bố trí khoa học và 2 điều hòa nhiệt độ công suất 18.000 BTU, hệ thống thiết bị phục vụ giảng dạy gồm có 1 máy chiếu hiện đại, một phong chiếu, bảng viết bằng phấn hoặc bút dạ, hệ thống âm thanh gồm hai loa công suất 20W và 1 micro không dây.

Ngoài ra, tại các giảng đường, đều có những nội quy, quy định về ý thức, hướng dẫn sử dụng thiết bị, sử dụng phòng và các thông báo khác [H9.09.01.19].

Qua khảo sát lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường và về hệ thống phòng

học, giảng đường lớn, hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành CTXH, được 95% người học, giảng viên đánh giá mức độ “tốt” [H9.09.01.20].

## 2. Điểm mạnh

Khuôn viên trường rộng rãi, thoáng mát, đầy đủ các phòng làm việc, phòng chức năng, phòng học với những trang thiết bị phù hợp, hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của sinh viên, giảng viên và các cán bộ. Cơ sở vật chất của Khoa cũng được cung cấp và thiết kế phù hợp với môi trường làm việc của giảng viên trong khoa, được thường xuyên bổ sung, cập nhật và thay mới.

## 3. Điểm tồn tại

Một số phòng học vẫn còn có máy chiếu cũ, hình ảnh trình chiếu không rõ nét, mờ, nhòe.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thay thế máy chiếu tại các phòng học có máy chiếu cũ, hình ảnh trình chiếu không rõ nét, mờ, nhòe	Phòng Quản trị	năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì khuôn viên trường rộng rãi, thoáng mát, đầy đủ các phòng làm việc, phòng chức năng, phòng học với những trang thiết bị phù hợp, hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của sinh viên, giảng viên và các cán bộ			

## 5. Tự đánh giá: 4/7

**Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

### 1. Mô tả

Trường ĐHSPHN có Trung tâm Thông tin -Thư viện với đầy đủ phòng đọc, trang thiết bị, nguồn học liệu phù hợp phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho sinh viên Công tác Xã hội.

Trung tâm Thông tin - Thư viện trường Đại học Sư phạm Hà Nội được thành lập năm 1951. Trung tâm là một tòa nhà độc lập 4 tầng có diện tích sử dụng khoảng 5.881m<sup>2</sup> và 1.200 chỗ ngồi với đầy đủ trang thiết bị và bàn ghế chuyên dụng, phù hợp với hoạt động của thư viện [H9.09.02.01] [H9.09.02.02]. Hiện nay, đội ngũ cán bộ chuyên môn của Trung Tâm Thông tin - Thư viện gồm 27 người (23 nữ và 4 nam) với cơ cấu tổ chức gồm có ban giám đốc (03 người) và 02 tổ chuyên môn (tổ nghiệp vụ tin học, tổ phục vụ bạn đọc); ngoài ra còn có 03 nhân viên bảo vệ và vệ sinh. Về trình độ, 100% cán bộ chuyên môn có trình độ cử nhân trở lên trong đó có 13 thạc sĩ chiếm 48,1%. Hàng năm, Trung tâm thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn, các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học do Nhà trường và các cơ quan thông tin thư viện tổ chức [H9.09.02.03].

Những năm gần đây, Trung tâm Thông tin - Thư viện đã có nhiều cải tiến trong công tác tổ chức hoạt động, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về thông tin tài liệu, học tập, giảng dạy, nghiên cứu của đông đảo cán bộ, giảng viên và sinh viên toàn trường. Trung tâm có đầy đủ các các văn bản thông báo công khai thời gian phục vụ bạn đọc, nội quy, quy định cũng như các thông báo hướng dẫn tra cứu tài liệu và sử dụng thiết bị tại Trung tâm Thông tin – Thư viện hàng năm. Đặc biệt, trong nhiều năm qua, Trung tâm đã mở cửa phục vụ ngoài giờ tất cả các buổi trưa và buổi tối trong tuần [H9.09.02.04].

Trung tâm Thông tin-Thư viện đang quản lý và phục vụ 105.650 đầu tài liệu với khoảng gần 300.000 bản in gồm nhiều ngôn ngữ khác nhau (Tiếng Việt, Anh, Đức, Nga, Trung Quốc,...) cho tất cả các loại hình tài liệu như sách, báo, tạp chí, luận án, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ yếu. Không chỉ vậy, Trung tâm đã xây dựng được một hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử với 106.979 biểu ghi thư mục, 5.461 luận án, luận văn được số hóa trên phần mềm Dspace, 140 băng cassette, 85 băng video; 7.350 đĩa CD, phần mềm học tiếng Anh, cơ sở dữ liệu tạp chí Việt, cơ sở dữ liệu đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Nhà nước Việt Nam...đảm bảo phục vụ các hệ đào tạo của trường [H9.09.02.05]. Năm 2018, nhà trường đầu tư khoản kinh phí 45.000.000 VNĐ để mua thêm cơ sở dữ liệu Proquest Central gồm 24.000 xuất bản phẩm định kì trên 40 cơ sở dữ liệu phổ biến. Năm 2019, nhà trường đầu tư 155.900.000 VNĐ để mua thêm cơ sở dữ liệu điện tử Turnitin với tính năng chính giúp kiểm tra nội dung trùng lặp trong bản thảo với nguồn cơ sở dữ liệu của 60 tỉ trang web, 165 triệu công trình nghiên cứu từ hơn 590 nhà xuất bản học thuật uy tín và 750 triệu bài luận sinh viên trên toàn cầu [H9.09.02.06].



Hàng năm, Trung tâm Thông tin - Thư viện luôn có những thông báo công khai gửi đến các đơn vị trong toàn trường về việc bổ sung tài liệu cũng như tài liệu đã mua để cán bộ, sinh viên, học sinh trong toàn trường biết và tham khảo [H9.09.02.08]. Nhà trường cũng luôn dành một khoản kinh phí thường xuyên để đầu tư mua tài liệu bổ sung (sách, báo, tạp chí) cho Trung tâm theo đề nghị bổ sung tài liệu thực tế của các Khoa hàng năm [H9.09.02.09]. Từ năm 2015 đến nay, Trung tâm Thông tin - Thư viện đã bổ sung được 3.126 đầu sách với 8.359 bản; 494 đầu tạp chí với 6.428 bản; 6.555 bản luận văn, luận án; 1.510 bản đề tài nghiên cứu khoa học và 13.350 tờ báo. Điều này, giúp cho tư liệu của thư viện ngày càng trở lên phong phú, đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, giảng viên và người học [H9.09.02.09] [H9.09.02.10].

Hiện nay, Trung tâm Thông tin - Thư viện có khoảng 130 máy tính với 4 máy chủ được kết nối internet và cài đặt phần mềm hoạt động chuyên dụng [H9.09.02.02]. Trung tâm Thông tin - Thư viện điện tử được kết nối giúp quản lý và liên thông dữ liệu để bạn đọc tìm kiếm tài liệu dễ dàng, nhanh chóng, chính xác. Bạn đọc có thể tra cứu trực tiếp qua mạng LAN hoặc internet thông qua tên miền: <http://lib.hnue.edu.vn> [H9.09.02.05]. Trung tâm thống kê và theo dõi việc sử dụng tài liệu thông qua phần mềm Libol 5.5 của Công ty Công nghệ Tin học Tinh Vân (với 7 modul được sử dụng chính là: bổ sung, biên mục, OPAC, lưu thông, bạn đọc, ấn phẩm định kỳ và quản lý hệ thống) hoạt động đã tiết kiệm thời gian công sức của cán bộ thư viện. Những ấn phẩm mới và những ấn phẩm được tra cứu nhiều nhất luôn được cập nhật trên phần mềm tra cứu của Trung tâm Thông tin - Thư viện. Các phòng chức năng của Trung tâm có thể dễ dàng thống kê số lượt bạn đọc và số lượt tài liệu được mượn, trả; cũng như quản lý từng tài liệu sinh viên đã mượn [H9.09.02.05]. Từ năm 2015 đến năm 2019, trung bình mỗi năm có khoảng 960 lượt tài liệu được mượn, trả bởi gần 5.000 lượt bạn đọc là sinh viên của Khoa Công tác Xã hội [H9.09.02.10].

Công tác phục vụ bạn đọc luôn được chú trọng, bên cạnh các kho đóng, Trung tâm đã tổ chức các kho phục vụ theo hình thức mở để người đọc được trực tiếp vào kho lựa chọn tài liệu, hình thức phục vụ này không những tiết kiệm được thời gian tra tìm tài liệu mà còn kích thích hứng thú của bạn đọc. Phòng đọc đa phương tiện cũng đã thu hút được một số lượng lớn bạn đọc đến sử dụng các thiết bị, các dạng tài liệu điện tử cho mục đích học tập nghiên cứu. Tổng số lượt bạn đọc đến thư viện trong 5 năm gần đây là 901.177 lượt [H9.09.02.10].

Khoa CTXH có phòng tư liệu riêng tích hợp trong phòng đa năng để sinh viên có thể tiếp cận có thể dành cho 20 sinh viên tra cứu tài liệu cùng một thời điểm. Sinh viên và giảng viên trong khoa, ngoài nguồn tài liệu tại TT TT-TV trường còn có thể tham khảo thêm tài liệu tại phòng tư liệu khoa. Hầu hết nhu cầu về sách và tài liệu tham khảo của giảng viên và sinh viên trong Khoa đều được đáp ứng đầy đủ với khoảng 300 tài liệu, đặc biệt là các giáo trình, sách và tài liệu tham khảo, tài liệu bài giảng của từng môn học. Khoa cũng có nguồn tài liệu Tiếng Anh phong phú do có sự đóng góp rất tích cực từ mỗi giảng viên trong Khoa sau mỗi lần đi công tác nước ngoài cũng như huy động được từ các cộng tác viên, tình nguyện viên là người nước ngoài đến làm việc tại Khoa, đây là một nguồn tài liệu vô cùng phong phú cho sinh viên có thể tra cứu những thông tin mới nhất, cập nhật nhất. Hệ thống tài liệu trong phòng tư liệu khoa đều được sắp xếp khoa học để sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận [H9.09.02.011]. Phòng tư liệu của Khoa được giao cho cán bộ phụ trách sinh viên theo dõi và sử dụng tài liệu của sinh viên. Có sổ theo dõi riêng về việc mượn và trả tài liệu.

Hàng năm, TT TT-TV có lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về các nguồn học liệu và chất lượng phục vụ của TT TT-TV. Nhìn chung, giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống thư viện của Nhà trường. [H9.09.02.12]

### 1. Điểm mạnh

Trung tâm TT-TV của Trường có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên. Giảng viên và người học có thể tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải về cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước.

### 3. Điểm tồn tại

Giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho ngành CTXH chưa được cập nhật thường xuyên trên trang website của khoa

### 3. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung nguồn tài liệu, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho ngành	Khoa CTXH	6/ 2020	

		CTXH trên trang web của Khoa  Tăng cường bổ sung nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo sau đại học			
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy nguồn tài liệu sách tiếng anh tại khoa Công tác Xã hội	Khoa CTXH	9/ 2020	

**5. Tự đánh giá: Đạt, mức điểm 4/7**

***Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

**1. Mô tả**

Nhà trường có hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành phục vụ đào tạo và nghiên cứu với cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ và hiện đại. Đối với các khoa cần phòng thí nghiệm như sinh học, hóa học, vật lý... nhà trường có riêng mỗi phòng thí nghiệm tại các khoa đó [H9.09.03.01]. Ngoài hệ thống phòng thí nghiệm, nhà trường cũng quan tâm đến việc đầu tư các phòng thực hành giảng dạy cho sinh viên tại Trung tâm NC&PT Nghiệp vụ Sư phạm với các thiết bị hiện đại để phục vụ việc thực hành giảng dạy của sinh viên như hệ thống phòng học chuẩn, bàn ghế dễ tiếp cận, máy chiếu, bảng phấn, bảng viết... [H9.09.03.02]. Đối với các môn chung có thực hành (học phần Tin học đại cương và Ngoại ngữ) của SV năm thứ nhất và thứ 2 (trong đó sinh viên của Khoa CTXH sử dụng), Nhà Trường đã đầu tư đầy đủ các phòng thực hành tin học (14 phòng tại tầng 5 và tầng 8 nhà K1) và các phòng thực hành tiếng (5 phòng từ tầng 8 đến tầng 11 nhà K1). Các phòng thực hành này đều có trang thiết bị phù hợp như hệ thống máy tính có kết nối internet (435 bộ), máy chủ, hệ thống máy chiếu (18 bộ), hệ thống âm thanh-video-loa đài (đủ cho 14 phòng thực hành) và các phần mềm cơ bản phục vụ đào tạo (MS Windows 10, MS. Office 2010, Unikey) [H9.09.03.03].

Đặc thù ngành CTXH là các hoạt động thực hành và nghiên cứu của sinh viên được diễn ra tại thực địa như các trung tâm bảo trợ xã hội, trường học, trung tâm người cao tuổi, trung tâm dành cho người khuyết tật, người nhiễm HIV... và tại cộng đồng. Nhà trường luôn tạo điều kiện tối ưu cho sinh viên của khoa được thực hành, thực tập tại trường THCS

và THPT Nguyễn Tất Thành cũng như Trung tâm Đào tạo và phát triển Giáo dục đặc biệt. Hai địa điểm này là nơi sinh viên có thể thực hành rất nhiều kỹ năng của ngành CTXH và được sinh viên đánh giá cao [H9.09.03.06].

Hằng năm, nhà trường đều tiến hành lấy phiếu khảo sát của người học về công tác giảng dạy của giảng viên và khảo sát về khoa ngành học để làm cơ sở cho việc đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị. Nhà trường luôn coi trọng các ý kiến đánh giá của người học [H9.09.03.04] và các bên liên quan [H9.09.03.05] về mức độ hài lòng đối với hệ thống PTN, PTH và các trang thiết bị phục vụ đào tạo. Theo thang đánh giá 5 bậc từ hoàn toàn không đồng ý (mức 0) đến hoàn toàn đồng ý (mức 4), trên 88% người học chọn mức 3 (đồng ý về cơ bản) và mức 4 (Hoàn toàn đồng ý) với đánh giá “Cơ sở vật chất/trang thiết bị của Trường đáp ứng tốt các yêu cầu thực hành của ngành học [H9.09.03.04]. Kết quả khảo sát lấy ý kiến của GV cho thấy trên 69% hài lòng, chọn mức 3 (đồng ý về cơ bản) và mức 4 (Hoàn toàn đồng ý) với đánh giá “Cơ sở vật chất/trang thiết bị của Trường đáp ứng tốt các yêu cầu thực hành của ngành học [H9.09.03.04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

## **3. Điểm tồn tại**

Nhà trường chưa có trung tâm thực hành riêng biệt cho sinh viên ngành Công tác Xã hội.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất Trường Đại học Sư Phạm xây dựng trung tâm thực hành cho sinh viên ngành Công tác Xã hội	Khoa CTXH, Trường ĐHSPTHN	Năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đảm bảo phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành được bố trí	Trường ĐHSPTHN	Năm học 2020-2021	

		hợp lý và đáp ứng yêu cầu đào tạo của nhà trường			
--	--	--	--	--	--

## 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

**Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

### 1. Mô tả

Hiện tại Nhà trường có 1023 máy tính để bàn và máy tính xách tay, trong đó có 883 máy tính ở thư viện, ở các khoa và các bộ môn nhằm phục vụ quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học, 140 máy tính ở các phòng ban và ban quản lý kí túc nhằm phục vụ công tác quản lý. Tại thư viện có 120 máy phục vụ tra cứu, học tập của bạn đọc. Nhà trường có 15 phòng máy đặt tại nhà K1 với tổng số 396 máy tính phục vụ đào tạo tập trung các môn như tiếng Anh, tin học và học trực tuyến.

Cổng thông tin điện tử của Trường ĐHSPTN tại địa chỉ [hnue.edu.vn](http://hnue.edu.vn) hoạt động hiệu quả, nội dung phong phú; cập nhật đầy đủ các mặt hoạt động của Nhà trường. Mọi thông tin về Nhà trường như công tác tuyển sinh, năng lực đào tạo, đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất đều được chia sẻ đầy đủ trên cổng thông tin này [H9.09.04.04]. Người học có thể tìm kiếm các thông tin cần thiết nhanh chóng và thuận lợi. Cũng trên cổng thông tin này, mỗi cán bộ được cấp một không gian riêng (có tài khoản và password) để cập nhật thông tin cá nhân, và chia sẻ tài liệu giảng dạy với đồng nghiệp và sinh viên Ngoài ra, Nhà trường cũng dành một server riêng truy cập nội bộ tại địa chỉ <http://10.1.1.88> cho phép sinh viên và giảng viên lưu trữ và chia sẻ dữ liệu chung. Để thuận tiện cho công tác quản lý và sử dụng trang thông tin điện tử, và hệ thống mạng, trường cũng đã có các quy định cụ thể cho các hoạt động tại trang thông tin điện tử và hệ thống mạng, dịch vụ mạng của trường [H9.09.04.08].

Khoa CTXH có trang thông tin điện tử với đầy đủ nội dung và giao diện đẹp, thông tin về Cơ sở vật chất Khoa, lý lịch khoa học của cán bộ giảng viên, cơ cấu khoa, các bài viết, thông báo và nguồn tư liệu cũng như các thông tin tuyển sinh. Trang web của Khoa được thường xuyên cập nhật và giao cho một nhóm cán bộ quản lý tại địa chỉ <http://ctxh.hnue.edu.vn/>. [H9.09.04.04]

Nhà Trường đã đầu tư kinh phí để xây dựng mạng lưới CNTT hiện đại và đồng bộ. Tất cả các giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu, thư viện và kí túc xá đều có

mạng Internet với tốc độ 2Gbps [H9.09.04.02], [H9.09.04.03]. Nhà Trường nói chung và khoa Sinh học nói riêng đều có website với cả 2 ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, các cổng thông tin trên hệ thống website đã hỗ trợ phục vụ đắc lực cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các công tác khác của nhà trường [H9.09.04.04]. Để vận hành hệ thống cổng thông tin điện tử và mạng internet đồng bộ và thông suốt, Nhà Trường đã đề ra các quy chế hoạt động của cổng thông tin điện tử [H9.09.04.05], quy chế quản lý hệ thống mạng và sử dụng dịch vụ mạng của Trường [H9.09.04.06]. Bên cạnh đó, để chuyên nghiệp hóa công tác đào tạo, Nhà Trường đã đầu tư kinh phí mua phần mềm phục vụ công tác 158 quản lý, học tập. Nhà trường sử dụng phần mềm Unisoft-Thiên An để quản lý đào tạo tín chỉ [H9.09.04.07]. Không chỉ đối với người học, Nhà trường cũng đã sử dụng phần mềm để quản lý giờ dạy/giờ nckh/các nhiệm vụ khác của giảng viên (<https://qlnt.hnue.edu.vn/Account/Login>). Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao, nhà trường đã xây dựng kho học liệu học trực tuyến <https://olm.vn/> với các bài giảng do giảng viên của Trường biên soạn, bám sát theo chương trình từ lớp 1 đến lớp 12 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và mới đây nhà trường đã cho truy cập miễn phí kho học liệu này. Nhà trường cũng chú trọng đầu tư cơ sở vật chất phục vụ học trực tuyến, Người học có thể học online qua hệ thống học trực tuyến của trường tại địa chỉ : <http://lms.hnue.edu.vn> và [fitel.hnue.edu.vn](http://fitel.hnue.edu.vn). Cũng qua hệ thống học trực tuyến này, nhà trường đã tổ chức các lớp bồi dưỡng cho các cán bộ các tỉnh và đào tạo trực tuyến cho sinh viên trong trường. Đồng thời với đó là tổ chức tập huấn nâng cao nghiệp vụ đào tạo trực tuyến cho các khoa và bộ môn, nhằm khuyến khích cán bộ giảng viên áp dụng CNTT trong đào tạo.

Nhà Trường cũng đã thành lập Trung tâm CNTT để làm công việc chuyên trách quản lý CNTT cho cả trường [H9.09.04.09]. Để duy trì hoạt động của hệ thống trang thiết bị CNTT hiện có, Nhà Trường luôn có thông báo để khuyến nghị các đơn vị kiểm tra, rà soát và đề xuất duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng về CNTT để hỗ trợ phục vụ tốt nhất hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Để hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn, Nhà Trường đã đầu tư kinh phí mua các phần mềm có bản quyền, phần mềm bảo vệ hệ thống và đầu tư mua mới, nâng cấp hệ thống CNTT hiện có [H9.09.04.11], đồng thời lên kế hoạch xây dựng dự án phát triển cơ sở hạ tầng CNTT của Nhà Trường [H9.09.04.12].

Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về mức độ đáp ứng của hệ thống máy tính (HTMT) phục vụ học tập và NCKH trong 5 năm gần đây cho thấy: năm 2015 -

84,5%, năm 2016 - 74,8%, năm 2017 – 78,5%, năm 2018 - 72,9% và năm 2019 – 88.9% sinh viên hài lòng và đánh giá tốt về mức độ đáp ứng của hạ tầng CNTT 159 với nhu cầu học tập và NCKH của sinh viên [H9.09.04.13]. Kết quả khảo sát lấy ý kiến giảng viên về hệ thống máy tính của trường năm 2019 cho thấy có khoảng 64,4% giảng viên được hỏi là hài lòng và đánh giá tốt về HTMT, có đến 7,7% số GV được hỏi không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý về mức độ đáp ứng của HTMT [H9.09.04.13].

## 2. Điểm mạnh

Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường đồng bộ, hiện đại. Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lí của Nhà trường được tin học hóa sử dụng hệ thống thông tin điện tử và các phần mềm chuyên dụng. Sinh viên và cán bộ giảng viên có thể dễ dàng tiếp cận mạng internet, dữ liệu trực tuyến, làm thủ tục và đăng ký tín chỉ qua mạng.

## 3. Điểm tồn tại

Phần mềm quản lý dạy học vẫn còn một số trục trặc kỹ thuật; đường truyền internet đôi lúc còn chậm, SV khó khăn trong việc đăng ký học. Các phần mềm sử dụng thiết kế bài giảng trực tuyến chưa phong phú, đa dạng.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bảo trì khắc phục các trục trặc của phần mềm quản lý dạy học, xây dựng, nâng cấp đường truyền internet để SV dễ dàng trong việc đăng ký học.	Khoa CTXH Trường ĐHSPHN	6/ 2020	
		Đa dạng hoá các phần mềm soạn thảo bài giảng và kỹ thuật giảng dạy trực tuyến	Trường ĐHSPHN	6/2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường đồng bộ, hiện đại...	Trường ĐHSPHN	6/2020	

## 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

***Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.***

### **1. Mô tả**

Dựa trên cơ sở các quy định của chính phủ, bộ liên ngành, về môi trường an toàn, lành mạnh thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường, Trường ĐHSPTHN luôn chú trọng đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn cho người sử dụng cơ sở vật chất và các trang thiết bị, trong đó đã lưu ý đến các nhu cầu của người khuyết tật [H9.09.05.01]. Để đảm bảo môi trường và sức khỏe cho giảng viên, cán bộ và người học trong trường, nhà trường đã có những quy định về môi trường và sức khỏe [H9.09.05.02, H9.09.05.03]. Nhà trường cũng thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và Ban an toàn vệ sinh lao động để trực tiếp chỉ đạo thực hiện các hoạt động về phòng cháy chữa cháy và an toàn vệ sinh trong toàn trường [H9.09.05.04; H9.09.05.05]. Đồng thời, Nhà trường đã kí hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường để đảm bảo vệ sinh các phòng học, các khu giảng đường trong khuôn viên toàn trường [H9.09.05.07].

Về việc bảo vệ sức khỏe cho cán bộ và học viên sinh viên, Trường có Trạm Y tế riêng, đặt tại tầng 1 của nhà V, Trạm Y tế có 11 cán bộ nhân viên, trong đó có; 3 bác sĩ, 2 y sĩ, 6 y tá với đầy đủ các trang thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời của sinh viên khi gặp vấn đề về sức khỏe [H9.09.05.08]. Trạm Y tế phối hợp với các đơn vị, phòng, ban trong trường thường xuyên tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ, mở các đợt tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản [H9.09.05.09].

Công tác phòng cháy - chữa cháy của Nhà trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn trường. Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống phòng cháy chữa cháy. Mọi hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn trước hết phải được thực hiện bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ [H9.09.05.03]. Nhà trường sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ để hạn chế thấp nhất các hậu quả về người và tài sản. Trường có những quy định chung về phòng cháy chữa cháy, thường xuyên kiểm tra hệ thống phòng cháy chữa cháy trong khuôn viên trường, thường xuyên cử cán bộ đi tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.10].

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận Bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường [H9.09.05.11]. Bộ phận này



thường xuyên được cung cấp thông tin về tình hình trật tự, an ninh của địa phương nơi Trường đóng qua hội nghị tổng kết công tác an ninh cụm. Nhà trường có các qui định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của Phòng Bảo vệ. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng qui định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày [H9.09.05.12]

Nhà trường đã có những lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật, như bố trí lối đi, thang máy tại một số các tòa nhà, KTX. Tuy nhiên, một số toà nhà xây dựng trước đây chưa có phòng vệ sinh riêng và đường dành riêng cho người khuyết tật.

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về công tác vệ sinh môi trường và an toàn cho thấy hầu hết đề có những ý kiến tích cực về công tác này [H9.09.05.13].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ và sinh viên; có phòng y tế độc lập phục vụ tốt nhu cầu y tế của cán bộ và sinh viên.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số toà nhà xây dựng trước đây chưa có phòng vệ sinh riêng và đường dành riêng cho người khuyết tật.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng phòng vệ sinh riêng và dành riêng cho người khuyết tật tại các tòa nhà chưa có	Trường ĐHSPHN	Năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Cung cấp đầy đủ các hướng dẫn về vệ sinh an toàn cho sinh viên cũng như những dữ liệu về y tế cho sinh viên	Phòng bảo vệ và Trạm y tế Trường ĐHSPHN	Năm học 2020-2021	

## **5. Tự đánh giá: Đạt 4/7**

## **Kết luận tiêu chuẩn 9:**

Trường ĐHSPHN khuôn viên trường rộng rãi, thoáng mát, đầy đủ các phòng làm việc, phòng chức năng, phòng học với những trang thiết bị phù hợp, hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của sinh viên, giảng viên và các cán bộ. Cơ sở vật chất của Khoa cũng được cung cấp và thiết kế phù hợp với môi trường làm việc của giảng viên trong khoa, được thường xuyên bổ sung, cập nhật và thay mới. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, đặc biệt có Trung tâm rèn luyện nghiệp vụ sư phạm hiện đại phục vụ cho hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên, hỗ trợ các hoạt động đào tạo khác và hoạt động nghiên cứu khoa học. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành; Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đều đạt yêu cầu.

**Tự đánh giá tiêu chuẩn 9: Đạt, mức điểm 4/7**

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
<b>Tiêu chí 9.1</b>				4			
<b>Tiêu chí 9.2</b>				4			
<b>Tiêu chí 9.3</b>				4			
<b>Tiêu chí 9.4</b>				4			
<b>Tiêu chí 9.5</b>				4			
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>4.00</b>						

## **Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng**

### **Mở đầu**

Trường ĐHSPHN rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, chuyên gia) để thiết kế và phát triển, cải tiến chương trình dạy học đến việc thường xuyên rà soát để đảm bảo chất lượng quá trình dạy-học phù hợp với chuẩn đầu ra, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như phòng thí nghiệm, thư viện, trung tâm công nghệ thông tin..., tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

***Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học***

### **1. Mô tả**

Trường và Khoa đã và đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học (CTDH) đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Nhà trường giao cho Trung tâm ĐBCL là đơn vị đầu mối để thu thập thông tin phản hồi từ phía các bên liên quan (cựu SV, nhà khoa học chuyên môn, GV, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động...) để làm cơ sở tham mưu cho Nhà trường trong công tác ĐBCL [H10.10.01.01].

Năm 2018, TT ĐBCL ban hành Hướng dẫn quy trình, công cụ, phương pháp thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để làm cơ sở tham mưu cho ban giám hiệu trong hoạt động đảm bảo chất lượng Nhà trường [H10.10.01.02 ] gồm 3 bước cụ thể như sau:

+ *Bước 1: Tổ chức thu thập thông tin: TT ĐBCL chuẩn bị phiếu khảo sát; ban hành công văn chỉ đạo triển khai khảo sát; phối hợp với các Khoa để triển khai điều tra các đối tượng liên quan*

+ *Bước 2: Xử lý thông tin và phân tích kết quả (phân loại phiếu, sử dụng phần mềm SPSS để xử lý dữ liệu thu thập được; phân tích kết quả)*

+ *Bước 3: viết báo cáo tổng hợp từ các thông tin thu thập được*

+ *Bước 4: Thẩm định báo cáo tổng hợp kết quả*

+ *Bước 5: Phổ biến cho các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng*

Hàng năm, trung tâm thực hiện lấy ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy học phần cuối mỗi kỳ, lấy ý kiến của nhà khoa học chuyên môn, GV, nhà tuyển dụng thông, cựu sinh viên về CTĐT, lấy ý kiến của SV năm cuối về chất lượng khóa/ngành đào tạo, lấy ý kiến của người học đối với đội ngũ phục vụ (cán bộ hành chính)... [H10.10.01.03], [H10.10.01.04], [H10.10.01.05], [H10.10.01.06], [H10.10.01.07]. Bên cạnh đó, trong 2 năm gần đây, 2019 và 2020, Trường tổ chức Tọa đàm trực tiếp với SV để lắng nghe các tâm tư, nguyện vọng từ phía SV để có các điều chỉnh kịp thời các hoạt động của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [H10.10.01.08].

Khoa cũng đã lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, cơ sở thực hành thực tập vào năm 2018 [H10.10.01.09], lấy ý kiến của cựu sinh viên (qua đề tài NCKH của giảng viên trong khoa năm 2017 [H10.10.01.10]. Năm 2019, Khoa tiếp tục tổ chức một buổi lấy ý kiến thu thập thông tin của chuyên gia, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng [H10.10.01.11, H10.10.01.12, H10.10.01.13]. Đồng thời, khoa CTXH cũng thu thập thông tin bằng hình thức online với đội ngũ cựu sinh viên để lấy thông tin. Kết quả ý kiến khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về CTĐT, CTDH, phương pháp giảng dạy của GV [H10.10.01.14] đã được thu thập và xử lý và là cơ sở để Khoa có những điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu người học....

Từ năm 2015 đến nay Khoa đã có 3 lần chỉnh sửa CTĐT, CTDH trên cơ sở ý kiến của các bên chuyên gia vào năm 2015, 2017 và 2019. Gần đây nhất, năm 2019, Hội đồng Khoa đã dựa trên những ý kiến góp ý của chuyên gia, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên [H10.10.01.15], để rà soát và xây dựng CTĐT, CTDH ngành CTXH năm 2019. Từ các ý kiến góp ý của chuyên gia, giảng viên cơ sở thực hành và nhà tuyển dụng khoa đã xây dựng và thông qua Hội đồng nghiệm thu gồm, tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần và chương trình thực hành cho sinh viên chính quy. Các ý kiến này đã được HĐKH và ĐT khoa tiếp thu và được thể hiện trong điều chỉnh chương trình năm 2019 gồm: Thêm học phần CTXH toàn cầu, các môn học trong nhóm CTXH trong trường học,

tăng tín chỉ các môn học từ 2 lên 3 tín chỉ và tăng thời lượng thực hành ở một số môn học [H10.10.01.16].

Bên cạnh đó, Khoa còn tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm về CTXH, CTXH trường học Khoa lấy ý kiến của các chuyên gia, các cơ sở thực hành và thực tập về chương trình đào tạo. Các ý kiến tập trung vào những điểm mạnh và hạn chế của sinh viên khi vận dụng những kiến thức và kỹ năng vào thực tế. Sau buổi Hội thảo, khoa sẽ xem xét lại chương trình đào tạo để bổ sung những nội dung rèn luyện năng lực, kỹ năng cho sinh viên, chú ý đến thực hành và rèn luyện kỹ năng nghề của sinh viên theo chuyên ngành CTXH, như trong trường học, trong bệnh viện hoặc các cơ sở bảo trợ xã hội ... [H10.10.01.17].

Các buổi tổng kết kiến tập, thực tập tại các cơ sở thực hành hàng năm là buổi trao đổi giữa giáo viên hướng dẫn thực hành và sinh viên với BCNK về công tác tổ chức, nội dung thực tập, những thắc mắc của sinh viên về sự khác biệt và những điều chưa được học khi tiếp cận với thực tiễn... như: Ý kiến sinh viên về vận dụng các kiến thức và kỹ năng khi làm việc với cá nhân, nhóm và cộng đồng ... là căn cứ cho Khoa rà soát, xây dựng và chỉnh sửa chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội [H10.10.01.18].

## 2. Điểm mạnh

Có hệ thống thu thập thông tin từ Trường đến Khoa về những phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, người sử dụng lao động, giảng viên, nhà quản lý). Những ý kiến đã được sử dụng để làm cơ sở thiết kế và phát triển chương trình.

## 3. Điểm tồn tại

Số lượng ý kiến phản hồi của chuyên gia nước ngoài, cựu sinh viên còn chưa nhiều. Hệ thống bảng hỏi còn chung chung, chưa phù hợp hơn với từng đối tượng khảo sát.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	Khắc phục tồn tại	Năm học 2020 - 2021 trở về sau, Khoa sẽ mở rộng việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong việc xây dựng và phát triển CTDH (2 năm 1 lần),	Khoa CTXH	Từ năm học 2020 - 2021	

		đặc biệt là chuyên gia nước ngoài và cựu sinh viên. Khoa CTXH sẽ cùng với các chuyên gia xây dựng hệ thống bảng hỏi, phiếu Khảo sát phù hợp với từng đối tượng để có thể thu được những thông tin phù hợp và sát thực nhất, kết quả phản hồi sẽ là cơ sở để xây dựng và phát triển CTDH, đưa ra những sự thay đổi kịp thời về CTĐT, CTDH phù hợp với thực tiễn.			
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ SV và cựu SV</li> <li>- Duy trì họp HĐKH Trường và Khoa thường xuyên về rà soát CTDH</li> <li>- Thường xuyên rà soát CTĐT</li> </ul>	TTĐBLC Phòng đào tạo Khoa CTXH	Hằng năm	

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

***Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.***

#### 1. Mô tả

CTDH, CTĐT cử nhân CTXH theo học chế tín chỉ được thiết kế căn cứ vào vào CĐR được ban hành năm 2009 và theo một qui trình chặt chẽ từ khâu thiết kế cho đến phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình gắn liền với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược, mục tiêu của Trường và nhiệm vụ được giao và đảm bảo đúng yêu cầu của Bộ GD&ĐT [H10.10.02.01].

Căn cứ vào thông tin phản hồi của người học, nhu cầu của các bên liên quan đồng thời tham khảo, so sánh với CTĐT cử nhân CTXH của trường khác; Dưới sự chỉ đạo của hội đồng cấp trường, hội đồng khoa xây dựng mục tiêu, nội dung đào tạo nâng cao chất lượng và CĐR; cải tiến, bổ sung CTĐT phù hợp với CĐR. Chương trình cũng đã chỉ rõ những học phần tiên quyết, trong từng học phần phân bổ rõ ràng và khá hợp

lí số giờ lí thuyết, giờ thực hành và tự học. Nội dung các học phần và số giờ tín chỉ cũng thể hiện rõ sự cân đối giữa lí thuyết và thực hành [H10.10.01.16]

Từ năm 2007, Tổ CTXH thuộc Khoa Giáo dục chính trị đã trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan để xây dựng CTĐT ngành CTXH. Năm 2011, Khoa CTXH được thành lập, và từ năm 2015 đến nay, Khoa đã tiếp tục thực hiện đánh giá, rà soát và cải tiến CTĐT, CTDH theo quy trình của Bộ GD&ĐT. Từ năm 2015 đến nay, theo chỉ đạo của Trường, Khoa đã chủ động thực hiện 3 lần sửa đổi cải tiến CTDH là năm 2015, 2017, 2019. Dựa trên mục tiêu chung của khung CTĐT ngành, Khoa tiến hành xây dựng CDR cho khung CTĐT [H10.10.02.02, H10.10.02.03]. Đồng thời, Hội đồng Khoa cũng tiến hành so sánh CTĐT của Khoa với các cơ sở đào tạo khác [H10.10.02.04] và trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan [H10.10.01.15], các tổ bộ môn gửi lên Hội đồng Khoa những điều chỉnh môn học [H10.10.02.06]. Từ đó Khoa đã tiến hành rà soát, điều chỉnh những thay đổi của các môn học để hoàn thiện CTĐT CTXH đáp ứng CDR và xây dựng đề cương chi tiết các học phần qua 3 mốc: năm 2015, 2017, 2019 [H10.10.02.05].

Về hoạt động rà soát quy trình dạy học: Căn cứ vào Thông tư 07/2015 của BGDĐT, quy trình thiết kế và phát triển CTDH theo cụ thể như sau [H10.10.02.01]:

Bước 1: Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành/ chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành/chuyên ngành đào tạo kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Bước 2: Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của CTĐT;

Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

Bước 4: Đối chiếu, so sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành/ chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện CTĐT;

Bước 5: Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo CTĐT đã xác định;

Bước 6: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của GV, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về CTĐT;

Bước 7: Hoàn thiện dự thảo CTĐT trong cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng;

Bước 8: Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và phương pháp giảng dạy dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động.

Năm 2017, Nhà trường đã ra công văn yêu cầu các Khoa, bộ môn trực thuộc trường rà soát CDR và CTĐT. Được sự chỉ đạo của nhà trường, Hội đồng Khoa đã thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế dạy học vào năm 2017, trong đó, có chỉ ra một số khâu, bước đã thực hiện tốt và một số hạn chế trong quy trình phát triển CTDH, [H10.10.02.07]. Hội đồng Khoa đã ban hành quy trình thiết kế và phát triển dạy học năm 2017 [H10.10.02.08] cho phù hợp với tình hình của Khoa.

Kết quả rà soát cho thấy: Khoa đã thực hiện các bước theo quy trình hướng dẫn của Bộ để từ đó thiết kế và phát triển CTĐT, CTDH theo yêu cầu CDR, phù hợp với CTĐT của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Tuy nhiên, ở một số bước trong quy trình vẫn chưa thực hiện được thường xuyên và lấy ý kiến của các bên liên quan [H10.10.02.08]. Khoa cũng đã chủ động rà soát CTDH thường xuyên 2 năm 1 lần dựa trên ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về nội dung các học phần trong CTDH, để từ đó có cơ sở chỉnh sửa CTDH ở mỗi học phần cho phù hợp hơn với điều kiện thực tế và kết quả ý kiến góp ý của các bên liên quan và những điều chỉnh của CTDH được qua các năm được thể hiện ở Bảng 3.2

**Bảng 10.2.1. Ý kiến góp ý và những điều chỉnh trong CTDH**

<b>Năm</b>	<b>Ý kiến góp ý của các bên liên quan</b>	<b>Hoạt động điều chỉnh CTDH</b>
2015	- Ở mỗi học phần CTXH chuyên ngành nên gắn với thực tiễn các vấn đề xã hội.	- Nội dung các học phần đều bổ sung những kiến thức liên quan đến các vấn đề xã hội thực tiễn của thân chủ
	Nên tăng thời lượng thực hành ở một số môn học, như CTXH trường học, CTXH cá nhân, nhóm và cộng đồng	Đã điều chỉnh phần lý thuyết và thực hành ở một số môn CTXH cá nhân, CTXH nhóm và CTXH trong tổ chức và phát triển cộng đồng
<b>2017</b>	Cần cập nhật tài liệu học tập và tài liệu tham khảo ở mỗi học phần.	Đã cập nhật tài liệu học tập và tài liệu tham khảo ở mỗi học phần.



	Cần đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá sinh viên	<p>Đã điều chỉnh bổ sung thêm một số phương pháp giảng dạy ở một số học phần</p> <p>Đã điều chỉnh, bổ sung thêm một số phương pháp kiểm tra đánh giá ở một số học phần, như phương pháp kiểm tra bài tập lớn, dự án, truyền thông ...</p>
--	--	---

Năm 2019, Nhà trường và Khoa đã tiến hành thiết kế và xây dựng CTDH theo đúng như quy trình trên của Bộ GD&ĐT [H10.10.02.01, H10.10.02.09]. Căn cứ trên kết quả phản hồi của người học, cựu người học và các bên liên quan [H10.10.01.14, H10.10.01.15], năm 2019, Nhà trường và Khoa đã tiến hành thiết kế và xây dựng CTDH theo đúng như quy trình trên của Bộ GD&ĐT và đến thời điểm hiện nay, đang thực hiện ở Bước 6, Bước 7 của quy trình và theo hướng dẫn quy trình của Nhà trường [H10.10.02.01, H10.10.02.09].

Cuộc thảo luận nhóm tập trung do khoa CTXH tổ chức để đưa CTDH ra lấy ý kiến chuyên gia, sinh viên, đều được đánh giá tốt về cấu trúc, tính logic và tích hợp của chương trình về tính đáp ứng với nhu cầu phát triển của ngành nghề trong thực tế. Cụ thể, chuyên gia đánh giá chương trình dạy học có sự thống nhất chung với các chương trình dạy học của các cơ sở khác đào tạo về CTXH ở Việt Nam, có sự thống nhất và logic về thứ tự giảng dạy các môn học lý thuyết và thực hành. Sinh viên đánh giá các môn học CTXH đối với các nhóm đối tượng yếu thế đều phù hợp với những vấn đề xã hội hiện tại cần quan tâm. [H3.03.03.05]. Hội đồng Khoa CTXH cùng nhóm chuyên gia tiếp tục rà soát lại CTĐT, CTDH. CTĐT được điều chỉnh lại như lược bớt một số học phần, tích hợp các học phần có nội dung liên quan để giảm bớt hoặc lược bỏ một số học phần, thay đổi dạy học phần tự chọn theo yêu cầu thực tế, bổ sung những học phần theo nhu cầu của sinh viên và nhà tuyển dụng như học phần “CTXH trường học”, “CTXH trong bệnh viện”, CTXH với người cao tuổi (năm 2017) CTXH với vấn đề toàn cầu hay Truyền thông trong CTXH (năm 2019) ... [H10.10.02.05]. Nội dung đề cương của mỗi học phần đảm bảo sự phù hợp, logic và đáp ứng với CDR của mỗi học phần, đồng thời áp dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đa dạng như bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, thuyết trình, bài tập theo dự án, kiểm tra trắc nghiệm - thi tự luận, thực hành, thực tập v.v...phù hợp cho

mỗi học phần nhằm giúp người học phát triển tốt các kỹ năng cần thiết và đáp ứng được CDR.

Như vậy, quy trình thiết và phát triển CTDH năm 2019 của Trường và Khoa đã có cải tiến so với năm 2017 là đã khảo sát nhu cầu nhân lực của nhà tuyển dụng, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và xác định CDR.

**Bảng 10.2.3. So sánh quy trình thiết kế và phát triển CTDH của Trường năm 2017 và 2019**

<b>Các bước quy trình</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2019</b>
<i>Bước 1</i>	Chưa lấy ý kiến đầy đủ các bên liên quan (nhà tuyển dụng)	Đã lấy đầy đủ phản hồi của các bên liên quan
<i>Bước 2</i>	Xác định nội dung kiến thức rời xây dựng mục tiêu	Xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể rời CDR
<i>Bước 3</i>	Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo nhưng <b>chưa so lại</b> với CDR	Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT <b>đảm bảo</b> mục tiêu đào tạo và CDR

## **2. Điểm mạnh:**

Việc thiết kế và phát triển CTDH đã được thiết lập, được đánh giá và cải tiến. Năm 2019, Khoa đã chủ động thực hiện thiết kế quy trình từ việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về CTDH, các ý kiến hoạt động đánh giá có sự tham gia đồng đẳng của các chuyên gia, cán bộ quản lý các cấp, giảng viên, SV đang học, cựu SV và nhà tuyển dụng. CTĐT được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

### 3. Điểm tồn tại:

Sự tham gia của nhà tuyển dụng trong xây dựng thiết kế và cải tiến CTDH còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Mời các chuyên gia đào tạo công tác xã hội ở các trường đại học tiên tiến, các bên liên quan khác có am hiểu về CTĐT CTXH ở trong nước và ngoài nước đánh giá và cho ý kiến về thiết kế và phát triển CTDH.	Khoa CTXH	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục phát huy ý kiến đóng góp và sự tham gia của toàn thể giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên ... thực hiện những điều chỉnh CTDH của từng môn học và của cả chương trình để cải tạo CTDH ngành CTXH tại Khoa.	Toàn thể giảng viên	Từ năm học 2020 - 2021	

### 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

*Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.*

#### 1. Mô tả

*Trường và Khoa CTXH tiến hành rà soát và đánh giá quá trình dạy và học chuyên ngành CTXH để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Ban chủ nhiệm Khoa CTXH cũng đã ra văn bản về nâng cao chất lượng dạy và học, trong đó có quy định về rà soát hoạt động dạy học cũng như đánh giá kiểm tra, kết quả học tập của sinh viên theo cơ chế đào tạo tín chỉ [H10.10.03.01].*

Khoa đã ban hành văn bản quy định về hoạt động dự giờ, đánh giá giờ giảng của giảng viên trong khoa để các giảng viên có thể học hỏi, tự đánh giá về việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực đáp ứng yêu cầu mục tiêu chương trình môn học [H10.10.03.03].

Khoa và công đoàn khoa phát động phong trào dự giờ, từ đó các tổ bộ môn đều lập kế hoạch phân công giảng viên tham gia dự giờ và họp đánh giá về hoạt động dạy học của giảng viên trong tổ bộ môn nhằm đóng góp ý kiến cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV [H10.10.03.04, H10.10.03.05].

Mỗi học kỳ, Khoa thường tổ chức các cuộc họp giữa Ban lãnh đạo Khoa, Trưởng Bộ môn, Quản lý học sinh SV, Giáo vụ, Cố vấn học tập... nhằm mục đích kịp thời nắm bắt về tình hình chung của SV cũng như công tác đào tạo, thi cử, kiểm tra, đánh giá [H10.10.03.06, H10.10.03.07]. Bên cạnh đó, kết thúc mỗi học kỳ, Trung tâm ĐBCL của trường đều phối hợp cùng Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả thu được cho thấy nhìn chung giảng viên có chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được SV đánh giá cao [H10.10.03.08, H10.10.03.09]. Đây cũng là một kênh thông tin góp phần đánh giá hiệu quả giảng dạy, xếp loại cán bộ hàng năm, bình bầu thi đua khen thưởng các cấp [H10.10.03.10].

Việc đánh giá kết quả của người học cũng được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích với CĐR. Quá trình xây dựng nội dung kiểm tra, đánh giá từng học phần bám sát vào mục tiêu và CĐR học phần. Các học phần đều được quy định về phân nhiệm CĐR của chương trình đào tạo, và xây dựng quy trình cách thức đánh giá bám sát các mục tiêu học phần và chương trình đào tạo [H10.10.03.02].

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được Nhà trường quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần và quy chế đào tạo tín chỉ của trường, chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: ý thức học tập (chuyên cần, thái độ), đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Trong đó, đối với đào tạo theo hệ thống tín chỉ được quy định điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10% trong tổng số điểm, điểm giữa kỳ chiếm 30%; điểm thi kết thúc học phần là 60%. Điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ được giảng viên công bố công khai ngay khi kết thúc học phần tại lớp học phần [H10.10.03.02],

[H10.10.03.11, H10.10.03.11]. Hội đồng khoa học của khoa đã ban hành văn bản quy định về quy trình thực hiện các hình thức đánh giá, kiểm tra kết quả học tập của sinh viên, hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên nhằm đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: thi viết, làm bài tiểu luận cá nhân, nhóm, vấn đáp, truyền thông.... [H10.10.03.03]. Các hình thức kiểm tra, đánh giá môn học được thực hiện theo đề cương chi tiết của từng học phần đã được thay đổi, chỉnh sửa và bổ sung trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Các hình thức kiểm tra đánh giá như: thi viết, làm bài tiểu luận cá nhân, nhóm, vấn đáp, truyền thông ... phù hợp với đặc thù của từng môn học và các tổ bộ môn. Kết quả học tập của sinh viên còn được đánh giá thông qua khóa luận tốt nghiệp, thực tập, thực hành hoặc cộng điểm từ kết quả NCKH của SV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng với CĐR [H10.10.03.13]. Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, đảm bảo tính khách quan, chính xác và được qui định cụ thể trong văn bản của Nhà trường và Khoa cũng tiến hành rà soát, đánh giá vào cuối năm học [H10.10.03.11, H10.10.03.14]. Kết quả lấy ý kiến của sinh viên về phương pháp giảng dạy và các thiết bị hỗ trợ giảng dạy học tập của giảng viên được thể hiện ở bảng dưới đây[H.10.10.01.09].

*Bảng 10.1. Bảng kết quả khảo sát về đánh giá của sinh viên về phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV ( năm 2019)*

KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN KHOA CTXH TRƯỜNG ĐHSPTN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO						
Bảng 02: Ý kiến đánh giá của sinh viên CTXH về phương pháp giảng dạy, giảng viên và các trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập						
TT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1.	Phương pháp kiểm tra, đánh giá theo năng lực, theo quá trình và theo tính chất đặc thù của học phần	14	10	23	101	34
2.	Nội dung kiểm tra, đánh giá sát với chương trình đào tạo	17	8	28	99	30
3.	Giảng viên (GV) đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy	17	7	18	95	45
4.	GV có kiến thức chuyên môn tốt, cập nhật liên tục về nội dung giảng dạy	19	3	10	98	52
5.	GV có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu	16	10	21	84	51
6.	GV giảng dạy có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn	17	3	19	93	50
7.	GV luôn cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, phù hợp	16	7	21	91	47
8.	Trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập đầy đủ, hiện đại	14	10	25	101	32

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Kết quả khảo sát từ Trung tâm đảm bảo và từ Khoa CTXH cho thấy 55,5% người học cảm thấy hài lòng và 18,7% rất hài lòng về phương pháp kiểm tra đánh giá của giảng viên ở các môn học; 55% hài lòng và 16,7% rất hài lòng về hình thức kiểm tra, đánh giá sát với CTĐT; 46,2% hài lòng và 28% rất hài lòng về phương pháp giảng dạy rõ ràng, dễ hiểu của giảng viên ... Tuy nhiên, một tỷ lệ nhỏ sinh viên còn chưa hài lòng hoặc rất không về các hình thức kiểm tra, đánh giá và phương pháp giảng dạy của giảng viên. Những ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV sau khi kết thúc học phần là cơ sở để các tổ bộ môn và Khoa CTXH điều chỉnh PPGD và phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

## 2. Điểm mạnh

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. GV đã thực hiện nghiêm túc đề cương môn học, luôn bám sát mục tiêu của môn học và mục tiêu CTĐT hướng tới đạt CĐR. Kết quả học tập của SV được đánh giá nghiêm túc, hình thức đánh giá đa dạng thông qua điểm giữa kỳ, điểm chuyên cần và bài thi cuối khoá, thực hành, khóa luận tốt nghiệp và thực tập tốt nghiệp hướng tới đạt CĐR.

## 3. Điểm tồn tại

Hình thức đánh giá kiểm tra các môn học chưa lấy ý kiến sâu rộng từ phía các giảng viên.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đa dạng hoá trong việc đánh giá quá trình dạy học của các giảng viên thông qua các hoạt động dự giờ, trao đổi chuyên môn khoa học trong tổ, lấy ý kiến của đồng nghiệp trong Khoa....	Toàn giảng viên Khoa CTXH	Bắt đầu từ năm 2020	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần. Thực hiện điều chỉnh định kỳ các phương pháp giảng dạy và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đáp ứng yêu cầu CDR.	Toàn thể giảng viên	Bắt đầu từ năm 2020	
---	--------------------	--	---------------------	---------------------	--

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

**Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.**

#### 1. Mô tả:

NCKH và đào tạo có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, NCKH tạo cơ sở cho việc thực hiện tốt hơn hoạt động dạy và học. Trường đã nhận thức rõ về điều này nên đã có văn bản quy định về hoạt động khoa học và công nghệ [H10.10.04.01]. Hằng năm, Trường cũng như khoa CTXH khuyến khích các GV và SV tham gia NCKH trong đó thể hiện mục tiêu sử dụng kết quả đó phục vụ việc dạy và học. Việc GV, SV tham gia NCKH không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học. Đối với GV NCKH là nhiệm vụ được quy định và trường có các hình thức hỗ trợ động viên phù hợp và được khen thưởng kịp thời [H10.10.04.02]. Từ năm 2016 đến nay, các giảng viên Khoa CTXH liên tục là chủ nhiệm đề tài cấp Bộ Trường, cấp Bộ, đề tài NAFOSTED... [H10.10.04.03].

*Bảng thống kê các công bố khoa học, đề tài, bài báo... của Khoa trong thời điểm tự đánh giá CTĐT 2015-2019:*

Năm	Đề tài các cấp			Bài báo/sách			
	Cấp Trường	Cấp Bộ	Cấp Nhà nước	Năm	Sách	Bài báo quốc tế	Bài báo trong nước
2015 -2016				2015			20
2016 - 2017		1		2016	2		16
2017 - 2018	1	1		2017	6	5	15
2018 - 2019				2018	4	5	18
2019 -2020		1		2019	13	1	24

(Nguồn: Thông kê NCKH của Khoa CTXH)

Những đề tài NCKH của Khoa đều có mối liên quan với dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của Khoa. Ví dụ, đề tài cấp Bộ năm 2016 về “Xây dựng mô hình công tác xã hội trường học ở trường trung học” có liên quan đến học phần CTXH trường học, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy lý thuyết và thực hành các học phần theo định hướng CTXH trường học; năm 2017 đề tài cấp Bộ “Mô hình Công tác xã hội nhóm trong hỗ trợ học sinh có biểu hiện rối nhiễu hành vi trong trường học” hoặc năm 2018 “Phương pháp công tác xã hội nhóm trong phòng ngừa và trợ giúp trẻ em bị xâm hại tình dục” đã có những đóng góp vào giảng dạy môn phương pháp CTXH nhóm – một trong những môn chuyên ngành CTXH, giúp người học có những định hướng trong thực hành phương pháp CTXH nhóm với những đối tượng thân chủ.

Nhiều kết quả NCKH là sách, báo đã được áp dụng chuyển tải thành các nội dung giảng dạy trong các học phần trong CTDH: ví dụ sản phẩm của đề tài cấp Bộ 2016 do TS. Nguyễn Thanh Bình làm chủ nhiệm có sản phẩm sách “Xây dựng mô hình công tác xã hội học đường ở trường trung học cơ sở” NXB Khoa học xã hội, Đề tài của ThS. Nguyễn Lê Hoài Anh với cuốn “CTXH với người đồng tính, song tính và chuyển giới”, các cẩm nang, hướng dẫn khác đã được ứng dụng trong việc giảng dạy các môn học của Khoa CTXH [H10.10.04.04]; Đề tài cấp Trường của ThS. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt ‘Khảo sát về tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp Khoa CTXH’ đã giúp Khoa CTXH có những điều chỉnh về CTĐT, CTDH, quá trình dạy học để nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa [H10.10.01.04]

*Bảng các sản phẩm NCKH qua các năm tại Khoa CTXH*

<b>TT</b>	<b>Tên đề tài nghiên cứu</b>	<b>Năm</b>	<b>Sản phẩm chuyển thể thành nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTĐT</b>
1	Xây dựng mô hình công tác xã hội trường học ở trường trung học	Cấp Bộ	CTXH trường học; CTXH với HS, SV có hoàn cảnh khó khăn
2	Vấn đề đối xử với người đồng tính Việt Nam và các biện pháp can thiệp trợ giúp	Cấp Bộ	CTXH với người đồng tính, song tính và chuyển giới
3	Phương pháp công tác xã hội nhóm trong phòng ngừa và trợ giúp trẻ em bị xâm hại tình dục; Mã số: B2018 - SPH – 56	Cấp Bộ	CTXH với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn



4	Các yếu tố ảnh hưởng và biện pháp can thiệp công tác xã hội nhằm giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở	Cấp Bộ	CTXH với HS, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, CTXH trong phòng ngừa BLHĐ cho học sinh
---	--	--------	--

Công tác xuất bản sách, giáo trình phục vụ học tập cũng được GV đặc biệt quan tâm, đã có rất nhiều cuốn sách được xuất bản. Những tài liệu này là tâm huyết của các Giảng viên của Khoa CTXH, nhằm mang lại cho người học những tài liệu học có sự đầu tư chín chu về mặt chất lượng, dựa trên nhu cầu cũng như trình độ thực tế của SV và nhu cầu của nhà tuyển dụng, phục vụ cho hoạt động đào tạo của Khoa [H10.10.04.05]. Bên cạnh đó, các giảng viên trong khoa đã tích cực tham gia viết bài cho các tạp chí, hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về nâng cao chất lượng, phương pháp giảng dạy để phục vụ cho quá trình dạy và học của Khoa [H10.10.04.06]

Khoa CTXH được sự hỗ trợ của Nhà trường và phối hợp với các ban ngành đã thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế và trong nước; tổ chức hội nghị Sinh viên nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao tinh thần học hỏi giao lưu giữa các GV cũng như người học trong toàn khoa với những GV, chuyên gia từ các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước [H10.10.04.07], [H10.10.04.08]. Hội nghị SV NCKH của sinh viên cũng được triển khai định kỳ hằng năm [H10.10.04.09]. SV tham gia NCKH được vận dụng những kiến thức lý thuyết trong thực hành và được cộng điểm vào môn học chuyên ngành nếu điểm bài tập môn học đạt loại giỏi trở lên. và đã giúp SV biết vận dụng những kiến thức lý thuyết trong thực hành; đồng thời nâng cao năng lực NCKH của bản thân [H10.10.04.10].

Như vậy, các sản phẩm, công trình NCKH của Khoa đã được ứng dụng vào trong quá trình dạy và học, các kết quả NCKH đã góp phần cải tiến hoạt động giảng dạy của GV, giúp gắn lý thuyết với thực hành, làm rõ các phương pháp CTXH trong hỗ trợ từng đối tượng thân chủ, đồng thời những sản phẩm đó cũng góp phần nâng cao hoạt động học của người học.

## **2. Điểm mạnh**

GV, SV tích cực tham gia NCKH, các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng, kết quả NCKH được áp dụng vào hoạt động dạy và học. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước.

### 3. Điểm tồn tại

Những đề tài NCKH về đánh giá, cải tiến phương pháp kiểm tra, đánh giá và phương pháp dạy học còn ít.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Các giảng viên tích cực tham gia NCKH và công bố các kết quả NCKH qua các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, cũng như hội thảo khoa học trong nước và quốc tế liên quan đến phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá người học.	Khoa CTXH	Từ năm học 2020-2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Các giảng viên tiếp tục tích cực, chủ động trong tham gia các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Trường và liên kết với các tỉnh thành; Các sản phẩm NCKH phục vụ cho hoạt động đào tạo của Khoa.	Toàn thể giảng viên	Hàng năm	

### 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

*Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.*

#### 1. Mô tả

Tất cả chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác giảng dạy, học tập, NCKH. Nhà trường luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm của chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông

tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đó là thái độ phục vụ và chất lượng phục vụ. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích có ảnh hưởng rất lớn đến công tác giảng dạy, học tập và NCKH vì vậy Nhà trường luôn giám sát và đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ này.

Năm 2018, TTĐBCL Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác thông qua chức năng, nhiệm vụ của TTĐBCL [H10.10.05.01]. Quy trình cụ thể như sau:

- Bước 1: Tổ chức thu thập thông tin
  - TTĐBCL chuẩn bị phiếu khảo sát; ban hành văn bản chỉ đạo triển khai khảo sát phản hồi của người học đối với các dịch vụ giáo dục của Trường ĐHSPHN
  - TTĐBCL chỉ đạo, phối hợp với các bộ phận liên quan để triển khai khảo sát sự phản hồi của người học đối với dịch vụ giáo dục của Trường ĐHSPHN
- Bước 2: Xử lý thông tin và phân tích kết quả
  - Phân loại phiếu: sau khi thu phiếu khảo sát, TTĐBCL tiến hành phân loại để có được các phiếu có giá trị thống kê
  - Sử dụng phần mềm SPSS để xử lý dữ liệu thu thập được
  - Phân tích kết quả
- Bước 3: Viết báo cáo tổng hợp kết quả từ các thông tin thu thập được
- Bước 4: Thẩm định báo cáo tổng hợp kết quả
- Bước 5: Phổ biến cho các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng [H10.10.05.01].

Hoạt động của thư viện: Thư viện có văn bản quy định về quy trình đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ đó là hằng năm đề có thực hiện các hoạt động lấy ý kiến của bạn đọc và từ đó có những cải tiến để nâng cao chất lượng phục vụ [H10.10.05.02]. Nhà trường có một trung tâm thư viện khá lớn cho cán bộ và SV toàn trường [H10.10.05.03]. Các tài liệu và học liệu trong thư viện được cập nhật và mua bổ sung hàng năm để phục vụ nhu cầu của bạn đọc [H10.10.05.04]. Thư viện nhà trường cũng đã định kỳ lấy ý kiến phản hồi của GV, SV về mức độ đáp ứng tài liệu của thư viện, thư viện điện tử phục vụ công tác đào tạo và NCKH của GV, SV; Thực hiện kiểm kê, đánh giá chất lượng của thư viện [H10.10.05.05,H10.10.05.06]. Trên cơ sở lấy ý kiến đánh giá, thư viện tiến hành mua sắm, bổ sung các thiết bị để cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, như bổ sung sách, báo,

mua bán các phần mềm điện tử ... [H10.10.05.04]. Ngoài việc sử dụng thư viện chung của trường, tại các bộ môn trong Khoa có phòng tư liệu của bộ môn lưu trữ các sách, khoá luận, luận văn tốt nghiệp cho các SV có thể mượn đọc tham khảo và nghiên cứu dưới dạng bản cứng [H10.10.05.07].

Hoạt động của hệ thống Công nghệ thông tin: Nhà trường có hệ thống mạng Internet dùng chung cho toàn trường. Hệ thống này được trang bị rộng khắp khuôn viên Trường, Thư viện và trong Kí túc xá, bao gồm cả mạng không dây (wi-fi) và mạng có dây (cable). Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của trường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng (Trung tâm Công nghệ thông tin), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt. Để đảm bảo hoạt động sử dụng CNTT có mục đích và hiệu quả, việc nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu, theo dõi phản hồi người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin, nhà trường đã xây dựng và ban hành một số văn bản về quy chế, quy định và quy trình, chẳng hạn như quy trình quản lý tài khoản Internet dành cho sinh viên [H10.10.05.08], quy chế quản lý hệ thống mạng và sử dụng dịch vụ mạng của trường đảm bảo có sự hỗ trợ, đáp ứng tất cả nhu cầu sử dụng máy tính, mạng của các đơn vị, giảng viên và người học [H10.10.05.09], quy chế hoạt động của Cổng thông tin điện tử Trường ĐHSPHN có ban biên tập và quản trị viên hệ thống để quảng bá hình ảnh của Trường và cung cấp thông tin cũng như tiếp nhận mọi ý kiến đóng góp và trao đổi nhằm nâng cao chất lượng phục vụ [H10.10.05.0109]. Ngày 24/10/2019, Nhà trường đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt đề án “Nâng cao năng lực về cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin trong khuôn khổ chương trình ETEP tại Trường ĐHSPHN” với mục tiêu: Phát triển cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng CNTT, hệ thống thông tin phục vụ cho công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội [H10.10.05.11].

Trong thời gian gần đây, dưới sự chỉ đạo của nhà trường và khoa CTXH, 100% giảng viên đang giảng dạy trong Khoa đáp ứng dụng các phần mềm vào giảng dạy trực tuyến cho sinh viên trong khoa, như phần mềm Fitel, hay Freeconference [H10.10.05.121]. Kết quả mang lại rất tích cực và hiệu quả. Trong quá trình dạy học, GV thường xuyên cho SV làm các bài tập nghiên cứu, bài tập nhóm và yêu cầu SV sử dụng mạng Internet để tìm kiếm thu thập thông tin phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu. Tuy nhiên hệ thống mạng

internet đôi lúc còn chậm gây khó khăn cho việc truy cập. Để nâng cao chất lượng các dịch vụ và phù hợp với nguyện vọng của cán bộ công nhân viên chức và của người học, Nhà trường và Khoa thường xuyên ghi nhận ý kiến phản hồi thông qua nhiều hội nghị và nhiều kênh khác nhau. SV ngành CTXH có thể thực hiện ý kiến phản hồi thông qua website hoặc fanpage của Khoa về các hoạt động dạy và học [H10.10.05.13].

Hàng năm, Trường và Khoa đều tiến hành lấy ý kiến của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng ngành, khóa đào tạo, trong đó có nội dung về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) [H10.10.05.14]. Kết quả khảo sát của Thư viện năm 2019 cho thấy 85% bạn đọc cho rằng tra cứu thuận lợi trên cơ sở dữ liệu và 15% bạn đọc cho là khó khăn, hoặc 38% ý kiến bạn đọc cho là CSVC thư viện tốt, 55% cho là khá và 7% cho là trung bình [H10.10.05.05].

Với những nỗ lực không ngừng trong việc cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, Trường ĐHSPTHN nói chung và Khoa CTXH nói riêng luôn mong muốn cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đạt chất lượng nhất cho những cán bộ, giảng viên và người học.

## **2. Điểm mạnh**

Đảm bảo chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác), định kỳ có đánh giá và có cải tiến.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa kịp thời đáp ứng cho việc đổi mới CTĐT do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

## **4. Kế hoạch hành động**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt, đồng thời nâng cấp hệ thống mạng	Nhà trường và Khoa	Từ năm học 2020 - 2021	

		wifi ổn định hơn nhằm phục vụ công tác dạy và học.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục và định kỳ lấy ý kiến của các bên liên quan để nâng cấp, cải tiến dịch vụ đáp ứng yêu cầu dạy và học.	Nhà trường (Thư viện, TTCN...) và Khoa	Hàng năm	

## 5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

***Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.***

### 1. Mô tả

Trung tâm Đảm bảo chất lượng được thành lập theo Quyết định số 437/QĐ-ĐHSPHN, ngày 21/03/2005 và có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, kiểm định, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường; đồng thời nghiên cứu, tư vấn về tổ chức Tự đánh giá định kỳ, theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT, của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quốc gia, khu vực. Trung tâm là đầu mối thu thập các thông tin phản hồi của các bên liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H10.10.06.01]. Việc thu thập thông tin được tiến hành một cách có hệ thống dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan [H10.10.05.01]. Trung tâm ĐBCL phối hợp cùng Khoa thực hiện công tác định kỳ lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về công tác giảng dạy của GV tiến hành 2 lần/năm học sau khi thi kết thúc học phần [H10.10.06.02]; Lấy ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chất lượng ngành/khóa đào tạo tiến hành 1 lần/năm sau khi SV năm cuối kết thúc thi tốt nghiệp cuối khóa [H10.10.06.03]; Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp tiến hành 1 lần/năm [H10.10.06.04]. Ngoài ra, Trung tâm còn thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người học, cựu người học, GV, nhà tuyển dụng) về chương trình đào tạo; Lấy ý kiến của người học về cán bộ hành chính; Lấy ý kiến của người học về các dịch vụ công [H10.10.06.05, H10.10.06.06, H10.10.06.07].

Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học. Phương pháp sử dụng đa dạng, các công cụ sử dụng có độ tin cậy. Kết

quả phản hồi thu được là căn cứ để trường đã tiến hành rà soát, đánh giá và điều chỉnh cải tiến chương trình đào tạo CTXH, chuẩn đầu ra... và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [H10.10.06.08]. Hệ thống phiếu khảo sát cũng đều có sự điều chỉnh cho phù hợp nhằm thu thập thông tin chuẩn xác nhất. *Mẫu phiếu lấy ý kiến của người học về công tác giảng dạy năm học 2016-2017* có 30 câu hỏi với 4 mức đánh giá: không đồng ý, phân vân, đồng ý và hoàn toàn đồng ý đã được thay thế bằng mẫu phiếu mới là *Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học đối với giảng viên (Phụ lục 3)* với 16 câu hỏi ở 5 mức độ đánh giá: cần cải thiện, đạt, khá, tốt và xuất sắc sau khi gửi lấy ý kiến của các bên liên quan [H10.10.06.09, H10.10.06.10, H10.10.06.11].

Hàng năm, Trung tâm ĐBCL tổng kết và đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan để cải tiến hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập [H10.10.06.12, H10.10.06.13].

Bên cạnh việc thu thập thông tin của Trung tâm đảm bảo chất lượng, với mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, dạy học của ngành CTXH. Khoa Khoa CTXH cũng chủ động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan vào năm 2017, 2018. Đến năm 2019 thực hiện lấy ý kiến một cách hệ thống tất cả các bên góp ý cho CTĐT, CTDH [H10.10.01.14] Căn cứ vào các thông tin và kết quả phản hồi là cơ sở để Khoa CTXH tiến hành rà soát, đánh giá và có hướng điều chỉnh cải tiến chương trình cải tiến chất lượng dạy học, điều chỉnh chương trình dạy học cho phù hợp, cân đối giữa lý thuyết và thực hành, sử dụng tích cực các phương pháp dạy học tích cực từ đó cải tiến chất lượng ngày một tốt hơn.

Đánh giá được những khó khăn đó năm 2019, Khoa CTXH đã chủ động thiết lập, liên kết mạng lưới các chuyên gia về CTXH (giảng viên, chuyên gia trong Hiệp hội nghề CTXH mà Khoa tham gia), các cơ sở thực hành và nhà tuyển dụng Khoa đã ký hợp đồng liên kết, nhóm sinh viên ra trường đang tham gia trên trang nhóm chung về Khoa CTXH... để tập hợp lấy ý kiến đảm bảo sự thống nhất trong cơ chế phản hồi của các bên liên quan [H10.10.01.14]

## **2. Điểm mạnh**

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp của các bên liên quan cho các hoạt động của Nhà trường đặc biệt là về CTĐT, CTDH, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT chưa chủ động và chưa thường xuyên.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Chủ động định kỳ lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT để làm căn cứ rà soát, điều chỉnh CTĐT phù hợp với thực tiễn.	Khoa CTXH, TTĐBCL	Từ năm học 2020 - 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường và Khoa tiếp tục định kỳ lấy các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan để thực hiện cải tiến CTDH.	Nhà trường và Khoa	Hàng năm	

#### 5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

##### Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành CTXH được Trường ĐHSPTN và Khoa CTXH hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội và các nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ các chuyên gia, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu sinh viên được chú trọng và thực hiện đầy đủ, có hệ thống và thường xuyên hàng năm. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTDH. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên theo quy trình chặt chẽ để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Các nghiên cứu khoa học thông qua đề tài; các loại sách; bài báo cho hội nghị, hội thảo luôn được các giảng viên, sinh viên trong khoa quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng học thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ khác) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy-học và nghiên cứu khoa học.



Việc thu thập ý kiến phản hồi từ người học của Trung tâm ĐBCL của trường được tiến hành định kỳ hàng năm và tương đối bài bản.

Tuy nhiên, trong quá trình thu thập thông tin của các bên liên quan số lượng ý kiến phản hồi của chuyên gia nước ngoài, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng còn chưa nhiều. CTDH đã được cải tiến và phát triển tuy nhiên đôi khi chưa bắt kịp với xu thế của thị trường lao động luôn vận động không ngừng. Việc đăng bài báo trên các tạp chí quốc tế của các GV trong khoa còn hạn chế. Công trình NCKH của SV chưa đồng đều hàng năm, số lượng bài báo đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành còn chưa nhiều. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa kịp thời đáp ứng cho việc đổi mới CTĐT do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường. Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT chưa chủ động và chưa thường xuyên.

#### **Đánh giá tiêu chuẩn 10:**

<b>Tiêu chuẩn 10:</b>	<b>Thang đánh giá</b>						
	<b>Chưa đạt</b>			<b>Đạt</b>			
	<b>①</b>	<b>②</b>	<b>③</b>	<b>④</b>	<b>⑤</b>	<b>⑥</b>	<b>⑦</b>
<b>Tiêu chí 10.1</b>					5		
<b>Tiêu chí 10.2</b>				4			
<b>Tiêu chí 10.3</b>				4			
<b>Tiêu chí 10.4</b>					5		
<b>Tiêu chí 10.5</b>					5		
<b>Tiêu chí 10.6</b>				4			
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>4.50</b>						

## **Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra**

### **Mở đầu**

Đánh giá kết quả đầu ra của người học được thực hiện bám sát các quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHSPHN. Việc đánh giá bắt đầu ngay từ tuyển sinh đầu vào, trong suốt quá trình học tập của SV cho tới khi tốt nghiệp và sau khi tốt nghiệp thông qua tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh đó, khoa CTXH cũng căn cứ vào hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên về số lượng và chất lượng để đánh giá chất lượng đầu ra. Trong việc đổi mới căn bản, toàn diện của giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng hiện nay, nhân tố quyết định cho sự tồn tại và phát triển CTĐT chính là sự hài lòng của các bên liên quan. Trường, Khoa cũng đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của giảng viên, người học, cựu người học, thị trường lao động và lấy đó làm chuẩn cho việc cải tiến CTĐT, chương trình dạy học và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng.

***Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

### **1. Mô tả**

Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm.

Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo trực tiếp quản lý tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của người học [H11.11.01.01]. Phòng Đào tạo gửi các văn bản, công văn hướng dẫn về Khoa, Khoa CTXH đã giao nhiệm vụ phân công cho giáo vụ Khoa, Cán bộ quản lý sinh viên và cố vấn học tập để giám sát tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp từ đó cải tiến chất lượng đào tạo [H11.11.01.02]. Với những SV thôi học, Quản lý sinh viên, Giáo vụ Khoa, Cố vấn học tập đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho SV, cũng như có những đề xuất kịp thời với Khoa và Nhà trường. Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của Quản lý sinh viên [H11.11.01.03]. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo [H11.11.01.04].

Hàng năm, tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành CTXH được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên các Quy định về điều kiện tốt nghiệp, Quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý học sinh, sinh viên thôi học, bỏ học hàng năm [H11.11.01.04], [H11.11.01.05]

Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được đánh giá, phân tích, giám sát

Hàng năm, Khoa đều thống kê đánh giá kết quả học tập của các sinh viên, rà soát tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, sinh viên tốt nghiệp quá hạn, tỷ lệ sinh viên thôi học. Cụ thể thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua Cơ sở dữ liệu về người học [H11.11.01.07], trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 05 năm gần đây được tóm tắt bằng bảng số liệu sau

**Bảng 11.1. Thời gian người học tốt nghiệp, thôi học trong 5 năm gần nhất**

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014- 2015 (K61)	2015- 2016 (K62)	2016- 2017 (K63)	2017- 2018 (K64)	2018- 2019 (K65)
Tổng số SV đầu vào	48	78	82	89	83
Thôi học	1	2	1	7	13
Tỉ lệ SV thôi học so với tổng số SV đầu vào	2,08	2,56	1,21	7,86	15,66
Bảo lưu	2	1	1	5	8
Tỉ lệ SV bảo lưu so với tổng số SV đầu vào	4,16	1,28	1,21	5,61	9,63
Số lượng người học tốt nghiệp đúng hạn (người)	45	75	80	77	52
Tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn so với số tuyển vào (%)	93,75	96,15	97,56	86,51	62,65

Số liệu trên cho thấy, tỉ lệ SV tốt nghiệp có sự giảm nhẹ qua các năm, từ 2015 đến 2019, trong đó tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn năm học 2018 - 2019 giảm nhiều nhất trong chu kỳ, xuống còn 62,65%. Thực trạng này tồn tại là do trong thời gian học một số SV đã xin thôi học và bảo lưu. Song song với việc giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học Khoa giao cho Cố vấn học tập, giáo vụ Khoa và cán bộ quản lý sinh viên giám sát chặt chẽ tiến độ

học tập của SV, tìm hiểu và phân tích nguyên nhân bảo lưu, thôi học thông qua Sổ tay nghiệp vụ chậm tốt nghiệp, thôi học. Năm học 2018 - 2019 đánh dấu tỉ lệ sinh viên thôi học và bảo lưu cao nhất trong chu kỳ, tỉ lệ tương ứng lần lượt là 15,66% và 9,63% năm 2018-2019 so với 7,86% và 5,61% năm trước đó. Những lý do giải thích cho thực trạng này là: (1) Gia đình định hướng cho sinh viên du học; (2) Một số sinh viên tham gia dự án trao đổi hợp tác quốc tế của Khoa làm chậm tiến trình học; (3) Gia đình có những định hướng khác cho SV; (4) SV có kế hoạch cá nhân khác như đi xuất khẩu lao động [H11.11.01.08] [H11.11.01.09].

Đối chiếu so sánh tỷ lệ tốt nghiệp qua các năm cho thấy năm 2018 - 2019, tỷ lệ SV chậm tốt nghiệp đã tăng lên và sinh viên thôi học, bảo lưu cũng tăng [H11.11.01.10]. Thêm vào đó, khoa cũng tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của khoa với một số khoa khác trong trường, bao gồm cả khoa thuộc cùng nhóm ngành đào tạo là Khoa học xã hội (Khoa Mầm non, Khoa Tiếng Anh) và khoa khác nhóm ngành đào tạo - Nhóm khoa học tự nhiên (Khoa Sinh) [H11.11.01.08], thể hiện ở các bảng sau:

**Bảng 11.2: Tỉ lệ % SV tốt nghiệp trong 5 năm gần đây**

Năm học	Số lượng SV toàn khóa		Số lượng sv tốt nghiệp		Tỉ lệ % SV tốt nghiệp	
	Tiếng Anh	CTXH	Tiếng Anh	CTXH	Tiếng Anh	CTXH
2014-2015	72	48	66	47	91.7%	97.91%
2015-2016	74	78	70	76	95.9%	97.43%
2016-2017	64	82	62	81	96.9%	98.78%
2017-2018	60	88	57	82	95%	93.18%
2018-2019	60	83	30	63	50%	75.90%

Nhìn vào bảng trên có thể thấy, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp của Khoa CTXH ở tất cả các năm đều cao hơn so với Khoa Tiếng Anh. Tuy nhiên, có thể thấy một điểm chung giữa 2 khoa là số lượng SV tốt nghiệp ở năm 2018 – 2019 đều bị giảm xuống thấp - thấp nhất trong chu kỳ. Nhưng, số lượng SV của Khoa Tiếng Anh trong năm học này lại giảm xuống một cách đột ngột, từ 95% ở năm học trước xuống chỉ còn 50%, còn Khoa CTXH chỉ giảm 17,27% so với 45% của Khoa Tiếng Anh.

**Bảng 11.3: Tỷ lệ % SV thôi học trong 5 năm gần đây**

Khoa/ Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Khoa CTXH	2,08%	2,56%	1,21%	7,86%	15,66%
Khoa Tiếng Anh	1.39%	0%	4.69%	0%	1.67%
Khoa Sinh học	14.3%	12.5%	20.6%	9.4%	12.7%
Khoa Mầm non	0%	0%	0.32%	0.92%	0%

Kết quả đối sánh tỷ lệ thôi học giữa Khoa CTXH và các khoa Tiếng Anh, Sinh học và Mầm non cho thấy, tỷ lệ SV thôi học của Khoa CTXH có cao hơn một chút so với Khoa Tiếng Anh và Khoa Sinh học, chỉ có năm 2017 tỷ lệ này của Khoa CTXH thấp hơn Khoa tiếng Anh 3,84%. So với Khoa Sinh học, tỷ lệ SV thôi học của Khoa CTXH thấp hơn đáng kể trong giai đoạn từ năm 2015 - 2018, chỉ có năm 2019, tỷ lệ này của Khoa CTXH cao hơn Khoa Sinh học 2,96%.

## 2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học ngành CTXH bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn khá cao.

## 3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ sinh viên thôi học và bảo lưu có xu hướng tăng lên trong những năm gần đây.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa cần tìm hiểu rõ nguyên nhân sinh viên thôi học và bảo lưu.</li> <li>- Cố vấn học tập kịp thời động viên, hỗ trợ sinh viên gặp khó khăn có nguy cơ bị thôi học.</li> <li>- Thực hiện thường xuyên khâu truyền thông về ngành, nghề của sinh viên và các cơ hội việc làm sau khi ra trường</li> </ul>	Khoa CTXH	Từ năm học 2020 - 2021	

4	Phát huy điểm mạnh	Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Cán bộ quản lý SV tiếp tục giám sát tình hình học tập của sinh viên và động viên kịp thời khi sinh viên gặp phải vấn đề khó khăn, để không giảm thiểu tỷ lệ sinh viên thôi học và nắm bắt kịp thời được thông tin của sinh viên dự định thôi học để có biện pháp xử lý.	Văn phòng, Cố vấn học tập	Hàng năm	
---	--------------------	---	---------------------------	----------	--

## 5. Tự đánh giá: 5/7

***Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

### 1. Mô tả

Thời gian tốt nghiệp trung bình trong cùng CTĐT được tính toán đối với tất cả các hệ/hình thức đào tạo trong chu kỳ đánh giá

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Từ năm 2009, khoa CTXH và Trường ĐHSPHN bắt đầu thực hiện qui định đào tạo hệ đại học chính qui theo tín chỉ. Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học kéo dài trung bình 4 năm, và sinh viên có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian tốt nghiệp sau khi tích lũy đủ số tín chỉ [H11.11.01.06]. Để giám sát quá trình học tập của người học Phòng Đào tạo được giao nhiệm vụ giám sát tốt nghiệp người học, Phòng Đào tạo và Khoa CTXH có cơ sở dữ liệu theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của SV theo học CTĐT cử nhân CTXH thông qua phần mềm quản lý đào tạo [H11.11.02.01], [H11.11.01.01], [H11.11.01.02]

Theo quy định của Trường ĐHSPHN, thời gian tốt nghiệp CTĐT ngành cử nhân GDMN trung bình là bốn năm học, thời gian tối đa là 6 năm, tối thiểu là 3 năm. Trước năm 2018, mỗi năm học có hai học kì, mỗi học kì có 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Từ năm 2018-2019 trở đi, mỗi năm học có 3 học kì. Thời gian và kế hoạch đào tạo được công bố cho cán bộ và sinh viên vào đầu năm học. Đối với những trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng có thể quy định thêm thời gian tối đa cho mỗi chương trình, nhưng không vượt quá hai lần so với thời gian thiết kế cho chương trình đó. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo qui định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính qui không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình [H11.11.01.05]. Sau mỗi học kì, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại Quy chế đào

tạo của Trường để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm Thư kí và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng Công tác chính trị và học sinh sinh viên. Vì vậy thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành cử nhân GDMN luôn được Khoa theo dõi [H11.11.01.06]; [H11.11.01.07]; [H11.11.01.08]; [H11.11.01.09].

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành CTXH được thể hiện qua bảng thống kê dưới đây

**Bảng 11.4. Thời gian tốt nghiệp trung bình**

Khóa học	Số lượng sinh viên tốt nghiệp	Số sinh viên tốt nghiệp sau thời gian		Thời gian tốt nghiệp trung bình (tháng)	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)
		48 tháng	60 tháng		
2015 -2016	47	46	1	48,51	4,04
2016-2017	76	58	18	51,44	4,28
2017 -2018	81	77	3	48,22	4,01
2018-2019	82	78	1	48,57	4,04
2019 -2020	63	61	2	48,53	4,04

Trong 5 năm từ 2015 - 2019, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV khoa CTXH dao động từ 4,01 - 4,28 năm. Đa số SV ngành CTXH đã hoàn thành CTĐT đúng thời hạn (48 tháng), số SV tốt nghiệp muộn chiếm tỷ lệ ít, và thời gian tốt nghiệp trung bình của SV tốt nghiệp muộn cũng chỉ hơn mức chuẩn cao nhất là 3 tháng [H11.11.01.05], [H11.11.02.02]. Riêng năm học 2018-2019, tỷ lệ hoàn thành CTĐT có thấp nhất so với các năm (75,90%). Điều này được lý giải do có 13 SV Khóa 65 trong diện thôi học. Trên thực tế, Khoa và Nhà trường đã có những kế hoạch để thông báo cho SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học, để tốt nghiệp đúng tiến độ [H11.11.02.02].

Tìm hiểu, phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn để đề xuất các biện pháp hỗ trợ NH giảm tối đa thời lượng học tập.

Ban Chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV, cũng như nguyên nhân chậm tốt nghiệp của một số sinh viên thông qua Cán bộ quản lý SV, Cố vấn học tập, Giáo vụ khoa để hỗ trợ SV kịp thời, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyên đổi, học thay thế (với những SV bị chám tiến trình do bảo lưu kết quả học tập) để SV được hoàn thành CTĐT đúng hạn [H11.11.01.08].

Khoa cũng đã tiến hành tổng kết, đánh giá, phân tích các nguyên nhân tỉ lệ tốt nghiệp giảm sút và lí do người học tốt nghiệp muộn. Một trong các nguyên nhân lớn nhất là do có một bộ phận sinh viên tham gia chương trình trao đổi học tập với các trường đại học nước ngoài. Ngoài ra, những nguyên nhân khác bao gồm: sinh viên bảo lưu để thi lại ngành khác, sinh viên kết hôn và sinh con, sinh viên bảo lưu do lý do cá nhân trong quá trình học. Năm 2016-2017 có tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp muộn cao đột biến so với các năm học khác. Một trong những lý do chính là năm học này bắt đầu có chương trình trao đổi sinh viên với các trường đại học nước ngoài. Bên cạnh đó, tỉ lệ sinh viên kết hôn và sinh con trong năm học này cũng cao hơn các năm học khác, dẫn đến sinh viên phải bảo lưu và do đó có kết quả tốt nghiệp muộn. Sau khi thống kê, khoa đã thực hiện đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học hàng năm với khoa Sinh và khoa Tiếng Anh để nâng cao chất lượng đào tạo [H11.11.02.06].

**Bảng 11.5: Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trong 5 năm**

	Giáo dục Đặc biệt	Thời gian tốt nghiệp trung bình (tính theo năm)				
		SP Sinh học	SP Tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	CTXH	SP Tin học
<b>K62 (TN năm 2016)</b>	4,0	4,01	4,01	4,3	4,04	3,9
<b>K63 (TN năm 2017)</b>	4,03	4,02	4,01	4,1	4,28	4,08
<b>K64 (TN năm 2018)</b>	4,04	4,02	4,01	4,2	4,01	4,2
<b>K65 (TN năm 2019)</b>	4,0	4,01	4,08	4,4	4,04	4,3

Kết quả đối sánh cho thấy, trong giai đoạn từ năm 2015 - 2019, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV khoa CTXH khá tương đồng với các khoa Sinh học, Tiếng Anh, SP Mầm non và Giáo dục đặc biệt. Khoa CTXH cũng ghi nhận mức thời gian tốt nghiệp trung bình cao nhất vào năm 2017 và cao hơn các khoa khác ở tất cả các năm học.

Tổng kết, đánh giá các biện pháp hỗ trợ

Tùy vào các nguyên nhân khác nhau mà các giảng viên, cố vấn học tập và liên chi đoàn có các biện pháp hỗ trợ khác nhau như cử sinh viên học lực tốt hơn kèm cặp, hướng



dẫn viết đơn xin trợ cấp, hướng dẫn xin học bổ sung... [H11.11.02.07]. Sau đó, khoa cũng đã tiến hành tổng kết đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ để có thể có những biện pháp hiệu quả nhất thông qua các cuộc họp định kỳ giữa BCN khoa với giáo vụ, quản lý sinh viên, cố vấn học tập.

## 2. Điểm mạnh

- SV có ý thức với tiến độ học tập của bản thân;
- Ban Chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Cán bộ quản lý SV, Cố vấn học tập, Giáo vụ khoa để hỗ trợ SV kịp thời, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học thay thế (với những SV bị chậm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập) để SV được hoàn thành CTĐT đúng hạn

- Phòng Đào tạo luôn nhắc nhở SV kịp thời, cập nhật trên trang tài khoản cá nhân của SV, gửi thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, chưa hoàn thành học phần, chưa hoàn thành chương trình học;

- Khoa cũng liên hệ phối hợp với cha mẹ SV để hỗ trợ SV nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

## 3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số sinh viên chưa hoàn thành chương trình học đúng kỳ hạn.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cố vấn học tập tìm hiểu lý do sinh viên không hoàn thành chương trình học đúng kỳ hạn. Thành lập nhóm bạn hỗ trợ nhau trong lớp để động viên, trợ giúp sinh viên bị chậm chương trình học.		Từ năm học 2020 - 2021	
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nắm bắt tiến độ học tập của SV để hỗ trợ SV kịp thời, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi,	Khoa CTXH	Hằng năm	

		học thay thế để SV được hoàn thành CTĐT đúng hạn.			
--	--	---	--	--	--

### 5. Tự đánh giá: 4/7

**Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

#### 1. Mô tả

Mục tiêu của người học sau khi tốt nghiệp là có việc làm đúng ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp, môi trường làm việc thuận lợi. Hàng năm, Nhà trường và Khoa đã tổ chức hội thảo tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu cơ hội việc làm cho SV [H11.11.03.01].

Nhà trường cũng giao cho Trung tâm đảm bảo chất lượng xây dựng quy trình, kế hoạch và tiến hành điều tra, khảo sát việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên tốt nghiệp các năm [H10.10.06.01; H10.10.06.02], đồng thời nhà trường cũng đã thành lập Hội cựu người học năm 2019 để thu thập ý kiến từ người học góp ý cho chương trình đào tạo, dạy học của Nhà trường, trong đó có Khoa CTXH [H11.11.03.02]. Bên cạnh đó, Khoa CTXH giao nhiệm vụ cho cán bộ chuyên trách quản lý sinh viên kết hợp với Trung tâm ĐBCL thực hiện điều tra khảo sát việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp [H11.11.03.03].

Trong giai đoạn 2015 - 2019, có 83,1% sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm, 16,9% cựu sinh viên chưa có việc làm. Những nghề nghiệp cựu SV đang làm việc đúng chuyên ngành CTXH: GV dạy trẻ đặc biệt, cán bộ ngành LĐ TB&XH, làm việc trong các tổ chức phi chính phủ... còn lại chủ yếu là ngành gần CTXH hoặc trái ngành (chiếm 33,9%) [H10.10.01.07].

Căn cứ vào báo cáo tình trạng việc làm trong 05 năm gần đây, khoa đã có thống kê tỉ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp, môi trường làm việc cụ thể theo từng khóa học như sau [H11.11.03.04; H11.11.03.05]:

**Bảng 11.7: Thống kê tỉ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp**

Năm	Có việc làm	Chưa có việc làm nhưng học nâng cao	Chưa có việc làm	Khu vực việc làm			
				Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Liên doanh
2017	58,67%	10,67%	30,66%	9,08%	79,54%	1,84%	4,54%
2018	93,54%	3,23%	3,23%	13,79%	72,41%	10,35%	3,45%
2019							

Có thể thấy, tỉ lệ có việc làm của sinh viên khoa CTXH khá cao, dao động từ 69,34% - 96,77% và tỉ lệ sinh viên làm trong khu vực tư nhân vẫn chiếm cao nhất qua các năm. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một bộ phận sinh viên chưa có việc làm.

Khoa cũng tiến hành đối sánh tỉ lệ sinh viên có việc làm của khoa với khoa Tiếng Anh và khoa Tiếng Pháp, cụ thể như sau:

**Bảng 11.8: Thống kê tỉ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp của khoa CTXH, khoa Tiếng Anh và khoa Tiếng Pháp**

<b>Năm</b>	<b>Có việc làm</b>	<b>Chưa có việc làm nhưng học nâng cao</b>	<b>Chưa có việc làm</b>
2017			
Khoa CTXH	58,67%	10,67%	30,66%
Khoa Tiếng Anh	95.5%	1.3%	5.8%
Khoa Tiếng Pháp	100%	0%	0%
2018			
Khoa CTXH	94,54%	3,23%	3,23%
Khoa Tiếng Anh	100%	0%	0%
Khoa Tiếng Pháp	85%	0%	15%

Kết quả đối sánh cho thấy, tỉ lệ sinh viên có việc làm của Khoa CTXH trong 2 năm 2017 và 2018 thấp hơn khoa Tiếng Anh, riêng năm 2018 thì tỉ lệ này cao hơn khoa Tiếng Pháp. Tỉ lệ sinh viên khoa CTXH đi học nâng cao trình độ khá cao và luôn cao hơn 2 khoa còn lại.

Một trong những nguyên nhân khiến sinh viên tốt nghiệp chưa tìm được việc là do sinh viên chưa chủ động tham gia những hoạt động thực tế liên quan đến chuyên ngành do các cơ sở đối tác tổ chức; đồng thời trong chương trình học còn một số môn chưa phù hợp với nhu cầu của cơ sở tuyển dụng. [H10.10.01.07].

Bên cạnh những hoạt động nghiên cứu, khảo sát về tỷ lệ việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp. Khoa CTXH còn chủ động liên kết với các cơ sở, nhà tuyển dụng tham gia các buổi tọa đàm giới thiệu về ngành nghề, và liên kết thực hành thực tập để tăng cơ hội có việc làm của sinh viên sau khi ra trường [H11.11.03.06]

Khoa cũng có những công trình nghiên cứu tìm hiểu các giải pháp giúp sinh viên tìm được việc làm nhanh chóng [H10.10.01.08]:

**Bảng 11.1. Giải pháp giúp sinh viên CTXH tìm được việc làm**

<b>Giải pháp giúp sinh viên CTXH tìm được việc làm</b>	
1. Các tổ chức tuyển dụng tham gia xây dựng chương trình đào tạo	35.2 %
2. Các tổ chức tuyển dụng tham gia đào tạo cùng nhà trường	42.3%
3. Các tổ chức tuyển dụng nhận sinh viên thực hành/thực tập	60.6%
4. Các tổ chức tuyển dụng cam kết về việc tuyển dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp	39.4%
5. Trường đại học cập nhật thông tin về nhu cầu sử dụng lao động của xã hội	60.6%
6. Trường đại học phối hợp với tổ chức tuyển dụng tổ chức semina cho sinh viên	33.8%
7. Tăng thêm thời lượng thực hành, thực tập tại cơ sở	53.5%
8. Tăng thêm thời lượng thực hành trên lớp	42.3%
9. Bổ sung các khóa đào tạo kỹ năng mềm	67.6%
10. Rèn luyện các phẩm chất cá nhân	47.9%
11. Nhà trường tạo điều kiện để sinh viên tham gia làm thêm tại các tổ chức tuyển dụng	57.7%
12. Tích cực tham gia các hoạt động Đoàn, Hội, CLB, hoạt động xã hội, tình nguyện trong và ngoài trường	52.1%
13. Rèn luyện khả năng ngoại ngữ	76.1%
14. Mục khác	4.2%

## **2. Điểm mạnh**

Đa số SV tốt nghiệp ngành CTXH Trường ĐHSPHN đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT ngành. Khoa CTXH đã quan tâm và tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp để có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp.

## **3. Điểm tồn tại**

Tỷ lệ SV ngành CTXH làm trái ngành trái nghề sau khi tốt nghiệp là khá cao. Một số SV còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thu thập ý kiến của nhà tuyển dụng về những yêu cầu, mong muốn đối với SV ra trường để từ đó có những cải tiến chương trình đào tạo và CTDH.	Ban chủ nhiệm	Bắt đầu từ năm 2020	
2		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khuyến khích sinh viên mạnh dạn, chủ động tham gia vào các hoạt động thực tế do các cơ sở tuyển dụng tổ chức để có thêm kinh nghiệm.</li> <li>- Tổ chức tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho sinh viên năm thứ nhất.</li> </ul>	Văn phòng, BCN Khoa	Bắt đầu từ năm 2020	
3	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì việc tổ chức các buổi tọa đàm giới thiệu việc làm cho sinh viên.</li> <li>- Thống kê tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành định kỳ hàng năm.</li> <li>- Liên kết thực hành môn học cho sinh viên với các cơ sở tuyển dụng có uy tín</li> </ul>	Giảng viên	Bắt đầu từ năm 2020	

#### 5. Tự đánh giá: 5/7

***Tiêu chí 11.4: Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.***

### **1. Mô tả**

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập

Hàng năm, phòng Khoa học Công nghệ trường Đại học Sư phạm Hà Nội đều có các công văn hướng dẫn về kế hoạch tổ chức hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp khoa cũng như tuyển chọn các công trình nghiên cứu khoa học tham gia hội nghị nghiên cứu khoa học cấp trường. [H11.11.04.01]. Dựa vào đó, khoa CTXH xây dựng các chiến lược, kế hoạch tổ chức nghiên cứu khoa học cho sinh viên trong khoa cũng như định hướng các nghiên cứu khoa học cho phù hợp với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Nhà Trường và Khoa CTXH luôn xác định hoạt động nghiên cứu khoa học của người học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của người học. Định kỳ hàng năm, Khoa phân công cho Liên chi đoàn tổ chức Tọa đàm hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học cho sinh viên năm thứ nhất, giúp sinh viên hiểu rõ thêm về lợi ích của công tác NCKH và những nhiệm vụ sinh viên cần thực hiện để tham gia NCKH. [H11.11.04.01]

Liên chi đoàn Khoa cũng thành lập Câu lạc bộ Nghiên cứu khoa học - là nơi sinh viên có thể chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm, tài liệu, đặt câu hỏi... trong quá trình nghiên cứu. [H11.11.04.02]. Sinh viên được đăng kí đề tài mong muốn nghiên cứu, thể loại nghiên cứu, số lượng các thành viên trong nhóm nghiên cứu cũng như giáo viên hướng dẫn.

Hàng năm, Phòng Khoa học công nghệ và Khoa đều xây dựng kế hoạch NCKH cho sinh viên, hướng dẫn quy trình thực hiện NCKH [H11.11.04.03]. Sau khi SV đăng ký các hướng đề tài NCKH, Hội đồng Khoa học Khoa đã phân công những giảng viên có kinh nghiệm và chuyên môn sâu hướng dẫn SV hoặc nhóm SV triển khai các đề tài NCKH [H11.11.04.04], [H.11.11.04.05]. Bên cạnh việc phân công GV hướng dẫn SV NCKH, nhà trường và Khoa CTXH cũng luôn luôn đầu tư và dành kinh phí cho hoạt động NCKH của SV để nhằm khuyến khích SV tham gia nghiên cứu và có chất lượng [H11.11.04.06]. Hàng năm, Khoa tổ chức “Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học” để chọn ra những báo cáo xuất sắc tham dự Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên cấp Trường và cấp Bộ. Một số đề tài được chọn này đã đạt được thành tích cao về việc tổ chức hội nghị tổng kết sinh viên NCKH của các năm [H11.11.04.08] [H11.11.04.09], [H11.11.01.10].

Những sản phẩm NCKH của sinh viên không chỉ nâng cao năng lực nghiên cứu cho sinh viên mà còn có tính ứng dụng cao, gắn với thực hành, giúp các em có kỹ năng và thái độ trong thực hành nghề sau này [H11.11.04.11].

Để theo dõi, giám sát các loại hình NCKH của người học, hội đồng khoa học khoa tiến hành họp thường kì để theo dõi sát sao quá trình nghiên cứu khoa học của sinh viên và tiến hành đánh giá kết quả nghiên cứu của sinh viên khi tiến hành tổ chức các hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học [H11.11.04.07]. Các báo cáo tổng kết nghiên cứu khoa học hàng năm cũng được thiết lập để có thể đánh giá hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên trong vòng 05 năm trở lại đây được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 11.7: Kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên trong 05 năm trở lại đây**

Năm	Số lượng sinh viên tham gia NCKH	Số lượng đề tài cấp khoa	Số lượng đề tài đạt giải cấp khoa	Số lượng đề tài báo cáo cấp trường	Số lượng đề tài đạt giải cấp trường/ báo cáo cấp bộ
2015	66	32	5	2	0
2016	60	23	5	2	2
2017	45	28	5	2	2
2018	38	18	5	2	2
2019	11	7	5	2	0

Các báo cáo tổng kết nghiên cứu khoa học hàng năm cho thấy số lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên khá nhiều với các đề tài nghiên cứu đa dạng liên quan đến các đối tượng khác nhau như trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, học sinh, người cao tuổi, cộng đồng yếu thế... Các đề tài nghiên cứu khá tương thích với mục tiêu, tầm nhìn, và chuẩn đầu ra của ngành Công tác xã hội [H11.11.04.04]. Đồng thời, trong những năm qua, nhiều sinh viên của khoa đã được tham gia báo cáo nghiên cứu khoa học tại các hội nghị nghiên cứu khoa học cấp trường và đạt giải nghiên cứu khoa học cấp trường. [H11.11.04.09].

Khoa cũng tiến hành đối sánh loại hình và số lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của người học với một số CTĐT trong trường để qua đó có những đánh giá khách quan về công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên. Cụ thể, kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên của Khoa được so sánh với Khoa Sinh học trong trường như sau:

**Bảng 11.8. Đối sánh tỉ lệ (%) sinh viên ngành CTXH và ngành Sư phạm Sinh học tham gia NCKH và nhận giải thưởng NCKH các cấp giai đoạn 2015 – 2019**

Khóa học	2019- 2020		2018-2019		2017-2018		2016-2017		2015-2016	
	CTXH	Sinh học	CTXH	Sinh học	CTXH	Sinh học	CTXH	Sinh học	CTXH	Sinh học
Tổng sinh viên theo học toàn khóa	208	48	224	60	209	64	209	63	340	54
Tỉ lệ % SV tham gia NCKH cấp Khoa	5,29	16,67	16,96	23,33	21,63	17,19	28,7	15,89	19,41	27,78
Tỉ lệ % SV tham gia NCKH cấp Trường	2,88	2,08	2,23	0	2,39	3,13	2,39	1,59	1,76	3,70
Tỉ lệ % SV được giải thưởng cấp trường	0	2,08	0,44	0	0,47	1,56	0	0	0	1,85
Tỉ lệ SV được giải thưởng cấp Bộ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Nhìn vào bảng đối sánh cho thấy, tỷ lệ sinh viên NCKH cấp khoa qua các năm của Khoa Sinh học có sự dao động nhẹ, từ 15,89% đến 27,78%, trong khi đó, tỉ lệ sinh viên NCKH của Khoa CTXH từ năm 2015 – 2018 cũng không biến đổi nhiều, tuy nhiên đến năm học 2019 - 2020 có sự giảm mạnh đột ngột, từ 16,96% xuống còn 5,29%.

Đáng chú ý, năm học 2018 – 2019, Khoa CTXH có 2,23% sinh viên tham gia NCKH cấp trường trong khi Khoa Sinh học không có sinh viên nào. Khoa CTXH có 3 năm không có sinh viên đạt giải NCKH cấp trường đó là năm học 2015-2016, 2016-2017 và 2019-2020 còn Khoa Sinh học chỉ có 2 năm không có sinh viên đạt giải cấp trường (2016-2017 và 2018-2019).

Về giải pháp khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học, Khoa đã có các biện pháp hỗ trợ, tư vấn, giải đáp thắc mắc, kiểm tra tiến độ từ giáo viên hướng dẫn, trợ lí nghiên cứu khoa học và văn phòng khoa để sinh viên có thể tham gia nghiên cứu khoa học một cách tích cực nhất. Thêm vào đó, ngoài hệ thống trung tâm thông tin thư viện của trường, Khoa cũng có phòng thư viện với các tài liệu tham khảo, sách chuyên phù hợp chuyên ngành nhằm cung cấp cho sinh viên các tài liệu tham khảo và môi trường nghiên cứu phù hợp. [H11.11.04.05]. Đồng thời, các hoạt động nghiên cứu khoa học cũng được hỗ trợ từ nguồn



kinh phí thường xuyên từ phía nhà trường để giúp cho sinh viên và các giáo viên có kinh phí thực hiện trong quá trình nghiên cứu khoa học [H11.11.04.06].

Những sản phẩm NCKH của sinh viên không chỉ nâng cao năng lực nghiên cứu cho sinh viên mà còn có tính ứng dụng cao, gắn với thực hành, giúp các em có kỹ năng và thái độ trong thực hành nghề sau này [H11.11.04.11].

## 2. Điểm mạnh:

Khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ như: tổ chức buổi tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, giúp SV định hình hướng nghiên cứu, phân công giáo viên hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH đạt chất lượng. Các loại hình hoạt động nghiên cứu của SV rất đa dạng, phong phú.

## 3. Điểm tồn tại:

Thời gian SV dành cho nghiên cứu thực nghiệm còn ít. Số lượng NCKH của sinh viên giảm qua các năm.

## 4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh việc NCKH trong sinh viên bằng cách tuyên truyền, phổ biến về công tác NCKH của SV. Lấy thành tích NCKH của sinh viên vào việc đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của SV để tăng số lượng SV tham gia NCKH	Trợ lý khoa học, CLB NCKH của Khoa. Cố vấn học tập	Bắt đầu từ năm 2020	
2		Cử GV hướng dẫn cá nhân và các nhóm SV tham gia NCKH từ chọn đề tài, cách thức triển khai để đảm bảo chất lượng các đề tài NCKH của sinh viên	Hội đồng Khoa học	Bắt đầu từ năm 2020	

3		<p>Ngay từ năm thứ nhất, trong các buổi tọa đàm nghiên cứu khoa học của sinh viên, cần khuyến khích sinh viên có những ý tưởng khoa học mới, sáng tạo và Khoa cần có cơ chế tạo điều kiện để sinh viên biến những ý tưởng đó thành công trình thực tế có sự hướng dẫn của các giảng viên có kinh nghiệm NCKH.</p>	Trợ lý Khoa học		
5	Phát huy điểm mạnh	<p>Tiếp tục khuyến khích SV tham gia NCKH, hướng dẫn, hỗ trợ SV tham gia NCKH, gắn đề tài của SV với những đề tài của GV trong khoa.</p> <p>Tiếp tục tổ chức các buổi tọa đàm NCKH cho sinh viên, không chỉ cho sinh viên năm thứ nhất mà nên tổ chức cho sinh viên cả khóa định kỳ hàng năm.</p> <p>CLB Sinh viên NCKH trong Khoa hoạt động chủ động, sinh hoạt thường xuyên.</p>	Khoa CTXH	Hàng năm	

### 5. Tự đánh giá: 4/7

**Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

#### 1. Mô tả:

Nhà trường có TT ĐBCL là bộ phận chuyên trách thực hiện khảo sát, tiếp nhận thông tin phản hồi từ các bên liên qua. Trung tâm đã xây dựng kế hoạch, quy trình, hướng dẫn, công cụ và tiêu chí đo lường cụ thể với các đối tượng khảo sát. [H11.11.05.01].

Hàng năm, Trung tâm Đảm bảo chất lượng kết hợp với các khoa trong trường tiến hành lấy ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy của giảng viên; Lấy ý kiến của sinh viên năm cuối về chất lượng khoá/ngành đào tạo; Thực hiện khảo sát việc làm của sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp [H11.11.05.02]. Bên cạnh đó, TT tiến hành lấy ý kiến của cựu sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng về mức độ hài lòng đối với CTĐT; Lấy ý kiến của SV về cán bộ hành chính của khoa [H11.11.05.03]. Báo cáo kết quả khảo sát của Trung tâm đảm bảo chất lượng về ý kiến đánh giá của người học đối với GV cho thấy, sinh viên có mức độ hài lòng cao những nội dung, phương pháp giảng dạy của GV và các hình thức kiểm tra, đánh giá của GV trong các học phần. Báo cáo kết quả khảo sát của TTĐBCL lấy ý kiến sinh viên năm cuối về mức độ hài lòng đối với CTĐT cho thấy: tỷ lệ sinh viên đánh giá về mức độ hài lòng với CTĐT [H11.11.05.02]; [H11.11.05.03].

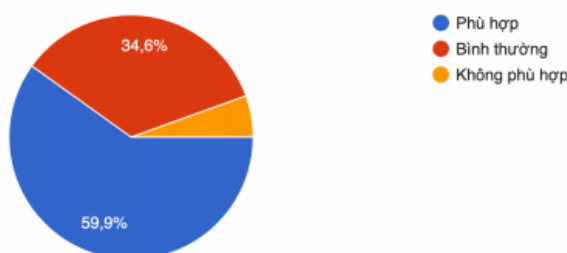
Đồng thời, kết quả khảo sát cựu sinh viên và sinh viên Khoa CTXH tiến hành cũng cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên với chương trình đào tạo là khá cao, như 76,37% ý kiến đồng ý và rất đồng ý với “Nội dung CTĐT phù hợp CTĐT góp phần đạt được mục tiêu CTĐT”, 74,17% đồng ý và rất đồng ý với “Nội dung CTĐT luôn được cập nhật, đổi mới” hoặc 74,72% ý kiến đồng ý, rất đồng ý với “Các học phần trong CTĐT tích hợp được các kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra” . Tương tự, đánh giá về giảng viên và chương trình dạy học cũng cho thấy sự hài lòng, đồng ý của sinh viên với giảng viên, phương pháp giảng dạy và chương trình môn học [H10.10.01.08].

Sinh viên và cựu sinh viên cũng đã đánh giá về hệ thống giám sát và môi trường hoạt động học tập của sinh viên, cụ thể:

#### 4. Đánh giá về hệ thống giám sát

B3. Theo em hệ thống giám sát (kiểm tra, đánh giá, theo dõi chuyên cần...) đã phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên chưa?

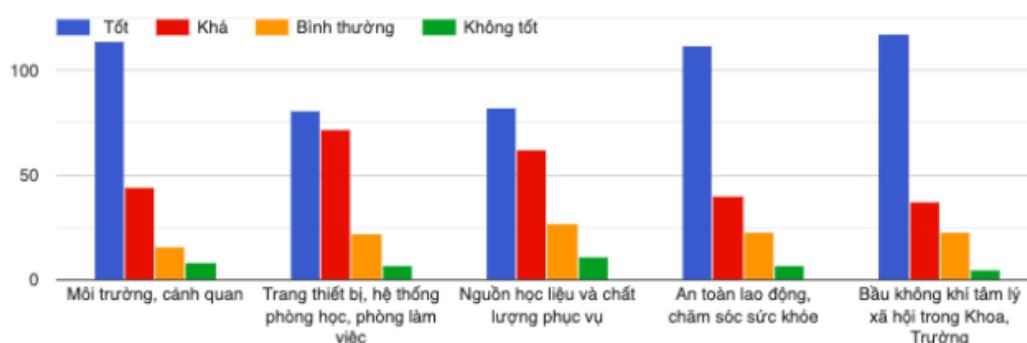
182 câu trả lời



Chỉ có 5,5% (10/182) cho rằng việc kiểm tra, đánh giá, theo dõi chuyên cần đối với sinh viên chưa phù hợp

#### Biểu đồ 1. Đánh giá của sinh viên về hệ thống giám sát

## 5. Đánh giá về môi trường, hoạt động hỗ trợ học tập



- Môi trường, cảnh quan: phần lớn sinh viên đánh giá tốt với 114/182 ý kiến; 44/182, 16/182, 8/182 là lần lượt tần số các ý kiến đánh giá theo mức độ khá, bình thường và không tốt.
- Trang thiết bị, hệ thống phòng học: 81 tốt; 72 khá, 22 bình thường/trung bình, 7 không tốt

### Biểu đồ 2. Đánh giá của sinh viên về môi trường học tập và hoạt động hỗ trợ học tập

Kết quả khảo sát cũng cho biết, những giải pháp nâng cao sự phù hợp của CTĐT với nhu cầu của thị trường lao động và các giải pháp có việc làm của sinh viên [H10.10.01.08]. Bên cạnh ý kiến của cựu sinh viên và sinh viên, Khoa CTXH cũng tiến hành phỏng vấn lấy ý kiến của các chuyên gia, cơ quan tuyển dụng, cơ quan thực hành thực tập của sinh để làm cơ sở cải tiến chất lượng [H10.10.01.09]

#### 2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của của các bên liên quan, đặc biệt là ý kiến của SV đối với GV và thiết lập được thông tin 2 chiều giữa lãnh đạo Nhà trường với các GV. Khoa đã tiến hành điều tra tình hình SV sau tốt nghiệp để có được thông tin phản hồi về CTĐT cũng như tình trạng việc làm, và mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với họ.

#### 3. Điểm tồn tại

Vẫn còn tồn tại một số ý kiến của các bên liên quan cho rằng cần tăng thời lượng chương trình đào tạo cho các môn thực hành và thay đổi một số môn học đã cũ bằng những môn học mới để bắt kịp xu thế của thời đại và phù hợp nhu cầu xã hội.

#### 4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện việc định kỳ lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, cựu SV về CTĐT, CTDH để thay đổi cải tiến CTĐT theo nhu cầu của xã hội.	Khoa CTXH	Định kỳ 2 năm/ lần, từ năm học 2020 – 2021	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lấy ý kiến về mức độ hài lòng của SV, SV năm cuối để có những điều chỉnh kịp thời và hiệu quả CTĐT, CTDH. Khảo sát việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên...	Khoa CTXH	Hằng năm	

**5. Tự đánh giá: 4/7**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 11**

Tỷ lệ người học ngành CTXH bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn khá cao. Bên cạnh đó, SV có ý thức với tiến độ học tập của bản thân; Ban Chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Cán bộ quản lý SV, Cố vấn học tập, Giáo vụ khoa để hỗ trợ SV kịp thời, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học thay thế (với những SV bị chậm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập) để SV được hoàn thành CTĐT đúng hạn. Phòng Đào tạo luôn nhắc nhở SV kịp thời, cập nhật trên trang tài khoản cá nhân của SV, gửi thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, chưa hoàn thành học phần, chưa hoàn thành chương trình học, Khoa cũng liên hệ phối hợp với cha mẹ SV để hỗ trợ SV nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

Đa số SV tốt nghiệp ngành CTXH Trường ĐHSPHN đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT ngành. Khoa CTXH đã quan tâm và tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp để có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp.

Ngoài ra, Khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ như: tổ chức buổi tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, giúp SV định hình hướng nghiên cứu, phân công giáo viên hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH đạt chất lượng. Các loại hình hoạt động nghiên cứu của SV rất đa dạng, phong phú.

Nhà trường và Khoa thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là ý kiến của SV đối với GV và thiết lập được thông tin 2 chiều giữa lãnh đạo Nhà trường với các GV. Khoa đã tiến hành điều tra tình hình SV sau tốt nghiệp để có được

thông tin phản hồi về CTĐT cũng như tình trạng việc làm, và mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với họ.

Tuy nhiên, Tỷ lệ sinh viên thôi học và bảo lưu có xu hướng tăng lên trong những năm gần đây. Đồng thời, vẫn còn một số sinh viên chưa hoàn thành chương trình học đúng kỳ hạn. Tỷ lệ SV ngành CTXH làm trái ngành trái nghề sau khi tốt nghiệp là khá cao. Một số SV còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng. Số lượng NCKH của sinh viên còn ít và giảm qua các năm và chưa có sinh viên đạt giải thưởng NCKH cấp Bộ. Việc lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên về CTĐT của khoa cũng chưa được thực hiện thường xuyên.

**Tự đánh giá tiêu chuẩn 11: 4,6/7**

Tiêu chí	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
<b>Tiêu chí 11.1</b>					5		
<b>Tiêu chí 11.2</b>					5		
<b>Tiêu chí 11.3</b>					5		
<b>Tiêu chí 11.4</b>				4			
<b>Tiêu chí 11.5</b>				4			
<b>Điểm tiêu chuẩn</b>	<b>4.6</b>						

### **PHẦN III. KẾT LUẬN**

#### **1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của chương trình đào tạo Cử nhân Công tác xã hội của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội**

1) Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành CTXH được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường ĐH SPHN, đã đáp ứng với mục tiêu giáo dục đại học trong Luật Giáo dục. Mục tiêu được cụ thể hóa trên các khía cạnh kiến thức, thái độ và kỹ năng của sinh viên, hướng tới việc phát triển toàn diện sinh viên. CDR CTĐT trình độ cử nhân CTXH đã được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CDR đã nêu cụ thể được kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với sinh viên tốt nghiệp. CDR của CTĐT có thể đo lường và đánh giá được. CDR của CTĐT cử nhân CTXH đã phản ánh được yêu cầu các bên liên quan trong quá trình đào tạo và đáp ứng của thị trường lao động. CDR được công bố công khai trên các kênh thông tin, giúp sinh viên và các bên liên quan có thể tiếp cận và tìm hiểu về ngành đào tạo.

2) Bản mô tả CTĐT ngành Công tác xã hội cung cấp các thông tin một cách đầy đủ và tường minh. Từ năm 2015 đến 2019, bản mô tả CTĐT ngành CTXH đã được điều chỉnh 02 lần. Từ năm 2019, bản mô tả CTĐT đã được điều chỉnh, cập nhật theo các quy định về đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành CTXH. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh tính ứng dụng, thực hành của các kiến thức được đào tạo, đặc biệt nhấn mạnh đến thế mạnh đào tạo CTXH trường học. Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Trường ĐHSP Hà Nội; cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần của CTĐT. Đề cương của các học phần cung cấp thông tin đầy đủ và tường minh, được chuẩn hóa theo quy định của Đại học Sư phạm Hà Nội. Các đề cương học phần đã được điều chỉnh, cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về đào tạo CTXH. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa. Đề cương chi tiết được thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu, phương pháp kiểm tra, đánh giá. Bản mô tả và đề cương học phần trong CTĐT cử nhân ngành Công tác xã hội được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho tất cả các bên liên quan có thể dễ dàng tiếp cận.

3) CTDH theo CDR mới năm 2019 được thiết kế có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống, nhằm đào tạo và trang bị cho người học hình thành được đầy đủ

năng lực cần đạt của ngành CTXH. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học của các học phần trong chương trình phù hợp và góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CDR. CTDH được rà soát, cải tiến định kỳ. Các học phần trong chương trình đào tạo (học phần bắt buộc và tự chọn) được phân bố hợp lý, khoa học và gắn kết hỗ trợ lẫn nhau và đáp ứng CDR của CTĐT phân nhiệm cho các học phần. Các học phần thuộc khối vấn chung (8 học phần: 25 tín chỉ), học vấn chung của nhóm ngành (5 học phần: 10 tín chỉ), khối học vấn chung của ngành (35 học phần (bao gồm học phần tự chọn): 66 tín chỉ), khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực nghề được sắp xếp để thực hiện theo hệ thống từ cơ bản đến nâng cao, từ nền tảng đến chuyên sâu. CTĐT đã ghi rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Mỗi liên hệ giữa CDR của các học phần với CDR của CTĐT được thể hiện rõ ràng; nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của từng học phần bám sát với CDR của học phần và CDR của CTĐT phân nhiệm cho học phần. CTDH của các học phần trong CTĐT ngành Công tác xã hội có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Đồng thời, CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật hai năm một lần. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn năng lực, phẩm chất của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các qui định trong CDR của CTĐT ngành Công tác xã hội.

4) Trường ĐHSPHN đã có triết lý giáo dục và được tuyên bố rõ ràng trên trang thông tin điện tử. Mục tiêu giáo dục được cụ thể hoá trong mục tiêu của CTĐT và phổ biến tới cán bộ giảng viên, sinh viên thông qua nhiều kênh thông tin để dễ dàng tiếp cận. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. GV và SV tham gia đều đặn các hoạt động NCKH. CTĐT có nhiều hoạt động thực tập, thực hành cũng như các hoạt động thực tế, thực tập và các hoạt động cộng đồng. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm đạt CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV. Các hoạt động dạy và học trong CTĐT cử nhân CTXH được thiết kế đảm bảo thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Tất cả các đề cương chi tiết các học phần đều mô tả rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho sinh viên. Đề cương chi tiết



học phần đều mô tả được yêu cầu của hoạt động tự nghiên cứu/ tự học, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV.

5) Nhà trường và Khoa đã có các quy định rõ ràng, minh bạch trong quy trình kiểm tra đánh giá NH. Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH không ngừng được đổi mới và cải tiến theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra từng học phần và CTĐT. Các quy định về kiểm tra đánh giá được công bố công khai, minh bạch đến người học thông qua nhiều hình thức khác nhau. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành CTXH được thể hiện rõ ràng và được thông báo công khai tới NH. NH dễ dàng nắm bắt cơ chế phản hồi từ đó khi cần có thể dễ dàng phản hồi về kết quả kiểm tra đánh giá. Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT. Việc xây dựng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học ở từng học phần mang tính khoa học, được kiểm chứng rõ ràng nhằm hướng tới tính khách quan, công bằng. Kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy trình, quy định, công tác quản lý kết quả học tập của người học được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Trường, Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, thông báo kết quả thi và quản lý kết quả học tập, quy định kiểm tra, điều chỉnh kết quả thi học phần của SV và được thông báo công khai đến từng sinh viên và giảng viên. Người học được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ trợ lý đào tạo, cán bộ văn phòng. SV được thông báo và nắm rõ quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

6) Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng, sắp xếp, bố trí, bổ nhiệm dựa trên chiến lược phát triển đội ngũ nhằm đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, xã hội; Có quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai và minh bạch về tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên, giáo viên thực hành để làm căn cứ cho Khoa thực hiện. Tỷ lệ giảng viên/người học của CTĐT đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành. Nhà trường có tài liệu/hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên theo chuẩn. Khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường được. Nhà trường có các tài liệu/văn bản quy định về

các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển công tác. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến công khai. Nhà trường có các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của giảng viên và các văn bản hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của giảng viên. Nhà trường đảm bảo 100% GV được đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn. Các cá nhân trong khoa có kế hoạch tự xác định nhu cầu và phát triển chuyên môn của bản thân. Việc quản trị kết quả công việc của đội ngũ giảng viên được số hóa bằng hệ thống khai báo trên trang <https://qlnt.hnue.edu.vn/Account/Login> nên khá thuận tiện và chính xác. Chế độ thi đua khen thưởng minh bạch, rõ ràng, công bằng. Đội ngũ giảng viên, GVTH tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp bộ, cấp ngành. Bên cạnh đó, các giảng viên, GVTH còn xuất bản sách chuyên khảo và sách phục vụ đào tạo. Các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí quốc tế cũng ngày một nhiều hơn trong hồ sơ nghiên cứu khoa học của giảng viên.

7) Việc qui hoạch đội ngũ NV của Nhà trường hợp lý, phù hợp và đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và tình hình thực tế của trường. Nhà trường đã có văn bản qui định đầy đủ các tiêu chí về tuyển dụng, lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển. Công tác tuyển dụng đều có quy trình rõ ràng, công khai, minh bạch và phù hợp. Việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo quy trình dựa trên các tiêu chí cụ thể, rõ ràng, công khai, đảm bảo sự công bằng, theo đúng quy định. Khoa CTXH có đội ngũ nhân viên có năng lực đáp ứng đa dạng các nhu cầu hỗ trợ đào tạo và NCKH và quản lý. Nhà trường và Khoa thực hiện việc xác định/đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên và có kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Đội ngũ nhân viên được tạo điều kiện khuyến khích đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ cũng như phục vụ hiệu quả cho công tác hỗ trợ đào tạo và NCKH ở Khoa và ở Trường. Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên Nhà trường được quy định rõ ràng và được triển khai một cách dân chủ, hiệu quả, góp phần thúc đẩy, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên của Khoa, của Trường thực hiện tốt vai trò phục vụ, hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH. Đội ngũ nhân viên của Khoa luôn tích cực, nhiệt tình, hoàn thành tốt các công việc được giao.

8) Công tác tuyển sinh của Nhà trường, khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chính sách tuyển sinh của khoa mang tính lượng hóa (quy định về số

điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp cho khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển tốt và đánh giá được năng lực người học từ cao xuống thấp. Ngoài ra, chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật hàng năm từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Trường, Khoa rõ ràng, theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và được đánh giá, rà soát thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào ngành CTXH. Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp Giảng viên, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, được thực hiện nhiều lần, giúp Giảng viên, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học. BCN khoa, Ban chấp hành Liên chi đoàn, Liên chi hội SV, giảng viên tổ chức nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ hoạt động học tập, giúp SV nâng cao thành tích học tập và tìm kiếm cơ hội việc làm khi ra trường; các hình thức hoạt động ngoại khóa đa dạng và được tổ chức thường xuyên, thiết thực như sinh viên tham gia rất nhiều CLB, tham gia tích cực trong hoạt động nghiên cứu khoa học, tham gia hỗ trợ sinh viên quốc tế, tham gia tình nguyện. Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

9) Khuôn viên trường rộng rãi, thoáng mát, đầy đủ các phòng làm việc, phòng chức năng, phòng học với những trang thiết bị phù hợp, hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của sinh viên, giảng viên và các cán bộ. Cơ sở vật chất của Khoa cũng được cung cấp và thiết kế phù hợp với môi trường làm việc của giảng viên trong khoa, được thường xuyên bổ sung, cập nhật và thay mới. Trung tâm TT-TV của Trường có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên. Giảng viên và người học có thể tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải về cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước. Nhà trường có phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường đồng bộ, hiện đại. Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của Nhà trường được tin học hóa sử dụng hệ thống thông tin điện tử và các phần mềm chuyên dụng. Sinh viên và cán bộ giảng viên có thể dễ dàng tiếp cận mạng internet, dữ liệu trực tuyến, làm thủ tục và đăng ký tín chỉ

qua mạng. Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ và sinh viên; có phòng y tế độc lập phục vụ tốt nhu cầu y tế của cán bộ và sinh viên.

10) Có hệ thống thu thập thông tin từ Trường đến Khoa về những phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, người sử dụng lao động, giảng viên, nhà quản lý). Những ý kiến đã được sử dụng để làm cơ sở thiết kế và phát triển chương trình. Việc thiết kế và phát triển CTDH đã được thiết lập, được đánh giá và cải tiến. Năm 2019, Khoa đã chủ động thực hiện thiết kế quy trình từ việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về CTDH, các ý kiến hoạt động đánh giá có sự tham gia đồng đẳng của các chuyên gia, cán bộ quản lý các cấp, giảng viên, SV đang học, cựu SV và nhà tuyển dụng. CTĐT được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. GV đã thực hiện nghiêm túc đề cương môn học, luôn bám sát mục tiêu của môn học và mục tiêu CTĐT hướng tới đạt CDR. Kết quả học tập của SV được đánh giá nghiêm túc, hình thức đánh giá đa dạng thông qua điểm giữa kỳ, điểm chuyên cần và bài thi cuối khoá, thực hành, khóa luận tốt nghiệp và thực tập tốt nghiệp hướng tới đạt CDR. GV, SV tích cực tham gia NCKH, các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng, kết quả NCKH được áp dụng vào hoạt động dạy và học. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước. Đảm bảo chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác), định kỳ có đánh giá và có cải tiến.

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp của các bên liên quan cho các hoạt động của Nhà trường đặc biệt là về CTĐT, CTDH, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV.

11) Tỷ lệ người học ngành CTXH bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn khá cao. - SV có ý thức với tiến độ học tập của bản thân. Ban Chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Cán bộ quản lý SV, Cố vấn học tập, Giáo vụ khoa để hỗ trợ SV kịp thời, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học thay thế (với những SV bị chậm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập) để SV được hoàn thành CTĐT đúng hạn. Phòng Đào tạo luôn nhắc nhở SV kịp thời, cập nhật trên trang tài khoản cá nhân của SV, gửi thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, chưa

hoàn thành học phần, chưa hoàn thành chương trình học. Khoa cũng liên hệ phối hợp với cha mẹ SV để hỗ trợ SV nắm thông tin và hoàn thành chương trình học. Đa số SV tốt nghiệp ngành CTXH trường ĐHSP Hà Nội đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT ngành. Khoa CTXH đã quan tâm và tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp để có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp. Khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ như: tổ chức buổi tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, giúp SV định hình hướng nghiên cứu, phân công giáo viên hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH đạt chất lượng. Các loại hình hoạt động nghiên cứu của SV rất đa dạng, phong phú. Nhà trường và Khoa thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là ý kiến của SV đối với GV và thiết lập được thông tin 2 chiều giữa lãnh đạo Nhà trường với các GV. Khoa đã tiến hành điều tra tình hình SV sau tốt nghiệp để có được thông tin phản hồi về CTĐT cũng như tình trạng việc làm, và mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với họ.

## **2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo Cử nhân Công tác xã hội của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội**

1) Mục tiêu giáo dục chưa cụ thể để sát với tầm nhìn của nhà trường. Số lượng CDR là 20 chuẩn là khá dài, chưa được thể hiện một cách ngắn gọn và xúc tích. Việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng về CDR chưa thường xuyên.

2) Hình thức trình bày bản mô tả CTĐT chưa thu hút người đọc. Khoa chưa có phiên bản tiếng Anh của Bản mô tả CTĐT để phục vụ cho hoạt động giao lưu, trao đổi, hợp tác quốc tế. Số lượng các đề cương chi tiết được tham khảo từ các chương trình đào tạo trong và ngoài nước còn hạn chế. Khung chương trình đào tạo CTXH đăng tải trên website của Trường thuộc khối ngoài sư phạm nhưng lại đang xếp trong khối ngành sư phạm nên gây khó khăn trong việc tìm kiếm thông tin về ngành CTXH và các đối tượng liên quan có thể hiểu lầm về CTĐT của ngành CTXH là đào tạo ra người giảng dạy về CTXH.

Do website Khoa CTXH đã bị sập 03 lần từ khi thiết lập năm 2012 đến 2019 nên không còn thống kê được số lượng lượt truy cập vào các bài viết về đề cương chi tiết, bản mô tả CTĐT trên website của Khoa từ 2015 đến 2019.

3) Một số nội dung tham khảo từ các chương trình, các bên liên quan còn đang trong quá trình điều chỉnh nghiên cứu để tích hợp phù hợp với bối cảnh đào tạo. Việc lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của nhà tuyển dụng và sinh viên về sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt CDR cần được thực hiện thường xuyên 2 năm một lần với số lượng tham

khảo ý kiến lớn hơn. Số lượng CTDH được tham khảo từ các trường đại học tiên tiến ở trong nước và quốc tế còn hạn chế.

4) Chưa đa dạng hóa cách thức phổ biến triết lý giáo dục tới các bên liên quan. Chưa đa dạng hóa các hình thức hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp học tập. Các hoạt động dạy và học đã hướng đến rèn luyện các kỹ năng cho sinh viên nhưng mức độ sinh viên đạt được còn chưa đồng đều do sinh viên vẫn còn hạn chế ở kỹ năng ngoại ngữ.

5) Hình thức đánh giá điểm giữa kỳ của các học phần chưa đa dạng. Các hình thức công bố công khai các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học chưa đa dạng. Có một số học phần trường CTĐT của Khoa chưa có sự phân định rõ ràng đạt/ không đạt nhằm đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị ở từng học phần trong phần kiểm tra đánh giá. Khoa chưa sử dụng phần mềm để dễ dàng khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên liên quan đến cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập của người học. Điểm hạn chế là hình thức tiếp cận quy trình khiếu nại về kết quả học tập cho SV chưa đa dạng.

6) Tỷ lệ giảng viên của khoa CTXH có trình độ Tiến sĩ thấp, 02 trường BM trên 35 tuổi của Khoa chưa nhận bằng TS, đội ngũ có độ tuổi từ 50 trở lên năm 2020 chỉ có 01 người. Việc quy đổi tính giờ giảng dạy, giờ nghiên cứu và các công việc khác phục vụ cộng đồng ở trong và ngoài trường vẫn còn một số chỗ chưa hợp lý cần tiếp tục được cải tiến để phát huy được hết năng lực cá nhân của từng GV, GVTH trong đơn vị. Hiệu quả truyền thông thu hút, tuyển sinh để có nhiều sinh viên lựa chọn chương trình đào tạo cử nhân công tác xã hội chưa cao. Trang Web của khoa chưa được nâng cấp, gặp trục trặc nên các thông tin chưa được cập nhật thường xuyên. Việc lấy ý kiến đánh giá các bên liên quan chưa được đa dạng, phong phú. Hoạt động phục vụ cộng đồng chưa được thống kê trên phần mềm quản lý nhà trường qlnt.hnue.edu.vn. Việc quản trị tăng cường sự phối hợp nghiên cứu, đăng tải các công trình nghiên cứu chung trên các tạp chí, nhà xuất bản có uy tín giữa các giảng viên cùng bộ môn và với các giảng viên của các tổ bộ môn khác trong Khoa chưa mang lại hiệu quả như mong muốn. Số lượng các sản phẩm nghiên cứu chưa đồng đều giữa các giảng viên. Số lượng giảng viên tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn rất hạn chế. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường và ngoài trường còn chưa phong phú. Các sản phẩm khoa học còn chưa phân bổ đồng đều.

7) Khoa CTXH chưa thực hiện được thường xuyên khảo sát đánh giá phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên của khoa. Thông tin về tuyển dụng và lựa chọn nhân viên trên hệ thống thông tin của trường chưa được sắp xếp một cách khoa học, khó cho người tìm kiếm. Tỷ lệ đội ngũ nhân viên của Khoa đạt các danh hiệu thi đua cấp cao còn thấp. Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên còn hạn chế, việc bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ của cá nhân trong đội ngũ nhân viên, nếu không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc, các cá nhân sẽ phải tự túc kinh phí. Một số tiêu chí đánh giá kết quả chưa hoàn toàn phù hợp với đặc thù công việc của đội ngũ nhân viên của Khoa.

8) Việc khảo sát ý kiến các bên liên quan về chính sách tuyển sinh của CTĐT ngành CTXH chưa đa dạng, mới chỉ tập trung lấy ý kiến của người học, giảng viên, chưa thực hiện nhiều việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng. Quá trình phân tích, dự báo nguồn nhân lực đôi khi còn mang tính chất chủ quan, chưa cụ thể, khoa học. Việc khảo sát ý kiến các bên liên quan về chính sách tuyển sinh của CTĐT ngành CTXH chưa đa dạng, mới chỉ tập trung lấy ý kiến của người học, giảng viên, chưa thực hiện nhiều việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng. Quá trình phân tích, dự báo nguồn nhân lực đôi khi còn mang tính chất chủ quan, chưa cụ thể, khoa học. Tiêu chí tuyển chọn người học vẫn còn trong khuôn khổ cứng nhắc là tuyển chọn trên cơ sở kỳ thi THPT mà chưa có những sự thay đổi như dựa vào bài luận hay xét tuyển thẳng những học sinh có hoạt động xã hội tốt và có những đóng góp về mặt xã hội, có liên quan đến ngành CTXH. Việc thực hiện tăng cường kỹ năng mềm cho sinh viên còn chưa đem lại chất lượng tốt như trau dồi các kỹ năng phỏng vấn, xin việc, kỹ năng viết sơ yếu lý lịch, kỹ năng viết thư ứng tuyển hay kỹ năng quan hệ giao tiếp tại công sở... Dù có nhà thi đấu đa năng, sân bóng song sinh viên mới chỉ được sử dụng trong các giờ chính khóa, các giờ ngoại khóa và thứ 7 chủ nhật chưa được tiếp cận để rèn luyện và nâng cao sức khỏe.

9) Một số phòng học vẫn còn có máy chiếu cũ, hình ảnh trình chiếu không rõ nét, mờ, nhòe. Giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho ngành CTXH chưa được cập nhật thường xuyên trên trang website của khoa. Nhà trường chưa có trung tâm thực hành riêng biệt cho sinh viên ngành Công tác Xã hội. Phần mềm quản lý dạy học vẫn còn một số trục trặc kỹ thuật; đường truyền internet đôi lúc còn chậm, SV khó khăn trong việc đăng ký học. Các phần mềm sử dụng thiết kế bài giảng trực tuyến chưa phong phú, đa dạng. Một số toà

nhà xây dựng trước đây chưa có phòng vệ sinh riêng và đường dành riêng cho người khuyết tật.

10) Số lượng ý kiến phản hồi của chuyên gia nước ngoài, cựu sinh viên còn chưa nhiều. Hệ thống bảng hỏi còn chung chung, chưa phù hợp hơn với từng đối tượng khảo sát. Sự tham gia của nhà tuyển dụng trong xây dựng thiết kế và cải tiến CTDH còn hạn chế. Hình thức đánh giá kiểm tra các môn học chưa lấy ý kiến sâu rộng từ phía các giảng viên. Những đề tài NCKH về đánh giá, cải tiến phương pháp kiểm tra, đánh giá và phương pháp dạy học còn ít. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa kịp thời đáp ứng cho việc đổi mới CTĐT do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường. Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT chưa chủ động, gặp khó khăn

11) Tỷ lệ sinh viên thôi học và bảo lưu có xu hướng tăng lên trong những năm gần đây. Vẫn còn một số sinh viên chưa hoàn thành chương trình học đúng kỳ hạn. Tỷ lệ SV ngành CTXH làm trái ngành trái nghề sau khi tốt nghiệp là khá cao. Một số SV còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng. Thời gian SV dành cho nghiên cứu thực nghiệm còn ít. Số lượng NCKH của sinh viên giảm qua các năm. Vẫn còn tồn tại một số ý kiến của các bên liên quan cho rằng cần tăng thời lượng chương trình đào tạo cho các môn thực hành và thay đổi một số môn học đã cũ bằng những môn học mới để bắt kịp xu thế của thời đại và phù hợp nhu cầu xã hội.

### **3. Kế hoạch cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo Cử nhân Công tác xã hội của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội**

Năm học 2020- 2021, Trường ĐHSPhN và Khoa CTXH sẽ phối hợp với đơn vị liên quan thực hiện các công việc sau:

<b>TT tiêu chí</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
1.1	Khắc phục tồn tại	Rà soát để điều chỉnh mục tiêu đào tạo cho phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của nhà trường trong lần điều chỉnh tiếp theo	Khoa CTXH	2022	



1.1	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung Mục tiêu đào tạo và CDR đáp ứng hơn nữa nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.	Khoa CTXH	2020-2021	
1.2	Khắc phục tồn tại	Rà soát đề trình bày CDR ngắn gọn hơn	Khoa CTXH	2022	
1.2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CDR của CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.		Hàng năm	
1.3	Khắc phục tồn tại	Tiến hành lấy ý kiến đóng góp của tuyển dụng, về CDR của CTĐT thường xuyên, đầy đủ hơn	Khoa CTXH TTĐBCL	Bắt đầu 2020	
1.3	Phát huy điểm mạnh	Lấy ý kiến của các bên liên quan để cập nhật CDR, đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động và của xã hội	Khoa CTXH	Theo quy định điều chỉnh CDR của nhà trường	
2.1	Khắc phục tồn tại	Khoa sẽ chỉnh sửa bản mô tả CTĐT cho khoa học và hấp dẫn hơn  Khoa sẽ thực hiện bản mô tả CTĐT bằng tiếng Anh để phục vụ cho các hoạt động giao lưu, trao đổi, hợp tác quốc tế	Khoa CTXH	Năm 2021	
2.1	Phát huy điểm mạnh	- Triển khai CTĐT năm 2019 trên thực tế.  - Phát triển hướng chuyên sâu phát triển CTXH trong trường học vốn là thế mạnh, đặc thù của trường ĐHSP Hà Nội.	Bộ môn, Khoa, Hội đồng Khoa học, Phòng Đào tạo,	9/2020	

2.2	Khắc phục tồn tại	Tham khảo nhiều hơn các đề cương chi tiết học phần có liên quan đến CTĐT của các trường đào tạo CTXH trong nước và trên thế giới	Khoa CTXH	1/2021	
2.2	Phát huy điểm mạnh	Triển khai giảng dạy theo đề cương chi tiết đã được phê duyệt năm 2019	Giảng viên, tổ bộ môn, Hội đồng Khoa học	Hàng năm	
2.3	Khắc phục tồn tại	Website của Khoa CTXH sử dụng trên server của Trung tâm CNTT Trường ĐHSPhN và hỗ trợ kỹ thuật của Trung tâm để thường xuyên cập nhật, thống kê được lượt tiếp cận với các thông tin giới thiệu về CTĐT, đề cương chi tiết học phần trên website.  Đề nghị TTCNTT chuyên lại mục giới thiệu về khung CTĐT Khoa CTXH về khối ngành ngoài sư phạm	Khoa CTXH Trung tâm CNTT	Từ năm học 2020 - 2021	
2.3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy mọi kênh thông tin để công bố công khai về CTĐT và đề cương chi tiết năm 2019, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận hơn nữa (trên trang fanpage của Khoa CTXH)	Khoa CTXH	2020	
3.1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục mở rộng lấy ý kiến chuyên gia và các bên liên quan về CTĐT	Ban Chủ nhiệm khoa CTXH, các tổ bộ môn và	Năm 2020	

			tập thể các giảng viên, cán bộ		
3.1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thường xuyên rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTDH định kỳ nhằm đảm bảo CDR phù hợp với bối cảnh và yêu cầu giáo dục và xã hội	Phối kết hợp giữa nhà trường, Hội đồng khoa học khoa CTXH, các tổ bộ môn và giảng viên khoa CTXH	Hàng năm hoặc định kỳ 2 năm	
3.2	Khắc phục tồn tại	Phối hợp với Phòng Đào tạo và Trung tâm ĐBCLGD của nhà trường lấy ý kiến góp ý, phản hồi của nhà tuyển dụng và sinh viên về sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR một cách bài bản và thường xuyên hơn.	Khoa CTXH	Hàng năm	
3.2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục điều chỉnh CTĐT theo CDR mới định kỳ 2 năm một lần nhằm đảm bảo tính cập nhật, logic, phù hợp.	Khoa CTXH	2 năm/lần	
3.3	Khắc phục tồn tại	Tích cực cập nhật và tích hợp các CTĐT tiên tiến trong nước và các nước ở khu vực và thế giới để hoàn thiện CTDH của khoa.	Khoa CTXH	2 năm/lần	
3.3	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CTDH của các học phần trong chương trình đào tạo để đáp ứng hơn nữa nhu cầu xã	Khoa CTXH	2 năm/lần	

		<p>hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới 2 năm một lần.</p> <p>Tăng cường tham khảo và đối sánh với CTĐT đại học ngành Công tác xã hội của các trường quốc tế.</p>			
4.1	Khắc phục tồn tại	Phổ biến rộng rãi triết lý giáo dục đến các bên liên quan thông qua nhiều hình thức đa dạng và các kênh thông tin đại chúng như: báo chí, tọa đàm để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.	BGH nhà trường.	2020 - 2021	
4.1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục các hoạt động phổ biến mục tiêu giáo dục của trường thông qua các hoạt động cũng như các văn bản đã thực hiện.	Trường ĐHSPHN	Thực hiện hàng năm	
4.2	Khắc phục tồn tại	Đa dạng hóa các hình thức hướng dẫn người học sử dụng tổ hợp các phương pháp học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra.	Khoa CTXH	Từ năm học 2020 – 2021	
4.2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy hiệu quả của các phương pháp dạy và học hiện đại nhằm đạt CĐR	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GVBM</li> <li>- Trợ lí đào tạo</li> <li>- Trợ lí nghiên cứu khoa học</li> </ul>	Từ năm học 2020 – 2021	
4.3	Khắc phục tồn tại	Các hoạt động dạy và học hướng đến rèn luyện đều tất cả các kỹ năng cho sinh viên	- Giáo viên bộ môn	Bắt đầu từ năm 2020	

			- Cố vấn học tập		
4.3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần, điều chỉnh định kỳ phù hợp với nhu cầu việc làm và xu thế hội nhập khu vực và thế giới.	Toàn thể giảng viên	Bắt đầu từ năm 2021	
5.1	Khắc phục tồn tại	Khoa CTXH tiếp tục thực hiện kế hoạch rà soát, hoàn thiện Đề cương chi tiết các học phần theo hướng đáp ứng CDR của học phần, CDR của CTĐT;	Khoa CTXH	Từ năm 2020	
5.1	Phát huy điểm mạnh	Đổi mới công tác tuyển sinh đầu vào theo năm học nhằm thu hút những học sinh khá, giỏi vào ngành Công tác xã hội	Trường, Khoa	Từ năm 2020	
5.2	Khắc phục tồn tại	Nâng cấp trang Thông tin điện tử (Website) của Khoa để việc công bố các quy định về kiểm tra đánh giá kịp thời, công khai, minh bạch đến người học  Khoa yêu cầu các Tổ bộ môn cần công bố các quy định về kiểm tra đánh giá kịp thời, công khai, minh bạch đến người học bằng các hình thức khác nhau đảm bảo 100% người học nắm rõ	Khoa CTXH	Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021	

5.2	Phát huy điểm mạnh	Kế hoạch và các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành CTXH tiếp tục được thông báo công khai tới người học.	Khoa CTXH	2020	
5.3	Khắc phục tồn tại	Khoa yêu cầu từng bộ môn tiến hành rà soát nội dung kiểm tra đánh giá các học phần do bộ môn phụ trách theo hướng có sự phân định rõ ràng đạt/ không đạt nhằm đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị ở từng học phần	Khoa CTXH	2020	
5.3	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục cập nhật ngân hàng đề thi hằng năm để cập nhật kiến thức mới, đảm bảo tính đa dạng, khách quan trong kiểm tra đánh giá.	Khoa CTXH	2020	
5.4	Khắc phục tồn tại	Khoa sẽ hướng dẫn cho cán bộ, GV toàn Khoa về cách thức sử dụng phần mềm Google Drive và một số phần mềm khác để điều tra mức độ hài lòng của sinh viên liên quan đến cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập của người học	VP Khoa CTXH	Từ 2020	
5.4	Phát huy điểm mạnh	Kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy trình, quy định, công tác quản lý kết quả học tập của người học được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.	Khoa CTXH	2020	

5.5	Khắc phục tồn tại	Khoa sẽ kiến nghị Nhà trường, cụ thể là phòng Đào tạo có nhiều hình thức tiếp cận hơn quy trình khiếu nại về kết quả học tập cho SV	BCN Khoa	Năm học 2021	
5.5	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện cho người học được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ trợ lý đào tạo, cán bộ văn phòng. SV nắm rõ quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.	VP Khoa	Năm học 2020	
6.1	Khắc phục tồn tại	- Tạo cơ hội cho các GV, GVTH học tập nâng cao trình độ, tăng số lượng đội ngũ có trình độ tiến sĩ, đáp ứng nhu cầu đào tạo.  - 02 trưởng BM cần chủ động tích cực để hoàn thiện chương trình NCS sớm nhận bằng TS.	Khoa CTXH  2 Trưởng BM tổ 2 và tổ 3	2021-2022	..... ....
6.1	Phát huy điểm mạnh	- Khoa tiếp tục phát huy thực hiện kế hoạch/quy hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, cho nghỉ hưu dựa trên chiến lược phát triển đội ngũ nhằm đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Chi ủy, BCN Khoa, Cốt cán Khoa	2020	..... ....
6.2	Khắc phục tồn tại	Cần có những cách thức triển khai tính giờ chuẩn phù hợp với từng đơn vị, nâng cao khả	Trường	2020	

		năng sáng tạo và chủ động của các đơn vị			
6.2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện đảm bảo tỷ lệ giảng viên/người học của CTĐT Cử nhân Công tác xã hội đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành.	Khoa CTXH	2020	
6.3	Khắc phục tồn tại	Đề xuất với nhà trường để khôi phục trang Web của Khoa	Trường	2020	
6.3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện các tài liệu/văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển công tác.  - Tiếp tục tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển đảm bảo công khai, minh bạch.	Trường	2020	
6.4	Khắc phục tồn tại	Tăng cường lấy ý kiến đánh giá các bên liên quan và có nhiều cách thức đánh giá đa dạng và phù hợp.	Khoa CTXH	2020	
6.4	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của giảng viên cập nhật hơn.  - Rà soát, chỉnh sửa các văn bản hướng dẫn cụ thể hơn nữa về phương thức, quy	Trường ĐHSPHN ; P.TCCB; Các phòng chức năng; Khoa	2020	



		trình đánh giá năng lực của giảng viên.	CTXH và các Khoa đào tạo khác		
6.5	Khắc phục tồn tại	Cập nhật chức năng kê khai hoạt động cộng đồng trên phần mềm qlnt.hnue.edu.vn để việc đánh giá kết quả hoạt động của giảng viên đầy đủ hơn.	Trường ĐHSPHN	2020	..... ....
6.5	Phát huy điểm mạnh	- Mỗi GV, GVTH của Khoa cần làm sâu sắc bản kế hoạch tự xác định cá nhân  - Đảm bảo 100% GV được đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn	Khoa CTXH Các GV	2020	..... ....
6.6	Khắc phục tồn tại	- Giảng viên tăng cường NCKH, tăng thêm bài báo đăng trong nước, nghiên cứu để có thể đăng trên tạp chí quốc tế.  - Những GV có kinh nghiệm đăng nhiều bài trên các tạp chí cần tích cực trao đổi kinh nghiệm, hướng dẫn để tất cả các giảng viên trong Khoa đều có cơ hội phát triển hơn.	Khoa CTXH	2020	..... ....
6.6	Phát huy điểm mạnh	- - Tiếp tục thực hiện đánh giá, thi đua công bằng, minh bạch. Tăng cường sử dụng CNTT trong việc kê khai, lưu trữ các số liệu thống kê, kế hoạch và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch của GV	GV khoa CTXH	2020	..... ....
6.7	Khắc phục tồn tại	- Hình thành các nhóm nghiên cứu trong Khoa, mở	HĐKH khoa CTXH	2020	

		<p>rộng nhóm nghiên cứu ra ngoài Trường và tổ chức hội thảo chuyên ngành,</p> <p>- - Tổ chức rà soát, bổ sung kế hoạch nghiên cứu khoa học và xây dựng cơ chế khen thưởng các cá nhân nghiên cứu, ra ấn phẩm khoa học.</p>			
6.7	Phát huy điểm mạnh	- - Tham gia nhiều loại hình nghiên cứu hơn. Tăng cường xuất bản sách chuyên khảo và sách phục vụ đào tạo. Tăng cường các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí quốc tế	GV Khoa CTXH	2020	
7.1	Khắc phục tồn tại	Khảo sát phản hồi định kỳ các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Khoa CTXH	Năm học 2020-2021	
7.1	Phát huy điểm mạnh	<p>Tiếp tục thực hiện quy hoạch</p> <p>- Tiếp tục hoàn thiện chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.</p> <p>- Nhân viên làm việc tại Khoa có đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng cần được tiếp tục tập trung bồi dưỡng.</p>	GV khoa CTXH	Năm học 2020-2021	

7.2	Khắc phục tồn tại	Nâng cấp hệ thống thông tin, sắp xếp lại các mục để tiện theo dõi trên trang Web của trường	Trung tâm CNTT	Năm học 2020-2021	
7.2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát hoàn thiện văn bản quy định về việc tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên phù hợp tình hình thực tế.  - Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và được công khai rõ ràng trang thông tin điện tử của CSGD.	Phòng Tổ chức cán bộ	Năm học 2020-2021	
7.3	Khắc phục tồn tại	Động viên đội ngũ nhân viên tích cực, chủ động tham gia các hoạt động như nghiên cứu khoa học, chủ trì đề tài, công bố, đề xuất sáng kiến kinh nghiệm trong dạy học,... để nâng cao thành tích thi đua.	Khoa CTXH	Năm học 2020-2021	
7.3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện đội ngũ nhân viên phát huy năng lực phù hợp với vị trí việc làm	khoa CTXH	Năm học 2020-2021	
7.4	Khắc phục tồn tại	Dành thêm một phần kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên nếu nhân viên tự ý thức đi học dù không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc.	Trường, Khoa	Từ năm học 2020-2021	

7.4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo điều kiện khuyến khích nhân viên tự học, tự bồi dưỡng trau dồi kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ	Trường, khoa	Từ năm học 2020-2021	
7.5	Khắc phục tồn tại	Ban chủ nhiệm Khoa đề xuất với Nhà trường về việc điều chỉnh một số tiêu chí phù hợp với đặc thù công việc của đội ngũ nhân viên trong khoa	Trường, Khoa	Năm học 2020-2021	
7.5	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý công việc để đội ngũ nhân viên phát huy hiệu quả công việc. Tiếp tục thực hiện quản trị theo kết quả công việc của nhân viên để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Trường, Khoa	Hằng năm	
8.1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung hoạt động lấy ý kiến của nhà tuyển dụng về chương trình tuyển sinh Cập nhật việc phân tích nguồn nhân lực từ chính sách của nhà nước, từ các nhà tuyển dụng	Khoa CTXH	Năm 2020	
8.1	Phát huy điểm mạnh	Lồng ghép giữa chương trình tuyển sinh và các chương trình hỗ trợ kỹ năng sống cho học sinh các trường THPT của cán bộ giảng viên khoa CTXH	Khoa CTXH	Năm 2020	

8.2	Khắc phục tồn tại	Đề xuất việc tổ chức thi bài luận, xét tuyển thẳng những trường hợp có đóng góp về mặt xã hội đi kèm với những phương thức xét tuyển khác	- BCN Khoa	Năm 2021	
8.2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện công tác rà soát, đánh giá phương pháp, tiêu chí tuyển sinh trước và sau đợt tuyển sinh	BCN Khoa	Năm 2020	
8.3	Khắc phục tồn tại	Tăng cường vai trò của cố vấn học tập trong việc cảnh báo sớm những trường hợp nợ, thiếu tín chỉ Đề xuất việc hoạt động ổn định của hệ thống UNISOFT	- BCN Khoa	2020	
8.3	Phát huy điểm mạnh	Phát huy vai trò của ban cố vấn học tập	- BCN Khoa	2020	
8.4	Khắc phục	Kết nối với trung tâm đào tạo kỹ năng mềm để đào tạo cho sinh viên của Khoa	Khoa CTXH	Năm 2020	
8.4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng các chương trình tư vấn của các nhà tuyển dụng cho khóa sinh viên năm 3,4	Khoa CTXH	Năm 2020	
8.5	Khắc phục tồn tại	Đề xuất cho sinh viên được sử dụng sân bóng và nhà thi đấu đa năng vào thời gian ngoài giờ học và thứ 7, chủ nhật	Phòng Quản trị	Năm 2020	
8.5	Phát huy điểm mạnh	Tư vấn việc ở tại khu KTX của nhà trường đối với SV	Cố vấn học tập, LCĐ	Năm 2020	
9.1	Khắc phục tồn tại	Thay thế máy chiếu tại các phòng học có máy chiếu cũ, hình ảnh trình chiếu không rõ nét, mờ, nhòe	Phòng Quản trị	2020	

9.1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì khuôn viên trường rộng rãi, thoáng mát, đầy đủ các phòng làm việc, phòng chức năng, phòng học với những trang thiết bị phù hợp, hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của sinh viên, giảng viên và các cán bộ	Phòng Quản trị	2020	
9.2	Khắc phục tồn tại	Bổ sung nguồn tài liệu, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho ngành CTXH trên trang web của Khoa;  Tăng cường bổ sung nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo sau đại học	Khoa CTXH	Năm 2020	
9.2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy nguồn tài liệu sách tiếng anh tại khoa Công tác Xã hội	Khoa CTXH	Năm 2020	..... ....
9.3	Khắc phục tồn tại	Đề xuất Trường Đại học Sư Phạm xây dựng trung tâm thực hành cho sinh viên ngành Công tác Xã hội	Khoa CTXH	Năm 2020	
9.3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đảm bảo phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành được bố trí hợp lý và đáp ứng yêu cầu đào tạo của nhà trường	Trường ĐHSPHN	Năm 2020	
9.4	Khắc phục tồn tại	Bảo trì khắc phục các trục trặc của phần mềm quản lý dạy học, xây dựng, nâng cấp đường truyền internet để SV dễ dàng trong việc đăng ký học.	TT CNTT Trợ lí thiết bị khoa	2020	

9.4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì Hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường đồng bộ, hiện đại....	Trường ĐHSPHN	Năm 2020	
9.5	Khắc phục tồn tại	Xây dựng phòng vệ sinh riêng và dành riêng cho người khuyết tật tại các tòa nhà chưa có	Trường ĐHSPHN	Năm học 2020 -2021	
9.5	Phát huy điểm mạnh	Cung cấp đầy đủ các hướng dẫn về vệ sinh an toàn cho sinh viên cũng như những dữ liệu về y tế cho sinh viên	Phòng bảo vệ và Trạm y tế Trường ĐHSPHN	Năm học 2020 -2021	
10.1	Khắc phục tồn tại	Năm học 2020 - 2021 trở về sau, Khoa sẽ mở rộng việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong việc xây dựng và phát triển CTDH (2 năm 1 lần), đặc biệt là chuyên gia nước ngoài và cựu sinh viên. Khoa CTXH sẽ cùng với các chuyên gia xây dựng hệ thống bảng hỏi, phiếu Khảo sát phù hợp với từng đối tượng để có thể thu được những thông tin phù hợp và sát thực nhất, kết quả phản hồi sẽ là cơ sở để xây dựng và phát triển CTDH, đưa ra những sự thay đổi kịp thời về CTĐT, CTDH phù hợp với thực tiễn.	Khoa CTXH	Từ năm học 2020 – 2021	
10.1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục giữ các mối liên hệ với các bên liên quan trong việc thu thập thông tin và có những bổ sung, thay đổi CTDH kịp thời, phù hợp.	Khoa CTXH	Hằng năm	

10.2	Khắc phục tồn tại	Mời các chuyên gia đào tạo công tác xã hội ở các trường đại học tiên tiến, các bên liên quan khác có am hiểu về CTĐT CTXH ở trong nước và ngoài nước đánh giá và cho ý kiến về thiết kế và phát triển CTDH.	Khoa CTXH	Từ năm học 2020 - 2021	..... ....
10.2	Phát huy điểm mạnh	Khoa tiếp tục phát huy ý kiến đóng góp và sự tham gia của toàn thể giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên ... thực hiện những điều chỉnh CTDH của từng môn học và của cả chương trình để cải tạo CTDH ngành CTXH tại Khoa.	GV khoa CTXH	Từ năm học 2020 - 2021	..... ....
10.3	Khắc phục tồn tại	Đa dạng hoá trong việc đánh giá quá trình dạy học của các giảng viên thông qua các hoạt động dự giờ, trao đổi chuyên môn khoa học trong tổ, lấy ý kiến của đồng nghiệp trong Khoa....	Toàn giảng viên Khoa CTXH	Từ năm học 2020 -2021	
10.3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần. Thực hiện điều chỉnh định kỳ các phương pháp giảng dạy và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đáp ứng yêu cầu CDR.	Toàn giảng viên Khoa CTXH	Từ năm học 2020 -2021	
10.4	Khắc phục tồn tại	Các giảng viên tích cực tham gia NCKH và công bố các kết quả NCKH qua các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, cũng như hội thảo khoa học trong nước và quốc	Khoa CTXH	Từ năm học 2020 - 2021	



		tế liên quan đến phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá người học.			
10.4	Phát huy điểm mạnh	Các giảng viên tiếp tục tích cực, chủ động trong tham gia các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Trường và liên kết với các tỉnh thành; Các sản phẩm NCKH phục vụ cho hoạt động đào tạo của Khoa	Toàn thể GV	Hàng năm	
10.5	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt, đồng thời nâng cấp hệ thống mạng wifi ổn định hơn nhằm phục vụ công tác dạy và học.	Trường ĐHSPHN và Khoa CTXH	Từ năm học 2020 - 2021	
10.5	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục và định kỳ lấy ý kiến của các bên liên quan để nâng cấp, cải tiến dịch vụ đáp ứng yêu cầu dạy và học.	Nhà trường (Thư viện, TTCN...) và Khoa	Hàng năm	
10.6	Khắc phục tồn tại	Chủ động định kỳ lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT để làm căn cứ rà soát, điều chỉnh CTĐT phù hợp với thực tiễn.	Khoa CTXH, TTĐBCL	Từ năm học 2020 – 2021	
10.6	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường và Khoa tiếp tục định kỳ lấy các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan để thực hiện cải tiến CTDH.	Nhà trường và Khoa	Hàng năm	
11.1	Khắc phục tồn tại	- Khoa cần tìm hiểu rõ nguyên nhân sinh viên thôi học và bảo lưu.	Khoa CTXH	Năm học 2020-2021	

		<p>- Cố vấn học tập kịp thời động viên, hỗ trợ sinh viên gặp khó khăn có nguy cơ bị thôi học.</p> <p>- Thực hiện thường xuyên khâu truyền thông về ngành, nghề của sinh viên và các cơ hội việc làm sau khi ra trường</p>			
11.1	Phát huy điểm mạnh	Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Cán bộ quản lý SV tiếp tục giám sát tình hình học tập của sinh viên và động viên kịp thời khi sinh viên gặp phải vấn đề khó khăn, để không giảm thiểu tỷ lệ sinh viên thôi học và nắm bắt kịp thời được thông tin của sinh viên dự định thôi học để có biện pháp xử lý.	Văn phòng, Cố vấn học tập	Hàng năm	
11.2	Khắc phục tồn tại	<p>Cố vấn học tập tìm hiểu lý do sinh viên không hoàn thành chương trình học đúng kỳ hạn.</p> <p>Thành lập nhóm bạn hỗ trợ nhau trong lớp để động viên, trợ giúp sinh viên bị chậm chương trình học.</p>	Trường ĐHSPHN	Năm học 2020 – 2021	
11.2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nắm bắt tiến độ học tập của SV để hỗ trợ SV kịp thời, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học thay thế để SV được hoàn thành CTĐT đúng hạn.	Khoa CTXH	Hàng năm	.
11.3	Khắc phục tồn tại	Thu thập ý kiến của nhà tuyển dụng về những yêu cầu, mong muốn đối với SV ra trường để từ đó có những cải	Khoa CTXH. Trường ĐHSPHN	Năm học 2020-2021	

		tiến chương trình đào tạo và CTDH.			
11.3	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì việc tổ chức các buổi tọa đàm giới thiệu việc làm cho sinh viên.</li> <li>- Thống kê tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành định kỳ hàng năm.</li> <li>- Liên kết thực hành môn học cho sinh viên với các cơ sở tuyển dụng có uy tín</li> </ul>	Giảng viên	Hàng năm	
11.4	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh việc NCKH trong sinh viên bằng cách tuyên truyền, phổ biến về công tác NCKH của SV. Lấy thành tích NCKH của sinh viên vào việc đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của SV để tăng số lượng SV tham gia NCKH	Trợ lý khoa học, CLB NCKH của Khoa. Có vấn học tập	Thực hiện hàng năm	
11.4	Phát huy điểm mạnh	<p>Tiếp tục khuyến khích SV tham gia NCKH, hướng dẫn, hỗ trợ SV tham gia NCKH, gắn đề tài của SV với những đề tài của GV trong khoa.</p> <p>Tiếp tục tổ chức các buổi tọa đàm NCKH cho sinh viên, không chỉ cho sinh viên năm thứ nhất mà nên tổ chức cho sinh viên cả khóa định kỳ hàng năm.</p> <p>CLB Sinh viên NCKH trong Khoa hoạt động chủ động, sinh hoạt thường xuyên.</p>	Khoa CTXH	Thực hiện hàng năm	

11.5	Khắc phục tồn tại	Thực hiện việc định kỳ lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, cựu SV về CTĐT, CTDH để thay đổi cải tiến CTĐT theo nhu cầu của xã hội.	Khoa CTXH	Năm học 2020 -2021	
11.5	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lấy ý kiến về mức độ hài lòng của SV, SV năm cuối để có những điều chỉnh kịp thời và hiệu quả CTĐT, CTDH. Khảo sát việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên...	Khoa CTXH	Thực hiện hàng năm	

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2020*

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS. Nguyễn Văn Minh**

#### 4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Mã: SPH
- Tên CTĐT: CTĐT cử nhân CTXH
- Mã CTĐT: 7760101

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>								5	3	100%
Tiêu chí 1.1					x					
Tiêu chí 1.2					x					
Tiêu chí 1.3					x					
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>								4,67	3	100%
Tiêu chí 2.1					x					
Tiêu chí 2.2					x					
Tiêu chí 2.3				x						
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>								5	3	100%
Tiêu chí 3.1					x					
Tiêu chí 3.2					x					
Tiêu chí 3.3					x					
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>								4	3	100%
Tiêu chí 4.1				x						
Tiêu chí 4.2				x						
Tiêu chí 4.3				x						
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>								4,2	5	100%
Tiêu chí 5.1				x						
Tiêu chí 5.2					x					
Tiêu chí 5.3				x						
Tiêu chí 5.4				x						
Tiêu chí 5.5				x						
<b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b>								5	7	100%
Tiêu chí 6.1					x					
Tiêu chí 6.2					x					
Tiêu chí 6.3					x					
Tiêu chí 6.4					x					
Tiêu chí 6.5					x					
Tiêu chí 6.6					x					
Tiêu chí 6.7					x					
<b><i>Tiêu chuẩn 7</i></b>								5	5	100%
Tiêu chí 7.1					x					
Tiêu chí 7.2					x					
Tiêu chí 7.3					x					
Tiêu chí 7.4					x					
Tiêu chí 7.5					x					
<b><i>Tiêu chuẩn 8</i></b>								4,4	5	100%
Tiêu chí 8.1					x					
Tiêu chí 8.2					x					

Tiêu chí 8.3				x						
Tiêu chí 8.4				x						
Tiêu chí 8.5				x						
<b>Tiêu chuẩn 9</b>										
Tiêu chí 9.1				x						
Tiêu chí 9.2				x						
Tiêu chí 9.3				x						
Tiêu chí 9.4				x						
Tiêu chí 9.5				x						
<b>Tiêu chuẩn 10</b>										
Tiêu chí 10.1				x						
Tiêu chí 10.2				x						
Tiêu chí 10.3				x						
Tiêu chí 10.4					x					
Tiêu chí 10.5					x					
Tiêu chí 10.6				x						
<b>Tiêu chuẩn 11</b>										
Tiêu chí 11.1				x						
Tiêu chí 11.2				x						
Tiêu chí 11.3				x						
Tiêu chí 11.4				x						
Tiêu chí 11.5				x						
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>										

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2020

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS. Nguyễn Văn Minh**

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

### 4.1. Các Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá

### 4.2. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT (Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/10/2020)

#### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục đại học

1. Tên cơ sở giáo dục đại học (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: **Trường Đại học Sư phạm Hà Nội**
  - Tiếng Anh: **Hanoi National University of Education**
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục đại học
  - Tiếng Việt: ĐHSPHN
  - Tiếng Anh: HNUE
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Sư phạm Cao cấp; Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I; Trường Đại học Sư phạm - Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ trường: 136-Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 04-37547823, Số fax 04-37547971
7. E-mail: [p.hcth@hnue.edu.vn](mailto:p.hcth@hnue.edu.vn) Website: <http://hnue.edu.vn>
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục đại học (theo quyết định thành lập): 1951
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1951
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1953
11. Loại hình cơ sở giáo dục đại học:  
Công lập       Bán công       Dân lập       Tư thực

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ):

#### II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Khoa Công tác xã hội
  - Tiếng Anh: Faculty of Social work
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
  - Tiếng Việt: Khoa CTXH
  - Tiếng Anh: FSW
14. Tên trước đây (nếu có):
15. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Cử nhân Công tác xã hội
- Tiếng Anh: Bachelor of Social work

16. Mã CTĐT: 7760101

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: 136 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

19. Số điện thoại liên hệ: 024 32191073, Số fax:

20. E-mail: [k.ctxh@hnue.edu.vn](mailto:k.ctxh@hnue.edu.vn), Website: <http://ctxh.hnue.edu.vn>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2006

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2007

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2011

### **III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

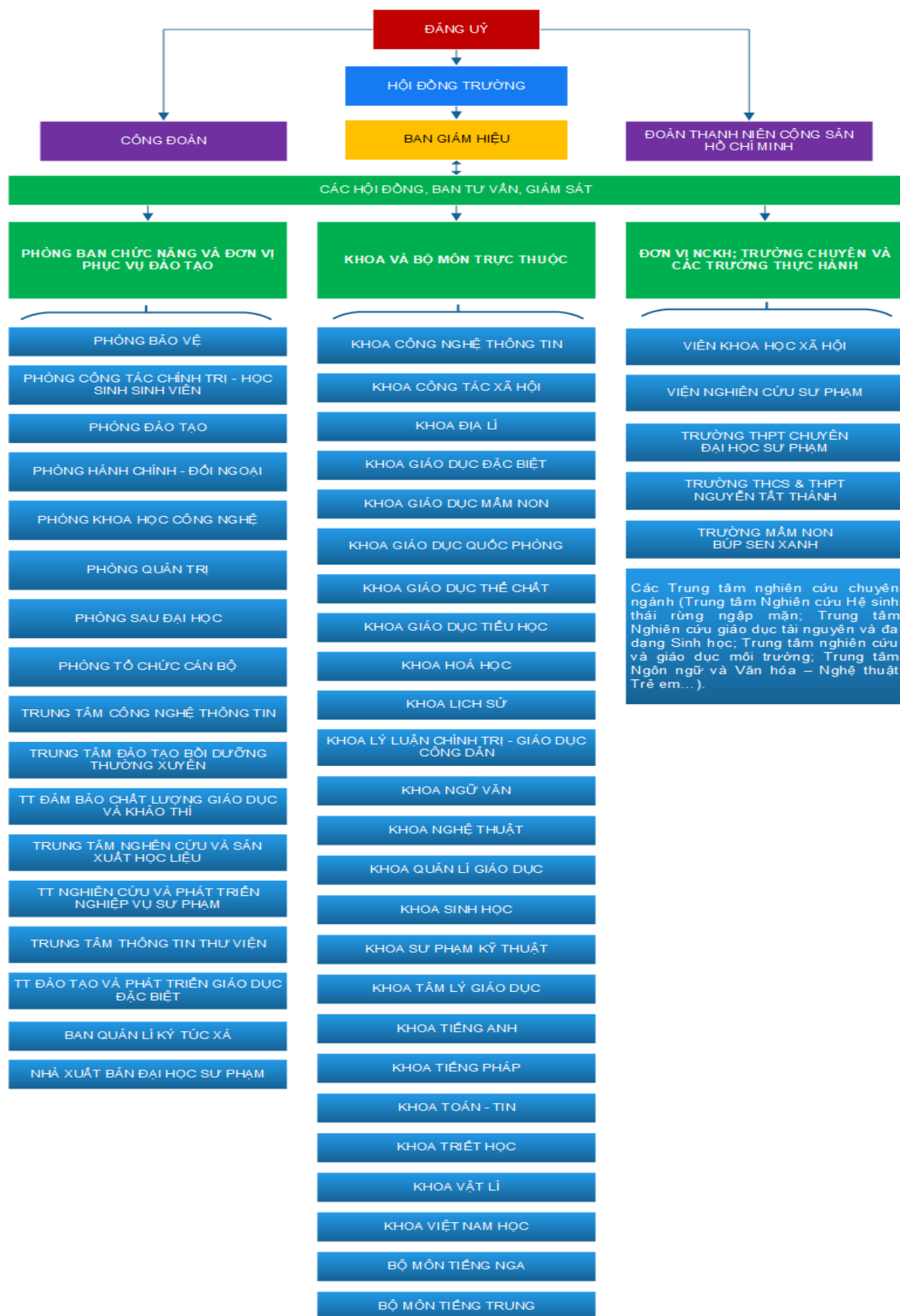
Khoa Công tác xã hội được thành lập năm 2006. Khoa có 3 Bộ môn là Cơ sở Công tác xã hội, An sinh xã hội và phát triển cộng đồng, Công tác xã hội với trẻ em và gia đình. Khoa có 1 CTĐT cử nhân là cử nhân công tác xã hội, 1 mã đào tạo thạc sỹ CTXH với hai chuyên ngành: CTXH và CTXH (Quản trị công tác xã hội trường học). Trải qua hơn 10 năm xây dựng và trưởng thành, khoa Công tác xã hội đã lớn mạnh không ngừng. Đã có 25 cán bộ từng tham gia công tác, giảng dạy tại khoa, trong đó có 1 PGS, 9 Tiến sĩ. Hiện tại có 22 cán bộ công chức, viên chức đang công tác tại khoa, trong đó có 1 PGS, 7 Tiến sĩ, 13 Thạc sĩ và 1 Cử nhân. Trong 14 năm qua, khoa Công tác xã hội đã đào tạo được hàng ngàn Cử nhân CTXH, gần 100 Thạc sĩ CTXH, đã chủ trì 20 đề tài các cấp và tham gia, hợp tác nhiều đề tài, dự án, công bố được hơn 200 công trình khoa học trên các tạp chí trong nước và quốc tế....

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

a. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục đại học:

Cơ cấu tổ chức của Trường như sau:





b. Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo- Khoa Công tác xã hội

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
<b>I Ban lãnh đạo Trường</b>						
1	Hiệu trưởng	Nguyễn Văn Minh	1963	GS.TS, Hiệu trưởng	0906294414	<a href="mailto:minhvn@hnue.edu.vn">minhvn@hnue.edu.vn</a>
2	Phó Hiệu trưởng	Đặng Xuân Thu	1960	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0912318021	<a href="mailto:thudx@hnue.edu.vn">thudx@hnue.edu.vn</a>
3	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Văn Trào	1973	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0983755460	<a href="mailto:traonv@hnue.edu.vn">traonv@hnue.edu.vn</a>
4	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Vũ Bích Hiền	1975	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0988070675	<a href="mailto:hiennvb@hnue.edu.vn">hiennvb@hnue.edu.vn</a>
<b>Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</b>						
1.	Trưởng Khoa	Nguyễn Hiệp Thương	1976	TS, Trưởng Khoa	0984821975	<a href="mailto:Thuongnh@hnue.edu.vn">Thuongnh@hnue.edu.vn</a>
2.	Phó Trưởng Khoa	Nguyễn Thanh Bình	1980	PGS.TS, Phó Trưởng Khoa	0912583364	<a href="mailto:Binhnt@hnue.edu.vn">Binhnt@hnue.edu.vn</a>
3.	Phó Trưởng Khoa	Nguyễn Duy Nhiên	1971	TS, Phó Trưởng Khoa	0987629299	<a href="mailto:Nhiennnd@hnue.edu.vn">Nhiennnd@hnue.edu.vn</a>
<b>II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội</b>						
1.	Bí thư Đảng uỷ	Đặng Xuân Thu	1960	PGS.TS, Bí thư Đảng uỷ	0912318021	<a href="mailto:Thudx@hnue.edu.vn">Thudx@hnue.edu.vn</a>
2.	Chủ tịch công đoàn	Nguyễn Nhật Tân		Ths, Chủ tịch công đoàn	0912222664	<a href="mailto:Nhattan@hnue.edu.vn">Nhattan@hnue.edu.vn</a>

3.	Bí thư Đoàn trường	Đình Minh Hằng		TS, Bí thư đoàn trường	0907996866	
4.	Chủ tịch Hội sinh viên	Bùi Thị Hoàng Giang		TS, Chủ tịch Hội sinh viên		
<b>III Các phòng, ban</b>						
1.	Trưởng phòng TCCB	Phan Thanh Long	1963	PGS.TS	0989661299	<a href="mailto:Phanthanlongqb@gmail.com">Phanthanlongqb@gmail.com</a>
2.	Trưởng phòng Đào tạo	Trịnh Tuấn Anh		TS	0912231699	<a href="mailto:Anhntt@hnue.edu.vn">Anhntt@hnue.edu.vn</a>
3.	Trưởng phòng SDH	Đặng Ngọc Quang	1974	PGS.TS	0979537986	<a href="mailto:Quangdn@hnue.edu.vn">Quangdn@hnue.edu.vn</a>
4.	Trưởng phòng KHCN	Dương Minh Lam		PGS.TS	0987864770	<a href="mailto:Lamdm@hnue.edu.vn">Lamdm@hnue.edu.vn</a>
5.	Trưởng phòng HC – ĐN	Nguyễn Nhật Tân	1973	Ths	0912222664	<a href="mailto:Nhattan@hnue.edu.vn">Nhattan@hnue.edu.vn</a>
6.	Trưởng phòng Công tác chính trị	Đình Minh Hằng		TS	0907996866	
7.	Trưởng phòng KHTC	Bùi Đức Nam	1979	Ths	0913580058	<a href="mailto:Nambd@hnue.edu.vn">Nambd@hnue.edu.vn</a>
8.	Trưởng ban Quản lý KTX	Cao Tuấn Anh		TS	0913063434	
9.	P Trưởng phòng Quản trị	Đình Quang Huy				
10.	Trưởng phòng Bảo vệ	Ngô Quang Trường			0904968996	<a href="mailto:Truongnq2015@gmail.com">Truongnq2015@gmail.com</a>
12.	Giám đốc TTĐT BD thường xuyên	Nguyễn Văn Hiến		PGS.TS	0913363623	<a href="mailto:Hiennv@hnue.edu.vn">Hiennv@hnue.edu.vn</a>
13.	Giám đốc Trung tâm CNTT	Nguyễn Duy Hải		Ths	0978486885	<a href="mailto:Haind@hnue.edu.vn">Haind@hnue.edu.vn</a>
14.	GĐ TT NC và PT NVSP	Trần Bá Trình		TS	0946828147	<a href="mailto:Trinhtb@hnue.edu.vn">Trinhtb@hnue.edu.vn</a>
15.	Giám đốc TTNCS và SX Học liệu	Nguyễn Văn Hiến		PGS.TS	0913363623	<a href="mailto:Hiennv@hnue.edu.vn">Hiennv@hnue.edu.vn</a>

16.	Giám đốc NXB	Nguyễn Bá Cường	1976	PGS.TS	0983221671	Cuongnb@hnue.edu.vn
17.	Phó GD phụ trách Trung tâm Đảm bảo chất lượng	Dương Giáng Thiên Hương	1975	PGS.TS	0912892288	huongdgt@hnue.edu.vn
18.	GD Trung tâm Đào tạo và PT GDDB	Đào Thị Bích Thủy		Ths	0904215979	Thuyjapans@gmail.com
19.	Viện Trưởng Viện NCSP	Trương Thị Bích		PGS.TS	0989084446	Bichnxbgd@gmail.com
20.	Viện trưởng Viện KHXH	Nguyễn Tường Huy		TS	0948342482	Tuonghuy@hnue.edu.vn
21.	Viện trưởng Viện GD&ĐT Quốc tế	Lê Huy Bắc		GS.TS	0913513112	Baclh@hnue.edu.vn
<b>IV</b>	<b>Các bộ môn</b>					
1.	Trưởng bộ môn Cơ sở CTXH	Phạm Văn Tư	1978	TS	0987183899	Tupv@hnue.edu.vn
2.	Phó Trưởng Bộ môn An sinh xã hội và PTCĐ	Nguyễn Thị Mai Hương 2	1983	Ths	0985547573	Maihuong.sw.hnue@gmail.com
3.	Trưởng Bộ môn CTXH trẻ em và gia đình	Đỗ NghiêM Thanh Phương	1979	Ths	0904759495	Donghiemphuong@gmail.com

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

*(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).*

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Từ xa

Liên kết đào tạo với nước ngoài

Liên kết đào tạo trong nước

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

29. Tổng số các ngành đào tạo: 02

**IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	<b>Cán bộ cơ hữu<sup>1</sup></b> <i>Trong đó:</i>	7	16	23
I.1	Cán bộ trong biên chế	7	16	23
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	<b>Các cán bộ khác</b> Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng <sup>2</sup> )	0	0	0
	<b>Tổng số</b>	7	16	23

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn <sup>3</sup> trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	1	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	6	6	0	0	0	0

<sup>1</sup>Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>2</sup>Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>3</sup>Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn <sup>3</sup> trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
5	Thạc sĩ	9	9	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng số</b>	<b>16</b>	<b>16</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 16 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	1	1	0	0	0	0	3
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	6	6	0	0	0	0	12
5	Thạc sĩ	1	9	9	0	0	0	0	9

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
6	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng</b>								24

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	6,3	1	0	0	1	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	6	37,5	3	3	0	2	3	1	0
5	Thạc sĩ	9	56,2	7	2	0	8	1	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Tổng</b>	16		11	5	0	11	4	1	0

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 38,5 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 43,8

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 56,2

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học

1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	60	40
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40	60
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	<b>Tổng</b>	100	100

#### V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2015-2016		90		84	C00: 24 D14: 16.75 D00: 18.5		
2016-2017		140			C00: 18 D14: 16.5 D00: 18.25		
2017-2018		144			C00: 19 D14: 17.25 D00: 17		
2018-2019		74			C00: 16 D14: 16.75 D00: 16		
2019-2020		155			C00: D14: D00:		

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.



Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:	1162	920	609	470	247
Hệ chính quy	336	310	292	225	198
Hệ không chính quy	826	610	317	245	49
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học					

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	36m <sup>2</sup>	36m <sup>2</sup>	36m <sup>2</sup>	36m <sup>2</sup>	36m <sup>2</sup>
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					

3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	54	69	59	38	32
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)	4.5m <sup>2</sup>	4.5m <sup>2</sup>	4.5m <sup>2</sup>	4.5m <sup>2</sup>	4.5m <sup>2</sup>

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	66	33	45	35	11
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	19,41	15,79	21,53	16,75	5,29

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	75	80	78	60	
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

*(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)*

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	49	78	84	85	72

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	98%	97.4%	97.6%	97.6%	86.11%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp.	80%	72%	85%	90%	90%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	100%	100%	100%	100%	100%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	18%	20%	20%	20%	20%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	5-10tr	5-10tr	5-10tr	5-10tr	5-10tr
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

**Ghi chú:**

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

**VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ**

Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	01	2
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0		01	01	01	01	4
3	Đề tài cấp trường	0,5	01				01	1
4	Tổng		1	1	1	1	3	7

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: .....

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: .....

Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	20...			
2	20...			
3	20...			
4	20...			
5	20...			

42. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	4	13	4	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	2	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	4	15	4	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

43. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0		3	1	1		10
2	Sách giáo trình	1,5			1	1		3
3	Sách tham khảo	1,0		1	1	9		11
4	Sách hướng dẫn	0,5						
5	Tổng			4	3	11		24

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 24

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,04

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	6	4	13	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách			1	0
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	6	4	14	0

45. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5			5	5	1	16,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	14	21	13	11	3	62
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	2	2	3	2	1	10
	<b>Tổng</b>							<b>88,5</b>

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 88,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,84

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	6	11	8
Từ 6 đến 10 bài báo		3	
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>			

47. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	2	4	4	3		13
2	Hội thảo trong nước	0,5	5	3	3	3		5,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25				1		0,2
4	<b>Tổng</b>							<b>18,7</b>

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo

sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 18,7

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,8

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	5	6	1
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	5	6	11

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

49. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
20...-20...	0
20...-20...	0
20...-20...	0
20...-20...	0
20...-20...	0

50. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)



TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	1	1	1	1
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

## VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 116477,2 m<sup>2</sup>

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>):

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):

- Nơi làm việc: 48.648 m<sup>2</sup>    Nơi học: 32.431m<sup>2</sup>    Nơi vui chơi giải trí: 27185m<sup>2</sup>

56. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)

- Tổng diện tích phòng học: 32.431m<sup>2</sup>

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,5 m<sup>2</sup>/SV

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 130.000

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): .....

1. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng:

- Dùng cho người học học tập:

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 1

## VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 16

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 69,56%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 43,75%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 100%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 198

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 16,75

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 86,11%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):.....

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):.....

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%):.....

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%):.....

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 5 – 10 triệu đồng

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):.....

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):.....

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,1

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,04

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,84

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,8

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 1

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,5m<sup>2</sup>/SV

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy:

## 2. Danh mục minh chứng

### Nhóm 1: Tiêu chuẩn 1, 2, 3

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
<b>Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</b>					
<b>Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học</b>					
1.	H1.01.01.01	Quyết định phê duyệt CTĐT năm 2019 của trường ĐH Sư phạm HN	2019	Trường ĐHSPHN	
2.	H1.01.01.02	Bản mô tả chương trình đào tạo	2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
3.	H1.01.01.03	Quyết định về việc công bố Sứ mạng, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi của trường ĐH Sư phạm Hà Nội	Số 8176/QĐ-ĐHSPHN ngày 8/11/2016	Trường ĐHSPHN	
4.	H1.01.01.04	Quyết định về việc phê duyệt sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của trường ĐHSPHN giai đoạn 2017 – 2022, tầm nhìn 2030	Số 10883/QĐ-ĐHSPHN ngày 29/10/2019	Trường ĐHSPHN	
5.	H1.01.01.05	Luật Giáo dục đại học	Số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019	Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam	
6.	H1.01.01.06	Ý kiến của cơ sở tuyển dụng về thị trường lao động, nhu cầu lao động và CTĐT	2019	Khoa CTXH	
<b>Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.</b>					
7.	H1.01.02.01	Bản mô tả chương trình đào tạo năm 2019	2019	Khoa CTXH	

8.	H1.01.02.02	Quyết định phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam	Số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016	Thủ tướng chính phủ	
<b><i>Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.</i></b>					
9.	H1.01.03.01	Bản mô tả chương trình đào tạo	2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
10.	H1.01.03.02	Biên bản họp Khoa về xây dựng chuẩn đầu ra	2019	Khoa CTXH	
11.	H1.01.03.03	Biên bản họp lấy ý kiến góp ý của chuyên gia về CTĐT	2019	Khoa CTXH	
12.	H1.01.03.04	Biên bản họp lấy ý kiến góp ý của sinh viên đã tốt nghiệp về CTĐT	2019	Khoa CTXH	
13.	H1.01.03.05	Biên bản họp lấy ý kiến góp ý của sinh viên về CTĐT	2019	Khoa CTXH	
14.	H1.01.03.06	Báo cáo Khảo sát online ý kiến của sinh viên 2019	2019	Khoa CTXH	
15.	H1.01.03.07	CV điều chỉnh CDR năm 2018	360/ĐHSPHN ngày 10/7/2018	Trường ĐHSPHN	
16.	H1.01.03.08	Biên bản họp Khoa về xây dựng chuẩn đầu ra	2018	Khoa CTXH	
17.	H1.01.03.09	CV điều chỉnh CTĐT năm 2019	2019	Trường ĐHSPHN	
18.	H1.01.03.09	Trang thông tin điện tử trường ĐHSPHN công bố chuẩn đầu ra ngành CTXH	2019	Trường ĐHSPHN	
19.	H1.01.03.10	Trang thông tin điện tử Khoa CTXH công bố chuẩn đầu ra ngành CTXH	2019	Khoa CTXH	
20.	H1.01.03.11	Tài liệu tư vấn tuyển sinh	2019	Khoa CTXH	

**Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**

***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật***

21.	H2.02.01.01	Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ.	Số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015	Bộ GD&ĐT	
22.	H2.02.01.02	Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học	Số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017	Bộ GD&ĐT	
23.	H2.02.01.03	Bản mô tả chương trình đào tạo	2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
24.	H2.02.01.04	Chương trình đào tạo ngành CTXH	2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
25.	H2.02.01.05	Đề cương chi tiết học phần ngành CTXH	2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
26.	H2.02.01.06	Ma trận kỹ năng	2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
27.	H2.02.01.07	Biên bản họp lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT	2017 2019	Khoa CTXH	
28.	H2.02.01.08	Báo cáo Khảo sát online ý kiến của cựu sinh viên 2019	2019	Khoa CTXH	
29.	H2.02.01.09	Trang thông tin điện tử trường ĐHSPHN công bố chuẩn đầu ra ngành CTXH và	2012	Trường ĐHSPHN	Chưa có bản cập nhật 2019

		khung chương trình đào tạo ngành CTXH			
30.	H2.02.01.10	Trang thông tin điện tử Khoa CTXH công bố chuẩn đầu ra ngành CTXH	2019	Khoa CTXH	Chưa có thông tin trên web khoa
31.	H2.02.01.11	CDR và CTĐT tham khảo nước ngoài và trong nước	2015 - 2019	Các nước và các trường	
32.	H2.02.01.12	CV điều chỉnh, rà soát CTĐT của trường ĐHSPHN	2017 - 2019	Trường ĐHSPHN	
33.	H2.02.01.13	Biên bản họp Khoa về xây dựng chuẩn đầu ra	2018, 2019	Khoa CTXH	
34.	H2.02.01.14	Biên bản họp khoa và tổ bộ môn về rà soát CTĐT	2017, 2018, 2019	Khoa CTXH	
35.	H2.02.01.15	Kế hoạch/Báo cáo xây dựng, điều chỉnh bản mô tả CTĐT được phê duyệt/Công văn Khoa CTXH gửi trường về việc điều chỉnh chuẩn đầu ra và CTĐT	2015 – 2019	Khoa CTXH	
36.	H2.02.01.16	Trang thông tin điện công bố bản mô tả CTĐT ngành CTXH	2019	Khoa CTXH	Chưa có trên website
37.	H2.02.01.17	Báo cáo về tình hình việc làm sinh viên sau tốt nghiệp	2015 -2019	TT ĐBCL	
38.	H2.02.01.18	Báo cáo kết quả khảo sát: Hiệu quả, chất lượng đào tạo – sinh viên vừa tốt nghiệp trường ĐHSPHN	2015 -2019	TT ĐBCL	
<b><i>Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật</i></b>					
39.	H2.02.02.01	Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối		Bộ GD&ĐT	

		thiếu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ.	Số 07/2015/TT- BGDDĐT ngày 16/04/2015		
40.	H2.02.02.02	Thông tư 24/2017/TT- BGDDĐT <a href="#">ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học</a>	Số 24/2017/TT- BGDDĐT ngày 10/10/2017	Bộ GD&ĐT	
41.	H2.02.02.03	Đề cương chi tiết học phần ngành CTXH	2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
42.	H2.02.02.04	Bản mô tả chương trình đào tạo ngành cử nhân CTXH	2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
43.	H2.02.02.05	Chương trình đào tạo cử nhân CTXH	2015, 2017, 2019	Trường ĐHSPHN	
44.	H2.02.02.06	Ma trận phát triển kiến thức, kỹ năng	201, 2017 2019	Khoa CTXH	
45.	H2.02.02.07	Báo cáo kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy học phần Trường ĐHSPHN (Dựa trên ý kiến phản hồi của sinh viên)	2015 -2019	TT ĐBCL	
46.	H2.02.02.08	Báo cáo về tình hình việc làm sinh viên sau tốt nghiệp	2015 -2019	TT ĐBCL	
47.	H2.02.02.09	Báo cáo kết quả khảo sát: Hiệu quả, chất lượng đào tạo – sinh viên vừa tốt nghiệp trường ĐHSPHN	2015 -2019	TT ĐBCL	

48.	H2.02.02.10	Một số đề cương học phần tham khảo từ các cơ sở đào tạo CTXH khác	2014	Học viện Phụ nữ	
49.	H2.02.02.11	Thời khoá biểu 2015 – 2020	2015 – 2019	Khoa CTXH	
50.	H2.02.02.12	Trang thông tin điện tử của Khoa: công bố đề cương chi tiết các HP	2019	Khoa CTXH	Chưa công bố đề cương 2019
51.	H2.02.02.13	Trang thông tin điện tử của trường ĐHSPHN công bố khung chương trình đào tạo cử nhân ngành CTXH của trường Đại học Sư Phạm Hà Nội	2012	Trung tâm CNTT	Chưa cập nhật khung chương trình 2019
52.	H2.02.02.14	Trang thông tin điện tử của Khoa CTXH công bố khung chương trình đào tạo cử nhân ngành CTXH của trường Đại học Sư Phạm Hà Nội	2015 - 2019	Khoa CTXH	Chưa cập nhật khung chương trình 2019
53.	H2.02.02.15	Biên bản họp lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT	2017 2019	Khoa CTXH	
54.	H2.02.02.16	CV điều chỉnh, rà soát CTĐT của trường ĐHSPHN	2017 - 2019	Trường ĐHSPHN	
55.	H2.02.02.17	Biên bản họp khoa và tổ bộ môn về rà soát CTĐT	2017, 2018, 2019	Khoa CTXH	
56.	H2.02.02.18	Kế hoạch/Báo cáo xây dựng, điều chỉnh bản mô tả CTĐT được phê duyệt/Công văn Khoa CTXH gửi trường về việc điều chỉnh chuẩn đầu ra và CTĐT	2015 – 2019	Khoa CTXH	



<b>Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan để dàng tiếp cận</b>					
57.	H2.02.03.01	Bản mô tả chương trình đào tạo	2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
58.	H2.02.03.02	Chương trình đào tạo ngành CTXH	2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
59.	H2.02.03.03	Đề cương chi tiết học phần ngành CTXH	2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
60.	H2.02.03.04	Sổ tay sinh viên	2015 - 2019	Trường ĐHSPHN	
61.	H2.02.03.05	Thông tin tuyển sinh CTXH trên website, fanpage Trường ĐHSPHN	2018, 2019	Trường ĐHSPHN	
62.	H2.02.03.06	Thông tin tuyển sinh CTXH trên website, fanpage Khoa CTXH	2018, 2019	Khoa CTXH	
63.	H2.02.03.07	Trang thông tin điện tử của Khoa: công bố đề cương chi tiết các HP	2019	Khoa CTXH	
64.	H2.02.03.08	Trang thông tin điện tử của trường ĐHSPHN công bố khung chương trình đào tạo cử nhân ngành CTXH của trường Đại học Sư Phạm Hà Nội	2012	Trung tâm CNTT	
65.	H2.02.03.09	Trang thông tin điện tử của Khoa CTXH công bố khung chương trình đào tạo cử nhân ngành CTXH của trường Đại học Sư Phạm Hà Nội	2015 - 2019	Khoa CTXH	
66.	H2.02.03.10	Trang thông tin điện tử học trực tuyến elearning của Trường ĐHSPHN <a href="http://fitel.hnue.edu.vn/">http://fitel.hnue.edu.vn/</a>	2019	Trường ĐHSPHN	

67.	H2.02.03.11	Biên bản họp lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT	2017, 2019	Khoa CTXH	
68.	H2.02.03.12	Thống kê truy cập bài viết giới thiệu về CTĐT trên website, fanpage	2019	Khoa CTXH	
<b>Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học</b>					
<i>Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.</i>					
69.	H3.03.01.01	Bản mô tả CTDH	2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
70.	H3.03.01.02	Bản mô tả chương trình đào tạo	2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
71.	H3.03.01.03	Giáo án các môn học ngành CTXH	2015 - 2017	Khoa CTXH	
72.	H3.03.01.04	CV của Giảng viên	2015 - 2019	Khoa CTXH	
73.	H3.03.01.05	Sơ đồ/kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong thực hiện CTDH	2015 - 2019	Khoa CTXH	
74.	H3.03.01.06	Ma trận kỹ năng	2015 - 2019	Khoa CTXH	
75.	H3.03.01.07	Mô tả CDR của CT	2015 - 2019		
76.	H3.03.01.08	Góp ý của các bên liên quan về CTDH	2017, 2018, 2019	Khoa CTXH	
77.	H3.03.01.09	Chương trình đào tạo ngành CTXH	2015 - 2019	Khoa CTXH	
<i>Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng</i>					

78.	H3.03.02.01	Bản mô tả CTDH	2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
79.	H3.03.02.02	Đề cương chi tiết học phần	2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
80.	H3.03.02.03	Giáo án các môn học ngành CTXH	2015 - 2017	Khoa CTXH	
81.	H3.03.02.04	CV của Giảng viên	2015 - 2019	Khoa CTXH	
82.	H3.03.02.05	Sơ đồ/kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong thực hiện CTDH Thời khoá biểu phân công lịch dạy	2015 - 2019	Khoa CTXH	
83.	H3.03.02.06	Ma trận kỹ năng	2017 - 2019	Khoa CTXH	
84.	H3.03.02.07	Mô tả CDR của CT	2015 - 2019		
85.	H3.03.02.08	Góp ý của các bên liên quan về CTDH	2017, 2018, 2019	Khoa CTXH	
<b><i>Tiêu chí 3.3. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng</i></b>					
86.	H3.03.03.01	Bản mô tả CTDH	2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
87.	H3.03.02.02	Đề cương chi tiết học phần	2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
88.	H3.03.02.03	Giáo án các môn học ngành CTXH	2015 - 2017	Khoa CTXH	
89.	H3.03.02.04	CV của Giảng viên	2015 - 2019	Khoa CTXH	
90.	H3.03.03.05	Sơ đồ/kế hoạch thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong thực hiện CTDH Thời khoá biểu phân công lịch dạy	2015 - 2019	Khoa CTXH	

91.	H3.03.03.06	Góp ý của các bên liên quan về CTDH	2017, 2018, 2019	Khoa CTXH	
92.	H3.03.03.07	Chương trình đào tạo ngành CTXH – Biên bản họp điều chỉnh	2015 - 2019	Khoa CTXH	
93.	H3.03.03.08	CĐR và CTĐT tham khảo nước ngoài và trong nước:	2015 - 2016	Các nước và các trường	
94.	H3.03.03.09	Trang thông tin điện tử của CSGD/Khoa: công bố về CTDH	2019	Khoa CTXH	
<b>Tiêu chuẩn 4</b>					
	Tiêu chí 4.1				
1	H4.04.01.01	Đề án trường ĐHSPHN trọng điểm và Kế hoạch chiến lược của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn 2030	2017	<i>Trường ĐHSPHN</i>	Bản mềm
2	H4.04.01.02	Trường ĐHSPHN thành lập ban xây dựng “mục tiêu giáo dục, triết lý giáo dục trình độ đại học”	số 11868/ĐHSPHN	<i>Trường ĐHSPHN</i>	Bản mềm
3	H4.04.01.03	Mục tiêu giáo dục của Nhà trường	10882QĐ 29/10/2019	<i>Trường ĐHSPHN</i>	Bản mềm
4	H4.04.01.04	Đề cương chi tiết học phần	2011,2017,2019		Bản mềm
5	H4.04.01.05	PHỔ biến triết lý giáo dục trên web và trong cuộc họp với đối tác	2019	<i>Khoa CTXH</i>	Hình ảnh
6	H4.04.01.06	Sinh hoạt đầu khóa giới thiệu chương trình đạo tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra	2018, 2019,	<i>Khoa CTXH</i>	Hình ảnh
7	H4.04.01.07	Sổ tay sinh viên	2018,2019	<i>Trường ĐHSPHN</i>	Bản mềm
8	H4.04.01.08	Hình ảnh Open tour			

	<b>Tiêu chí 4.2</b>				
9	H4.04.02.01.	Chương trình đào tạo (CTĐT)	2015, 2019	<i>Trường ĐHSPHN</i>	Bản mềm
10	H4.04.02.02	Quy định của Hội đồng khoa học Khoa về việc sử dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực	2019	<i>Hội đồng khoa học khoa</i>	Bản mềm
11	H4.04.02.03	Đề cương chi tiết học phần	2011,2017,2019		Bản mềm
12	H4.04.02.04	Hình ảnh “người trong cuộc” chia sẻ với sinh viên CTXH	2017,2018,2019		Hình ảnh
13	H4.04.02.05	Mời chuyên gia nước ngoài tập huấn về phương pháp dạy học tích cực	2017,2018,2019		Hình ảnh
14	H4.04.02.06	Thông báo và biên bản tọa đàm phương pháp học tập		<i>Trợ lý khoa học</i>	Bản mềm
15	H4.04.02.07	Trao đổi sinh viên học ngắn hạn tại nước ngoài	2017,2018,2019	<i>Khoa CTXH</i>	Bản mềm
16	H4.04.02.08	Khung chương trình đào tạo	2015,2019	<i>Khoa CTXH</i>	Bản mềm
17	H4.04.02.09	Hoạt động thực hành tại cơ sở	2015,2016,2017,2018		Hình ảnh
18	H4.04.02.10	Biên bản thảo luận về cách thức triển khai thực hành hiệu quả	2014		Bản mềm
19	H4.04.02.11	Đánh giá của SV và cựu SV về đào tạo	2019	<i>Khoa CTXH</i>	Bản mềm
	<b>Tiêu chí 4.3</b>				

20	H4.04.03.01	Đề cương chi tiết học phần	2011,2017,2019	<i>Khoa CTXH</i>	Hình ảnh bản mềm
21	H4.04.03.02	Chương trình đào tạo (CTĐT)	2012,2015,2019	<i>Trường ĐHSPHN</i>	Bản mềm
22	H4.04.03.03	Hệ thống hướng dẫn tra cứu tài liệu của sinh viên		<i>Thư viện trường ĐHSPHN</i>	Bản mềm
23	H4.04.03.04	Văn bản rèn luyện nghiệp vụ CTXH			Bản mềm
24	H4.04.03.05	Đề cương tiếng anh chuyên ngành	2011	<i>Khoa CTXH</i>	
25	H4.04.03.06	Kết quả khảo sát việc làm của sinh viên	2019	<i>Khoa CTXH</i>	Bản mềm
<b>Tiêu chuẩn 5</b>					
	<b>Tiêu chí 5.1</b>				
26	H5.05.01.01	Đề án tuyển sinh trường ĐHSPHN	2017,2018,2019	<i>Trường ĐHSPHN</i>	Bản mềm
27	H5.05.01.02	Quyết định 9779 về quy chế đào tạo theo tín chỉ	7/12/2017	<i>Trường ĐHSPHN</i>	Hình ảnh
28	H5.05.01.03	Đề cương chi tiết học phần	2017,2019	<i>Khoa CTXH</i>	Hình ảnh bản mềm
29	H5.05.01.04	Sổ tay sinh viên		<i>Trường ĐHSPHN</i>	Hình ảnh
30	H5.05.01.05	Hình thức thi hệ chính quy		<i>Khoa CTXH</i>	Bản mềm
31	H5.05.01.06	Tài liệu hướng dẫn phương pháp kiểm tra đánh giá			
32	H5.05.01.07	Bản mô tả chương trình đào tạo	2019	<i>Khoa CTXH</i>	Bản mềm
33	H5.05.01.08	Quy trình chấm khóa luận tốt nghiệp	2019	<i>Khoa CTXH</i>	Bản mềm

34	H5.05.01.09	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	2019	<i>Khoa CTXH</i>	Bản mềm
35	H5.05.01.10	Biên bản họp điều chỉnh phương pháp kiểm tra đánh giá	2019	<i>Khoa CTXH</i>	Bản mềm
	<b>Tiêu chí 5.2</b>				
36	H5.05.02.01	Đề cương chi tiết học phần	2017,2019	<i>Khoa CTXH</i>	Hình ảnh bản mềm
37	H5.05.02.02	Thời khóa biểu	2016,2017,2018,2019	<i>Khoa CTXH</i>	Hình ảnh bản mềm
38	H5.05.02.03	Ngân hàng câu hỏi	2018,2019	<i>Khoa CTXH</i>	Hình ảnh bản mềm
39	H5.05.02.04	Ngân hàng câu hỏi tiểu luận	2018,2019	<i>Khoa CTXH</i>	Hình ảnh bản mềm
40	H5.05.02.05	Sổ tay sinh viên	2019	<i>Trường ĐHSPHN</i>	
41	H5.05.02.06	Quy trình chấm thi	2019	<i>Khoa CTXH</i>	Hình ảnh bản mềm
42	H5.05.02.07	Quyết định 9779 về quy chế đào tạo theo tín chỉ	7/12/2017	<i>Trường ĐHSPHN</i>	Hình ảnh
43	H5.05.02.08	Phiếu chấm khóa luận tốt nghiệp	2017,2019	<i>Khoa CTXH</i>	Hình ảnh bản mềm
44	H5.05.02.09	Bản mô tả chương trình đào tạo			
45	H5.05.02.10	Kết quả khảo sát kiểm tra đánh giá SV	2018,2019	<i>Khoa CTXH</i>	Hình ảnh bản mềm

	<b>Tiêu chí 5.3</b>				
46	H5.05.03.01	Quyết định 9779 về quy chế đào tạo theo tín chỉ	7/12/2017	<i>Trường ĐHSPHN</i>	Hình ảnh
47	H5.05.03.02	Đề cương chi tiết học phần	2017,2019	<i>Khoa CTXH</i>	Hình ảnh bản mềm
48	H5.05.03.03	Hình thức kiểm tra giữa kỳ đa dạng, phù hợp với chuẩn đầu ra		<i>Khoa CTXH</i>	
49	H5.05.03.04	Quy trình kiểm tra đánh giá	14/02/2019	<i>PGS.TS Nguyễn Thanh Bình</i>	Bản mềm
50	H5.05.03.05	Quy chế đào tạo tín chỉ	8635	<i>Trường ĐHSPHN</i>	Bản mềm
	<b>Tiêu chí 5.4</b>				
51	H5.05.04.01	Sổ tay sinh viên	2019		
52	H5.05.04.02	Phần mềm unisoft nhập điểm	2019	<i>Trường ĐHSPHN</i>	Hình ảnh
53	H5.05.04.03	Quy chế đào tạo tín chỉ	8635	<i>Trường ĐHSPHN</i>	
54	H5.05.04.04	Biên bản xét tốt nghiệp	2019	<i>Khoa CTXH</i>	Hình ảnh bản mềm
55	H5.05.04.05	Khảo sát sinh viên về phản hồi kết quả học tập	2016,2017,2018,2019	<i>Khoa CTXH</i>	Hình ảnh
56	H5.05.04.06	Báo cáo sơ kết, tổng kết của đơn vị cải thiện việc học của SV	2018,2019	<i>Khoa CTXH</i>	Hình ảnh
	<b>Tiêu chí 5.5</b>				
57	H5.05.05.01	Quy chế đào tạo tín chỉ	8635	<i>Đại học Sư phạm HN</i>	Bản mềm
58	H5.05.05.02	Quy định phúc khảo		<i>TS. Nguyễn Hiệp Thương</i>	Bản mềm



59	H5.05.05.03	Phần mềm unisoft nhập điểm	2019	Trường ĐHSP Hà Nội	Hình ảnh
----	-------------	----------------------------	------	--------------------------	-------------

**Nhóm 3: Tiêu chuẩn 6, 7**

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
<b><i>Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i></b>					
95.	H6.06.01.01	Quyết định thành lập Khoa Công tác xã hội trường ĐHSP Hà Nội	Số 1204/QĐ-ĐHSPHN ngày 24 tháng 5 năm 2011	Trường ĐHSPHN	
96.	H6.06.01.02	Quyết định về việc phê duyệt và ban hành kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2030	Quyết định số 3367/QĐ-ĐHSPHN 05/10/2011	Trường ĐHSPHN	
97.	H6.06.01.03	Quyết định về việc phê duyệt và ban hành kế hoạch chiến lược của Trường ĐHSPHN giai đoạn năm 2017-2022, tầm nhìn 2030	Quyết định số 10882/QĐ-ĐHSPHN ngày 29/10/2019	Trường ĐHSPHN	
98.	H6.06.01.04	Bản Kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, GVTH của Chi ủy, BCN khoa trong 5 năm (Đại hội Chi bộ, nhiệm kỳ...)	2015 – 2019	Khoa CTXH	

<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>	<b>Ghi chú</b>
99.	H6.06.01.05	Biên bản/ nghị quyết của Khoa CTXH về xây dựng, phát triển, kiện toàn, đội ngũ giảng viên, GVTH khoa CTXH 2015 – 2019 (Hội nghị CBVC hằng năm).	2015 – 2019	Khoa CTXH	
100.	H6.06.01.06	Báo cáo cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của giảng viên khoa CTXH	2015 – 2019	Khoa CTXH	
101.	H6.06.01.07	Bảng cấp, chứng chỉ của GV, GVTH khoa CTXH	2015 – 2019	Khoa CTXH	
102.	H6.06.01.08	Quyết định về việc ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức của trường ĐHSPHN	Số 1193/QĐ-ĐHSPHN ngày 06/04/2015	Hiệu trưởng trường ĐHSPHN	
		Quy chế về việc tuyển dụng viên chức của trường ĐHSPHN	QĐ Số 1193/QĐ-ĐHSPHN ngày 06/04/2015	Trường ĐHSPHN	
103.	H6.06.01.09	Báo cáo cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của giảng viên của Trường	2015 – 2019	Trường ĐHSPHN	
104.	H6.06.01.10	Công văn về tuyển dụng cán bộ/viên chức của Trường ĐHSPHN năm 2015	Số 427/CV-ĐHSPHN ngày 02/10/2015	Trường ĐHSPHN	

<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>	<b>Ghi chú</b>
		Công văn về tuyển dụng cán bộ/viên chức của Trường ĐHSPHN năm 2018	Số 284/CV-ĐHSPHN ngày 13/03/2018	Trường ĐHSPHN	
		Công văn về tuyển dụng cán bộ/viên chức của Trường ĐHSPHN năm 2020	2020	Trường ĐHSPHN	
105.	H6.06.01.11	Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với Giảng viên của trường ĐHSPHN	QĐ Số 857/QĐ-ĐHSPHN-TCCB ngày 06/03/2017	Trường ĐHSPHN	
		Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GVTH của trường ĐHSPHN	QĐ Số 858/QĐ-ĐHSPHN-TCCB ngày 06/03/2017	Trường ĐHSPHN	
106.	H6.06.01.12	Quyết định về việc ban hành Quy định xét tuyển đặc cách vào ngạch giảng viên, nghiên cứu viên của Trường ĐHSPHN	Số 2272/QĐ-ĐHSPHN ngày 02/05/2018	Trường ĐHSPHN	
		Quy định về việc xét tuyển đặc cách vào ngạch giảng viên, nghiên cứu viên của Trường ĐHSPHN	QĐ số 2272/QĐ-ĐHSPHN ngày 02/05/2018	Trường ĐHSPHN	

<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>	<b>Ghi chú</b>
107.	H6.06.01.13	Quyết định về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường ĐHSPHN	Số 16/QĐ-HĐT ngày 23/9/2019	Trường ĐHSPHN	
		Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường ĐHSPHN			
108.	H6.06.01.14	- Quyết định Quy định về việc kéo dài thời gian làm việc đối với GV, NCV có chức danh GS, PGS và trình độ TS kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu - Văn bản kéo dài thời gian làm việc đối với GV có trình độ TS kể từ khi đủ tuổi nghỉ hưu	Số 8486/QĐ-ĐHSPHN ngày 21/09/2015	Trường ĐHSPHN	
109.	H6.06.01.15	Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm viên chức và hợp đồng lao động không thời hạn đối với từng Giảng viên, GVTH Khoa CTXH của Trường ĐHSPHN	2015 – 2019	Trường ĐHSPHN	
110.	H6.06.01.16	Bản kế hoạch bồi dưỡng của cá nhân hàng năm	2015 – 2019	Khoa CTXH	
111.	H6.06.01.17	Bản kế hoạch và phân tích về nhu cầu đào tạo, nâng cao trình độ cho GV và GVTH của BCN Khoa hàng năm	2015 – 2019	Khoa CTXH	

<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>	<b>Ghi chú</b>
112.	H6.06.01.18	Bản Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên, GVTH hàng năm	2015 – 2019	Khoa CTXH	
113.	H6.06.01.19	Quyết định về việc cử viên chức đi học chương trình đào tạo Tiến sĩ của Hiệu trưởng trường ĐHSPHN từ năm 2015 – 2019 (45 cán bộ)	2015 – 2019	Trường ĐHSPHN	
114.	H6.06.01.20	Quyết định bổ nhiệm vào ngạch Giảng viên chính và Giảng viên cao cấp đối với GV khoa CTXH	2016 - 2019	Trường ĐHSPHN	
115.	H6.06.01.21	Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động của Hiệu trưởng trường ĐHSPHN đối với GV Khoa CTXH	2018	Trường ĐHSPHN	

***Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

116.	H6.06.02.01	Thông tư Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học	Thông tư số 32/2015/TT/BGDĐT	Bộ GD&ĐT	
117.	H6.06.02.02	Thông tư Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng	Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	

<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>	<b>Ghi chú</b>
		các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ			
118.	H6.06.02.03	Thống kê về tỷ lệ giảng viên/ người học của khoa CTXH các năm học 2017 – 2018, 2018 – 2019 và 2019 – 2020	2015 – 2019	Khoa CTXH	
119.	H6.06.02.04	Đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập	Số 102/ĐHSPHN -TCCB ngày 24/3/2015	Trường ĐHSPHN	
120.	H6.06.02.05	Bản mô tả vị trí công việc của từng giảng viên, GVTH trong Khoa	2015 - 2019	Khoa CTXH	
121.	H6.06.02.06	Bản kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa của tổ BM các năm	2015 - 2019	BM Khoa CTXH	
122.	H6.06.02.07	Thông báo về việc triển khai sử dụng phần mềm quản lý giờ giảng	Số 649/ĐHSPHN -CNTT, 9/6/2017	Trường ĐHSPHN	
123.	H6.06.02.08	Số liệu thống kê giờ giảng và giờ quy đổi theo chuẩn của giảng viên, GV thực hành khoa CTXH năm học 2017 – 2018, 2018 – 2019 và 2019 – 2020	2015 - 2019	Trường ĐHSPHN	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		website: <a href="https://qlnt.hnue.edu.vn/Account/Login">https://qlnt.hnue.edu.vn/Account/Login</a>			
124.	H6.06.02.09	Dữ liệu về các nghiên cứu và công bố của các cá nhân và nhóm nghiên cứu trong Khoa	2015 - 2019	Khoa CTXH	
		Bảng thống kê các hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng hàng năm của đội ngũ giảng viên, GVTH			
		Bảng thống kê các hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng hàng năm của Khoa			
125.	H6.06.02.10	Bảng thống kê chương trình học tập, trao đổi ngoài nước của các GV, GVTH	2015 - 2019	Khoa CTXH	
<b><i>Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai</i></b>					
126.	H6.06.03.01	Một số Quyết định bổ nhiệm ngạch viên chức	2015 - 2019	Trường ĐHSPHN	
127.	H6.06.03.02	Bản mô tả vị trí công việc của từng giảng viên, GVTH trong Khoa	2015 - 2019	Khoa CTXH	
128.	H6.06.03.03	- Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ lãnh đạo quản lý	Số 999/QĐ-ĐHSPHN ngày 20/03/2015	Trường ĐHSPHN	

<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>	<b>Ghi chú</b>
		- Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý			
129.	H6.06.03.04	Một số Quyết định bổ nhiệm viên chức quản lý	2016 - 2021	Khoa CTXH	
130.	H6.06.03.05	Quyết định về tiêu chuẩn nâng bậc lương trước thời hạn cho công chức, viên chức trường ĐHSPHN năm 2013, 2014	Số 7897/QĐ-ĐHSPHN ngày 4/12/2013 và số 5030/QĐ-ĐHSPHN ngày 10/9/2014	Trường ĐHSPHN	
131.	H6.06.03.06	Quyết định V/v Thành lập các Ban giúp việc cho Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường Đại học Sư phạm Hà Nội năm 2015	10758/QĐ-ĐHSPHN ngày 25/11/2015	Trường ĐHSPHN	
132.	H6.06.03.07	Thông tư liên tịch Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập	36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV, 28/11/2014	Bộ NV và Bộ GD&ĐT	
133.	H6.06.03.08	Công văn bổ nhiệm CDNN giảng viên cao cấp (hạng I)	249 và 259/QĐ-BNV25/01/2017	Bộ Nội vụ	



<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>	<b>Ghi chú</b>
134.	H6.06.03.09	Công văn và Kết quả thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên (Hạng III) lên giảng viên chính (hạng II)	1302 /QĐ-BGDĐT, 5/4/2018	Bộ GD&ĐT	
135.	H6.06.03.10	Quyết định bổ nhiệm giảng viên cao cấp, GV chính	2016 - 2019	Khoa CTXH	
<b><i>Tiêu chí: 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá</i></b>					
136.	H6.06.04.01	Bản tự nhận xét/đánh giá trình độ/năng lực hàng năm và xếp loại của giảng viên, GVTH	2015 – 2016	Khoa CTXH	
137.		Biên bản đánh giá, phân loại viên chức của Khoa	2015 – 2019	Khoa CTXH	
138.	H6.06.04.02	Quyết định về việc ban hành Quy định đánh giá, phân loại đơn vị, công chức và người lao động của trường ĐHSPTHN	Số 861/QĐ-ĐHSPTHN-TCCB ngày 06 /03/2017	Trường ĐHSPTHN	
		Quy định đánh giá phân loại đơn vị, công chức và người lao động của trường ĐHSPTHN	Quyết định số 861/QĐ-ĐHSPTHN-TCCB ngày 06/03/2017		
		Quyết định về việc công nhận đánh giá, phân loại đơn vị, công chức, viên chức và người lao động năm học 2017 – 2018	Số 5612/QĐ-ĐHSPTHN ngày 01 tháng 08 năm 2018		

<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>	<b>Ghi chú</b>
		Quyết định về việc công nhận đánh giá, phân loại đơn vị, công chức, viên chức và người lao động năm học 2018 – 2019	Số 8493/QĐ-ĐHSPHN ngày 31 tháng 07 năm 2019		
139.	H6.06.04.03	- Biên bản đánh giá phân loại của Khoa - Biên bản bình bầu thi đua của khoa CTXH các năm	Năm 2018, 2019	Khoa CTXH	
140.	H6.06.04.04	Quyết định về việc Ban hành Quy định Công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHSPHN năm 2017	Số 4806/QĐ-ĐHSPHN ngày 06/07/2017	Trường ĐHSPHN	
141.		Quy định Công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHSPHN năm 2017	Quyết định số 4806/QĐ-ĐHSPHN ngày 06/07/2017		
142.		Quyết định về việc Ban hành Quy định Công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHSPHN năm 2019	Số 2145/QĐ-ĐHSPHN ngày 06 tháng 05 năm 2019		
143.		Quy định Công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHSPHN năm 2019	Quyết định số 2145/QĐ-ĐHSPHN ngày 06/05/2019		

<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>	<b>Ghi chú</b>
144.		Các quyết định khen thưởng về thành tích NCKH của trường ĐHSPHN	2015 – 2019		
145.	H6.06.04.05	Quy chế làm việc của Khoa	2015 – 2019	Khoa CTXH	
146.		LLKH của cá nhân	2015 – 2019	Khoa CTXH	
147.	H6.06.04.06	Bằng cấp, chứng chỉ	2015 – 2019	Khoa CTXH	
148.		Giấy khen, Bằng khen	2015 – 2019	Khoa CTXH	
149.	H6.06.04.07	Danh sách các giảng viên cơ hữu đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS từ 2015 – 2019	2015 – 2019	Trường ĐHSPHN	
150.	H6.06.04.08	Báo cáo kết quả giảng dạy học phần giai đoạn 2015 – 2020	2015 – 2020	TTĐBCL	
<b><i>Tiêu chí: 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên , nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó</i></b>					
151.	H6.06.05.01	Kế hoạch đào tạo phát triển đội ngũ cán bộ Trường ĐHSPHN	2015 – 2020	Trường ĐHSPHN	
152.	H6.06.05.02	Tổng hợp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng Trường ĐHSPHN	2015 – 2020	Trường ĐHSPHN	
153.	H6.06.05.03	Quy chế chi tiêu nội bộ	Quyết định số 2817/ĐHSPH N-PQT ngày 22/5/2017	Trường ĐHSPHN	

<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>	<b>Ghi chú</b>
154.	H6.06.05.04	Danh sách thống kê đội ngũ GV, GVTH được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ các năm từ 2015 – 2019	2015 – 2019	Khoa CTXH	
155.	H6.06.05.05	Báo cáo thống kê các đề tài/công trình/sản phẩm NCKH hằng năm của giảng viên, khoa CTXH từ 2015 – 2019	2015 – 2019	Trường ĐHSPHN	
156.	H6.06.05.06	Công văn v/v Bồi dưỡng năng lực GV về đánh giá giáo dục theo tiếp cận năng lực	98/ĐHSPHN, 28/2/2018	Trường ĐHSPHN	
157.	H6.06.05.07	Thông báo v/v khai giảng lớp nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên	212/TB- ĐHSPHN- TCCB, 6/6/2016;	Trường ĐHSPHN	
158.	H6.06.05.08	Công văn v/v Cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng tại Trường ĐTBĐ CB, CC	590/ĐHSPHN -TCCB, 23/12/2016	Trường ĐHSPHN	
159.	H6.06.05.09	Thông báo về danh sách các lớp bồi dưỡng tiếng Anh cho giảng viên trường ĐHSPHN; Thông báo v/v Mở lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh cho giảng viên, chuyên viên và sinh viên của Trường ĐHSPHN	514/ĐHSPHN -TCCB- HTQT, 26/11/2015; 507 /TB- ĐHSPHN- HTQT, 11/3/2016	Trường ĐHSPHN	

<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>	<b>Ghi chú</b>
160.	H6.06.05.10	Thông báo tuyển sinh cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin (theo chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản)	Trang web trường	Trường ĐHSPHN	
161.	H6.06.05.11	Công văn v/v cử viên chức tham gia lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý	10/CV-ĐHSPHN, 14/1/2015; 182 /ĐHSPHN-TCCB, 20/4/2018	Trường ĐHSPHN	
162.	H6.06.05.12	Công văn bổ nhiệm CDNN giảng viên cao cấp (hạng I)	249 và 259/QĐ-BNV25/01/2017	Bộ Nội vụ	
163.	H6.06.05.13	Công văn và Kết quả thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên (Hạng III) lên giảng viên chính (hạng II)	1302 /QĐ-BGDĐT, 5/4/2018	Bộ GD&ĐT	
<b><i>Tiêu chí: 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng</i></b>					
164.	H6.06.06.01	Thông báo về việc đề nghị phê duyệt Bản mô tả danh mục vị trí việc làm năm 2019	Số 1816/ĐHSPHN-TCCB ngày 23/12/2019	Trường ĐHSPHN	

<b>TT</b>	<b>Mã minh chứng</b>	<b>Tên minh chứng</b>	<b>Số/ngày tháng ban hành</b>	<b>Nơi ban hành</b>	<b>Ghi chú</b>
		Nghị quyết về việc thông qua Đề án vị trí việc làm của Trường ĐHSPHN	Số 17/ NQ-HĐT ngày 23 tháng 12 năm 2019	Hội đồng Trường ĐHSPHN	
165.	H6.06.06.02	Quyết định v/v Công nhận đánh giá, phân loại đơn vị, công chức, viên chức và người lao động năm học 2018 – 2019, năm học 2019 – 2020	8493 /QĐ-ĐHSPHN, 31/7/2019	Trường ĐHSPHN	
166.	H6.06.06.03	Thông báo v/v Kết quả bình xét các danh hiệu thi đua cơ sở năm học năm học 2014-2015; 2015-2016; 2016 – 2017; 2017 - 2018:	249/TB-ĐHSPHN-TCCB, 24/6/2015; 280/ĐHSPHN-TCCB, 28/6/2016; 350 /TB-ĐHSPHN-TCCB, 13/7/2017; 399 /TB-ĐHSPHN-TCCB, 3/8/2018.	Trường ĐHSPHN	
167.	H6.06.06.04	Thông báo v/v Kết quả bình xét đề nghị danh hiệu thi đua cấp bộ và khen thưởng các cấp năm học 2014-2015; 2016 – 2017; 2017 - 2018:	330/TB-ĐHSPHN-TCCB, 14/8/2015;	Trường ĐHSPHN	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			420 /ĐHSPHN- TCCB 23/8/2017; 441 /ĐHSPHN- TCCB, 28/8/2018.		
168.	H6.06.06.05	- Biên bản dự giờ - Biên bản họp tổ sơ kết học kì, tổng kết năm học hàng năm - Biên bản họp Hội đồng thi đua cấp Khoa	2015 - 2019	Khoa CTXH	
<b><i>Tiêu chí: 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i></b>					
169.	H6.06.07.01	Quy định về hoạt động NCKH của trường ĐHSPHN	QĐ số 856/QĐ-ĐHSPHN-KHCN ngày 06/03/2017	Trường ĐHSPHN	
170.	H6.06.07.02	Tài liệu hướng dẫn nghiên cứu khoa học	2015 - 2019	Phòng KHCN	
171.	H6.06.07.03	Bản đăng ký tham gia đề tài, dự án, hướng dẫn sinh viên NCKH của GV, GVTH	2015 - 2019	Khoa CTXH	
172.	H6.06.07.04	Các quyết định thành lập HĐ kiểm tra tiến độ và Hội đồng nghiệm thu đề tài các cấp.	2015 – 2019	Bộ GDĐT, Trường ĐHSPHN	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
173.	H6.06.07.05	Công văn v/v tổng kết công tác NCKH hằng năm	2015 - 2019	Trường ĐHSPHN	
174.	H6.06.07.06	Sổ tay NCKH	2015 – 2019	Khoa CTXH	
175.	H6.06.07.07	Danh sách bài báo, đề tài	2015-2020	Khoa CTXH	
176.	H6.06.07.08	Thống kê giáo trình hàng năm	2015-2020	Khoa CTXH	
177.	H6.06.07.09	Danh sách khen thưởng NCKH của GV, GVTH	2015-2020	Trường ĐHSPHN	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số/ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
<b><i>Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i></b>					
178.	H7.07.01.01	Quyết định về việc phê duyệt và ban hành kế hoạch chiến lược của Trường ĐHSPHN giai đoạn năm 2017-2022, tầm nhìn 2030	Quyết định số 10882/QĐ-ĐHSPHN ngày 29/10/2019	Trường ĐHSPHN	
179.	H7.07.01.02	Đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập	Số 102/ĐHSPHN-TCCB ngày 24/3/2015	Trường ĐHSPHN	
		Nghị quyết về việc thông qua Đề án vị trí việc làm của Trường ĐHSPHN	Số 17/QĐ-NQ-HĐT ngày 23/12/2019		



180.	H7.07.01.03	Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với chuyên viên của trường ĐHSPHN	QĐ Số 858/QĐ-ĐHSPHN-TCCB ngày 06/03/2017	Trường ĐHSPHN	
181.	H7.07.01.04	Bản mô tả công việc của chuyên viên (giáo vụ, văn phòng) khoa CTXH	2015 - 2019	Khoa CTXH	
182.	H7.07.01.05	Danh sách đội ngũ nhân viên hỗ trợ thống kê hàng năm giai đoạn 2015 – 2019 (thể hiện rõ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, vị trí việc làm)	2015 - 2019	Khoa CTXH	
183.	H7.07.01.06	Hồ sơ, lý lịch của chuyên viên (giáo vụ, văn phòng) khoa CTXH (Sơ yếu lý lịch, hợp đồng lao động, văn bằng, chứng chỉ)	2015 - 2019	Khoa CTXH	
184.	H7.07.01.07	Danh sách đội ngũ chuyên viên (giáo vụ, văn phòng) khoa CTXH	2015 - 2019	Khoa CTXH	
185.	H7.07.01.08	- Báo cáo khảo sát mức độ đáp ứng của cán bộ hành chính	2015 - 2019	TTĐBCL	
186.	H7.07.01.09	- Báo cáo khảo sát chất lượng ngành/ khóa đào tạo	2015 - 2019	TTĐBCL	
187.	H7.07.02.01	Quy chế tuyển dụng viên chức của trường ĐHSP Hà Nội	QĐ số 1193/QĐ-ĐHSPHN ngày 06/04/2015	Trường ĐHSPHN	
<b><i>Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai</i></b>					
188.	H7.07.02.02	Quyết định v/v Ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển	Quyết định số 2876/QĐ-ĐHSPHN ngày 26/5/2017	Trường ĐHSPHN	

		viên chức giữ chức vụ quản lý.			
189.	H7.07.02.03	Các quyết định tuyển dụng của nhân viên Khoa CTXH	2015 - 2019	Trường ĐHSPHN	
190.	H7.07.02.04	Phiếu tự chấm điểm cho công chức, viên chức tháng	2015 - 2019	Khoa CTXH	
		Biên bản họp tháng đánh giá phân loại viên chức	2015 - 2019		
		Kết quả đánh giá, xếp loại chuyên viên hằng năm (2015 – 2019)	2015 - 2019		
191.	H7.07.02.05	Bản đăng ký của chuyên viên về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	2015 - 2019	Khoa CTXH	
<b>Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá</b>					
192.	H7.07.03.01	Quy định đánh giá phân loại đơn vị, công chức và người lao động của trường ĐHSPHN	QĐ số 861/QĐ-ĐHSPHN-TCCB ngày 06/03/2017	Trường ĐHSPHN	
193.	H7.07.03.02	- Quy định Công tác thi đua khen thưởng của Trường ĐHSPHN - Công văn v/v góp ý Dự thảo “Quy định về công thi đua khen thưởng“	Số 4806/QĐ-ĐHSPHN ngày 06/07/2017 Số 297/ĐHSPHN-TCCC ngày 26/06/2017	Trường ĐHSPHN	
194.	H7.07.03.03	Quy chế chi tiêu nội bộ	Quyết định số 2817/ĐHSPHN-PQT ngày 22/5/2017	Trường ĐHSPHN	
195.	H7.07.03.04	Quy định nâng bậc lương trước thời hạn do có thành tích xuất sắc	Số 7879/QĐ-ĐHSPHN ngày 04/12/2013	Trường ĐHSPHN	

			Số 5030/QĐ-ĐHSPHN ngày 10/09/2014		
196.	H7.07.03.05	Kết quả đánh giá, xếp loại chuyên viên hằng năm	2016 - 2020	Trường ĐHSPHN	
197.	H7.07.03.06	Mẫu phiếu và Báo cáo mức độ đáp ứng của cán bộ hành chính	2019	TT Đảm bảo chất lượng	
198.	H7.07.03.07	Phiếu tự đánh giá và phân loại viên chức năm học	2015 - 2019	Khoa CTXH	
199.	H7.07.03.08	Biên bản họp nhận xét đánh giá, xếp loại chuyên viên của Bộ môn hàng năm	2015 - 2019	Khoa CTXH	
<b><i>Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó</i></b>					
200.	H7.07.04.01	- Bản đăng ký nhu cầu đào tạo của nhân viên - Bản tổng hợp kết quả đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của Khoa	2015 - 2019	Khoa CTXH	
201.	H7.07.04.02	Bản Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên	2015 - 2019	Khoa CTXH/ Phòng TCCB	
202.	H7.07.04.03	- Kế hoạch đào tạo của Trường - Các văn bản cử đi học, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ chuyên viên	2015 - 2019	Khoa CTXH/ Phòng TCCB	
203.	H7.07.04.04	Một số văn bằng, chứng chỉ của nhân viên sau học tập bồi dưỡng	2015 - 2019	Khoa CTXH/ Phòng TCCB	
204.	H7.07.04.05	Danh sách thống kê đội ngũ chuyên viên được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn	2015 - 2019	Khoa CTXH	

		nghị quyết các năm từ 2016 – 2019			
205.	H7.07.04.06	Tổng hợp kinh phí đào tạo bồi dưỡng	2015 - 2019	Trường ĐHSPHN	
206.	H7.07.04.07	Quy chế chi tiêu nội bộ	Quyết định số 2817/ĐHSPHN -PQT ngày 22/5/2017	Trường ĐHSPHN	
<b><i>Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.</i></b>					
207.	H7.07.05.01	Khen thưởng, giấy khen của chuyên viên	2015 - 2019	Khoa CTXH	
208.	H7.07.05.02	Biên bản họp Khoa phân công nhiệm vụ đầu năm học	2015 - 2019	Khoa CTXH	
209.	H7.07.05.03	Kế hoạch cá nhân của nhân viên	2015 - 2019		
210.	H7.07.05.04	Quyết định v/v Thành lập Tổ kiểm tra hành chính và Công vụ	Số 3148 /QĐ-ĐHSPHN, 05/6/2017	Trường ĐHSPHN	
211.	H7.07.05.05	Công văn v/v góp ý Dự thảo “Quy định về công tác đánh giá cán bộ	Số 441/ĐHSPHN-HCTH ngày 09/10/2015	Trường ĐHSPHN	

**Nhóm 4: Tiêu chuẩn 8, 9**

ST T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày tháng năm ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
<b>Tiêu chí 8.1 Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật</b>					
	H8.08.01.01	Đề án tuyển sinh hàng năm	2015 - 2020	ĐHSP Hà Nội	
	H8.08.01.02	Trang thông tin tuyển sinh của Nhà trường: <a href="http://tuyensinh.hnue.edu.vn/">http://tuyensinh.hnue.edu.vn/</a>	2017,2018,2019	Khoa CTXH	
	H8.08.01.03	Thông báo tuyển sinh website của khoa <a href="http://ctxh.hnue.edu.vn/tuyen-sinh">http://ctxh.hnue.edu.vn/tuyen-sinh</a>	2016-2020	Khoa CTXH	
	H8.08.01.04	Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy	03/2015/TTBGDD , 26/02/2015 03/2016/TTBGDD , 14/ 3/ 2016 05/2017/ TTBGDDĐT, 25/01/2017	Bộ GD & ĐT	
	H8.08.01.05	Cơ sở dữ liệu, thống kê kết quả	2015- 2019	Trường ĐHSP	
<b>Tiêu chí 8.2 Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá</b>					
	H8.08.02.01	Đề án tuyển sinh	2015-2020	Trường ĐHSPHN	
	H8.08.02.02	CSDL, thống kê kết quả tuyển sinh	2015-2019	Khoa CTXH	
	H8.08.02.03	Văn bản đánh giá công tác tuyển chọn NH hàng năm	2016-2019	Khoa CTXH	
<b>Tiêu chí 8.3 Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học</b>					

H8.08.03.01	Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ-ĐHSP	Số 8635/QĐĐHSPHN -ĐT Trường ĐHSPHN 267 ngày 24/9/2015 Số 9779/QĐĐHSPHN ngày 07/12/2017	ĐHSP Hà Nội	
H8.08.03.02	Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ-ĐH, CĐ	2009	Bộ GD và ĐT	
H8.08.03.03	Sổ tay sinh viên	2017	ĐHSP Hà Nội	
H8.08.03.04	Quy định chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của BGH và các đơn vị	QĐ 1446/QĐĐHSPHN , 19/4/2016	ĐHSP Hà Nội	
H8.08.03.05	Danh mục tài liệu Quy định về công tác cố vấn học tập	5062/QĐĐHSPHN -ĐT 519/ĐHSPHN – ĐT, 8/10/2018 616/ĐHSPHN – ĐT, 22/11/2018 12020/QĐĐHSPHN N-ĐT, 16/12/2019 988/ĐHSPHN – ĐT, 11/11/2019 1057/ĐHSPHN N-ĐT, 19/12/2019	ĐHSP Hà Nội	
H8.08.03.06	Danh sách CVHT; Trợ lý ĐT, QLSV tại khoa và vị trí công việc	2015-2020	Khoa CTXH	
H8.08.03.07	Biên bản họp báo cáo tiến độ học tập	2015- 2020	Khoa CTXH	
H8.08.03.08	Hệ thống quản lý học theo tín chỉ (UNISOF)	2015-2020	ĐHSP	
H8.08.03.09	Sổ tay nghiệp vụ theo dõi thời gian tốt nghiệp	2015-2020	Khoa CTXH	

	<b>Tiêu chí 8.4</b>	<b><i>Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học</i></b>		
	H8.08.04.01	Quy định chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của BGH và các đơn vị	QĐ 1446/QĐĐHSPHN, 19/4/2016	ĐHSP Hà Nội
	H8.08.04.02	Danh mục tài liệu Quy định về công tác cố vấn học tập	5062/QĐĐHSPHN -ĐT 519/ĐHSPHN – ĐT, 8/10/2018 616/ĐHSPHN – ĐT, 22/11/2018 988/ĐHSPHN – ĐT, 11/11/2019 1057/ĐHSPHN N-ĐT, 19/12/2019	ĐHSP Hà Nội
	H8.08.04.03	CV số 12020 Quy định về Công tác cố vấn học tập	12020/QĐĐHSPHN-ĐT, 16/12/2019	ĐHSP Hà Nội
	H8.08.04.04	Chương trình chào tân sinh viên	2017, 2018, 2019	Khoa CTXH
	H8.08.04.05	Quyết định thành lập CLB, Quyết định trao đổi SV học tập quốc tế	2015 - 2019	Khoa CTXH
	H8.08.04.06	Sinh viên nghiên cứu khoa học	2015-2019	
	H8.08.04.07	Danh sách người học tham gia các CLB	2016, 2017, 2018, 2019	Khoa CTXH
	H8.08.04.08	Danh sách cơ sở thực hành, tổ chức hỗ trợ đào tạo	2015-2019	Khoa CTXH
	H8.08.04.09	Kế hoạch thực tập	2015-2019	Khoa CTXH
	H8.08.04.10	Tọa đàm sinh viên và người tuyển dụng	2015-2019	Khoa CTXH
	H8.08.04.11	Hoạt động ngoại khóa, danh sách các trung tâm	2015-2019	Khoa CTXH

		sinh viên đi tình nguyện, kế hoạch tình nguyện			
	<b>Tiêu chí 8.5</b>	<b><i>Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học</i></b>			
	H8.08.05.01	Sơ đồ Trường	2020	Trường ĐHSP	
	H8.08.05.02	Kế hoạch quy hoạch tổng thể/ KH phát triển của Trường	2019	Trường ĐHSP	
	H8.08.05.03	Nhà thi đấu, sân bóng	2019	Trường ĐHSP	
	H8.08.05.04	Phản hồi của người học về ký túc xá	2015-2019	Khoa CTXH	
	H8.08.05.05	Sơ đồ, cơ sở vật chất ký túc xá sinh viên	2019	Trường ĐHSP	
	H8.08.05.06	Dữ liệu về y tế học đường, Thông báo khám sức khỏe cho SV	456/TB ĐHSPHN – YT, 11/9/2017 431/TB ĐHSPHN – YT, 23/08/2018	Trường ĐHSP	
	H8.08.05.07	Bảng, biển phổ biến nội quy, quy tắc ứng xử	2020	Khoa CTXH	
	H8.08.05.08	Biên bản về phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh thực phẩm	2015-2020	Trường ĐHSP	

#### **Nhóm 5: Tiêu chuẩn 10, 11**

<b>Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng</b>
<b><i>Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học</i></b>



TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Thông tin	Nơi ban hành	Ghi chú
	<b>Tiêu chí 9.1 Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu</b>				
	H9.09.01.01	Sơ đồ nhà trường	2015-2020	Trường ĐHSP	
	H9.09.01.02	Báo cáo kiểm kê cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường	2015-2020	Trường ĐHSP Hà Nội	
	H9.09.01.03	Sơ đồ phòng học tại các giảng đường	2015-2020	Trường ĐHSP Hà Nội	
	H9.09.01.04	Trung tâm nghiên cứu và phát triển nghiệp vụ sư phạm (Quyết định làm việc trung tâm và danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị)	2015-2020	Trường ĐHSP Hà Nội	
	H9.09.01.05	Bản vẽ hội trường 11-10	2019-2020	ĐHSP Hà Nội	
	H9.09.01.06	Phòng thí nghiệm thực hành, cơ sở vật chất		ĐHSP Hà Nội	
	H9.09.01.07	Bản vẽ nhà thi đấu, ký túc xá và sân vận động		Ký túc xá Sân vận động Nhà thi đấu ĐHSP Hà Nội	
	H9.09.01.08	Sơ đồ trung tâm thông tin thư viện		ĐHSP Hà Nội	
	H9.09.01.09	Báo cáo kiểm kê cơ sở vật chất trang thiết bị		ĐHSP Hà Nội	

H9.09.01.10	Nhật ký sử dụng tại các phòng thí nghiệm		ĐHSP Hà Nội	
H9.09.01.11	Sổ đăng ký sử dụng phòng học		ĐHSP Hà Nội	
H9.09.01.12	Quy chế chi tiêu nội bộ	22/5/2017	ĐHSP Hà Nội	
H9.09.01.13	Danh mục thiết bị mua sắm thường xuyên		Phòng Khoa học công nghệ	
H9.09.01.14	Dự toán chi tiết kinh phí 2018 – 2019 về đầu tư cơ sở vật chất	2018 - 2019	Phòng Quản trị	
H9.09.01.15	Sơ đồ nhà D3	2015 - 2019	Phòng Quản trị	
H9.09.01.16	Danh mục cơ sở vật chất trang thiết bị của khoa Công tác xã hội	2015 - 2019	Khoa Công tác xã hội	
H9.09.01.17	Đề xuất cơ sở vật chất khoa Công tác xã hội	2015 - 2019	Khoa Công tác xã hội	

H9.09.01.18	Phòng học D2, D3, V, K	2015 - 2019	P.Quản Trị	
H9.09.01.19	Nội quy giảng đường	2015 - 2019	Phòng Quản Trị	
H9.09.01.20	Ý kiến phản hồi về cơ sở vật chất	1176/ĐHSPH N-KHCN	TT Đảm bảo chất lượng	
<b><i>Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu</i></b>				
H9.09.02.01	Chức năng, nhiệm vụ của TTTTV Sơ đồ bố trí thư viện (Sơ đồ tổng thể) Sơ đồ các phòng chức năng của thư viện	2016, 2018	Thư viện	
H9.09.02.02	Danh sách tài sản của thư viện hàng năm	2015-2019	Thư viện	
H9.09.02.03	Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện hàng năm Thông kê các Hội nghị chuyên đề, triển lãm, trưng bày giới thiệu sách	2015-2019	Thư viện	
H9.09.02.04	Nội quy và hướng dẫn tra cứu tài liệu và sử dụng thiết bị tại thư viện (Nội quy, quy định của TTTV, Hướng dẫn tra cứu tài liệu, Tài liệu hướng dẫn khai thác thư viện số, Các thông báo khai	2016, 2017, 2018, 2019	Thư viện	

		thác sử dụng thư viện, tập huấn sử dụng phần mềm tra cứu)			
H9.09.02.05	Hồ sơ phần mềm thống kê và theo dõi việc sử dụng tài liệu của thư viện (Giao diện website thư viện, các đề nghị liên quan đến việc nâng cấp, sử dụng phần mềm)	2019		TT thông tin thư viện	
H9.09.02.06	Hợp đồng cung cấp cơ sở dữ liệu điện tử Proquest Central/ Turnitin	2016, 2018, 2019		TT thông tin thư viện	
H9.09.02.07	Danh mục tài liệu phục vụ đào tạo cho hệ Cử nhân Công tác Xã hội (danh mục tài liệu có trong đề cương chi tiết, danh mục tài liệu của Khoa)	2015-2020		TT thông tin thư viện	
H9.09.02.08	Thông báo mua bổ sung tài liệu hàng năm (Danh sách tài liệu được bổ sung hàng năm)	2015-2020			
H9.09.02.09	Hồ sơ kinh phí đầu tư cho thư viện (Dự toán kinh phí hàng năm, các đề nghị mua vật tư , bảng thống kê nguồn kinh phí đầu tư bổ sung tài liệu cho thư viện, một số Hợp đồng mua tài liệu bổ sung hàng năm)	2015-2020			
H9.09.02.10	Bảng thống kê số liệu công tác phục vụ bạn đọc	2015-2020			

H9.09.02.11	Thống kê danh mục sách tham khảo của Phòng tư liệu khoa CTXH	2015-2020	Khoa CTXH	
H9.09.02.12	Báo cáo khảo sát của trung tâm thông tin thư viện	2017, 2018, 2019		
<b>Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu</b>				
H9.09.03.01	Hồ sơ về Sơ đồ các phòng thực hành, phòng thí nghiệm chuyên đề của Trường			
H9.09.03.02	Phòng thực hành tại trung tâm nghiệp vụ sư phạm	2019		
H9.09.03.03	Phòng thực hành công nghệ thông tin	2019	Khoa công nghệ thông tin	
H9.09.03.04	Phiếu lấy ý kiến phản hồi chất lượng đào tạo cuối khóa từ phía sinh viên (trích ý kiến về hệ thống phòng thực hành và phòng thí nghiệm) - Báo cáo kết quả khảo sát: hiệu quả, chất lượng đào tạo -SV vừa tốt nghiệp trường ĐHSPHN năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019	2015-2020	Trung tâm ĐBCL	
H9.09.03.05	Hồ sơ Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi chất lượng đào tạo cuối khóa của các bên liên quan (trích ý kiến về hệ thống phòng thực hành và phòng thí nghiệm)	2015-2020	Trung tâm ĐBCL	

	H9.09.03.06	Kế hoạch thực hành			
<b>Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</b>					
	H9.09.04.01	Hồ sơ thống kê số lượng máy tính hàng năm của trường/ khoa	2019	Trường ĐHSP	
	H9.09.04.02	Sơ đồ mạng của trường	2019	Trường ĐHSPHN	
	H9.09.04.03	Hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet giữa Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và các nhà mạng	2012 2014 2017	Trường ĐHSP	
	H9.09.04.04	Hồ sơ về website của trường và của khoa	2017-2020	Trường ĐHSP-Khoa CTXH	
	H9.09.04.05	Quy chế hoạt động của Công thông tin điện tử Trường ĐH Sư phạm Hà Nội.	2017	TT CNTT Trường ĐHSPHN	
	H9.09.04.06	Quy chế quản lý hệ thống mạng và sử dụng dịch vụ mạng của Trường ĐHSP Hà Nội.	2017	TT CNTT Trường ĐHSPHN	
	H9.09.04.07	Hồ sơ về các phần mềm quản lý, đào tạo ...	2017-2020	TT CNTT Trường ĐHSPHN	
	H9.09.04.08	Hồ sơ về triển khai Hệ thống học trực tuyến	2020	TT CNTT Trường ĐHSPHN	
	H9.09.04.09	Quy định về chức năng nhiệm vụ của TTCNTT	2016	TT CNTT Trường ĐHSPHN	

H9.09.04.10	Giấy tờ theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng truyền thông, trang thông tin điện tử	2016-2020	TT CNTT Trường ĐHSPHN	
H9.09.04.11	Hồ sơ Thống kê nguồn kinh phí đầu tư cho hệ thống CNTT	2015-2020	TT CNTT Trường ĐHSPHN	
H9.09.04.12	Quyết định nâng cao CSVC và hạ tầng CNTT	2019	Trường ĐHSP Hà Nội	
H9.09.04.13	Dữ liệu phản hồi về hệ thống công nghệ thông tin	2015, 2016, 2017, 2018, 2019	TT Đảm bảo chất lượng	
<b>Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật</b>				
H9.09.05.01	Văn bản/Quy định về môi trường và sức khỏe do BGD ban hành về người KT	<b>2015-2020</b>		
H9.09.05.02	QĐ ban hành quy định về an toàn, vệ sinh lao động	số 1413/QĐ-ĐHSPHN ngày 27/03/2018	Trường ĐHSP	
H9.09.05.03	Quy định về phòng cháy và chữa cháy của trường	số 1884/QĐ-ĐHSPHN	Trường ĐHSP Hà Nội	
H9.09.05.04	Quyết định thành lập ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy	số 295/QQĐ-ĐHSPHN ngày 19/01/2019	Trường ĐHSP	
H9.09.05.05	Quyết định thành lập ban vệ sinh an toàn lao động	355/QĐ-ĐHSPHN 13/02/2014	Trường ĐHSP	
H9.09.05.06	Kiến toàn Ban An toàn-VS lao động	Quyết định số 785/QĐ-ĐHSPHN ngày 26/2/2018	Trường ĐHSP	

	H9.09.05.07	Hợp đồng dịch vụ vệ sinh	2015-2020	Trường ĐHSP	
	H9.09.05.08	Quyết định thành lập phòng y tế	1998	Trường ĐHSP	
	H9.09.05.09	Công văn kế hoạch khám sức khỏe cho cán bộ	Số 17/TB-CĐ ngày 1/3/2017. Số 61/TB-CĐ ngày 4/5/2018. Số 144/TB-CĐ ngày 13/5/2019 Số 45/TB-CĐ ngày 10/5/2017 Số 05/TB-CĐ ngày 08/01/2016 Số 04/CV-CĐ ngày 05/01/2015	Trường ĐHSP	
	H9.09.05.10	Công văn tập huấn phòng cháy chữa cháy	2016. 2019	Trường ĐHSP	
	H9.09.05.11	Quy định chức năng nhiệm vụ của phòng bảo vệ phòng bảo vệ	Quy định chức năng, nhiệm vụ của phòng bảo vệ	Trường ĐHSP	
	H9.09.05.12	Lịch trực của phòng bảo vệ	QĐ 1446/QĐ-ĐHSPHN ngày 19/04/2016	Trường ĐHSP	



	H9.09.05.13	Kết quả phản hồi của người học về vệ sinh an toàn lao động	2016-2020	Trường ĐHSP	
	H10.10.01.01	Quyết định thành lập TT ĐBCL và KT  Quyết định và chức năng nhiệm vụ của TTĐBCL	QĐ 437-ĐHSPHN ngày 21/3/2005 QĐ 1441/QĐ-ĐHSPHN ngày 19/4/2016	Trường ĐHSPHN	
	H10.10.01.02	Hướng dẫn quy trình thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH	2018	Trường ĐHSP Hà Nội	
	H10.10.01.03	Kết quả phiếu hỏi của SV về chất lượng giảng dạy của giảng viên	2015, 2016, 2017, 2018	TT ĐBCL	
	H10.10.01.04	Mẫu phiếu khảo sát về mức độ hài lòng về chất lượng ĐT (dành cho cơ quan/tổ chức sử dụng lao động)	2019	TT ĐBCL	
	H10.10.01.05	Mẫu phiếu khảo sát về CTĐT dành cho giảng viên	2019	TT ĐBCL	
	H10.10.01.06	Mẫu phiếu khảo sát về CTĐT dành cho cựu sinh viên	2019	TT ĐBCL	
	H10.10.01.07	Kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTĐT	2019	TT ĐBCL	
	H10.10.01.08	Tọa đàm với SV	2019, 2020	Phòng CT HSSV	
	H10.10.01.09	Báo cáo KQ phỏng vấn sâu chuyên gia và các cơ sở thực hành CTXH	2018	Khoa CTXH	
	H10.10.01.10	Báo cáo kết quả KS của cựu sinh viên (trích từ đề tài của cán bộ Khoa CTXH)	2017	Khoa CTXH	

	H10.10.01.11	Phiếu khảo sát của sinh ngành CTXH	2015 - 2019	Khoa CTXH	
	H10.10.01.12	Phiếu khảo sát cơ sở tuyển dụng, thực hành thực tập	2019	Khoa CTXH	
	H10.10.01.13	Phiếu khảo sát cựu sinh viên ngành CTXH	2019	Khoa CTXH	
	H10.10.01.14	Dữ liệu khảo sát/ báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về CTĐT	2019	TTĐBCL	
	H10.10.01.15	Biên bản phỏng vấn các bên liên quan: - Chuyên gia, giảng viên - Nhà tuyển dụng, cơ sở thực hành - Cựu sinh viên - Sinh viên	2019	Khoa CTXH	
	H10.10.01.16	Chương trình đào tạo cử nhân CTXH	2015 2017 2019	Trường ĐHSPHN	
	H10.10.01.17	Hội thảo về lấy ý kiến về xây dựng chuyên ngành CTXH trường học	2018	Khoa CTXH	
	H10.10.01.18	Biên bản và hình ảnh tổng kết hoạt động thực hành, thực tập của sinh viên	2015, 2016, 2017, 2018, 2019	Khoa CTXH	
<b><i>Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.</i></b>					
	H10.10.02.01	- Thông tư số 08 của bộ GDĐT Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, định chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng - Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT về danh mục giáo dục	Số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/2/2011  số 14/2010/TT-BGDĐT	Bộ GD&ĐT	

		<p>- Thông tư số 32/2013/TT-BGDĐT về sửa đổi Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT;</p> <p>- Thông tư số 07/2015 của Bộ GDĐT về Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ</p> <p>- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học</p>	<p>Số 32/2013/TT-BGDĐT</p> <p>Số 7/2015/TT-BGDĐT</p> <p>Số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017</p>		
H10.10.02.02	Chuẩn đầu ra 2018		2018	Khoa CTXH	
H10.10.02.03	Chuẩn đầu ra 2019		2019	Khoa CTXH	
H10.10.02.04	CTĐT một số cơ sở khác		2019	Khoa CTXH	
H10.10.02.05	Đề cương chi tiết học phần theo CDR mới		2015 2017 2019	Khoa CTXH	
H10.10.02.06	Biên bản điều chỉnh chương trình đào tạo, chương trình dạy học của các tổ bộ môn và Khoa		2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
H10.10.02.07	Biên bản đánh giá và thẩm định quy trình TK và PT CTDH		2017	Khoa CTXH	
H10.10.02.08	Quy trình thiết kế và phát triển CTDH		2017	Khoa CTXH	

	H10.10.02.09	Hướng dẫn Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ ĐH Trường ĐHSP Hà Nội	Số 4869/ HD – DHSPHN ngày 14/10/2019	Trường ĐHSP HN	
<b>Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.</b>					
	H10.10.03.01	Văn bản quy định về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học	2017	Khoa CTXH	
	<b>H10.10.03.02</b>	<b>Đề cương chi tiết các học phần Ma trận kỹ năng</b>	2015, 2017, 2019	Khoa CTXH	
	<b>H10.10.03.03</b>	Văn bản quy định quy trình dự giờ, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học	2017, 2018, 2019	Khoa CTXH	
	<b>H10.10.03.04</b>	Văn bản về biểu mẫu chấm dự giờ	2017, 2018, 2019	Khoa CTXH	
	<b>H10.10.03.05</b>	Biên bản dự giờ các tổ Biên bản thanh tra giờ giảng	2017. 2018	Khoa CTXH	
	<b>H10.10.03.06</b>	Biên bản họp của các tổ bộ môn về việc góp ý giờ giảng cho GV	2017, 2018	Khoa CTXH	
	<b>H10.10.03.07</b>	BB Họp Hội đồng khoa	2018, 2019	Khoa CTXH	
	<b>H10.10.03.08</b>	Phiếu lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên	2015 - 2019	TTĐBCL	
	<b>H10.10.03.09</b>	Báo cáo kết quả lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên	2015 - 2019	TTĐBCL	
	<b>H10.10.03.10</b>	Kết quả thi đua then thưởng hằng năm	2015 - 2019	Khoa CTXH	
	<b>H10.10.03.11</b>	Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSP Hà Nội	Quyết định số 9779/QĐ – HTĐHSP – ĐT ngày 7/12/2017	Trường ĐHSPHN	
	<b>H10.10.03.12</b>	Danh sách điểm danh, điểm điều kiện và điểm học phần của SV các năm	2015 - 2019	Khoa CTXH	

	<b>H10.10.03.13</b>	Bản đăng ký hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV	2015 - 2019	Khoa CTXH	
	<b>H10.10.03.14</b>	Biên bản họp khoa cuối năm Báo cáo tổng kết năm học của khoa	2015 - 2019	Khoa CTXH	
<b>Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học</b>					
	H10.10.04.01	Qui định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giảng viên của Trường	QĐ 857/QĐ-ĐHSPHN-TCCB ngày 6/3/2017	Phòng TCCB	
	H10.10.04.02	QĐ v/v điều chỉnh qui định tiêu chuẩn nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giảng viên của Trường	QĐ 4398 /QĐ-ĐHSPHN-TCCB ngày 23/6/2017	Phòng TCCB	
	H10.10.04.03	Qđ v/v sửa đổi, bổ sung qui định tiêu chuẩn nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với giảng viên của Trường	QĐ 8227 /QĐ-ĐHSPHN-TCCB ngày 24/10/2018  QĐ 2323 ĐHSPHN-TCCB ngày 03/07/2020	Phòng TCCB	
	H10.10.04.04	Thống kê NCKH của GV	2015 - 2019	Trường ĐHSPHN	
	H10.10.04.05	Sản phẩm KHCN được chuyển thể thành Sách	2015 - 2019	Khoa CTXH	
	H10.10.04.06	Sách, giáo trình xuất bản từ 2015 - nay.	2015 - 2019	Khoa CTXH	
	H10.10.04.07	Thống kê bài báo khoa học	2015 - 2019	Khoa CTXH	
	H10.10.04.08	Kế hoạch hội thảo, Biên bản tổ chức hội thảo.	2015 - 2019	Khoa CTXH	
	H10.10.04.09	Kỷ yếu hội thảo các năm	2015 - 2019	Khoa CTXH	

	H10.10.04.10	Kế hoạch NCKH của SV	2015 - 2019	Khoa CTXH	
	H10.10.04.11	Báo cáo SV NCKH qua các năm	2015 - 2019	Khoa CTXH	
<b>Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến</b>					
	H10.10.05.01	Hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan	20/6/2018	TTĐBCL	
	H10.10.05.02	văn bản quy định về quy trình đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ	2015 - 2019	TT TT-TV	
	H10.10.05.03	Hệ thống hướng dẫn thư viện	2015 - 2019	TT TT-TV	
	H10.10.05.04	Biên bản. hợp đồng mua bán, hóa đơn chứng từ Thư viện Trường	2015 - 2019	TT TT-TV	
	H10.10.05.05	Phiếu KS và Báo cáo kết quả khảo sát của bạn đọc	2015 - 2019	TT TT-TV	
	H10.10.05.06	Biên bản kiểm kê chất lượng của thư viện	2015 - 2019	TT TT-TV	
	H10.10.05.07	Hệ thống hướng dẫn phòng tư liệu khoa	2015 - 2019	Khoa CTXH	
	H10.10.05.08	Quy trình quản lý tài khoản Internet dành cho sinh viên	Văn bản ngày 15/03/2017	Trường ĐHSPHN	
	H10.10.05.09	Quyết định ban hành quy chế quản lý hệ thống mạng và sử dụng dịch vụ mạng của trường	Số 3198/ QĐ-ĐHSPHN ngày 6/6/2017	Trường ĐHSPHN	
	H10.10.05.10	Quyết định ban hành quy chế hoạt động của Cổng thông tin điện tử Trường ĐHSPHN	Số 3193/ QĐ-ĐHSPHN ngày 6/6/2017	Trường ĐHSPHN	
	H10.10.05.11	Văn bản hướng dẫn nâng cấp CNTT trường	2019	TTCNTT	
	H10.10.05.12	Công văn cử đi học sử dụng phần mềm CNTT trong dạy học Fitel. Freeconference	2019	Khoa CTXH	

	H10.10.05.13	Website và fanpage Khoa		Khoa CTXH	
	H10.10.05.14	Mẫu phiếu + Báo cáo kết quả lấy ý kiến sinh viên trước tốt nghiệp về khóa/ngành đào tạo	2015 - 2019	TTĐBCL	
<b>Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến</b>					
	H10.10.06.01	Quyết định thành lập TT ĐBCL và KT  QĐ về việc đổi tên TT ĐBCL&KT thành TT ĐBCL  QĐ v/v ban hành qui chế tổ chức và hoạt động của TT ĐBCL  QĐ v/v quy định chức năng, nhiệm vụ của TTĐBCL	QĐ 437-ĐHSPHN ngày 21/3/2005  QĐ 4573-ĐHSPHN ngày 9/7/2018  QĐ 1441/QĐ-ĐHSPHN ngày 19/4/2016  QĐ 1446/QĐ-ĐHSPHN ngày 19/4/2016	Trường ĐHSPHN	
	H10.10.06.02	- Phiếu lấy ý kiến của người học về công tác giảng dạy.	2015 - 2019	TTĐBCL	
	H10.10.06.03	- Phiếu khảo sát chất lượng ngành/ khóa đào tạo. - Phiếu khảo sát CTĐT	2015 - 2019	TTĐBCL	
	H10.10.06.04	- Phiếu khảo sát tình hình SV sau tốt nghiệp 1 năm	2015 - 2019	TTĐBCL	
	H10.10.06.05	Phiếu lấy ý kiến của cựu người học, GV, nhà tuyển dụng về CTĐT	2019	TTĐBCL	
	H10.10.06.06	Phiếu lấy ý kiến của người học về cán bộ hành chính	2019	TTĐBCL	
	H10.10.06.07	Phiếu lấy ý kiến của người học về các dịch vụ công	2019	TTĐBCL	

H10.10.06.08	<p>Kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy học phần (dựa trên ý kiến phản hồi của sv)</p> <p>Kết quả khảo sát chất lượng ngành/ khóa đào tạo.</p> <p>Kết quả khảo sát CTĐT của GV, cựu SV và nhà tuyển dụng</p>	<p>2015, 2016. 2017, 2018</p> <p>2019</p> <p>2019</p>	TTĐBCL	
H10.10.06.09	Mẫu phiếu lấy ý kiến của người học về công tác giảng dạy năm học 2016-2017- Phụ lục 2	2016-2017	TTĐBCL	
H10.10.06.10	Lấy ý kiến đóng góp về mẫu phiếu khảo sát	569/ĐHSPHN-ĐBCL 22/10/2018	TTĐBCL	
H10.10.06.11	Mẫu phiếu lấy ý kiến của người học về công tác giảng dạy năm học 2018-2019- Phụ lục 3	2018-2019	TTĐBCL	
H10.10.06.12	Báo cáo tổng kết năm học của TT ĐBCL			
H10.10.06.13	Báo cáo khảo sát kết quả thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan	Hàng năm	TTĐBCL	

### **Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra**

#### ***Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

H11.11.01.01	Quy định chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của Ban Giám hiệu và các đơn vị	Quyết định số 1446/QĐ-ĐHSPHN ngày 19/04/2016	Trường ĐHSPHN	
--------------	---	--	---------------	--



H11.11.01.02	Quy chế nội bộ Khoa CXXH; QĐ phân công giao nhiệm vụ	Năm 2016	Khoa CXXH	
H11.11.01.03	Quyết định thôi học	2015-2019	Khoa CXXH	
H11.11.01.04.	Phần mềm quản lý đào tạo:		Khoa CXXH	
H11.11.01.05	Văn bản về Hội đồng xét tốt nghiệp	2015 -2019	Khoa CXXH	
H11.11.01.06	Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học Sư phạm Hà Nội	QĐ số 9779/QĐ-ĐHSPHN ngày 07/12/2017	Trường ĐHSPHN	
H11.11.01.07	Bảng thống kê về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học Khoa CXXH	2015 - 2019	Khoa CXXH	
H11.11.01.08	Sổ tay theo dõi tốt nghiệp, chậm tốt nghiệp	2015 - 2019	Khoa CXXH	
H11.11.01.09	Sổ tay theo dõi thôi học, bảo lưu	2015 - 2019	Khoa CXXH	
H11.11.01.10	Đối sánh hằng năm về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của khoa	2015 - 2019	Khoa CXXH	
<b><i>Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i></b>				
H11.11.02.01	Phần mềm quản lý đào tạo,	2019	Phòng đào tạo	
H11.11.02.02	Thống kê thời gian tốt nghiệp của SV ngành CXXH Thống kê các sinh viên cảnh báo học tập	2015 - 2019	Khoa CXXH	

<b><i>Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i></b>					
H11.11.03.01	Công văn tổ chức ngày hội việc làm 2018	2018	Trường ĐHSPHN		
H11.11.03.02	Quyết định thành lập Ban Liên lạc Hội Cựu người học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Số 11967/QĐ-ĐHSPHN, ngày 12/12/2019	Trường ĐHSPHN		
H11.11.03.03	Văn bản giao nhiệm vụ tham gia khảo sát SV sau tốt nghiệp	2015 - 2019	Khoa CTXH		
H11.11.03.04	Dữ liệu khảo sát về việc làm của người tốt nghiệp	2015 - 2019	Khoa CTXH TTĐBCL		
H11.11.03.05	Sổ tay theo dõi tỷ lệ việc làm của sinh viên	2015 - 2019	Khoa CTXH		
H11.11.03.06	Các buổi tọa đàm giao lưu với nhà tuyển dụng	2015 - 2019	Khoa CTXH		
H11.11.03.07	NCKH về Tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp	2015 - 2019	Khoa CTXH		
<b><i>Tiêu chí 11.4: Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.</i></b>					
H11.11.04.01	Kế hoạch tọa đàm NCKH cho SV	2015 - 2019	Khoa CTXH		
H11.11.04.02	Văn bản thành lập CLB NCKH sinh viên	2015 - 2019	Khoa CTXH		
H11.11.04.03	Kế hoạch NCKH của sinh viên qua các năm	2015 - 2019	Khoa CTXH		

H11.11.04.04	Danh sách SV NCKH và GV hướng dẫn qua các năm	2015 - 2019	Khoa CTXH	
H11.11.04.05	Văn bản thành lập Hội đồng Khoa học Khoa	2015 - 2019	Khoa CTXH	
H11.11.04.06	Kế hoạch chi tiêu kinh phí thường xuyên cho NCKH	2015 - 2019	Khoa CTXH	
H11.11.04.07	Quy chế chi tiêu nội bộ	Quyết định số 2817/ĐHSPHN -PQT ngày 22/5/2017	Trường ĐHSPHN	
H11.11.04.08	Báo cáo Hội nghị NCKH các năm	2015 - 2019	Khoa CTXH	
H11.11.04.09	Thống kê danh sách SV tham gia NCKH cấp trường và đạt giải	2015 - 2019	Khoa CTXH	
H11.11.04.10	Công văn của Trường ĐHSPHN về tổ chức hội nghị tổng kết NCKH của các năm	2015 - 2019	Phòng KHCN	
H11.11.04.11	Các công trình NCKH của sinh viên	2015 - 2019	Khoa CTXH	
H11.11.04.12	Bảng phân tích Đối sánh qua các năm, và với khoa khác	2015 - 2019	Khoa CTXH	
<b><i>Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i></b>				
H11.11.05.01	Hướng dẫn quy trình, công cụ khảo sát của TTĐBCL	2018	TTĐBCL	
H11.11.05.02	- Kết quả khảo sát của SV về chất lượng giảng dạy của 5 GV - Kết quả khảo sát SV vừa tốt nghiệp về CTĐT,	2015 - 2019	TTĐBCL	

		- Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV khi ra trường			
	H11.11.05.03	Dữ liệu khảo sát/ báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về CTĐT	2019	TTĐBCL	
	H11.11.05.04	Công văn Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm	2015 - 2019	Trường ĐHSPHN	
	H11.11.05.05	BGH tọa đàm của SV; Tọa đàm của SV Khoa CTXH với BC Khoa	2015 - 2019	Đoàn Thanh niên Khoa CTXH	